



Bút-Thuật của Nguyễn-Du trong Đoạn-Trường Tân-Thanh

Đỗ Quang Vinh
Canada, 2003

*Song sa vô-vô phương trời,
Nay hoàng-hôn đã lại mai hôn-hoàng*



Bút-Thuật của Nguyễn-Du trong Đoàn-Trường Tân-Thanh

Đỗ Quang-Vinh

Cao-Học Kinh-Tế-Học (Đại Học Sài Gòn)

Bachelor of Education

& Ontario Teachers Certificate (U. of Toronto., Canada)

ISBN: 0-9680205-4-2

Legal Deposit: March 2003

Copyright © 2003 by Đỗ Quang-Vinh

*Tác-giả đánh máy và trình-bày
(ấn-bản 2023 sửa chữa minh hoạ cung đàn Bạc-Mệnh)*

*Kính dâng
hương-hồn song thân*

*Thường tặng
hiền-nội,
các con và các cháu yêu dấu.*

*Mến tặng
các cựu học-sinh của tôi
tại Việt-Nam (1954-1986)
tại Toronto, Canada (1989-1998)*

để đọc các bài viết và các tác phẩm của tác giả xin vào trang nhà dưới đây:
<http://doquangvinhvenguan.com/ti7871ng-vi7879t-tuy7879t-v7901i.html>

Một trang Kiều chữ Nôm trong thư-viện Anh-Quốc
đầu trang ghi: “Đây là Từ-công nghe lời nàng Kiều ra hàng
bị Hồ-công ám-phục”
(tài-liệu trích từ “Bể Dâu Trong Dòng Họ Nguyễn-Du”



Độc “Bút-Thuật của Nguyễn-Du trong Đoạn Trường Tân-Thanh” với tâm hồn của một người học toán

Trần Thạnh

Thầy cũ trường xưa

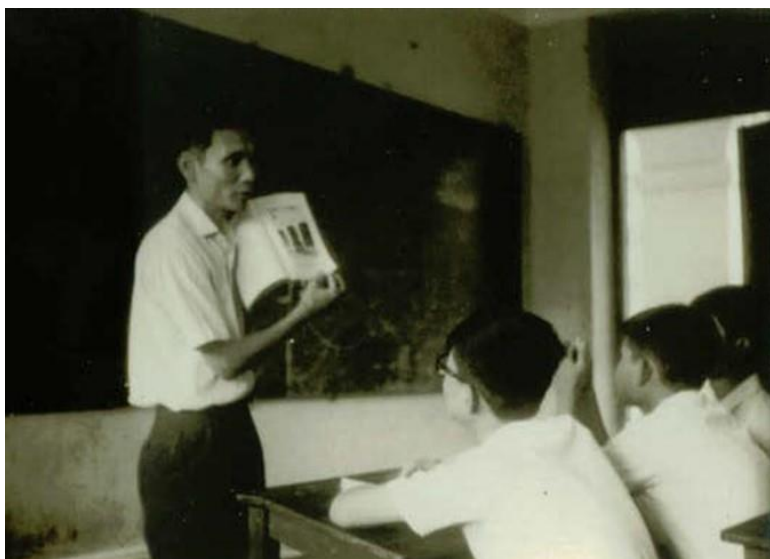
Niên khóa 1971–1972 tôi học Quốc văn (lớp 9) với Thầy Đỗ Quang Vinh. Gần 30 năm sau, khi đám bạn cùng lớp họp lại thành một nhóm trao đổi điện thư để ôn lại kỷ niệm của bảy năm học Petrus Ký, một trong những người thầy chúng tôi nhắc đến nhiều nhất là Thầy Vinh. Những giờ giảng văn của Thầy in sâu vào trí óc chúng tôi, tuy phần lớn chúng tôi sau năm đó đều theo học ban toán (ban B) và hiện nay không ai theo đuổi nghề viết văn.



Hình 1: Gs Đỗ Quang Vinh và lớp 9/10 niên khóa 1971-1972

Thầy vào lớp chỉ với vài viên phấn trắng và màu. Với lối giảng đặc biệt, dùng nhiều hình vẽ và các biểu đồ để minh họa, khác hẳn những cách giảng thông thường của các thầy cô khác, Thầy đã thu hút tất cả chúng tôi. Bài giảng của Thầy không bắt đầu bằng một đoạn văn trích hay một bài thơ, theo sau là xuất xứ, đại ý, bố cục, giải thích từ ngữ, giảng giải ý nghĩa của toàn bộ bài văn hay bài thơ, như hay thấy trong các sách giáo khoa ngày trước. Trái lại một đoạn văn dẫn nhập với những lời lẽ khi sắc sảo khi du dương mở đầu bài giảng, để tiếp theo là trích đoạn thơ văn, rồi đến những phân tích sâu sắc, lập luận chặt chẽ, với các phân đoạn A, B, C, I, II, III, 1), 2), 3), a), b), c) ... theo thói quen của Thầy. Điểm đặc biệt là khi đọc cho chúng tôi chép những bài giảng đó, Thầy nhìn vào khoảng hư vô trước mặt như để tìm kiếm ngôn từ, và những

câu văn cứ thể tuôn trào. Lúc đó tôi tự hỏi không biết Thầy đang ứng khẩu hay Thầy đã nhớ thuộc lòng bài giảng. Mới đây qua email tôi có hỏi Thầy về chuyện này thì được Thầy cho biết Thầy dựa vào dàn bài chi tiết đã ghi trên bảng rồi ứng khẩu thành bài luận văn cho chúng tôi chép. Tôi cất giữ quyển tập ghi những bài giảng của Thầy khá lâu, gần 20 năm, khi sang Úc phải để lại quê nhà. Sau này về tìm lại không thấy, thật đáng tiếc.



Rồi ba mươi năm sau

Năm 2003 thấy tên Thầy xuất hiện trên Đặc San số 4 của Hội Ái Hữu Petrus Trương Vĩnh Ký Úc châu, cùng với mẫu giới thiệu về quyển *“Bút-Thuật của Nguyễn Du trong Đoạn-Trường Tân-*

Thanh” của Thầy (sau đây xin được gọi tắt là quyển Bút-Thuật), tôi mừng quá liền viết thư cho Thầy. Thầy gửi cho tôi một bản với lời đề tặng

*Đàn ai réo-rắt trong sương
Gieo vào nhân thế “đoạn-trường tâm-thanh”?
Đàn ai riu-rít yến oanh,
Cho tình xuân mãi tươi xanh muôn đời?*

Vấn nét chữ bay bướm là lướt như ngày nào! Tôi đã đọc, và đọc say mê, nhớ lại những bài giảng của Thầy hơn 30 năm trước. Vẫn với cảm xúc như ngày xưa, nhưng cảm nhận của tôi bây giờ được nâng lên nhờ những hiểu biết tích lũy gần nửa đời người. Thêm vào đó, cách trình bày khoa học của quyển Bút-Thuật đã dẫn đường cho tư duy trong việc tìm hiểu bút thuật tài tình của Nguyễn Du.

Tôi không phải là một nhà phê bình văn học nên không dám lạm bàn về giá trị văn học của Bút-Thuật. Việc làm này xin để dành cho các nhà chuyên môn. Tôi chỉ là một người học toán, xin được nhìn tác phẩm này với con mắt của một người học toán.

Hương toán trong văn

Vì sao tôi có ý nghĩ viết về cái nhìn toán học của tôi khi đọc quyển Bút-Thuật? Từ xưa đến giờ nhiều người vẫn quan niệm toán và văn là hai thực thể trái ngược. Gần 40 năm trước, tôi đã ngạc nhiên khi thấy ở Thầy Vinh một giáo sư Quốc văn biết khá rành về toán.

Chính Thầy là người đầu tiên đã giới thiệu với tôi tam giác Pascal, dùng để viết các khai triển $(a+b)^n$ với $n = 2, 3, 4, 5, \dots$

Còn nhớ có lần khi giảng cho chúng tôi bốn câu thơ của Nguyễn Công Trứ

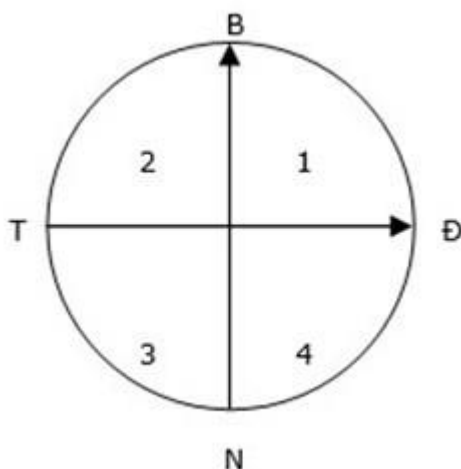
*Vòng trời đất dọc ngang dọc
Nợ tang bồng vay trả trả vay
Chí làm trai nam bắc đông tây
Cho phi sức vẫy vùng trong bốn bể*

Thầy vẽ lên bảng một vòng tròn, hai trục Nam-Bắc, Đông-Tây, và đánh số 1, 2, 3, 4 (xem **Hình 3: Vòng trời đất dọc ngang dọc**). Sau đó Thầy vừa đọc, vừa họa lại. Miệng đọc “vòng”, tay Thầy vẽ vòng tròn, “trời”, tay vẽ cung tròn ĐBT, “đất”, tay vẽ TNĐ, “dọc”, tay vẽ đường BN, “ngang”, tay vẽ TĐ. Tiếp theo vừa đọc *“Chí làm trai nam bắc đông tây, Cho phi sức vẫy vùng trong bốn bể”*, Thầy vừa chỉ tay vào các ký hiệu NBDT và 1, 2, 3, 4, trên vòng tròn. Rồi Thầy giảng về mối tương quan nhân quả giữa hai câu 1-2 và hai câu 3-4. Vị trí và nghĩa vụ của đấng nam nhi trong trời đất, trong vũ trụ, trong xã hội được xác định trong hai câu 1-2, từ đó quảng diễn ra giấc mộng lớn, hoài bão của Nguyễn Công Trứ, muốn lập nên nghiệp lớn giúp dân giúp nước giúp đời, như ôm cả vũ trụ vào lòng mình, sự-nghiệp kinh bang tế thế (câu 3-4). Bài giảng mở đường để giới thiệu cái chí của *“Kẻ Sĩ”* mà Uy Viễn Tướng Công một đời đeo đuổi:

*Khí hạo nhiên chí đại chí cương
So chính khí đã đầy trong trời đất.*

Nhờ cách giảng đặc biệt dùng hình vẽ gợi ý, hơn 30 năm sau chúng tôi vẫn còn nhớ, bạn bè gặp nhau vẫn còn nhắc *“Tước hữu ngũ sĩ cư kỳ liệt”*. Cũng nhờ bài giảng này tôi hiểu được vì sao trong toán học có hai chữ trục hoành và trục tung. Sau này khi đi dạy học, tôi học được ở người Úc câu nói *“A picture is worth a thousand words”*.

Sang Canada năm 1989 khi đã vào tuổi 59, Thầy trở lại đại học. Với học vị Cao Học Kinh Tế (Đại Học Luật Khoa SG) và kinh nghiệm tích lũy trong hơn nửa đời người (chức vụ sau cùng trước ngày 30/04/1975 là Giám Đốc Sài Gòn Ngân Hàng tại Nha Trang), chỉ sau một năm Thầy tốt nghiệp Cử Nhân Giáo Dục (Bachelor of Education) chuyên ngành toán và Pháp văn, cùng chứng chỉ giảng dạy ở tỉnh bang (province) Ontario (Ontario Teacher's Certificate).



Hình 3: Vòng trời đất dọc ngang dọc

Những người học toán ít ai không biết đến câu nói sau đây của nhà toán học nổi tiếng người Đức vào thế kỷ 19, Karl Weierstrass. *“It is true that a mathematician who is not also something of a poet will never be a perfect mathematician”* (tạm dịch là “Một nhà toán học nếu không ‘thi sĩ’ một chút thì không thể nào là một nhà toán học vẹn toàn được”). Giáo sư Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh là một điển hình. Điểm lý thú ở đây là Giáo sư Đỗ Quang Vinh lại là một người viết văn mang tâm hồn toán học.

Với tinh thần toán học, tác giả thường ngoạn văn chương khác với nhiều người. Ông không chỉ cảm nhận mà còn muốn biết vì sao mình có cảm nhận đó. Ngay ở lời tựa của quyển Bút-Thuật (trang 8) tác giả đã viết *“Chính văn-chương, nghệ-thuật và kỹ-thuật xây dựng tiên-thiên làm nên giá-trị Truyện Kiều. Nhưng:*

*Rằng hay thì thực hay thay!
Làm sao phân-tích nó hay thế nào?”*

Và Ông đã viết ra thật mạch lạc sự thông hiểu của mình bằng ngôn ngữ của người quen lý luận khoa học, nhưng văn chương không kém phần bóng bẩy, du dương. Đây là cách truyền đạt cảm nhận của mình cho người khác một cách hiệu quả nhất. Như khi ta phát biểu một lý thuyết khoa học hay một định lý toán học. Người nghe có thể thích hay không thích thứ lý thuyết đó, nhưng sau khi xem phần chứng minh chặt chẽ, họ không thể không đồng ý.

Cách trình bày lập luận như một chứng minh toán học:

Khi trình bày quan điểm của mình về bút thuật của Nguyễn Du, tác giả Đỗ Quang Vinh đã dùng phương pháp mà các nhà toán học dùng để chứng minh một luận cứ. Tác giả mở đầu với phần trình bày quan điểm (trong toán học đây là phần phát biểu định lý). Rồi dùng những lý luận chặt chẽ để bênh vực cho quan điểm của mình. Cách lập luận tùy lúc, khi dùng phép so sánh (như trong đoạn tác giả so sánh cách Nguyễn Du tả tâm trạng của ba chị em Kiều trước mộ Đạm Tiên), lúc khác lại bằng cách diễn dịch (như khi lập luận về trí thông minh của Kiều). Và tác giả kết thúc chứng minh của mình bằng một đúc kết để mở ra một hướng đi sắp tới *“tóm được ý trên, mở cho ý dưới”*.

Chúng ta thử xem các tiêu đề của một trong số mười hai trích đoạn và bình phẩm của tác giả để thấy rõ tính nhất quán và phương pháp tác giả dùng để chứng minh tài nghệ bút thuật của Nguyễn Du.

1. Trích đoạn 1: HAI CHỊ EM KIỀU (trang 34)

Dẫn nhập và trích thơ

Hình dung tài sắc hai chị em Thúy-Kiều

I. Tài sắc hai chị em Thúy-Kiều

1. Thúy-Vân

2. Thúy-Kiều

II. Thông-minh tài-nghệ thế ấy, có đúng chăng?

1. Kiêu quả rất thông-minh
2. Còn như về tài-nghệ
 - a Tài văn thơ
 - b Còn như những thú chơi khác như đàn, cờ rượu, vẽ

III. Tài-sắc ấy phản ánh tâm-lý nhân-vật

1. Với vẻ đẹp dịu-dàng kín đáo
2. Với vẻ đẹp bộc lộ dữ-dội

Bút-thuật của Nguyễn-Du

IV. Nghệ-thuật miêu-tả

1. dùng lối hoạt-họa để miêu-tả chân-dung
2. mượn đường nét thiên-nhiên để tả nhan-sắc

V. Văn-chương óng-chuốt

1. lời thơ giản-dị nhưng không rườm-rà kể-lẻ
 - a Câu văn hết sức gọn-gàng
 - b Thẳng hoặc có điển cố, thì lại đã Việt hóa, đọc lên ai cũng hiểu rồi
2. lời thơ tuy giản-dị mà bóng-bẩy

VI. Kỹ-thuật xây-dựng

1. Trước hết tả chung. Sau đó mới đi vào chi-tiết

2. dụng-ý đề cao vai trò Kiều, đem Thúy-Vân ra so-sánh

VII. Cách kết-cấu

1. Vân kém quan-trọng hơn thì tả ít, Kiều đáng chú-ý hơn thì nói nhiều.
2. Bố cục chặt-chẽ phân-minh nhờ những câu chuyển mạch đặc-pháp, dẫn ý tài-tình.

Kết luận

Toàn bộ mười hai trích đoạn và bình giảng trong Phần 1 của quyển Bút-Thuật đều được trình bày với hình thức trên. Hai bài tham luận ở Phần 2 cũng tương tự. Đối với một người không có thời giờ đọc toàn bộ quyển Bút-Thuật, có lẽ chỉ cần đọc những tiêu đề của từng trích đoạn như trên, người đó cũng có thể đồng tình với nhận xét của Đỗ Quang Vinh. Tuy nhiên cách trình bày khoa học đó sẽ không đủ sức thuyết phục nếu tác giả không có một phương pháp chứng minh đúng đắn. Tác giả đã dùng phương pháp thường thấy trong các lập luận khoa học là phép phân tích và tổng hợp, cùng với phép luận lý (logic) toán học.

Phân tích và tổng hợp:

Truyện Kiều dài 3254 câu. Nếu không có một óc nhận xét tinh tế và một cảm quan khoa học để phân tích từng câu chữ hầu tìm ra các chi tiết trải dài trong toàn bộ câu chuyện, rồi tổng hợp các tình tiết lại, thật khó có thể bênh vực cho luận cứ của mình, và thuyết phục được người đọc.

Óc phân tích và tổng hợp thể hiện một cách độc đáo qua chứng minh của tác giả về sự thông minh của Kiều dưới ngòi bút Nguyễn Du. Tác giả Đỗ Quang Vinh đưa ra các luận cứ sau (trang 37–38):

1- Kiều thông minh vì biết cân nhắc hơn thiệt khi Thúc Sinh muốn đón nàng ra khỏi thanh lâu, hoặc khi nàng khuyên chàng về thăm vợ.

2- Kiều thông minh vì chỉ sau vài tháng (vài mùa trăng) sống tại Quan Âm Các nhà Hoạn Thư

*“Nâu sông từ giờ màu thuyền,
Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu”*

nàng đã thuộc lầu kinh kệ đến nỗi sư bà Giác Duyên phải kinh ngạc

*“Kệ kinh câu cũ thuộc lòng,
Hương đàn việc cũ trai phòng quen tay”*

Điều đáng nói ở đây là hai câu trên là câu 1933–1934, còn hai câu dưới là câu 2055–2056. Dùng bốn câu thơ cách nhau hơn một trăm câu như vậy để minh chứng cho sự thông minh của Kiều phải là một người có óc phân tích và tổng hợp khoa học.

3- Kiều thông minh nên chỉ một lần diện kiến đã nhìn đúng được con người Từ Hải.

Để chứng minh ngòi bút của Nguyễn Du mô tả được hết cái tài hoa của Thúy Kiều, Đỗ Quang Vinh đã dùng các luận chứng sau đây:

1. Tài văn thơ của Kiều:

- a) Đề thơ trước mả Đạm Tiên
- b) Phẩm đề bức tranh nhà Kim Trọng
- c) Phân tích tờ hoa tiên của Sở Khanh. Ở đây tác giả giúp người đọc hiểu rõ ý của Nguyễn Du qua bốn câu (1087-1090)

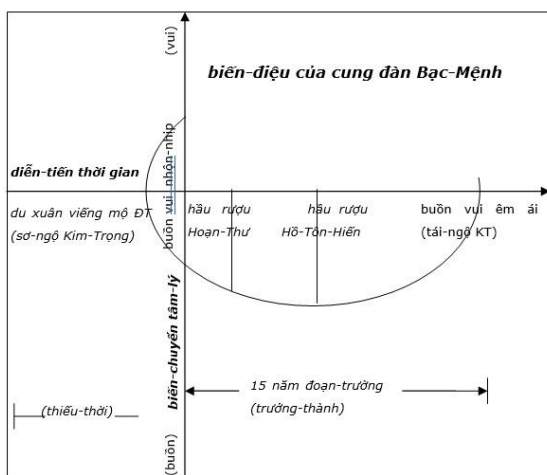
*Mở xem một bức tiên mai,
Rành rành “tích việt” có hai chữ đề.
Lấy trong ý tứ mà suy:
“Ngày hai mươi mốt, tuất thì phải chẳng?”*

Đỗ Quang Vinh giảng giải rằng Kiều đã chiết tự hai chữ “Tích Việt” 昔越 thành “chấp” 𠂔 “nhất” 一 “nhật” 日 “tuất” 戌 “tâu” 走 (ngày hai mươi mốt giờ tuất thì cùng nhau chạy trốn). Thật không còn cách nào hay hơn để chứng minh sự thông minh và tài hay chữ của Thúy Kiều, và tài nghệ của Nguyễn Du khi chỉ với bốn câu thơ mà diễn đạt cả một bài toán đố.

- d) Quan phủ Lâm Truy nể tài Kiều nên không những tha không xử tội mà còn đứng ra tổ chức hôn lễ cho Kiều và Thúc Sinh.
- e) Ngay chính tình địch của Kiều là Hoạn Thư cũng hơn một lần khâm phục.

2- Tài đánh đàn: Đỗ Quang Vinh đã lột tả được bút pháp thần tình của Nguyễn Du bằng cách so sánh bốn lần đánh đàn của Kiều. Cũng với cung đàn Bạc Mệnh nhưng qua bốn lần đàn khác nhau (lần thứ nhất đàn cho Kim Trọng nghe, lần thứ hai cho hai vợ chồng Hoạn Thư, lần thứ ba cho Tổng Đốc Hồ Tôn Hiến, và lần thứ tư cho Kim Trọng khi tái hợp) Kiều đã thể hiện tâm trạng của mình hoàn toàn khác nhau, và đưa người nghe vào cùng tâm trạng.

Tác giả minh họa phân tích của mình bằng một biểu đồ toán học ở trang 221. Rất tiếc, vì không thông thạo cách dùng máy điện toán để vẽ hình (viết chữ theo chiều thẳng đứng từ dưới lên), các chú thích trong hình vẽ của tác giả hơi khó hiểu. Để giúp cho người đọc dễ hiểu, trong hình vẽ dưới, người viết bài này xin được ghi lại các chú thích đó, sau khi đã tìm hiểu và tin chắc rằng mình hiểu đúng ý của tác giả.



Hình 4: Biên điệu của cung đàn Bạc Mệnh

Tuyệt bút của sự phân tích và tổng hợp của tác giả được thể hiện rõ trong bài tham luận từ trang 235 đến trang 387. Không ngại dài dòng, tôi xin ghi lại các tiêu đề ở đây; thiết nghĩ chỉ cần đọc các tiêu đề này người thưởng ngoạn cũng thấy được tài bút thuật của Nguyễn Du, và điều đó chứng minh được lối bình văn hiệu quả của Đỗ Quang Vinh. Trong trích đoạn các tiêu đề sau đây, những chữ in nghiêng là của tác giả bài viết này, nhằm chỉ rõ sự công phu và tinh tế của Đỗ Quang Vinh trong phương pháp chứng minh bút thuật của Nguyễn Du.

§ 1- Văn chương chải-chuốt

A. Lời thơ chuẩn-xác

1. Nguyễn-Du thường dùng từ-hoa để ám-chỉ Kiều (*có tất cả 4 trích dẫn*)
2. cách-tác giả dùng từ để chỉ ngôi thứ ba (*18 trích dẫn*)
3. biểu-từ gợi hình, gợi cảm, tượng thanh (*16 trích dẫn*)

B- Lời thơ bóng-bẩy

1. Đối-ngẫu
 - a) Đối câu hay bình đối (*10 trích dẫn*)
 - b) Tiểu-đối (*208 trích dẫn*)
2. Điệp-ngữ (*29 trích dẫn*)

3. Cật-vấn và tán thán (7 trích dẫn)
 4. Liệt-cử (9 trích dẫn)
 5. Tỉ-lệ và ỉn-dụ (7 trích dẫn)
 6. Nhân-cách-hóa (3 trích dẫn)
 7. Hô khởi (2 trích dẫn)
 8. Hoán-vị và phối-hợp (39 trích dẫn)
 9. Chơi chữ (8 trích dẫn)
 10. Điễn-cổ (5 trích dẫn)
 11. Thặng xưng (5 trích dẫn)
 12. Đảo trang (3 trích dẫn)
- C- Lời thơ du-dương (dùng nốt nhạc và biểu đồ để minh họa)
- D- Lời thơ bình-dị trong sáng (35 trích dẫn)

§ 2- Nghệ-thuật điều-luyện

A. Nghệ-thuật miêu-tả

I. Tả cảnh và tả tình

1.1 nhận xét tinh tế ...

a- Ngày lễ Thanh-Minh

b- Kim-Trọng lân-la tìm đến trọ học gần nhà Kiều

c- Cũng một vầng trăng, nhưng tùy nơi, tùy lúc, tùy cảnh, tùy tình mà mỗi lần thấy mỗi khác, mỗi vẻ (13 trích dẫn)

d- Vẫn là tả cảnh thu, song cũng tùy nơi, tùy lúc, ... (4
trích dẫn)

e- cảnh phóng hỏa bắt người cô thế

1.2 . tuân theo những định luật tâm lý ...

a) Định-luật về hồi-tưởng

b) Định-luật về tiến trình suy tư

II. Tả người

1. Lối hoạt-họa

2. Lối tả chân

3. Lối hư-tả

A. Nghệ-thuật kể chuyện

1. Tự-thuật

2. Tự sự

3. Đối-thoại

§ 3- Kỹ-thuật công-phu

I- Kết cấu tình tiết

1. Việc Kim Kiều trang-trọng làm lễ thề-nguyên

2. Việc Thúy Kiều gặp lại được gia-đình

3. Về giấc chiêm bao

4. Quả thực cũng có chỗ dựng chuyện cưỡng ép, vô lý

II. Cấu-trúc nhân-vật

1. dựng lại một sân khấu với toàn-thể bức tranh xã-hội
2. Các vai quan-trọng như Kim, Kiều, Từ Hải, Hoạn-Thư ...

Chỉ cần đếm hết các lần trích dẫn như đã nêu trên, chúng ta cũng thấy được sự công phu và tinh tế trong phân tích của Đỗ Quang Vinh. Tuy nhiên, khi tổng hợp các chi tiết đã phân tích để đưa ra một luận cứ, điều quan trọng là tính logic. Tác giả đã thể hiện được điều đó.

Cách lập luận logic:

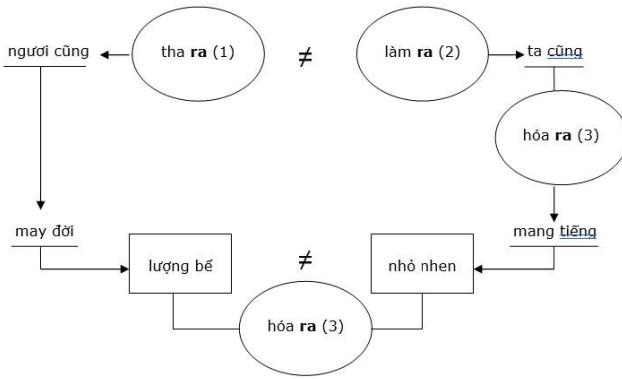
Bàng bạc trong toàn quyển Bút-Thuật là những lập luận rất logic của tác giả như lập luận thường thấy trong một chứng minh toán. Nhưng điều đó không có nghĩa là người đọc phải đọc những câu văn khô khan. Ngược lại lời văn du dương như vẽ ra trước mắt người đọc khung cảnh của một “vở kịch” Kiều. Cảnh Kiều xử án Hoạn Thư là một ví dụ.

Trích đoạn thứ mười từ câu 2355 đến câu 2378, mà tác giả đặt tựa là “Nghệ-thuật của Nguyễn-Du qua vụ Thúy-Kiều xử án Hoạn-Thư”, cho thấy lối lập luận sắc bén và logic của tác giả. Theo tôi đây là đoạn bình giảng đặc sắc nhất.

Phân tích hai câu

*“Tha ra thì cũng may đời,
Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen”*

khi Kiều tuyên bố tha tội cho Hoạn Thư, tác giả lý giải cho cái tài tình của Nguyễn Du khi dùng ba chữ “*ra*” trong hai câu thơ trên, bằng sơ đồ sau đây ở trang 185:



Chúng ta hãy chú ý cách lập luận logic của tác giả. Trong ngôn ngữ hằng ngày, mệnh đề suy dẫn “nếu p thì q” (ký hiệu toán học là $p \rightarrow q$) thường bị nhiều người dùng sai, đồng nhất nó với $q \rightarrow p$ (“nếu q thì p”). Ví dụ câu

(1) *“Nếu đội Brazil (muốn) đoạt cúp vô địch thì họ (phải) thắng trận bán kết”*

hoàn toàn không mang ý nghĩa

(2) *“Nếu đội Brazil thắng trận bán kết thì họ (sẽ) đoạt cúp vô địch”.*

Ở đây

$p = \text{“đội Brazil đoạt cúp vô địch”},$

$q = \text{“đội Brazil thắng trận bán kết”}$

và câu (1) là $p \rightarrow q$ trong khi câu (2) là $q \rightarrow p$. Dễ thấy là câu thứ hai không đúng, nhưng câu dưới đây hoàn toàn đúng

*“Nếu đội Brazil không thắng trận bán kết thì họ không
(thể) đoạt cúp vô địch”*

Nói khác đi, thay vì nói $p \rightarrow q$ chúng ta có thể nói $\sim q \rightarrow \sim p$ (nếu không có q thì không có p).

Toán học gọi mệnh đề $\sim q \rightarrow \sim p$ là mệnh đề nghịch chuyển (contrapositive) của mệnh đề $p \rightarrow q$.

Tuy nhiên nếu

$q = \text{“đội Brazil thắng trận chung kết”}$

thì cả hai mệnh đề $p \rightarrow q$ và $q \rightarrow p$ đều đúng, và trong trường hợp này ta có $p \leftrightarrow q$ (**điều kiện ắt có và đủ** để có p là phải có q).

Trở lại với lập luận của Đỗ Quang Vinh trong sơ đồ bên trên. Theo tác giả

(1) *“Tha ra $\rightarrow$ lượng bể” ($p \rightarrow q$)*

(2) *“Không tha ra (làm ra) $\rightarrow$ không lượng bể (nhỏ nhen)”*

$$(\sim p \rightarrow \sim q).$$

Câu (2) là mệnh đề nghịch chuyển, contrapositive, của

$$“Lượng bể \rightarrow tha ra” (q \rightarrow p)$$

Vậy ở đây tác giả đã dùng lập luận rằng “*người rộng lượng sẽ tha thứ, và người tha thứ là người rộng lượng*” ($p \leftrightarrow q$) để minh họa cho bút pháp tài tình của Nguyễn Du khi dùng ba chữ “ra” trong hai câu thơ. Tôi chưa thấy một bài bình giảng nào dùng phương pháp như trên. Đây là một trong những điểm độc đáo trong quyển Bút-Thuật.

Với cùng một phương pháp lý luận, ở trang 160-163 (*), tác giả họ Đỗ đã bênh vực cho ý kiến của mình là hai câu (2174-2175)

*Giang hồ quen thú vầy vùng,
Guom đàn nửa gánh non sông một chèo*

nên được đọc (từ chữ Nôm) là

*Giang hồ quen thú vầy vùng,
Guom **giàng** nửa gánh non sông một chèo.*

Đây là hai câu Nguyễn Du dùng để tả Từ Hải, và Đỗ Quang Vinh thiên về ý kiến của Lê Hữu Mục khi cho rằng “giàng” là tiếng cổ miền Trung có nghĩa là “cung”. (Tuy nhiên, các tác giả quyển “*Truyện Kiều và Tuổi Trẻ*” vẫn giữ “guom đàn” trong tác phẩm của mình.) Đỗ Quang Vinh đã dùng các lập luận sau đây để bác bỏ ý kiến của những học giả cho rằng hai chữ “guom đàn” để mô

tả một Từ Hải văn võ song toàn:

1. “Guom giàng” là đúng vì:

- Nguyễn Du người gốc miền Trung nên quen với ngôn ngữ địa phương của mình.
- Hiểu “guom giàng” là “kiếm cung” thì mới sát với ý hai câu thơ của Hoàng Sào mà Nguyễn Du dùng.

2- “Guom đàn” không đúng vì:

- Không một câu thơ nào trong suốt 3524 câu cho thấy Từ Hải có sở trường về âm nhạc.
- Suốt thời gian chung sống Thúy Kiều chưa hề đàn cho Từ Hải nghe.
- Người thích nhạc đàn là người có tâm hồn nghệ sĩ, nhưng không phải ai có tâm hồn nghệ sĩ đều phải biết chơi đàn. Ông phát biểu: "Nhạc khí không phải là **điều-kiện ắt có và đủ** để làm nên người có tâm-hồn nghệ-sĩ." Ở đây một lần nữa tác giả họ Đỗ phân biệt rõ ràng $p \rightarrow q$ không đồng nghĩa với $q \rightarrow p$.

Điểm đáng chú ý ở đây là có thể cả “guom giàng” và “guom đàn” đều không đúng, nên tác giả đã làm một việc không thừa là vừa biện giải cho tính hợp lý của ý kiến của mình (guom giàng), vừa hùng hồn phản bác ý kiến kia (guom đàn). Chỉ làm một trong hai

việc là không đủ, thiếu sức thuyết phục.

Logic trong cách lập luận, logic trong cách trình bày, Đỗ Quang Vinh đã thể hiện được tính khoa học của một người đi tìm vẻ đẹp của Truyện Kiều không chỉ bằng cảm nhận mà còn bằng tư duy sâu sắc.



Một quyển sách dày ngót 400 trang tất nhiên không thể tránh khỏi một vài lỗi in ấn. Một điểm tôi không đồng ý là lý luận ở trang 66, khi tác giả bình giảng hai câu

*Tà tà bóng ngả về tây
Chị em thơ thẩn đang tay ra về.*

Theo tác giả, đây là điểm đặc sắc của Nguyễn Du khi muốn báo cho người đọc biết trời đã về chiều: bóng của chị em Kiều ngả về phía tây vì mặt trời sắp lặn. Theo đúng quy luật vật lý, khi mặt trời ngả về hướng tây thì một người đang đi sẽ thấy bóng của mình đổ về phía đông. Tuy nhiên, đây cũng là một ý nghĩ độc đáo của tác giả quyển Bút-Thuật: dùng bóng của nhân vật để diễn tả chiều thời gian. Vì vậy, tuy không đồng ý với tác giả, tôi cũng rất ngạc nhiên và hứng thú với nhận xét đáng suy gẫm này.

Để kết thúc bài viết này, xin được mượn lời của Gs Đỗ Quang Vinh để ví Truyện Kiều “*hết như viên kim cương long-lanh ngũ sắc*”. Nhìn viên kim cương ai cũng phải khen vẻ đẹp rực rỡ, nhưng không phải ai cũng nhận biết được chân giá trị của nó. Quyển

“Bút-Thuật của Nguyễn-Du trong Đoạn-Trường Tân-Thanh”

chính là bàn tay của người thợ kim hoàn, là công trình của một chuyên viên định chuẩn ngọc thạch, làm tôn giá trị muôn màu của viên kim cương, giúp cho nhiều thế hệ sau này thấy được giá trị vượt không gian và thời gian của Truyện Kiều.

Sách tham khảo:

- [1] Đỗ Quang Vinh, *Bút-Thuật của Nguyễn-Du trong Đoạn-Trường Tân Thanh*: <http://doquangvinhvenquon.com/index.html>

- [2] Lê Hữu Mục, Phạm Thị Nhung, Đặng Quốc Cơ, *Truyện Kiều và Tuổi Trẻ*, 1998, Làng Văn, Toronto.

Professor Trần Thanh
School of Mathematics and Statistics
The University of New South Wales
Sydney 2012, Australia

MỤC-LỤC

Thay Lời Tựa	28
Tác-giả Truyện Kiều	32
Nội-Dung Truyện Kiều	45

Phần 1: Những trích-đoạn tiêu-biểu

1- Hai chị em Kiều	55
2- Kiều viếng mã Đạm-Tiên	73
3- Kim Kiều sơ-ngộ	94
4- Kiều ngắm trăng xuân	117
5- Kiều gảy đàn trong buổi hạnh-ngộ	123
6- Kim Trọng từ biệt Kiều để về Liêu-Dương	139
7- Kiều nhớ nhà khi ở lầu Ngưng Bích	150
8- Từ-Hải	159
9- Kiều nhớ nhà khi lấy Từ-Hải	170
10- Kiều xử án Hoạn-Tur	181
11- Kim-Trọng trở về vườn Thuý	203
12- Kiều gảy đàn trong ngày tái-hợp	213

Phần 2- Tổng-luận

Tiểu-luận:

<i>Tiếng đàn Kiều qua tài thẩm-âm của Nguyễn-Du</i>	223
---	-----

Tham-luận:

*Bút-thuật của Nguyễn-Du
trong Đoạn-Trường Tân-Thanh*

§1- Văn-chương chải-chuốt	235
A- Lời thơ chuẩn-xác	236
B- Lời thơ bóng-bẩy	245
C- Lời thơ du-dương	274
D- Lời thơ giản-dị trong sáng	277
§2- Nghệ-thuật điều-luyện	
A- Nghệ-thuật miêu-tả	
I- Tả cảnh và tả tình	282
II-Tả người	306
B- Nghệ-thuật kể chuyện	
I- Tự-thuật	317
II- Tự sự	324
III- Đối-thoại	329
§3- Kỹ-thuật công-phu	
I- Kết cấu các tình tiết	343
II- Cấu-trúc nhân-vật	362
<u>Kết-luận:</u>	
Vấn-đề thẩm-định giá trị Truyện Kiều	388
<u>Phụ-trương:</u>	
Thơ Việt đọc xuôi đọc ngược	395

Thay lời tựa

Truyện Kiều, một viên kim cương long-lanh ngũ sắc

Xưa nay các nhà phê-bình đã đề-xuất nhiều quan-điểm nhận-định khác nhau về truyện Kiều. Chẳng hạn như:

Nhìn dưới khía cạnh luân-lý, phái thủ-cự lên án Truyện Kiều là một dâm-thư, đã không tiếc lời chê bai mạt sát, gây nên cuộc bút chiến sôi nổi một thời và răn đe con cháu rằng:

“Đàn ông chớ kể Phan Trần,

Đàn bà chớ kể Thuý-Vân Thuý-Kiều”

Đứng trên lập-trường chính-trị, phe bảo hoàng chủ-trương Truyện Kiều là tiếng nói của Nguyễn-Du muốn gửi gắm niềm u-ẩn hoài-niệm Lê-Triều.

Các nhà tư-tưởng thì coi Truyện Kiều chuyên-chở một triết-thuyết: tài mệnh tương-đố trong mối tương-quan tam tài thiên, địa, nhân.

Gần đây, có người lại đi quá xa khi chủ-trương Truyện Kiều là một tác-phẩm Phật-học hoàn-toàn, hầu như mỗi câu thơ nhất nhất đều hàm-ngụ ý-nghĩa và triết-lý Phật-Giáo.

Hoặc như học-giả Lê-Hữu-Mục, mới đây nhất, lại cho rằng trước khi viết Truyện Kiều Nguyễn-Du đã đọc Thánh-Kinh và trong tư-tưởng của Nguyễn-Du không hẳn chỉ tìm thấy vết tích của Phật, Lão, Nho mà còn cả Thiên-Chúa-giáo nữa.

Đành rằng ta không thể chủ-quan, bắt ép tác giả phải có những quan-điểm như mình nghĩ, mà thực ra không biết tác-giả có nghĩ thế không, nhưng như thế lại càng chứng tỏ cái hay của tác-phẩm, hay đến nỗi tuy cũng là một áng văn- chương, với chỉ có một lời lẽ như thế, cách cấu tứ dàn ý như vậy, mà mỗi người đều có thể nhìn khác nhau, hết như viên kim cương long-lanh ngũ sắc, cùng một chất-liệu ngôn-ngữ như chất “pha-lê” tinh-tuyền trong

sáng, với hình-thể góc diện khác nhau như cách dàn ý cấu-tứ tài tình mà mỗi mặt lại phản-chiếu ánh sáng một màu khác nhau, lung-linh nhiều vẻ tùy theo mỗi góc độ nhìn. Chính cái chất-liệu “pha-lê” và hình-thể cấu-trúc làm cho viên kim-cương kia mang nhiều sắc-thái. Chính cái chất văn-chương và cách cấu-trúc tài tình của tác-phẩm làm cho truyện Kiều trở nên siêu-phẩm vượt thời-gian và không-gian. Văn-chương không đủ sức hấp-dẫn lôi cuốn thì đầu cho nội-dung tác-phẩm có hay mấy đi chăng, cũng không thể nào phổ-cập rộng-rãi khắp nơi và mọi thời đến như vậy. Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình-Chiếu dẫu cho chuyên-chở đạo-lý, nhưng văn-chương không đủ sức để làm tròn chức-năng “văn dĩ tải đạo”, nên chỉ có thể gọi được là “một thứ Truyện Kiều của miền Nam” mà không thể chấp cánh vượt thời-gian và không-gian để trở nên một di-sản văn-hoá quốc-tế như Truyện Kiều của Nguyễn-Du. (1)

Vậy muốn làm nổi bật cái tuyệt-vời của Truyện Kiều, thiết-nghĩ phải làm nổi bật trước nhất giá-trị bút-thuật của Nguyễn-Du trong truyện Kiều. Chính văn-chương, nghệ-thuật và kỹ-thuật xây-dựng tiên-thiên làm nên giá-trị Truyện Kiều. Nhưng:

Rằng hay thì thực hay thay!

Làm sao phân-tích nó hay thế nào?

Cũng như bảo tiếng Việt hay lắm, bông hoa này đẹp lắm, Đấy chỉ là sự cảm-nhận của trực-giác tự-nhiên, tự-phát. Làm sao cho người thưởng-thức thấm được cái hay, cái đẹp như thế nào? và đến thế nào? Đấy là vấn-đề phân-tích, phẩm-bình, giải-thích mỗ xẻ thuộc về lãnh-vực của tư-duy hơn là cảm-nhận. Sự phân-tích này khi ấy có thêm tác-dụng hướng-dẫn cảm-nhận.

Người viết vì vậy nêu cái giá-trị bút-thuật là giá-trị cốt lõi về hình-thức để một cách gián-tiếp làm nổi bật những giá-trị khác nhau của tác-phẩm về mặt nội-dung. Và nhất cử lưỡng tiện, vừa hướng tới độc-giả nói chung, vừa đặc-biệt nhắm vào đối-tượng các học-sinh sinh-viên, chúng tôi trình-bày theo hai khảo-hướng, khảo-hướng thứ nhất có tính-cách phân-tích qua các trích-đoạn

tiêu-biểu, phần nào có tính-cách giáo-khoa, khảo-hướng khác thứ hai có tính-cách tổng-hợp bao-quát qua phần tổng-luận, gồm một bài tiểu-luận về nghệ-thuật thẩm-âm của Nguyễn-Du qua tiếng đàn Kiều, và một tham-luận dài tổng-luận về bút-thuật của Nguyễn-Du trong Truyện Kiều. Những khảo-hướng này nhằm giúp cho họ biết cách trình-bày một bài tiểu-luận (essay), tham-luận (paper), một bài thuyết-trình, một đề-án (project) hay một luận-án (thesis). Và thay vì làm một bài giảng-văn giáo-khoa (lecture expliquée) thông-thường, có tính-cách cật nghĩa rời-rạc với những mục như xuất-xứ, đại-ý, bố-cục, chú-thích từ-ngữ, giải-nghĩa từng câu từng đoạn v.v...như tôi vẫn quen gặp trong các bài làm của thí-sinh tại quê nhà trước đây, thì với khảo-hướng thứ nhất qua các trích-đoạn, bài phân-tích được triển-khai như một bài nghị-luận văn-chương (dissertation littéraire) cho đúng với trình-độ của bậc đại-học khi phải viết tham-luận và tiểu-luận, qua đó người đọc cũng vẫn nhận ra được các tiểu-mục chủ-yếu của bài giảng-văn, cũng diễn xuôi được hết ý-nghĩa của đoạn thơ khi phân-tích và phẩm-bình. Thật vậy, không gì buồn tẻ khi giải-nghĩa, ví dụ như: chữ này nghĩa là:., cả câu nghĩa là:...Một cách khéo-léo, diễn giải triển-khai với những câu chuyển, đoạn chuyển liên-kết các mục cho mạch-lạc, bài tham-luận sẽ vượt ra khỏi cái lối hành-văn mang tính kể-lể nhạt-nhẽo, rời-rạc, vô vị.

Những dẫn-chứng đem ra phân-tích chỉ có tính-cách đặc-trung, không thể nào liệt-kê ra hết, vì cái hay vẻ đẹp trải dài rộng khắp trong tác-phẩm. Đây là những bài giảng trong hơn bốn mươi năm đảm-trách môn này tại quê nhà trước đây còn sót lại sau cơn tao-loạn, được duyệt lại đem ra cống-hiến độc-giả, vì nghĩ rằng thế-hệ trẻ Việt-Nam cần phải được bồi-dưỡng văn-hoá của tổ-tiên. Cho nên chúng tôi ước mong tập sách này sẽ giúp ích phần nào cho họ trên đường tìm Về Nguồn, cũng như rất hân-hoan được đón nhận những đóng góp xây-dựng của độc-giả, để tập sách nhỏ mọn này sẽ được hoàn-chỉnh hơn khi tái-bản. Được như vậy là một niềm khích-lệ rất lớn-lao cho chúng tôi vậy.

Đà-Hoa-Gia, ngày đông-chí năm Nhâm-Ngo 2002

Tác-giả: Đỗ Quang-Vinh

-
- (1) Năm 1965, Hội-Đồng Hoà-Bình Thế-Giới kỷ-niệm 200 năm sinh thi-hào Nguyễn-Du cùng với tám danh-nhân văn-hoá khác trên thế-giới. (Kỷ-niệm 200 năm sinh Nguyễn-Du 1765-1965, Hà-Nội, 1971)
- (2) Truyện Kiều được dịch ra 31 thứ tiếng trên thế-giới (Truyện Kiều và Tuổi Trẻ, Lê-hữu-Mục & Phạm Thị Nhung & Đặng Quốc Cơ, Paris 1998, Làng Văn ấn-hành)

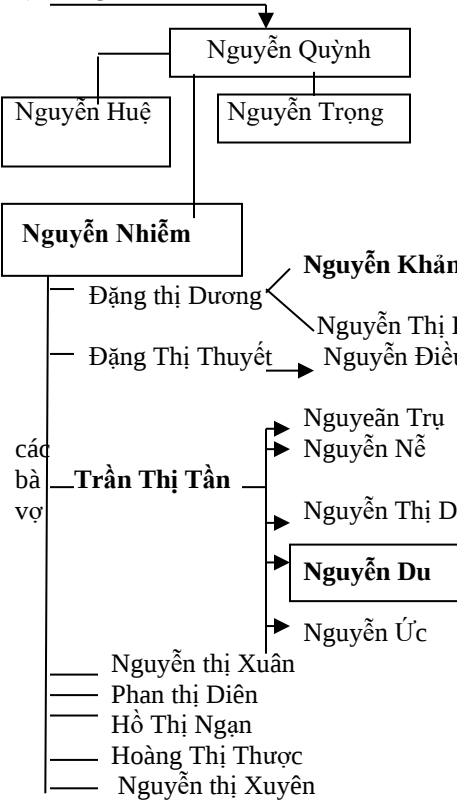


***Long lạnh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc non phôi bóng vàng***

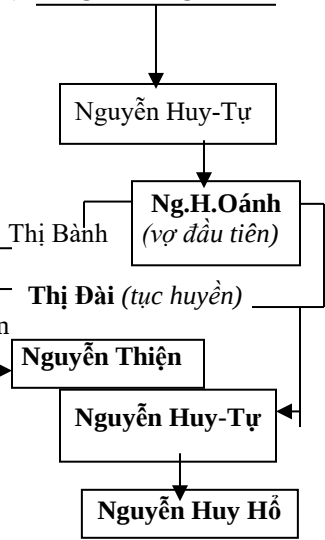
TÁC-GIẢ ĐOẠN TRƯỜNG TÂN-THANH

1) Dòng Họ Nguyễn-Du

a) Làng Tiên-Điền



b) Làng Trường-Lưu



Ba người con trai của Nguyễn Quỳnh là Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhiệm, Nguyễn Trọng. Nguyễn Nhiệm có bảy người vợ, Nguyễn Du là con bà thứ ba Trần thị Tần, người Bắc-Ninh, giỏi về cầm ca. Nguyễn Khả là anh cả, con bà cả Đặng Thị Dương. Nguyễn Điều lành thứ, con bà hai Đặng Thị Thuyết, em của bà cả. Họ Nguyễn Tiên Điền đứng vào bậc nhất nước. **Nguyễn Nhiệm** đậu Hoàng Giáp năm 1731, làm đến chức Tả Tướng, cầm tất cả quyền chính. **Nguyễn Huệ** đậu tiến sĩ năm 1733. **Nguyễn Khả** đậu tiến sĩ năm 1760, làm quan đồng triều với cha, sau cũng vào hàng Tả Tướng. (theo sách La-Son-Phu-Tử, tr. 27).

- Nguyễn Nễ, 19 tuổi đỗ đầu kỳ khảo khóa ở Quốc-Tử-Giám, 22 tuổi đỗ đầu kỳ hạch ở huyện Thọ Xương. Cùng năm 1. ai đỗ đầu luôn Cử Nhân kỳ thi Hương ở điện Phụng Thiên, bạn bè mừng câu đối:

“Danh ư kinh quốc liên tam tiệp,
Khoán tại gia đình hữu nhật tân”

(dịch nghĩa: Nổi tiếng khắp nước với ba lần đỗ đầu. Nếp nhà nay lại có thêm ngày đổi mới), thăng Đông Các Đại Học Sĩ, hai lần đi sứ nhà Thanh, được vua Càn Long rót rượu mời uống, khen ngợi và tặng thưởng, tác giả của *Quế Hương Thi Tập* và *Hoa Trình Thi Tập*.

- **Nguyễn Huy-Tự**, con Nguyễn Huy Oánh, cháu ngoại Nguyễn Khản, cử nhân, tri phủ Quốc-Oai, Hiến-Sát phó sứ Sơn Nam, dẹp yên các vùng Tuyên Quang, Hưng Yên, 40 tuổi ăn thăng Hàn-Lâm-viện hiệu-lý, sành quốc văn, tác-giả *Hoa Tiên Ký*.

- **Nguyễn Thiện là em họ, nhuận sắc *Hoa Tiên Ký*.**

- **Nguyễn Huy-Hổ**, con của Nguyễn Huy-Tự, tác giả *Mai-Đình Mộng Ký*.

Họ Nguyễn Tiên Điền danh vọng đến nỗi dân gian có câu truyền tụng:

“Bao giờ ngàn Hồng hết cây,
Sông Rum hết nước họ này hết quan!”

2) Cuộc đời tác giả: Nguyễn-Du sinh ngày 23 tháng 11 năm Ất-Dậu (1765), quán làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Tên tự là Tố Như, tên hiệu là Thanh Hiên. Thân phụ xuất thân đệ nhị giáp tiến sĩ, từng giữ chức Tôn Tài Quốc Sử Quán, sau là tể tử Quốc Tử Giám, lên đến chức Đô Ngự Sử.

a) thiếu thời: vốn đã thông-minh, mồ-côi mẹ năm 14 tuổi. Năm 15 tuổi đã rành thơ văn. Vì là con thứ bảy nên quen gọi là cậu Chiêu Bảy.

b) trưởng-thành & lưu-lạc:

- Năm 19 tuổi (1783) thi hương ở trường Sơn-nam, đã đỗ Tam-trường tức tú-tài.

- Năm 21 tuổi (1785). Tập ẩm chức chánh-thủ hiệu đội quân của cha nuôi họ Hà ở Thái-nguyên.
- Năm 22 tuổi (1786): Cưới vợ người xã Hải-An, huyện Quỳnh-Côi, Thái-Bình là con gái thứ sáu của tiến-sĩ Đoàn Duy-Tĩnh sau đổi tên là Đoàn-Nguyễn-Thục.
- Năm 24 tuổi (1788), Nguyễn-Huệ đại phá quân Thanh, Lê Chiêu-Thống trốn sang Tàu cầu cứu. Nguyễn-Du về Quỳnh Côi, sống với anh vợ là Đoàn-Nguyễn-Tuấn, lúc ấy đang giữ chức Thị-lang bộ Lại triều Tây-Son, theo lời mời của vua Quang-Trung.
- Năm 27 tuổi (1791) Ông từ Thái-Bình lên Thăng-Long thăm Nguyễn-Nễ vừa đi sứ Trung-Quốc về.

c) hoạn-lộ:

- Mùa đông năm 1796 (32 tuổi), dự-định vào Gia-định hợp-tác với chúa Nguyễn. Việc bại lộ, tướng Tây-Son là quận-công Nguyễn-Thận bắt giữ, nhưng vì Thận là bạn của Nguyễn-Nễ, lại ngưỡng-mộ văn-tài Nguyễn-Du, nên chỉ giam 3 tháng rồi tha. Trong mười năm ở quê vợ (1787-1796), Nguyễn-Du bày tỏ niềm tâm-sự qua 28 bài thơ chữ Hán trong Thanh-Hiên Thi-Tập.
- Năm 33 tuổi (1797), về Tiên-Điền ẩn-dật, vui thú săn bắn nên lấy hiệu là Hồng-sơn lập-bộ, hoặc đi câu nên lấy hiệu là Nam-hải điều-đồ. Vào thời kỳ này, ông viết:

- Thác Lờ Trai Phường Nón

- Văn tế sống hai cô gái phường vải Trường Lưu

- Năm 38 tuổi (1802), Nguyễn Ánh vào Thăng-Long, ông được triệu ra làm quan, giữ chức tri-huyện Phù-Dung, tức phủ Khoái-Châu, Hưng Yên, sau làm tri-phủ Thường-Tín, Hà-Đông.

Năm 40 tuổi (1804), được bổ làm tri-phủ, và được cử đi tiếp sứ thần nhà Thanh sang tấn-phong vua Gia-Long.

- Năm 41 tuổi (1805): Thăng Đông-các học-sĩ (hàm ngũ phẩm) và đổi vào Phú-Xuân (nay là Huế). Người ta cho rằng, việc thăng quan này đã cắt đứt mối tình Nguyễn Du và Hồ xuân-Hương.
- Năm 1806, giám khảo trường thi Hải -Dương
- Năm 1808, xin về quê nghỉ 8 tháng
- Năm 1809: Cai bạ (hàm tứ phẩm) tỉnh Quảng Bình 4 năm, nổi tiếng thanh-liêm, dân chúng mến mộ.
- Năm 1812: xin về quê 2 tháng xây mộ Nguyễn Nễ. Tháng 12 có chỉ triệu về Kinh.
- Năm Quý Dậu 1813: thăng Cần Chánh-điện Học-sĩ. Ngày 6-5-1813 rời Thăng-Long làm chánh sứ đi công nhà Thanh. Trong thời-gian đi sứ, ông sáng-tác các bài thơ chữ Hán, sau gom lại trong cuốn Bắc Hành Thi-Tập. Khi tới Giang-Ninh, vào thăm một xưởng đúc đồ sứ, chủ-xưởng xin sứ-thần Việt-Nam đề thơ vào bộ chén trà thợ đang vẽ để làm kỷ-niệm, ông bèn đề hai câu lục bát bằng chữ nôm (xem hình trang 32):

“Nghêu-ngao vui thú yên hà,
Mai là bạn cũ, hạc là người quen.”

Nung xong, chủ xưởng chỉ để lại một bộ làm gia-bảo, còn tất cả tặng cho Nguyễn Du và huỷ khuôn đi. Vì vậy bộ chén trà Mai-Hạc chỉ bạn-bè quyến-thuộc của Nguyễn Du mới có. Trên đường đi sứ, ngang qua Long Thành, ông làm bài Long Thành Cảm Giả Ca, kể lại niềm cảm-xúc sau khi nghe tiếng đàn trong bữa tiệc, hỏi ra mới biết người gảy đàn là người ông đã gặp cách đây 20 năm.

- Năm 1814: Đi sứ trở về Huế, xin về quê nghỉ 5 tháng. Hoàn-tất cuốn Đoạn-Trường Tân-Thanh
- Năm 51 tuổi (1815), trở lại Kinh đô, thăng Hữu Tham Tri bộ Lễ (hàm tam phẩm), tước Du Đức Hầu.
- Năm 53 tuổi (1817): Nguyễn văn Thuyên con của Nguyễn văn Thành vì một bài thơ mời bạn ở Thanh-Hoá vào chơi, lời thơ hơi ngông, bị cáo là mưu phản, nên bị xử lăng trì, cha bị vua nghi-ky nên uống thuốc độc tự tử. Vũ Trinh, anh rể Nguyễn Du cũng là thầy dạy của Thuyên, tâu vua

giảm tội cho Thuyên lại bị xử trăm giam hậu, sau tha tội chết, bị đi đày ở Quảng Nam.

- Năm 1819, được cử làm đề-điều trưởng thi Quảng-Nam, nhưng dâng biểu từ chối.
- Năm 56 tuổi (1820), Minh Mệnh lên ngôi, được cử chánh sứ sang Trung Quốc cầu phong. Sắp đi thì mắc bệnh dịch, mất ngày 16-09-1820, thọ 56 tuổi, an táng tại cánh đồng Bầu Đá, xã An-ninh (nay là An Hoà) tỉnh Thừa-Thiên. Năm 1928, lại cải táng sang xóm Đồng Cùng, Tiên An.

3) con người và danh-phận

Tuy trên hoạn-lộ, từ chức tri-huyện lên đến Tham-tri bộ Lễ, nhưng ba lần xin nghỉ dài hạn, chứng tỏ thâm tâm có điều ư-ẩn bất đắc-chí cũng như bao di-thần khác của nhà Lê.

Cũng nên nhớ rằng, ông đã từng với anh vợ là Đoàn Nguyên-Tuấn chiêu binh toan bề khôi-phục nhà Lê nhưng không thành. Bất-đắc-dĩ ra cộng-ác với tân-trào nhà Nguyễn, nhưng lúc nào cũng tưởng nhớ nhà Lê.

Khi tại chức lại hay bị đè nén kỳ-thị, nên không vui, đối với việc triều-chính ít khi bàn luận, đến nỗi có lần vua Minh-Mệnh phải nói: “Quốc-gia dùng người cốt cầu lấy nhân-tài, chứ có phân-biệt gì Nam với Bắc. Khanh cùng Ngô-Vị đã mang ơn tri ngộ làm quan đến chức Á-khanh, phải nói năng bàn luận đề xứng-đáng với chức vụ, có sao cứ giữ thói rút-rè e sợ, chỉ vâng dạ cho qua chuyện?”

Khi ông mất, Lễ-bộ thượng-thư Hoàng-nhượng-hầu nghe tin than-thở: “Thời này khó tìm được người như Nguyễn Du để mà đàm-đạo”.

Vua Minh-Mệnh thương tiếc, ban cho 20 lạng vàng và 2 cây gấm để làm ma.

Các hoàng-đế viếng câu đối:

“Nhất đại tài hoa, vi sứ vi khanh bất thiêm,
Bách niên sự-nghiệp. Tại gia tại quốc tử do vinh
(Tài hoa nhất đời, đi sứ và làm quan không thẹn.
Trăm năm sự-nghiệp, với nhà với nước chết còn vẻ-vang)
Đình-thần viếng câu đối:

“Nhất viện cầm tôn nhân ký khứ,
Đại gia văn-tự thể không truyền”
(Trong viện đàn cầm chén rượu, người đã đi rồi,
Đại-gia văn-tự, đời vẫn còn truyền)

4) Một số bài tiêu-biểu ngoài Truyện Kiều

Dưới đây là một vài trích-đoạn dịch thơ Hán-văn tiêu-biểu, nói lên tâm-hồn và chí-hướng của Nguyễn-Du, từ đó đem đối-chiếu với tiếng lòng cũng như cá-tính của ông qua Đoạn-Trường Tân-Thanh. Tạm chia làm ba loại sau:

a) trữ-tình:

*** bài gửi cô Nhật, lái đồ**

Một giai-thoại kể lại: Năm 15 tuổi, hằng ngày đi học phải qua đò ngang của cô Đỗ-thị-Nhật để sang bên kia Gia-Lâm. Một hôm đến bên trẽ, muốn làm quen với cô lái đò, nhưng chưa dám, cậu Bảy bèn viết mấy câu thơ vào mảnh giấy nhờ bạn đưa giùm:

“Ai ơi, chèo chống tôi sang,
Kèo trời trưa trệt, lở-làng tôi ra.
Còn nhiều qua lại lại qua,
Giúp cho nhau nữa để mà...”

Hiểu ý, cô lái đò thêm vào hai chữ “quen nhau”. Một bữa kia, cô lái e-lệ nói: “Bây giờ thay chữ “quen” bằng chữ “thương” nghe cũng đường-được đây cậu khóa nhi!” Cậu Bảy sung-sướng ứng-khẩu ngay:

“Quen nhau nay đã nên thương,

Cùng nhau xe mới tơ vương chữ tình.
Người xinh xinh, cảnh xinh xinh,
Trên trời dưới nước, giữa mình với ta.”

Gia-đình hay được gửi cậu đi học xa, cắt đứt mối tình đang nồng
thắm. Mấy năm sau, trở lại Thăng-Long, ra bến cũ, mới hay người
xưa đã đi lấy chồng, cậu Bảy ngao-ngán ngâm:

“Yêu nhau những muốn gần nhau,
Bể sâu trăm trượng, tình sâu gấp mười.
Vì đâu xa cách đôi nơi,
Bên nay còn đó, nào người năm xưa?”

(Giai-Thoại Làng Nho, *Lãng Nhân*)

* mối tình Nguyễn Du - Hồ Xuân-Hương

Trong thời-gian ở Thăng-Long, Nguyễn Du có quen với Hồ Xuân-
Hương. Năm 1805, vì thăng Đông-các học-sĩ nên đổi vào Phú-
Xuân. Người ta cho rằng, việc thăng quan này đã cắt đứt mối tình
Nguyễn Du & Hồ Xuân-Hương, vì Hồ xuân Hương có than-thở
qua bài thơ nôm “*Cảm Cự Kiêm Cần Chánh Học-Sĩ Nguyễn
Hầu*” trong tập *Lưu Hương Ký* như sau:

“Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ-nhung,
Mượn ai tới đây gửi cho cùng,
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn,
Giấc mộng rồi ra nửa khắc không.
Xe ngựa trộm mừng duyên tấp-nập
Phấn son càng túi phận long-đong.
Biết còn mấy chút sương đeo mãi,
Lâu nguyệt năm canh chiếc bóng chong.”

(dưới nhan-đề, tác-giả lại có chú rằng: Hầu, Nghi Xuân, Tiên-Điền
nhân tức là Hầu, người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, trích
“*Thơ Hồ Xuân Hương*”, trang 76)

Trong thời-gian làm việc ở Huế (1805-1808), bài thơ trữ-tình “Chiêm Bao Thấy Hải Sen” ghi trong tập thơ chữ hán “Nam Trung Tập Ngâm” là ngụ-ý tác-giả nhớ Hồ Xuân-Hương, cô hàng xóm hải sen ở Tây-Hồ Thăng-Long năm xưa, bài thơ dịch như sau:

Sáng nay đi hái sen,
Hẹn cô kia đi với,
Chẳng biết có đến không?
Cách hoa nghe cười nói.
Hoa sen ai cũng ưa,
Cuống sen chẳng ai thích,
Trong cuống có tơ mảnh,
Vân-vương không thể dứt.

(Phạm khắc-Khoan & Lê Thuớc dịch)

- Bài Long Thanh Cầm Giả Ca

Thoảng mấy tiếng thâm rơi giọt lệ,
Lọt tai mà như xé tác son.
Giật mình hai chục năm tròn,
Tiệc bên Hồ Giám người còn chưa quên.
Cuộc tang hải thương điền thẩm-thoất,
Cõi nhân-gian thành quách đổi đời,
Tây Sơn cơ-nghiệp đâu rồi,
Mà làng ca vũ một người còn tro?
Ngán trăm năm thì giờ chớp mắt,
Lệ thương-tâm ướt vạt áo là,
Nam về đầu bạc ngẫm ta,
Trách gì hương phấn bông hoa chẳng tàn!

(Hoàng-Tạo dịch thơ)

b) tình người vị tha

* bài Sở Kiến Hành (những điều trông thấy)

(bài thơ chữ Hán 42 câu,

trích dịch 8 câu thơ đầu và 12 câu thơ cuối)

Một mẹ dắt ba con,
Bên đường, ngồi một xó,
Đứa bé ẩm trong lòng.
Đứa lớn tay cầm giỏ.
Đầy giỏ những gì kia?
Rau đồng trộn cám đó!
Chiều rồi, chưa được ăn,
Quần áo quá lam-lũ...
Đêm qua trạm Tây Hà
Cung đón bao thừa mứa,
Vây cá với gân hươu,
Dê, lợn mâm đầy ứ.
Kẻ dưới chỉ nếm qua,
Quan trên không hạ đũa.
Của ngon vớt ê hề,
Chó lảng giềng chẳng ngó.
Không biết trên đường quan,
Mẹ con ngồi đói rũ,
Ai vẽ giùm bức tranh,
Dâng thánh hoàng xem thử?

(Ngô Linh-Ngọc dịch thơ)

* Thái Bình Mai Già Ca (người hát rong ở thành Thái Bình). [Bài thơ chữ Hán 32 câu, trích dịch 4 câu đầu và 8 câu cuối, theo bản dịch thơ cũ]

Thái Bình có người mù áo vải,
Con dắt tay ra bãi bên sông,
Rằng: già vãi lại tay không,
Hát rong kiếm chút đỡ lòng hôm mai.
Ta trông thấy đau buồn khôn xiết.
Nghĩ: Người ta thà chết hơn nghèo.
Tưởng đây no ấm dồi dào,
Hay đâu đây cũng cheo neo khốn cùng!
Kìa chẳng thấy lệ cung thuyền sứ?

Thuyền đầy cơm thuyền ú thịt nem,
Người no no dạ, đã thèm,
Cơm canh thừa mứa đổ chìm đáy sông.

* Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh

Bài Văn tế khóc thương những vong hồn vất-vưởng thuộc đủ mọi hạng người trong xã-hội. Ngày nay các thầy cúng vẫn thường dùng bài này đọc trong lễ cúng.

c) tâm-sự và chí hướng:

* bài Đại Tác Cửu Thủ Tứ Quy (làm thay người đi thú lâu năm mong được về). Trích 4 câu thực và luận

Mười năm nợ nước lòng canh cánh
Muôn dặm tình quê mộng trở tràng
Áo gấm ngoài thân trùm h99uyễn-hoạ
Bóng mây trước mắt thoáng giàu sang.

(Quách Tấn dịch thơ)

* bài Thành Hạ Khí Mã (ngựa bỏ chân thành)

Ngựa già ai bỏ góc thành hoang?
Lông nám đuôi cùn da bọc xương.
Lạnh ấy cỏ thu đường thạch lũy,
Mây un ngày tối dặm xa trường.
Ơn người, đối vẫn không cầu cạnh,
Nợ nước, già đầu ngót vắn-vương.
Sương gió táp trời mừng giữ vẹn,
Thân đừng vương nữa nghiệp yên cương.

(Quách Tấn dịch thơ)

* bài Mạn Hứng (bài thứ nhất) hai câu thực viết:

“Cao hứng cửu vô hoàng-các-mộng,

Hư danh vị phóng bạch đầu nhân”
Đỗ Trọng-Huê dịch:
(Lầu vàng quên lãng giấc mơ,
Hư danh ôm mãi khư khư đến già)

* bài Thăng-Long (kỳ nhị):
“Cổ thời minh nguyệt chiếu tân thành,
Do thị Thăng-Long cự đế-kinh.
Quản huyền nhất biến tạp tân-thanh,
Thiên niên phú quý cung tranh đoạt,
Tảo tuế thân bằng bán tử sinh.
Thế sự phù trầm hựu thán tức,
Tư gia đầu bạch diệc tinh tinh.”

Đỗ Trọng-Huê dịch:

Vàng trắng xưa chiếu tân-thành,
Thăng-Long đây chốn đế-kinh muôn đời.
Bốn bên đường xá đổi dời,
Sáo đàn sai lạc khóc bài tân-thanh.
Ngàn năm phú quý mỗi tranh,
Bạn-bè thuở trước tử sinh chia đường.
Việc đời chìm nổi khôn lường,
Chính mình tóc đã điểm sương mái đầu.

* Bài Độc Tiểu Thanh Ký

Tây Hồ mai uyển tân thành khư,
Đố điều song tiền nhất chỉ thư
Chi phẩn hữ thần liên tử hậu,
Văn chương vô mệnh luy phần dư.
Cổ kim hận sự thiên nan vấn,
Phong vận kỳ oan ngã tự cư.
Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

• Trong thời gian làm quan ở Bắc-Hà (1802-1804), ông làm thơ chữ Hán trong *Thanh-Hiên Thi Tập*, có bài Độc Tiểu-Thanh-

Ký, khóc thương nàng Tiểu-Thanh tài sắc triều Minh. Nàng quê ở Quảng-Lãng, lấy lẽ Phùng-Sinh, bị vợ cả ghen, đem an-trí ở núi Cô-sơn, cạnh Tây Hồ thuộc Hàng Châu, uất-ức thành bệnh mà chết, mới 18 tuổi. Nàng có một tập thơ cảm thương thân phận, lời lẽ thống-thiết bi-ai, chết rồi, vợ cả vẫn còn ghen, lấy đốt đi, chỉ còn sót ít bài cháy dở-dang, người đời sau gọi là “Phân-Dư-Cảo” (phân là đốt, dư là còn lại). Mộ Tiểu Thanh nay còn ở bên núi Cô-Sơn, Tây Hồ, thuộc Hàng Châu.

- Người viết xin tạm dịch theo thể cổ-phong như sau:

Vườn Tây mai thắm bỏ hoang vu,
Ta khóc bên song viết lá thư:
Hậu-thế xót thương hồn phẫn sát,
Dạ ghen nữ đốt nghiệp văn thơ?
Hận tình vốn dĩ: Trời, khôn hỏi!
Oan kẻ tài hoa cảm-hoá ta.
Chẳng biết, sau hơn ba thế-kỷ,
Thiên-hạ, ai người khóc Tố Như?

- Nhân nói về thơ cổ-phong, soạn-giả Đặng Cao-Ruyên kể lại trong một bài viết của giáo-sư Nguyễn Ngọc-Bích có dẫn lời một tác-giả chê 2 câu kết của Nguyễn-Du là thất niêm. Chúng tôi xin lưu ý, nếu biết rằng thơ cổ-phong giống như thơ Đường nhưng không buộc phải theo niêm luật và đối, miễn là có vần điệu, hoặc độc-vận, hoặc liên-vận, lại không hạn-định số câu và có thể trường thiên, thì sự phê-bình này e hấp-tấp (sách dẫn trang 149 ở dưới, chú-thích A-2).

Vì vậy, nếu *chuyển ngữ theo thể đường-luật*, xin đổi lại bài dịch thể cổ-phong của chúng tôi trên đây như sau:

Vườn Tây mai thắm bỏ hoang vu,
Tựa cửa khóc nàng ta viết thư.
Hậu-thế xót thương hồn phẫn sát,
Dại ghen nữ đốt nghiệp văn thơ?
Hỏi trời tình-hận: nào đâu dễ!
Cảm khách tài-hoa: oan thế á?
Đã chắc sau hơn ba thế-kỷ,
Có ai buồn khóc Tố Như ư?

A- Tài-liệu tham-khảo trong phần này:

1- Đỗ Bằng-Đoàn & Đỗ Trọng-Huê, Khoa Cũ Việt-Nam, Phần III Danh-nhân khoa-bảng, tập 2, tác-giả xuất-bản, Calgary, 1999

2- Đặng Cao-Ruyên, Bể Dầu Trong Dòng Họ Nguyễn Du, Tổ Hợp xuất-bản miền Đông Hoa-Kỳ, 2002

3- Nguyễn Huyền-Anh, Việt-Nam Danh-Nhân Từ-Điển, Zieleks, USA 1990

B- Tài-liệu trích-dẫn trong phần trích-đoạn và tổng-luận:

* Vân-Hạc Lê Văn-Hoè, Truyện Kiều Chú-Giải, Zielek

* Lê Hữu-Mục, Phạm-thị-Nhung, Đặng Quốc-Cơ, Truyện Kiều và Tuổi Trẻ, Làng Văn, 1998



*Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân
Vẻ non xa, tấm trắng gần ở chung.
Bốn bề bát-ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia*

Nội-Dung Truyện Kiều

Đoạn-Trường Tân-Thanh là phóng-tác từ cuốn tiểu-thuyết Trung-Hoa nhan-đề Kim Vân Kiều Truyện của Thanh-Tâm Tài-Nhân. Gọi là phóng-tác vì Nguyễn-Du muốn gửi gắm ít nhiều cá-tính, tâm-sự, hoài-bão của mình chứ không phải chỉ là kể lại một câu chuyện tầm-thường như nguyên-tác. Cho nên ông đã đạo-diễn lại tuồng-tích và hoá-trang lại các nhân-vật chính chẳng hạn như nàng Kiều trong nguyên-tác chỉ là một ca-sĩ hơn là một nhạc-sĩ, còn Kiều của Nguyễn-Du là một nhạc-sĩ có thiên-tài, có triêc-lý âm-nhạc, và Tờu-Hải trong nguyên-tác chỉ là một tên thảo-khấu, nhưng dưới ngòi bút của Nguyễn-Du lại là một anh-hùng trượng-phu có chí-khí, có tấm lòng và tư-tưởng, hoài-bão khác người.

Đoạn-Trường Tân-Thanh ra đời trong bối-cảnh của xã-hội đương-thời đang phân-hoá trầm-trọng, một xã-hội nhiều-nhương suy-đồi, mà ông thì bán-khoản khi phải miễn-cưỡng ra hợp-tác với tân-triều. Cho nên ông muốn thốt lên một tiếng kêu mới hơn là tiếng nói nguyên-thủy của người con gái Trung-Hoa. Tiếng kêu ấy là tiếng lòng của ông hay của người thức-giã trước thời-cuộc vì vậy nhan-đề tác-phẩm được đổi là Đoạn-Trường Tân-Thanh.

Ngoài đoạn dẫn nhập và kết-thúc nêu triết-thuyết *Thiên-mệnh (THIÊN)*” và *con người (NHÂN)* trên *cõi đời này (ĐỊA)* được áp-dụng vào câu chuyện, tác-phẩm kể lại cuộc đời của nàng Kiều hồng-nhan đa truân lẫn-lóc giữa một xã-hội suy-vi về mọi mặt.

A- Đoạn dẫn nhập (câu 1-8)

Định mệnh vốn khắt-khe

a) Trên cõi đời này, không ai thoát khỏi định-luật thừa trù, được cái này thì mất cái kia, không ai tránh khỏi mệnh trời chi-phối. Cái xung khắc giữa tài và mệnh vốn thường xảy ra trong cõi thế-gian nhiều đổi thay biến- hoá khôn lường, nhất là đối với kẻ hồng-nhan tài sắc, thường gặp lắm gian-truân, bạc-mệnh đeo đuổi.

b) Chuyện nàng Kiều được thuật lại trong sách “Phong-Tình Cổ-Lục” là một chứng-minh.

B- Những diễn-biến trong đời Kiều

Phần 1. Môi tình đầu với Kim Trọng

I- Kiều gặp Kim Trọng

- 1- Trong nhà Vương viên-ngoại, hai chị em Kiều Vân đều mặn-mà, Kiều nổi bật hơn và nổi danh tài sắc (9-38)
- 2- Ngày hội Đạp-Thanh, chị em Kiều du xuân theo đoàn người đi tảo mộ (39-50)
- 3- Trên đường về, họ gặp mã hoang bên đường, Vương Quan kẻ lai-lịch nàng Đạm-Tiên, người đã khuất. Kiều khăn vái đề thơ, thấy người đã khuất hiển-linh (51-132)
- 4- Sắp ra về thì gặp Kim Trọng từ xa đi tới (133-170)
- 5- Trở về, Kiều ngồi ngắm trăng xuân, trầm tư, suy nghĩ về hai cuộc gặp-gỡ ban chiều. (171-184)
- 6- Trong chiêm bao, Kiều mơ thấy Đạm Tiên hiện về báo mộng có tên trong số đoạn-trường, nàng ra mười đề bài cho Kiều họa thơ. Đạm-Tiên khen thơ Kiều xứng-đáng giải nhất trong Hội Đoạn-Trường. Nghe Kiều kể lại nỗi lo-âu áy-náy, Vương bà khuyên giải trấn an. (185-242)

II- Kim Kiều thề ước duyên trăm năm

- 1- Kim Trọng trở về, tương-tư Thuý Kiều (243-258)
- 2- Kim Trọng tìm lối đến nhà Kiều và thuê nhà gần đó để tiện bề lân-la (259-284)
- 3- Hai bên có dịp chuyện trò, giải bày tâm tư nhờ chuyện hôm trước chàng bắt được chiếc thoa Kiều đang đi tìm. Chàng ngỏ lời đính-hôn. Nàng ngần-ngừ thoái-thác, rồi cũng thuận theo, và trao nhau kỷ-vật làm tin. (285-362)
- 4- Kiều lên sang nhà Kim-Trọng tư tình, nhân buổi cả nhà sang mừng sinh-nhật ngoại-gia (363-428)
 - a) Nàng đề thơ bức tranh tùng treo trên vách.
 - b) Chàng gạt bỏ điều nàng bi-quan bởi lời thầy tướng số năm xưa tiên-đoán phận nàng tài hoa mệnh bạc.
- 5- Kiều lại lên sang nhà Kim lần nữa vì thấy cả nhà vẫn chưa có ai về. (429-528)
 - a) Hai bên viết lời thề bồi. Nàng cắt tóc làm tin và cùng nhau đối-âm. Nàng tấu đàn cho Kim-Trọng nghe.
 - b) Chàng ra chiều lả-loi suồng-sã, muốn liều ép hoa nài. Nàng đem sự tương-kính với điều hơn lẽ thiệt can ngăn khiến chàng càng cảm-phục. Họ chia tay khi trời rạng sáng.
- 6- Được tin nhà gọi về Liêu-Dương tho tang chú, Kim- Trọng vội sang từ-biệt Kiều. Hai bên dặn-dò nhau, nguyên hứa thủy-chung. (529-564)

Phần 2-- Mười lăm năm luân-lạc

I- Kiều bán mình chuộc tội cho cha

- 1- Bị thằng bán tơ vu oan, Hai cha con Vương-ông, Vương-Quan bị bắt và chịu cực hình. Kiều quyết-định bán mình lấy tiền lo lót để cha và em trai được thả ra. (573-620)
- 2- Mụ mối dắt Mã giám-sinh đến mua Kiều về làm vợ. Hai bên ngã giá, định ngày nạp thái vu-quy (621-650)
- 3- Vương ông được tại ngoại. Thương con gái, ông đập đầu toan liều mình. Kiều khuyên giải hết lời ông mới nghe theo. Mã giám-sinh thúc giục ngày cưới. (651-694)

4- Kiều thao-thức, kể tâm-sư mình cho Thuý Vân, trao lại chiếc thoa và tờ thẻ bồi, dặn em thay mình chấp duyên cùng chàng để trả nghĩa chàng Kim. Nàng ngất xỉu, cha mẹ thở-than hứa làm theo lời Kiều. (695-778)

5- Lễ rước dâu về phòng trọ của Mã giám-sinh. Kiều giấu con dao đề-phòng bất trắc. (779-866)

a) Nàng dâu có biết rằng gã giám-sinh này là đứa phong-tinh, tay sai đi mua gái đẹp về cho lầu xanh của Tú-bà. Hấn thâm nhủ nếu bất động không làm chức-năng người chồng thì Kiều sẽ sinh nghi.

b) Cầm-hòn tui phạt vì bị thất thân với tên cục-súc, Kiều cầm dao toan quyền sinh, nhưng đắn-đo lợi hại nên nguôi giận, Kiều đành thôi.

6- Kiều theo Mã Giám Sinh về Lâm Truy (867-918)

a) Vương Ông mở tiệc tiễn đưa. Kiều rí tai cho mẹ biết đã mắc tay bọm già, nghi hấn là tên buôn người.

b) Gạt lệ sâu túi chia ta, nàng ra đi giữa một trời thu buồn nhớ mệnh mang.

II- Kiều vào lầu xanh lần thứ nhất

1- Vừa vào nhà đã bị Tú Bà bắt lay bàn thờ thần tổ Bạch Mi (919-993)

a) Mụ khăn vái cho nàng được đất khách, lại nghe dạy: trước phải lay mụ là mẹ, sau sang nhà bên lay Mã Giám Sinh là cha.

b) Kiều sừng sốt giải bày cuộc hôn nhân lẽ mọn với Chàng. Tú Bà nổi giận mắng nhiếc, chập roi da toan đánh đòn. Kiều rút dao tự sát.

c) Việc vỡ lỡ, thiên hạ ùn ùn kéo tới. Tú Bà sợ hãi, lo rước thầy chữa sóc thuốc men.

2- Trong lúc mê man, Đạm Tiên hiện về hẹn chờ dứt kiếp đoạn trường nơi song Tiền Đường. Hôm sau, Tú Bà lấy lời ngọt ngào trấn an, hứa sẽ cho nàng cầm cung, chờ sẽ gả chồng nơi xứng đáng. (920-1032)

3- Kiều cầm cung ở lầu Ngưng Bích, ngâm thơ vịnh cảnh (1033-114)

a) Sở Khanh nghe được, ứng khẩu hoạ vần, ngỏ lời tán tỉnh cho hay sẵn lòng giúp nàng thoát thân.

b) Kiều biên thư kể hết sự tình, cậy nhờ cứu giúp. Nhận thư, Sở Khanh phúc đáp, Kiều chiết tự ra, biết được ngày hẹn nàng đi trốn.

c) Sở Khanh lén đến gặp Kiều, khoa trương lực lượng cam kết giúp Kiều.

4- Kiều đánh liều theo Sở Khanh đi trốn. (1115-1118)

a) Mắc lừa Sở Khanh bỏ Kiều bơ vơ giữa đường. Kiều bị quân của Tú Bà đến vây bắt, áp giải về nhà, bị một trận đòn nhừ tử. đành chịu khuất phục mụ Tú.

b) Sở Khanh xuất hiện, bêu riếu nàng, lộ rõ mặt lừa dối, bất nghĩa vô lương.

5- Tú Bà dạy những ngón nghề” đưa người cửa trước, rước người cửa sau”, Kiều bị đẩy đoạ vào kiếp phong trần nhục nhã mà lòng đau đón đời đoạn vò tơ (1189-1274)

III- Kiều lấy Thúc-sinh, bị Hoạn-Thư hành-hạ

1- Thúc-sinh gặp Kiều, hai bên tương-đắc, cầm kỳ thi từ, đàn-dĩ ái-ân. Đón ý Thúc-sinh, Kiều thổ-lộ sơ qua lai-lịch, nêu những khó-khăn của phận lẽ mọn, buộc chàng phải giải-quyết trước khi muốn tính chuyện trăm năm. Thúc-sinh đoan hứa, thề non hẹn biển. (1275-1370)

2- Muốn có đem Kiều đi nghỉ mát, Thúc-sinh giấu nàng một nơi, để chuộc Kiều ra: một mặt bán tiếng đoạ kiện Tú Bà, một mặt dỗ-dành mụ. (1371-1528)

a) Đang chung sống êm đềm, Thúc ông tới, đuổi Kiều về lâu xanh, chàng năn-nỉ van xin. Ông cáo quan. Kiều bị xử đánh đòn. Nghe Thúc trình bày, quan thử tài, ra đề thơ. Quan tám-tấu khen tài, làm chủ hôn tác-hợp cho đôi lứa.

b) Nghe Kiều nhắc-nhở giải-bày phải trái, Thúc-sinh đành tạm-biệt về thú thật với vợ cả là Hoạn-thư.

3- Thấy vợ không tin những lời đồn-đại về mình, lại được vợ thúc giục về thăm cha già. Thúc giữ im, không thú thật nữa, từ già vợ lên ngựa trở lại Lâm Truy. (1529-1790)

a) Nào ngờ Hoạn-Thư đã sai quân gia theo thủy-lộ đến trước đề hoả-thiên nhà Kiều cùng thầy vô chủ ném vào, bắt cóc nàng đem về làm tôi đòi nhà Hoạn-bà.

b) Thúc-sinh trở về, nghĩ Kiều đã chết cháy, lòng đau-đón xót-xa.

c) Hoạn-bà cho Kiều một trận đòn phủ đầu rồi cho sang làm nô-tì nhà Hoạn Thư.

4- Thúc-sinh lại trở về nhà Hoạn Thư. Vợ chàng giới-thiệu nô-tì mới, bắt Kiều phải chuốc rượu cho chồng, gây đàn cho hai vợ chồng nghe. (1791-1884)

5- Đọc tờ cung-chiều Thuý Kiều trần tình, Hoạn Thư khen tài, cho nàng khoác áo cà-sa ra ở Quan-Âm-các viết kinh tụng niệm. (1885-1938)

6- Tưởng vợ về thăm mẹ, Thúc-sinh lên gặp Kiều, ai ngờ mắc mưu Hoạn-Thư. (1939-2028)

a) Hoa-nô cho hay Hoạn-Thư rình nghe hai người trò chuyện từ lâu. Kiều cậy nhờ Thúc-sinh cứu giúp. Thúc-sinh khuyên nàng liệu đường thoát thân.

b) Đêm khuya, Kiều trèo tường chạy trốn, giắt theo chuông vàng khánh bạc lấy trộm để hộ thân.

III- Kiều vào thanh lâu lần thứ hai được Từ-Hải cứu vớt

1- Kiều đến nương-náu ở am Chiêu-Ân (2029-2164)

a) Một thời-gian sau, vãi Giác-Duyên phát-hiện Kiều lấy trộm Phật-tiền của nhà họ Hoạn. Sợ liên-lụy, Vãi gửi nàng sang nhà Bạc Bà.

b) Bạc-bà dụ dỗ gả cho cháu là Bạc-Hạnh một tên làng chơi. Hấn bán nàng cho hành-viện Châu-Thai. Kiều lại bị ép buộc làm gái lầu xanh.

2- Kiều gặp người anh-hùng Từ-Hải. Hai bên ý hợp tâm đầu, chàng chuộc nàng ra khỏi thanh-lâu. Từ Hải dứt áo ra đi lập sự-nghiệp để Kiều ở lại trong niềm trông mong, nhưng-nhớ. (2165-2248)

3- Nên công đại-định, Từ Hải mở tiệc khao quân, rước Kiều nghinh hôn (2249-2418)

a) Nghe Kiều thuật lại những ngày hàn-vi, Từ-Hải sai quân triệu đòi ân-nhân, thù-địch cho nàng mở phiên xử trả ân báo oán. Riêng từ-tội Hoạn-Thư thì đầu lý tài tình đến nỗi Kiều phải đổi ý tha bổng.

b) Tạ từ Kiều, Giác-Duyên nhắc lại lời đạo-cô Tam-Hợp đã tiên-tri năm xưa, hẹn năm năm nữa sẽ tái-ngộ.

4- Từ Hải mắc lừa Hồ Tôn-Hiến (2419-2564)

a) Mở tiệc tầy oan, Từ-Hải cho Kiều hay khi nào nàng được sum-hợp với mẹ cha, chàng mới yên lòng.

b) Hồ Tôn-Hiến sai đem lễ-vật hậu-hĩnh nói lót với Kiều khuyên Từ-Hải về quy-thuận triều-đình. Từ phân-vân không chịu khuất-phục, sau nghe lời ngon ngọt của Kiều, chàng chấp-nhận.

c) Nào ngờ, bị lừa dối, chàng chết đứng giữa trận tiền bởi phục-binh của họ Hồ.

5- Kiều hết nợ đoạn-trường (2565-2738) a) Hồ Tôn-Hiến mở tiệc khao quân, bắt nàng hầu rượu, gây đàn. Tỉnh dậy, xấu-hổ vì hành-động quá chén đêm qua, họ Hồ bèn ép gả nàng cho thổ-quan. Rước dâu xuống thuyền, nửa đêm nàng lén trèo mình dưới sông Tiền-Đường.

b) Sau khi giã-biệt Kiều, trên đường vân-du, Giác- Duyên gặp bà Tam-Hợp luận về đời Kiều, cho biết nàng đã gieo mình xuống sông Tiền-Đường, khuyên nên thả bè lau vớt nàng vì còn cứu kịp.

c) Giác-Duyên làm y lời, dựng lầu bên sông, thuê ngư-phủ trả công khoán cả năm, tìm kiếm.

d) Kiều được vớt lên. Trong giấc mê-man, Kiều thấy Đạm-Tiên hiện về cho biết hết nợ đoạn-trường, từ nay sẽ được hạnh-phúc.

Phần 3- Cảnh đoàn-viên

I- Kim-Trọng trở lại vườn Thuý

1- Kim Trọng tìm kiếm Thuý Kiều (2739- 2839)

a) Thấy nhà Kiều điêu-tàn hoang vắng, được láng-giềng kể hết sự tình, chàng tìm đến nhà Vương-ông. Họ thuật lại lời Kiều căn-dặn nhờ Vân trả nghĩa Kim-Trọng.

b) Chàng rước ông bà sang nhà mình ở, đề tiện bề săn-sóc. Chàng cho người đi tìm kiếm Kiều khắp nơi.

2- Biết Kiều tự-trầm, Kim Trọng lập đàn tràng giải oan bên sông Tiền-Đường (2840-2972)

a) Tuy chấp duyên với Thuý-Vân, lòng chàng vẫn không khuây niềm tưởng nhớ Thuý-Kiều. Vương-Quan và Kim-Trọng thi đậu làm quan. Kim-Trọng nhậm chức Lâm-Truy. Lão ký-lục họ Đỗ kể tung-tích và diễn-biến đời Kiều cho đềun khi nàng gặp được Từ-Hải. Kim-Trọng mời Thúc-sinh đến đề tra hỏi.

b) Nhân khi đổi về Nam Bình, cùng với Vương Quan đang ở Châu Dương, chàng dò hỏi, được biết Kiều đã chết ở sông Tiền-Đường. Họ lập đàn tràng bên sông để giải oan cho nàng.

II- Kim Trọng gặp được Thuý Kiều

1- Giác-Duyên đi tới, thấy linh-vị Kiều, hốt-hoảng hỏi sao làm ma người còn sống? Cả nhà mừng rỡ theo Giác-Duyên về chùa gặp Kiều. (2973-3032)

2- Vương-ông dạy rước nàng về nhà, Kiều muốn ở lại chùa. Vương-ông hứa cho qua, bảo nàng muốn tu thì về nhà rước thầy lập am. Kiều vâng chịu. Cả nhà giã-từ Giác-Duyên. (3033-3058)

III- Kim Kiều tái-hợp trong tình bạn tương-tri.

1- Trong tiệc đoàn-viên, Vân mở lời tái-hợp nhân-duyên Kim Kiều. Hai người đầu lý, Kim Trọng tranh-biện, Kiều đành chịu khuất-phục ưng theo. Hôn-lễ cử-hành đủ mọi nghi-thức. (3059-3134)

2- Đêm khuya thanh vắng, Kiều trở lại chuyện tranh-biện ban sáng, nói điều phải trái hữu-lý chí-tình, Kim-Trọng cảm-phục, thuận đổi tình vợ chồng ra tình bạn-bè. Vâng lời chàng Kim, nàng tấu đàn lần chót, chấm dứt đời Bạc- Mệnh. Cả nhà sum-vầy hạnh-phúc. (3135-3240)

B- Kết-thúc (câu 3241-3254)

Dẫu định-mệnh có khắt-khe, song với lòng thiên-căn, tích-luỹ thiện-tâm, con người vẫn được tự-do khắc-phục hoá-giải và lướt thắng như chính Kiều là một chứng-nhân.

*Đĩa Mai Hạc do Nguyễn Du đề thơ nôm,
Nung xuất từ lò nung Cảnh Đức.
Giang Tây, Trung Quốc
đặt ở Cảnh Đức trấn, Giang Tây*



ASSIETTE EN PORCELAINE, DE FABRICATION CHINOISE SPÉCIALE
POUR L'ANNAM.

*Nghêu-ngao vui thú yên hà,
Mai là bạn cũ, hạc là người quen
(Nguyễn-Du, 1813)*

Phần 1

NHỮNG TRÍCH ĐOẠN TIÊU BIỂU

“Làm trai biết đánh tổ-tôm,

Uống trà Mạn Hảo, ngâm nôm Thuý-Kiều”,

Cái thú-vị này cho thấy Truyện Kiều là một tác-phẩm đặc-ý của văn-nhân thi-sĩ xưa. Đã gọi là một kiệt-tác thì trích-đoạn nào cũng thấy tuyệt-vời. Cho nên chúng tôi chỉ nêu ra vài đoạn làm tiêu-biểu cho bút-thuật thần-diệu của Tố-Như. Đặc-trưng về phép tả người, thì có chân-dung của giai-nhân, thư-sinh, trượng-phu anh-hùng và đặc-biệt bóng ma vô hình; về tả cảnh đàm tình thì có tình xuân e-áp của buổi ban đầu, lòng băng-khuâng rạo-rực dưới ánh trăng xuân lênh-láng, niềm hoài-hương trong ánh hoàng-hôn trước đại-dương mênh-mông sóng cả, niềm xót-xa thương nhớ, ngóng mong trong cảnh đơn-côi tịch-mịch, nỗi bàng-hoảng trống-trái khi trở về nhìn cảnh cũ tan hoang, người xưa đâu mắt? Về kể chuyện thì có cuộc đấu lý sôi nổi với kết-quả bị-can được tha bổng nhờ tài hùng-biện có lý chí tình. Nhất là không thể bỏ qua nghệ-thuật thâm-âm qua buổi tấu đàn vén mở và hạ màn tấn bi-kịch. Những nét đặc-trưng này sẽ được bàn tới trong mười hai trích-đoạn của phần 1 dưới đây. Các đoạn khác sẽ được đề-cập rải-rác trong phần 2 tổng-luận kế-tiếp.



1- HAI CHỊ EM KIỀU

Nêu luận-đề tổng-quát "tài, mệnh tương-đố" ngay trên đầu tác-phẩm:

*"Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau",*

Nguyễn-Du muốn đem câu chuyện náo lòng của người con gái tài sắc họ Vương ra làm minh-chứng:

*"...Lạ gì bỉ sắc, tư phong,
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen".*

Bởi vậy sau khi kể qua về gia-thể nhà Vương viên-ngoại, một gia-đình vào hạng trung-lưu "gia-tử nghị cũng thường thường bậc trung", Nguyễn-Du mới đặc-biệt giới-thiệu hai chị em Kiều, Vân như sau: hai thiếu-nữ đầu lòng của Vương-gia nho-phong con nhà nề-nếp, tuy sắp tới tuổi ra riêng, song vẫn một mực nét hạnh đoan-trang, kín cổng cao tường, "màn che trướng rủ"; sánh với đám thiếu-nữ cùng trang lứa xuân-thì, họ vẫn giữ-gìn được phẩm-cách thanh-cao, chưa hề biết đến chuyện lẳng-lo "ong bướm":

*15- Đầu lòng hai ả tố-nga,
Thúy-Kiều là chị, em là Thúy-Vân
Mai cốt cách, tuyết tinh-thần
Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.
19- Vân xem trang-trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy- đặn, nét ngài nở-nang,
Hoa cười ngọc thốt đoan-trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da;
Kiều càng sắc-sảo mặn-mà,
So bề tài, sắc lại là phần hơn,
Làn thu-thủy, nét xuân-sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh,
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai,
Thông-minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi, họa đủ mùi ca ngâm,
Cung, thương lầu bậc ngũ-âm,*

*Nghề riêng ăn đứt hồ-cầm một trang,
Khúc nhà tay lựa nên xoang,
Một thiên Bạc-Mênh lại càng nào nhân.
35- Phong-lưu rất mực hồng-quần,
Xuân xanh xấp-xỉ tới tuần cập-kê,
Êm-đềm trướng rủ màn che,
Tuồng đông ong bướm đi về mặc ai.*

Rõ là một sự so-sánh. Giữa vẻ đẹp của hai chị em, Thuý-Kiều nổi bật hẳn lên như một trang giai-nhân quán-thế, đã với nhan-sắc tuyệt-trần lại còn thêm có thiên-tài độc-đáo. Dưới ngòi bút mềm-mại của Nguyễn-Du, đoạn thơ này là cả một bức hoạ chân-dung tuy sơ-sài giản-dị song đã lột hết được tinh-thần của người trong tranh.

Hình-dung hai chị em Kiều qua nét vẽ chấm phá cho phép ta nhận-định về nghệ-thuật miêu-tả và hành-văn của nhà thơ.

A- HÌNH DUNG TÀI SẮC HAI CHỊ EM THÚY KIỀU

Hai người con gái đầu lòng của nhà họ Vương, chị tên là Thuý-Kiều, em tên là Thuý-Vân. Cả hai đều đẹp, mỗi người có một vẻ đẹp riêng: chị có vẻ đẹp của thân hình tha-thuốt, dáng vóc mảnh-khảnh như cành mai; em có vẻ đẹp của nét-na thủy-mị, lòng còn trong trắng như tuyết. Nhưng vẻ đẹp nào cũng hoàn-toàn tuyệt-mĩ.

I- Tài sắc hai chị em Thuý Kiều

1) Thuý-Vân:

Vào hạng tuổi của nàng, Thuý-Vân là người đứng-đắn và phương-phí phúc-hậu có một. Nàng vượt trội hơn ai hết. Mặt Vân tròn-trĩnh, đầy-dặn như trăng rằm; lông mày cong cong to bản; tóc dài xanh đen, óng mượt hơn cả màu mây; làn da trắng muốt mịn-mà hơn cả tuyết. Mỗi lần cười là miệng tươi như hoa nở, mỗi khi cất tiếng thì nói-năng ngọt-ngào, êm-ái, ra vẻ từ-tốn trang-nghiêm.

Với nhan-sắc hơn đời thế ấy, với nụ cười tươi-tắn cùng ngôn-ngữ dịu-dàng ấy, từ dung-mạo đến cử-chỉ, lời ăn tiếng nói, Thuý-Vân thực đúng là một thiếu-nữ thủy-mị đoan-trang, đẹp cả người lại đẹp cả nét.

2- Thuý-Kiều:

Thuý-Vân đẹp tuyệt-vời như vậy, nhưng đã thắm vào đâu so với Thuý-Kiều, chị nàng. Không sánh được với chị, vì Vân không có tài; Kiều trái lại, tài-nghệ sành-sỏi, không những biết nhiều mà còn biết đến chốn đến nơi, cái hiểu biết của người thành-thạo, sắc-sảo. Không so được với chị, vì Vân tuy có sắc đẹp mỹ-miệu, song sắc của Kiều thì lộng-lẫy duyên-dáng, còn diễm-lệ tình-tú hơn nhiều, một vẻ đẹp mặn-mà quyến rũ.

Thực vậy, Kiều có ánh mắt đong-đua trong sáng, long-lanh như làn nước mùa thu, có thể làm cho người say mê đắm-đuối. Kiều có lông mày dài và thanh-thanh như dáng núi mùa xuân mềm-mại. Đôi má ửng hồng đến nỗi hoa thắm phải ghen hờn vì bị kém tươi. Suối tóc dài óng-ả đến nỗi tơ liễu cũng phải giận oán vì bị kém xanh không thuột-tha bằng. Rõ là một sắc đẹp hấp-dẫn khiến bậc vua chúa cũng phải si mê mà để cho thành tan nước mất. Rõ là một nhan-sắc xuất-thế tuyệt-trần!

Đúng vậy, trần-gian này nhiều lắm thì cũng chỉ có một sắc đẹp nàng Kiều là đáng ca-tụng, nó độc nhất vô nhị không sắc đẹp nào có thể sánh bằng. Đến như tài-nghệ thì hoạ may có được một người thứ hai sánh điệu thưởng-thức. Vốn có tư-chất thông-minh do bẩm-sinh trời phú, Kiều đã thông-thạo đủ hết mọi nghề thi, hoạ, ca, ngâm, nàng lại còn chuyên-tâm trau-đồi nhạc-nghệ. Với biết-tài âm-nhạc, nàng quả là người sành-sỏi lọc-lỗi, thành-thạo phép ký-âm, lâu thông cung bậc, sử-dụng nhạc-khí tài-tình, gảy đàn hồ-cầm vẫn là món sở-trường mà nếu đem so ra thì nàng ăn đứt, không ai có thể so bằng sánh kịp. Nghe một nhạc-khúc "Bạc-Mệnh",

người nghe đã buồn đau não-nuột, chủ như nghe *bản nhạc trình-tấu "một xoang Bạc-Mệnh"* do chính nàng lựa cung sáng-tác, lại cũng do chính nàng một trang hồ-cầm nấn phím so dây, thì quả là tơ đồng khi bật lên đã biến thành những tiếng tơ lòng sầu muộn ai-oán, khiến người nghe chẳng thể cảm lòng mà cảm thấy não-nùng thấm-thía hơn nhiều.

II- Thông-minh tài-nghệ thế ấy, có đúng chăng?

Những lời giới-thiệu trên đây càng về sau càng thấy tỏ rõ:

1) Kiều quả rất thông-minh.

Dạy cho là do kinh-nghiem thử-thách dạn-dày đã dạy cho nàng biết khôn-ngoa đi nữa, song cứ những lý-lẽ cân nhắc mọi đường hơn thiệt, biện-biệt phải trái và giao hẹn với Thúc-Sinh sau này, khi chàng có ý chuộc nàng ra khỏi thanh-lâu, rằng:

“Thương sao cho vẹn thì thương,

Tính sao cho trọn mọi đường thì vâng”

hay những lời lẽ khuyên giục chàng về thăm vợ cả cũng như dặn đi dặn lại hết điều những mong *“sao cho trong ấm thì ngoài mới êm”*, thì cái khôn ngoan ấy không thể thấy ở một kẻ bình thường. Thủ đặt Thuý-Vân vào địa-vị nàng, chắc hẳn Thuý-Vân không thể có được cái sáng-suốt khéo khôn đến như vậy.

Không thông-minh, sao mới chỉ có vài tháng khoác áo nâu sồng tại Quan-Âm-Các nhà Hoạn-Thư:

“Nâu sồng từ giở màu thuyền,

Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu”,

thế mà khi tới nường-náu ở am Chiêu-Ấn nàng đã:

“Kệ kinh câu cũ thuộc lòng,

Hương đàn việc cũ trai phòng quen tay”,

đến nỗi sư bà Giác-Duyên trụ-trì cũng phải “nể mặt” vì *“thấy nàng thông-tuệ khác thường”*

Không thông-minh, sao mới chỉ một lần sơ-ngộ diện-kiến, mà Kiều đã đoán được chân-tướng của Từ-Hải, nói một câu phẩm-bình về chàng, cất lời tán-dương và khiêm-tốn hạ mình?

*Thưa rằng: “lượng cả bao dong,
Tán-Dương được thấy mây rồng có phen.
Rộng thương cở nội hoa hèn,
Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau”,*

Thế mà đã khiến người anh-hùng Việt-Đông phải vừa ý:

*Nghe lời, vừa ý gật đầu,
Cười rằng: “tri-ký trước sau một người,
Khen cho con mắt tinh đời,
Anh-hùng đoán giữa trần-ai mới già”*

- 2) **Còn như về tài-nghệ**, thì chẳng những là “*thi, hoạ, đủ mùi ca, ngâm*”, mà còn phải nói là trong những thú chơi “*cầm, kỳ, thi, tửu*” của tao-nhân, nàng không sót một thú tiêu-khiển nào.

a) **Tài văn thơ**, thì khỏi nói.

• Trước mà Đạm-Tiên, hết đề thơ tứ-tuyệt “*vạch da cây vịnh bốn câu ba vần*”, Kiều lại “*nói thêm vài lời*” khi

*“Lòng thơ lai-láng bồi-hồi,
Gốc cây lại vịnh một bài cổ-thi”*

Hồn thơ quả có lai-láng, nên chỉ khi Đạm-Tiên hiện về báo mộng đêm đó, Kiều đã “*vâng linh ý đề bài, tay tiên một vẩy đủ mười khúc ngâm*”.

Tài thơ mẫn-tiếp tuyệt-diệu đến chính Đạm-Tiên cũng phải “*nức-nở khen thầm*”:

*“Giá đành tú-khẩu cảm-tâm khác thường,
Ví đem vào tập Đoạn-Trường,
Thì treo giải nhất ai nhường cho ai?”*

• Khi Kim-Trọng ngỏ ý “xin một vài lời thêm hoa” để “phẩm-đề” cho bức tranh chàng vừa phác-hoạ, thi-húng của nàng lại được dịp trào tuôn:

*“Tay tiên gió táp mưa sa,
Khoảng trên dùng bút thảo và bốn câu”,*

khiến cho tình-quân phải trầm-trồ thần-phục:

*“Khen tài nhả ngọc phun châu,
Nàng Ban ả Tạ cũng đâu thế này?
Kiếp tu xưa ví chưa đầy,
Phúc nào nhắc được giá này cho ngang” c*

• Văn-tài trác-tuyệt, Thuý-Kiều hay chữ lắm. Chẳng thế mà khi nhận được tờ hoa-tiên của Sở-Khanh vồn-vện chỉ có hai chữ “*Tích-Việt*” (昔越), Kiều đã chiết-tự ngay ra cái ý của người nhắn gửi: trấp (卅) nhất (一) nhật (日) tuất (戌) tẩu (走), hẹn nàng ngày hai mươi một giờ tuất thì cùng nhau chạy trốn.

Cũng chính cái tài văn thơ ấy mà mới trước đó, Kiều còn bị quan phủ Lâm-Truy chiếu đơn của Thúc-Ông, cha chàng, kiện nàng và Thúc-Sinh, dạy rằng:

*“Cứ pháp gia-hình,
Ba cây chụm lại một cành mẫu-đơn”,*

thế nhưng sau trận đòn “*đào hoe quen má, liễu tan-tác mày*” đó, trận đòn khiến “*một sân lầy cát đã đầy, giường lờ nước thủy, mai gầy vóc sườn*”, Kiều lại được chính ông quan phủ này chẳng những tha bổng mà còn đứng ra tổ-chức hôn-lễ cho hai người:

*“Kíp truyền sắm-sửa lễ công,
Kiệu hoa cất gió đuốc hồng điểm sao”*

Cái sự ngược đời, vị tình ấy xảy ra chỉ vì ông quan đã quá trọng văn-chương chữ-ngĩa. Khi Thúc-Sinh giới-thiệu văn-tài của bị-cáo để xin khoan-hồng xét-xử, ông quan vừa mới ra đề bài “*Mộc-Già*” bắt nói về cái gông, nàng liền vâng lệnh “*cất bút tay đề, tiên-hoa trình trước án phê xem tường*”. Lại một lần nữa, thi-tài mẫn-tiếp tuyệt-vời đến nỗi ông quan phủ phải:

*“Khen rằng: giá lợp Thịnh-Đường,
Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân,
Thật là tài-tử giai-nhân,
Châu, Trần còn có Châu, Trần nào hơn”*

• Ngay chính Hoan-Thư là kẻ tình-địch mà cũng đã hơn một lần phải khâm-phục cái tài “nhả ngọc phun châu” của nàng. Chỉ mới “*thoắt xem*” tờ cung-chiều của Kiều thôi, Hoan-Thư đã phải “*ngẩn-ngờ chút tình*” và không tiếc lời ca ngợi xót thương:

*“Rằng: ‘tài nên trọng mà tình nên thương,
Ví chẳng có số giàu sang,
Giá này dầu đúc nhà vàng cũng nên,
Bể trần chìm nổi thuyền-quyên,
Hữu tài thương nổi vô duyên lạ đời!’”*

Ngay cả sau này khi bắt được quả tang Thúc-Sinh lén vợ ra Quan-Âm-Các để trò chuyện với Kiều, Hoan-Thư cũng vẫn một lời khen ngợi tài viết của nàng,

*“Khen rằng: ‘bút-pháp đã tinh
So vào với thiếp Lan-Đình nào thua!
Tiếc thay lưu-lạc giang-hồ,
Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài!’”*

b) Còn như những thú chơi khác như đàn, cờ, rượu, vẽ, Kiều không phải là không sành điệu, bởi nàng cũng là một nho-nhã văn-nhân.

• Lần đầu tiên tại nhà Kim Trọng, nhìn bức tranh tùng treo trên vách, nàng được chàng yêu-cầu “phẩm-dề, xin một vài lời thêm hoa”, Thuý-Kiều bèn “tay tiên gió tấp mưa sa, khoảng trên dùng bút thảo và bốn câu”. Thơ hay đến nỗi chàng phải thốt lên:

*“Khen tài nhả ngọc phun châu,
Nàng Ban, ả Tạ cũng đâu thế này!”*

Tài thơ thì như thế, tài-lượng nàng cũng không kém. Hai người đã cùng nhau đối-âm “chén hà sánh giọng quỳnh tương” và khi đoàn-

viên tái-hợp, hai người cũng “cùng nhau lại chuốc chén quỳnh giao-hoan”. Đã thoả-thuận coi nhau như bạn tương-tri mặc dầu trên danh-nghĩa vẫn là vợ chồng, họ cùng nhau vui thú thanh-tao đàn cò thơ rượu.

*“Hai tình vẹn cả hoà hai,
Chẳng trong chăn gối, cũng ngoài cầm thơ.
Khi chén rượu, khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.”*

• Khi ở thanh-lâu, hết lấy cầm, kỳ, thi, hoạ để “*gượng vui*” cho khuây nỗi buồn không người tri-kỷ:

*“Đời phen nét vẽ câu thơ,
Cung cầm trong nguyệt, nước cò dưới hoa.”*

lại mượn cầm, kỳ, thi, tửu làm thú chơi thanh-nhã với người tri-âm tương-đắc, nàng đã cùng với Thúc-Sinh hoà đàn, đánh cò, đối-ẩm, liên-ngâm:

*“Khi gió mát, khi trăng sân,
Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nổi thơ.
Khi hương sớm, khi trà trưa,
Bàn vây điểm nước, đường tơ hoạ đàn”*

• Đúng như Nguyễn-Du giới-thiệu:
*“Nghề riêng ăn đứt hồ-cầm một trang,
Khúc nhà tay lựa nên xoang,
Một thiên Bạc-Mệnh lại càng nào nhân”*

* *Làn sơ-ngộ Kim-Trọng*, tài đàn của nàng đã khiến chàng phải

*“Khi tựa gối, khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày”*

* *Khi phải hầu đàn cho Hoạn-Thư* vui say với chồng cũng là người tình của mình, tiếng đàn của nàng, ôi thôi!

“Bốn dây như khóc như than,

Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng”

* *Khi Hồ-Tôn-Hiến “mở tiệc hạ-công” ăn mừng chiến-thắng giết được Từ-Hải, chồng nàng, tên tổng-Đốc họ Hồ còn bắt nàng thị-yến và tấu bản đàn nàng quen gảy mỗi ngày. Tơ đồng bật tiếng thì rõ là*

*“Một cung gió thảm mưa sầu,
Bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay,
Ve ngâm vượn hót nào tày,
Lọt tai Hồ cũng nhận mây rơi châu”*

* Song cái kỳ-tài của Kiều không phải chỉ là diễn-tả điệu nhạc của bản đàn mà chính là diễn-tả được lòng mình qua những biến-điệu của cung đàn. Cho nên cũng vẫn một bản đàn “*Bạc-Mệnh*” ấy mà khi tái-ngộ đoàn-viên, tiếng đàn lại trở nên khác thường, cung sầu xen lẫn với điệu vui:

*“Lọt tai nghe suốt năm cung,
Tiếng nào là chẳng nào-nùng xôn-xao”,*
khiến chàng Kim cũng phải ngạc-nhiên mà rằng:

*“Phổ ấy tay nào?
Xưa sao sầu thảm này sao vui-vầy?
Tẻ vui bởi tại lòng này,
Hay là khổ tận đến giây cam lai?”*

Đến đây thì quả đã rõ tài-ngệ của một trang tuyệt-thế giai-nhân. Bảo rằng tài sắc ấy tuyệt-đỉnh, tưởng không phải là quá đáng lắm!

III- Tài sắc ấy phản-ánh tâm-lý nhân-vật

Tuy tả vẻ đáng bề ngoài, tuy kể sơ tài sắc mà Nguyễn-Du cũng đã làm nổi bật tâm-lý của nhân-vật mình đang phác-hoạ. Nét vẽ sống động lột được hết tinh-thần người tố-nữ trong tranh. Nhân-vật nào rõ ra nhân-vật ấy. Tài sắc phù-hợp với tính tình.

- 3) Với vẻ đẹp dịu-dàng kín đáo, *Thúy-Vân* có cái tướng số của người an-nhàn thung-dung, của một tâm-hồn thơ-ngây

trong trắng, một tâm-trang vô tư bình-thản, một tính tình hiền-hậu ngoan-ngoãn. Nó hứa-hẹn một cuộc đời sung-sướng phảng lảng, cuộc đời của người phúc-hậu mệnh-phụ tương-lai.

- 4) ***Với vẻ đẹp bậc lộ dữ-dội***, với tài-nghệ xuất-chúng siêu-quần, Thúy-Kiều có cái tướng số một người đa-tình lãng-man, một tâm-trang ưu-tử đa-cảm, một tính tình cuồng-phóng đam-mê. Cái sắc đẹp mặn-mà bốc cháy, lênh đênh nghiêng trời ấy, nó phảng-phất cái vẻ lẳng-lơ tình-tú, nó thể-hiện một trái tim rất dễ xúc-động, dễ yêu, dễ nhớ, dễ bán-khoản mộng-mị. Nó báo trước một cuộc đời éo-le gian-truân, một tương-lai đau khổ đoạn-trường, cái đau khổ của một người mà định-mệnh đã nằm sẵn ngay trong tài sắc tuyệt-thể phi-thường. Chính vì vậy mà thầy tướng số đã tiên-đoán:

*“Tinh-hoa phát tiết ra ngoài,
Nghìn thu bạc-mệnh một đời tài-hoa.”*

Tài-hoa nhưng bạc-mệnh. Phải rồi! Ngay khi còn đương độ tuổi xuân, mà đã khu-khư say khúc “*Bạc-Mệnh*”, trội hẳn về nghề cầm ca, sở-trường về ngón ti-bà. Tính tình nào thì sở-thích ấy. Đó là tính tình uỷ-mị của một con người không còn bình-thản đơn-sơ, nhưng sâu-sắc với những suy-tư mộng-tưởng, rồi bởi với những ưu-sầu ngổn-ngang.

Nét vẽ tài sắc quả đã phản-ánh được hai tâm-lý cá-biệt của Thuý-Vân, Thuý-Kiều. Nét vẽ ấy có tinh-thần. Thật là linh-diệu!

B- BÚT THUẬT CỦA NGUYỄN DU

I- Nghệ-thuật miêu-tả: Nét vẽ linh-diệu là do ở nghệ-thuật khéo-léo của Nguyễn-Du trong phép tả người:

1) dùng lối hoạt-hoạ để miêu-tả chân-dung.

Chỉ cần trụng lên vài nét đặc-sắc cũng đủ cho người đọc hình-dung được một bức tượng đầy-đủ vẻ đẹp tuyệt-mĩ về thể-chất cũng như về tinh-thần. Lối phóng bút của tác-giả có công-dụng gợi trí tưởng-tượng của người đọc và do đó người đọc càng thấy rõ được vẻ đẹp tuyệt-thể của giai-nhân. Tả Thuý-Vân cũng như tả Thuý-Kiều, Nguyễn-Du chỉ cần vẽ nên khuôn mặt hai người với vài nét chính: khoé mắt long-lanh ẩn dưới lông mày thanh-thanh, thêm đôi môi thắm hiện nở trên làn da trắng mịn, buông toả một suối tóc mềm óng thuót-tha. Nếu diện-mạo thể-hiện con người, thì ở đây một vài nét hoạt-hoạ của Nguyễn-Du cũng đã chấm phá nên chân-dung của đôi giai-nhân khác nhau một trời một vực nhưng vẫn hoàn-toàn.

2) mượn đường nét thiên-nhiên để tả nhan-sắc:

Từ lúc giới-thiệu chung đến khi tả riêng từng người, tác-giả đều mượn đường nét thiên-nhiên để phô-diễn vẻ đẹp mỗi người. Tả thân hình dong-dỏng xương xường của nàng Kiều, Nguyễn-Du so với dáng-dấp của một cây mai mảnh-khảnh. Tả ánh mắt dong-đưa với cái nhìn tình-tú đầy quyến-rũ mà ví với làn nước mùa thu gợn sóng thì thật là bóng-bảy gợi hình. Không cần phải nói rõ tầm vóc, khoé mắt, độc-giả cũng hình-dung ra được rõ-ràng: thiên-nhiên vẫn đẹp, vậy mà giai-nhân còn đẹp hơn bội phần. Nét vẽ của Tiên-Điền tuy mộc-mạc mà đậm-dà sâu-sắc. Hình-ảnh nhà thơ tạo nên tuy thấp-thoảng mà linh-hoạt hiển-hiện. Họa đến như thế thì quả là diệu-xảo.

Nhưng xét cho kỹ, tựu chung nghệ-thuật phác-hoạ ấy vẫn không ra ngoài khuôn xưa lối cũ. Nó vẫn nằm trong phép hoạ cổ-kính chân-phương. Nó vẫn đi theo đường vẽ ước-lệ trong phép miêu-tả nhan-sắc đàn bà. Tả phụ-nữ đẹp, cổ-nhân vẫn thường áp-dụng một công-thức tổng-quát: nào mặt hoa da phấn, nào mắt phượng mày ngài, nào khuôn mặt trái xoan, sóng mũi dọc dừa ... Có một điều, Nguyễn-Du đã phóng-túng hơn, không mực thước chặt-chẽ, nhưng giản-lược dễ-dãi hơn nhiều nếu đem so với lối hoạ của Ôn-Như.

Nghệ-thuật của Nguyễn-gia-Thiều thì quá ước-lệ, rất mực cầu-kỳ cứng nhắc. Nghệ-thuật của Nguyễn-Du tuy cũng ước-lệ nhưng không mầu-mực gò bó, trái lại mềm-mại uyển-chuyển đơn-sơ. Cung-phi của Ôn-như là một mỹ-nữ của chốn thần-tiên xa lạ. Thuý-Kiều của Nguyễn-Du thì rõ là một kiều-nữ của chốn thâm-khuê. Mà tài tình ở chỗ tuy cùng ước-lệ song tả Vân lại khác hẳn tả Kiều.

II- Văn-chương óng-chuốt

Chính vì vậy mà văn-tù cú-pháp của tiên-sinh cũng biến diệu, cũng giản-dị mà bóng-bẩy.

1- *lời thơ giản-dị nhưng không rườm-rà kể-lẻ*

a) *Câu văn hết sức gọn-gàng.* Đọc riêng câu: “*Thuý-Kiều là chi, em là Thuý-Vân*”, thì ai bảo đó là thơ? Tách riêng câu: “*Kiều càng sắc-sảo mặn-mà, so bề tài sắc lại là phần hơn*”, nếu không có âm-vận thì tưởng cũng như một lời kể chuyện thông-thường. Đến như nói rằng: “*Nghề riêng ăn đứt hồ-cầm một trương*”, thì hai tiếng “*ăn đứt*” quả là thuần nôm mà rất xác thực, ta vẫn quen gặp trong câu nói hằng ngày nơi cửa miệng đầu môi, từ dùng hết sức bình-dân mà mạnh nghĩa.

b) *Thắng hoặc có điển-cổ*, thì lại đã Việt-hoá, đọc lên ai cũng hiểu rồi.

a) Nói về sắc đẹp “*một hai nghiêng nước nghiêng thành*”, thì chẳng cần phải biết đến câu thơ của Lý-Duyên-Niên: “*nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc*”, một lần ngoảnh lại làm nghiêng thành người, hai lần ngoảnh lại làm nghiêng nước người, không cần phải hiểu thấu câu thơ Hán-văn ấy cũng thừa hiểu ngay cái hiệu-lực góm-ghê của sắc đẹp bởi hai thành-ngữ *nghiêng thành, nghiêng nước*. Thì người ta đã chẳng từng nói rằng đẹp đến “*xiêu đình đổ quán*” đó sao?

b) Lại suốt hai chục câu thơ, vồn-vẹn chỉ có một điển-cổ ấy. Chứ như Cung Oán Ngâm-Khúc của Nguyễn-Gia-Thiều, thì cả là một kho điển-tích, đầy đầy những danh-nhân xa lạ, nhan-nhân những mẫu-mực Trung-Hoa: nào Tây-Thi, Hằng-Nga, nào nàng Ban, tiên-nữ, hết Lý-Bạch, Vương-Duy lại đến Lưu-Linh Đế-Thích. Làm sao mà hiểu nổi được cái tài sắc kỳ-dị ấy, một thứ tài sắc tổng-hợp vá-vúu đủ mặt giai-nhân, khắp mặt danh-tài?

c) Kể về Hán-tự thì cũng không phải là không có, song đều là những từ thông-dụng như: thu-thuỷ xuân-sơn, như nào nhân, bạc-mệnh....., đọc lên ai cũng có thể hiểu được dễ-dàng. Vả lại nàng Kiều không phải là một đoá lan thôn-dã, nhưng là một thiếu-nữ nền-nếp con nhà, tuy không quyền-quý đài-các, song cũng là người của lớp trung-lưu vẫn từng:

*“Êm dềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.”*

Thiết-tưởng mấy danh-từ Hán-tự ấy dùng để tả người thiếu-nữ như Vân, Kiều kể cũng xứng hợp. Điều-hoà được ngọn bút như vậy thì bút-pháp của Nguyễn-Du thực là giản-dị không thể phủ-nhận. Song tuy giản-dị mà bóng-bẩy.

2) lời thơ tuy giản-dị mà bóng-bẩy

a) Khi mượn đường nét thiên-nhiên để làm tài-liệu cho bức tranh, bút-pháp của nhà thơ thực là gợi hình linh-động. Những hình-ảnh duyên-dáng đầy màu sắc ấy đã gợi cảm rất nhiều. Có màu thắm đỏ của hoa tươi thì cũng có màu trắng toát của tuyết, màu xanh biếc của núi, mây. Có cảnh mai thon bé đẹp xinh, thì cũng có tơ liễu mềm lả, nước thu gợn gợn ngấn trong. Hình sắc đều dịu-dàng tươi mát, dễ thương như vẻ đẹp khả-ái mỹ-miêu của tổ-ngà. Bút-pháp trở nên bóng-bẩy gợi hình, chính là vì *mĩ-từ-pháp ám-tĩ* được Nguyễn-Du tận-dụng ở đây.

b) Nó lại càng bóng-bảy nhờ lối nhân-cách-hoá thiên-nhiên. Thăm đến hoa phải ghen, xanh đến liễu phải hờn, mây đành chịu thua, tuyết đành nhường bộ, thì quả là đẹp quá! Cảm thấy đẹp quá không phải chỉ vì nghĩ đến hoa, đến liễu, tưởng đến tuyết, đến mây, mà vì kinh-ngạc trước sự ghen hờn tức giận, sự đầu hàng thua kém của vật vô tri. Cảnh vốn vô-tri, lại vốn đẹp nhất trong tạo-vật, vậy mà cũng phải cảm tức, cảm phục, tưởng chủ dưng ở đây mạnh quá.

c) Vừa nhân-cách-hoá vừa có thâm-xung, từ-ngữ vừa chuẩn-xác vừa hàm-súc. Nếu đem so hai chữ “*thua, nhường*” với hai chữ “*hờn, ghen*”, mới lại càng thấy lối chọn chữ của Nguyễn-Du thật công-phu thận-trọng. Vân làm sao bằng được Kiều? Tuy cả hai nàng đều hoàn-toàn, song vẻ đẹp của Vân kém lộng-lẫy sắc-sảo hơn Kiều. Vân hoàn-toàn, nhưng không phải là rất mực siêu-quần quán-thế. Bởi vậy mây chỉ *thua*, tuyết chỉ *nhường* chứ không ghen ghét cảm hờn như đối với nhan-sắc tuyệt-đỉnh lộng-lẫy của Kiều. Bút-pháp thành ra vừa bóng-bảy mà vừa sâu sắc.

c) Nếu tân-dùng lối tỉ-lệ, thì Nguyễn-Du cũng ưa thích phép đối-ngẫu trong lúc chọn tiếng đặt câu.

* *Mai cốt cách* phải đối với *tuyết tinh-thần*. Một câu 6 tiếng chia hai vế đối: đối thanh (***b t t*** với ***t b b***), đối ý, đối lời (*mai* với *tuyết*, *cốt-cách* với *tinh-thần*). Một đẳng vẻ đáng cụ-thể, một đẳng tinh-thần trừu-tượng. Trên là vẻ đẹp thể-chất, dưới là vẻ đẹp tâm hồn.

* Rồi lại “*Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da*”. Cũng vẫn cái lối đối chọi như trên, màu da làm nền, màu tóc nổi bật, mây thua thì tuyết nhường, mây óng thì tuyết mịn. Hai vế tiểu-đối hợp lại trong câu thơ đã vẽ ra cái cân-đối nhịp-nhàng của thân hình diện-mạo.

* Sau cùng là:

*“Lân thu-thuỷ, nét xuân-sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”*

Thực rõ là phẳng-phất nét vẽ của một bức tranh sơn thuỷ, Có núi xanh thì có nước trong đối-xúng, có hoa thắm thì có liễu xanh rờn sánh bên. Hoa thua, thì liễu kém. Hoa ghen thì liễu hờn. Tả nước thì chỉ một lân sóng gợn, tả núi thì chỉ một nét nhẹ đưa. Nếu hình-dung một trang giai-nhân kiều-diễm đứng trước bối-cảnh núi xanh hoa thắm, tơ liễu buông mảnh, in bóng trong lòng nước hồ thu lăn-tăn sóng gợn thì quả là bức tranh tuyệt-diệu nên thơ, hài-hoà giữa thiên-nhiên với con người.

Suốt cả mấy câu, phép tiểu-đối đã phản-chiếu những màu sắc tương-phản và điều-hoà trong bức tranh: màu đậm nổi bật trên màu nhạt làm nền: trắng tuyết, xanh mây, nước bạc, núi xanh, hoa thắm. Câu thơ vì vậy càng trở nên có âm-điệu du-duơng, có tiết-tấu nhịp-nhàng. Tóm lại, khi bình-dị đơn-giản, khi bóng-bẩy sâu-sắc, bút-pháp của thi-sĩ Tiên-Điền quả là già tay diệu-xảo.

III- Kỹ-thuật xây-dựng:

Thêm vào đó, kỹ-thuật xây-dựng của nhà thơ cũng khiến cho nghệ-thuật thêm điều-luyện.

1- Trước hết tả chung, giới-thiệu cả hai cùng đẹp khiến độc-giả có được một ý-niệm tổng-quan. Sau đó mới đi vào chi-tiết, giới-thiệu riêng từng người, khiến độc-giả có một ý-niệm rõ-rệt, hình-dung được nhân-vật một cách cụ-thể. Tả chung là đã sửa-soạn cho sự trầm-trở ngợi-khen, khi tả riêng là đã kích-thích được sự cảm-phục của người đọc.

2- Nhất là vì dụng-ý đề-cai vai trò Kiều, nhân-vật chính-yếu, Nguyễn-Du, trong phần tả riêng, đã đem Thuý-Vân ra so-sánh. Thuý-Vân lại được đặt lên đầu, Thuý-Kiều được xếp xuống sau. Cách xếp đặt như vậy có tác-dụng điều-khiển được cảm-tưởng cùng hấp-dẫn được sự theo dõi của độc-giả. Trước đây người ta càng thán-phục sắc đẹp của Vân bao nhiêu, thì sau này người ta càng phải ngạc-nhiên trước tài sắc độc-nhất của Kiều bấy nhiêu. Do đó, đến khi chấm dứt đoạn thơ, người ta vẫn giữ lại được rõ nét hình ảnh của người đẹp sau cùng là Thuý-Kiều, hình ảnh nhân-vật trọng-yếu của bi-kịch vì vậy được khắc sâu trong tâm-trí người xem. Phải, Kiều là nhân-vật chủ-yếu, mà vai trò của Thuý-Vân được dựng thêm bên cạnh Kiều cũng là vì nhằm mục-đích đề-cai người quốc-sắc. Chính cái thủy-mị của Vân tôn cái sắc-sảo của Kiều. Chính cái thơ-ngây của Vân nâng cái lãng-mạn của Kiều, và sau này qua các đoạn dưới, ta mới càng thấy rõ sự hiện-diện của Vân trước nàng Kiều ở đây quả đã dự-bị để làm nổi bật những chông gai sắc nhọn trên đường lưu-lạc của người thiếu-nữ giang hồ, quả đã dự-bị để chứng-minh cho luận-đề “*tài mệnh tương đố*”, hồng nhan đa truân.

IV- Cách kết-cấu.

So-sánh, đối-chiếu mà không trùng-hợp lẫn-lộn nhưng vẫn biệt-lập rõ-ràng, chính vì sự cấu tứ dàn ý đã theo một bố-cục phân-minh.

4.1- Vân kém quan-trọng hơn thì tả ít, Kiều đáng chú-ý hơn thì nói nhiều.

* Tả sắc của Vân trong ba câu:

*“Khuôn trăng đầy-đặn, nét ngài nở-nang
Hoa cười ngọc thốt đoan-trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”*

* Tả sắc của Kiều cũng chỉ có ba câu:

*“Làn thu-thuỷ, nét xuân-sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh,
Một hai nghiêng nước, nghiêng thành”*

Mà tài Kiều được Nguyễn-Du nói nhiều hơn sắc, vì xem ra như tài năng dự phần quan-trọng trong cuộc đời gian-truân. Thì Nguyễn-Du đã chẳng từng nói đó sao? *“Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau”*, và thầy tướng số đã chẳng bảo rằng: *“Nghìn thu bạc-mệnh một đời tài-hoa”*? Ngay chính nàng Kiều, sau này trong cảnh bình-an, trước mặt Kim-Trọng nàng cũng xác-nhận cái tai-ác gồm-ghê của tài đàn nhạc-ngệ, mà rằng:

“.... vì mấy đường tơ,
Lầm người cho đến bây giờ mới thôi”

mà rằng:

“.....vì chút nghề chơi,
Đoạn-trường tiếng ấy hại người bấy lâu.”

Bởi vậy trong sáu câu thơ nhiều gấp đôi đoạn tả sắc, Nguyễn-Du chú-trọng đến tài hơn sắc là phải lắm. Bố-cục như vậy thực là cân-đối xứng-hợp.

4.2- Bố-cục ấy lại chặt-chẽ phân-minh nhờ những câu chuyển mạch đặc-pháp, dẫn ý tài-tình.

a) chuyển từ phần tả chung sang phần tả riêng thì báo trước bằng nhận-xét:

“Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười”

b) chuyển từ đoạn tả Vân sang đoạn tả Kiều, thì so-sánh và dẫn vào bằng câu:

“Kiều **càng** sắc-sảo mặn-mà,
So bề **tài sắc** lại là phần **hơn**”

Chữ “**càng**” đi với chữ “**hơn**”, hàm ý so-sánh, tóm-tắt được điều đã nói về Vân. Hai chữ “**tài sắc**” báo trước được hai tiểu-ý sẽ đề-cập ở dưới. Tưởng không gì đặc-pháp bằng.

c) *Lại dẫn từ tiểu-đoạn “sắc” sang tiểu-đoạn “tài”, chuyển mạch cũng vồn-vẹn gồm hai vế tiểu đối trong câu:*

*“**Sắc** đành đòi **một**, **tài** đành hoạ **hai**”*

Vế trên kết tóm, vế dưới dẫn vào. Nào có khác chi một mối xích móc nối hai đầu. Lối chuyển bản lề này (transition charnière) còn gặp nhiều rải-rác trong suốt tác-phẩm Đoạn-Trường Tân-Thanh.

Kết-luận.

Tả người tuyệt khéo, hình ảnh hiển-hiện, mỗi người mỗi khác, vừa sắc vừa tài, lại chỉ vồn-vẹn trong hai mươi câu thơ gọn-ghẽ. Lời thơ bóng-bẩy, từ-ngữ súc-tích, âm-điệu du-dương, bố-cục mạch-lạc, bút-pháp diễm-ảo. Bài thơ có thể coi như kết-tinh ở Nguyễn-Du một nghệ-thuật tinh-vi tế-nhị, phản-chiếu ở ông một tâm-hồn nghệ-sĩ giàu óc tưởng-tượng, tình-cảm dồi-dào. Chính với tâm-hồn ấy mới có nghệ-thuật này, để dệt thành bài thơ tuyệt-cú đến như vậy.



*Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời*



2- KIỀU VIẾNG MỘ ĐẠM-TIÊN

Thời-gian đi mau như thoi én dẹt đưa trên khung cửi. Thấm-thoát mùa xuân đã hơn hai tháng trôi qua. Hoa lê đã thấy lác-đác điểm trắng trên cành. Bắt đầu vào tiết Thanh-Minh. Bãi tha-ma thường-nhật hoang-liêu quanh-quẽ, nay bỗng trở nên sầm-uất trong ngày hội Đạp-Thanh. Bởi vì thiên-hạ tấp-nập đi sửa-sang mờ mả. Tro tiền vàng mã bay tán-loạn quện trong khói hương nghi-ngút. Trai thanh gái lịch được dịp rủ nhau nô-nức du xuân. Trên cánh đồng ngổn-ngang gò mả nhấp-nhô, họ dập-dù sánh bước, dẫm trên thảm cỏ non xanh rờn xa tấp tới tận chân mây...

Cũng theo giòng người lũ-lược ấy, ba chị em Kiều đi trẩy hội xuân. Mãi ngắm cảnh nhộn-nhip ngoài nghĩa-địa, mãi đến khi trời đã xế chiều, Kiều cùng hai em mới quay gót trở về. Giữa đường, chợt gặp năm mồ vô chủ không người sang-sửa. Được Vương-Quan, em trai út của nàng, kể cho nghe người đã khuất là Đạm-Tiên, một nàng ca-kỹ tài sắc lấy-lùng đã chết đương thời son trẻ, không kẻ đoái-hoài, Kiều động lòng thốn-thức khóc than, khăn vái, đề thơ, giải hận cho người xấu số.

Đạm-Tiên là ai, đời nàng thảm-thương thế nào mà Kiều thương vay khóc mượn đến như vậy? Trong nắng chiều ngày xuân tàn úa, trước năm mồ vô danh hoang-phế, giữa kẻ sống và người đã chết như đồng thanh đồng khí, âm dương không còn cách biệt, niềm tương-cảm sâu xa đến nỗi người nằm dưới mồ đã hiển-linh hiện về. Tất cả cái âm-khí u-huyền lạnh-lẽo ấy đã được Nguyễn-Du dựng lại một cách thật sống động trong đoạn thơ dưới đây:

- 51- Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ-thần đang tay ra về.
Bước lần theo ngọn tiểu-khé,
Nhìn xem phong-cảnh có bề thanh thanh,
- 55- Nao nao giòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho-nhỏ cuối ghềnh bắc sang,
Sè sè nấm đất bên đường,
Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh,
Rằng: ‘Sao trong tiết Thanh-minh,
- 60- *Mà đây nhang khói vắng tanh thế mà?’*
Vương-Quan mới dẫn gần xa:
"Đạm-Tiên, nàng ấy xưa là ca-nhi,
Nổi danh tài sắc một thì,
Xôn-xao ngoài cửa thiếu gì yến oanh.
- 65- *Phận hồng-nhan có mong-manh,*
Nửa chùng xuân, thoát gẩy cành thiên-hương!
Có người khách ở viễn-phương,
Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi,
Thuyền tình vừa ghé tới nơi,
- 70- *Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ,*
Buồng không lạnh ngắt như tờ,
Dấu xe ngựa đã rêu lò-mờ xanh.
Khóc than khôn xiết sự tình:
‘Khéo vô duyên bấy là mình với ta!
- 75- *Đã không duyên trước chẳng mà,*
Thì chi chút đích, gọi là duyên sau.’
Sấm sanh nếp tử, xe châu,
Vùi nông một nắm, mặc dầu cỏ hoa.
Trải bao thổ lặn ác tà,
- 80- *Ấy mờ vô chủ, ai mà viếng thăm!"*
Lòng đâu sẵn mối thương tâm,
Thoát nghe Kiều đã đầm đầm châu sa:
"Đau-đớn thay! Phận đàn bà,
Lời rằng: bạc-mệnh cũng là lời chung.
- 85- *Phũ-phàng chi bấy Hoá-Công!*

- Ngày xanh mơn-mỏi, má hồng phôi-pha,
 Sống làm vợ khắp người ta,
 Hại thay! Thác xuống làm ma không chồng!
 Nào người phượng chạ, loan chung?
 90- Nào người tích lục, tham hồng là ai?
 Đã không kẻ đoái người hoài,
 Sẵn đây ta kiếm một vại nén hương.
 Gọi là gặp-gỡ giữa đường,
 Hoa là người dưới tuổi vàng biết cho."
 95- Lầm-rầm khăn hứa nhỏ to,
 Sụp ngồi và gật trước mờ bước ra.
 Một vùng cỏ ấy bóng tà,
 Gió hiu-hiu thổi một vại bông lau.
 Rút trâm đất sẵn mái đầu,
 100- Vạch da cây, vịnh bốn câu ba vần.
 Lại càng mê-mẩn tâm thần,
 Lại càng lặng đứng tàn-ngàn chẳng ra.
 Lại càng ủ dột nét hoa,
 Sầu tuôn đứt nối, châu sa vấn dài.
 105- Vân rằng: "Chị cũng nực cười,
 Khéo dư nước mắt khóc người cổ sơ!"
 Rằng: "Hồng-nhan tự thuở xưa,
 Cái điều bạc-mệnh có chừa ai đâu!
 109- Nỗi-niềm tưởng đến mà đau,
 110- Thấy người nằm đó, biết sau thế nào?"
 Quan rằng: "Chị nói hay sao?
 Một lời là một vận vào khó nghe!
 Ở đây âm-khí nặng-nề,
 Bóng chiều đã ngả, dặm về còn xa,"
 115- Kiều rằng: "Những đáng tài hoa,
 Thác là thể-phách, còn là tinh-anh.
 Dễ hay tình lại gặp tình,
 Chờ xem, ắt thấy hiển-linh bây giờ!"
 Một lời nói chưa kịp thừa,
 120- Phút đầu trận gió cuốn cờ đến ngay.

*AỒ-ào đổ lộc rung cây,
Ở trong đường có hương bay ít nhiều.
Đề chùng ngọn gió lần theo,
Dấu giầy từng bước in rêu rành-rành.*

- 125- *Mặt nhìn, ai nấy đều kinh,
Nàng rằng: "Này thực tinh-thành chẳng xa,
Hữu tình ta lại gặp ta,
Chớ nề u-hiển mới là chị em!"
Đã lòng hiển-hiện cho xem,
Tạ lòng, nàng lại nổi thêm vài lời.
Lòng thơ lai-láng bồi-hồi,*
- 132- *Gốc cây, lại vạch một bài cổ-thi.*

Đoạn thơ vẽ lại một bức tranh được lòng trong đó một cuộc đời, ba tâm-trạng: cuộc đời mệnh yếu của nàng ca-kỹ vô danh, tâm-trạng bồi-hồi của nàng Kiều đa-cảm và tâm-hồn chất-phác bình-thản của Thuý-Vân thơ-ngây, của Vương-Quan điềm-đạm.

I- MỘT BỨC TRANH THANH-TÚ DỊU-DÀNG

“Nhìn xem phong cảnh có bề thanh-thanh”

Cảnh ở đây xinh đẹp, một bức tranh thanh-tú dịu-dàng khác hẳn cái dịu-dàng của hội Đạp-Thanh được mô-tả trước đó.

1.1- Trước đó là một cảnh sáng xuân tươi-tắn, chan-chứa niềm vui yêu đời, một cảnh xuân trong sáng dạt-dào sức sống đang lên: có nắng nhảy múa, cái nắng ấm của tiết cuối xuân sang hè “thiều-quang chín chục đã ngoài sáu mươi”, có nền cỏ xanh rờn xa tấp tới chân mây, có điểm hoa lê trắng tươi, một cảnh bao-la rộng mở về chân trời xa thẳm:

*“Cỏ non xanh tận chân trời, (1)
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”*

1.2- Cảnh ở đây là một chiều xuân vàng úa nhuộm về đầu-hiu với nắng chiều thoi-thóp, một chiều xuân tàn-tạ, cái tàn-tạ của ngày qua đi cùng với mùa xuân đang lẩn trốn, mang theo đi cả niềm vui của lòng người, huỷ mòn dần cả nguồn sống trong thiên-nhiên. Đây là một phong-cảnh nhỏ bé thu hẹp lại trên đoạn đường bé-bỏ với giòng tiểu-kê lượn khúc ôm ngang một nhịp cầu mỏng-mạnh chênh-vênh.

Nếu thời-gian bao-hàm yếu-tố *phát-sinh* và *huỷ-diệt*, thì quả đoạn thơ này nối tiếp với đoạn Kiều du xuân bên trên là một chứng-minh cụ-thể. Khởi-hành du xuân với tất cả cõi lòng hoan-hỷ, náo-nức trong cái tấp-nập của “ngựa xe như nước” cùng với cái nhộn-nhip của “tài-tử giai-nhân dập-đầu”. Đến lúc ra về thì lòng trở lại trống-trải trong cái hoang-liêu bình-thản của bầu trời quạnh vắng, lòng trở nên nao-nao trước cái vẻ “đầu đầu” của “ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh”.

Âm-thanh, màu sắc và hình-ảnh: một đàng *khuấy động*, một đàng *nhọt-nhạt phôi-pha*. Từ phát-sinh lần về huỷ-diệt, cảnh từ ồn-ào lảng xuống tịch-mịch, từ tươi sáng chuyển sang u tối, từ tấp-nập trở về trơ vắng cô-liêu, trong cái im lặng của thời-khắc qua mau, trong cái u-ám của màn đêm dần rớt, người ta thấy chỉ còn lại vài ba bóng người: chị em Kiều đang tay nhau trở về, lần theo ngọn suối quanh-co, men theo vệ đường hoang-vu cỏ úa.

Mỗi cảnh có mỗi vẻ đẹp riêng. Sự thành-công ấy, như ta đã thấy, là nhờ ở con mắt quan-sát, tài lựa chọn hình-ảnh cùng nghệ-thuật tô màu và ghi nhận âm-thanh. Song ta sẽ thấy sự thành-công đến mức trác-tuyệt nếu biết rằng *cảnh trên là một cái khung để lồng nhân-vật, là miếng đất màu làm chốn vun ươm cho cảm-xúc triển nở sau này*.

Trên đường về, hai cuộc kỳ-ngộ đã đến với giai-nhân: một hiển-linh huyền-ảo, một tương-phùng đối-diện. Cái vẻ quạnh-hiu của chiều xuân nắng tắt dễ đưa lòng trí con người đến những trầm-

ngâm nghĩ-ngợi, dặt tâm-hồn đến những suy-tư vợ-vấn, để rồi cùng với cái thê-lương của ngoại-cảnh lòng người trào dâng một nỗi buồn man-mác, cái buồn vô cớ xuất-phát từ những rung cảm tự-nhiên. Nên chỉ trong khi thả hồn theo nhịp bước thơ-thẩn, Kiều đã chợt dừng chân trước mồ vô chủ trơ-trọi, thở-than và khóc mướn thương vầy. Cảnh trời buồn, lòng người chẳng vui. Cái buồn của cảnh thấm vào lòng người, lan ra ngoại-cảnh, bàng-bạc cả không-gian, nên ta thấy sau khi Kiều than khóc, cảnh chiều càng trở nên âm-đạm hắt-hiu:

*“Một vùng cỏ ấy bóng tà,
Gió hiu-hiu thổi một vài bông lau.”*

Người ta đã thấy cái lành-lạnh thấm vào da thịt, cái rờn-rợn luồn vào tâm-tư khi tưởng chừng như có bóng ma hiện hồn. Nó thực thích-hợp để sửa-soạn cho cảnh hiển-linh sau này. Thực là :

*“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?”*

Và cũng bởi vậy nên khi phút êm-đềm của sự hoà-hợp cảm-thông với người vô hình trong tâm-tưởng đã qua đi, thì tình xuân phơi-phới động lắt lất ban mai lại dấy lên xao-xuyến và tơ lòng bật tiếng trước cuộc gặp-gỡ đột-ngột duyên-dáng nên thơ: chàng thư-sinh nhân-du xuất-hiện, áo xanh ngựa trắng, lỏng buông tay khẩu, xuống ngựa lần bước lại gần, trong ánh nắng chiều hôm toát ra vẻ đẹp sáng tươi phong-nhã, “một vùng như thể cây quỳnh cành dao”. Rõ là cảnh nào thì tình ấy. Ở đây, *tâm-hồn và ngoại-cảnh được kết-hợp mật-thiết hài-hoà.*

II- MỘT CUỘC ĐỜI BA TÂM-TRẠNG

Vẻ buồn của buổi chiều xuân trên đây càng thêm ủ-rũ tiêu-diêu nếu ta được nghe giọng đều đều của chàng Vương gieo trong chiều êm thuật lại một thời vang bóng của người nằm sâu dưới mồ cỏ úa.

2.1- Cuộc đời mệnh bạc của Đạm-Tiên

a) Có tài nổi tiếng, có sắc lòng danh, Đạm-Tiên đã một thời oanh-liệt với địa-vị kiêu-kỳ của một thần-tượng được các vương-tôn công-tử cầu-cạnh đón đưa. Chuộng vì tài, say vì sắc, cả những kẻ từ xa phương nao cũng chẳng quản cách trở nghìn trùng cố công tìm đến mong được hội-ngộ giai-nhân. Thực là “xôn-xao ngoài cửa thiếu gì yến oanh.”

b) Thế nhưng, đường đời vốn không phẳng lặng. Thuyền to có sóng lớn. Con người tài hoa nhưng bạc-phận.

* Cái bạc-phận thứ nhất là đang giữa thì xuân thắm, cuộc đời đang phơi-phới như sáng xuân tung-bùng thoát đã phai tàn, nắng tắt. *Cái chết non, mệnh yếu đã chặn ngang chấm dứt cả một kiếp hồng-nhan mỏng-manh.* Trong thời-gian, tài sắc đã bùng sinh tiến-triển, nhưng rồi theo thời-gian tài sắc sẽ nhạt phai, ở đây thì đã sớm bị huỷ-diệt giữa tuổi đương thì “nửa chừng xuân, thoát gãy cành thiên-hương”.

* Cái bạc-phận thứ hai là *sống mừng mà chết tủi.* Không một người thân thích, con người bạc-phước đã chết đi giữa sự lãng quên của thế-nhân. Cay đắng nhất có lẽ là sự quay mặt làm ngơ của những bạn khách đa tình. Ngày xưa “oanh yến xôn-xao”, ong bướm dập-dìu, ngày nay thì “dấu xe ngựa đã rêu lò-mờ xanh”, xác vẫn không người chôn, thầy vẫn nằm trơ trong “buồng không lạnh ngắt như tờ”. Nếu không có người khách viễn-phương tìm đến, có lẽ chưa biết bao giờ nàng mới được “vùi nong một nắm”. Rõ đúng là trời cho *trội* cái này thì lại giảm *bớt* cái khác. Cho nên vào đề tác-phẩm, Nguyễn-Du đã mở cho ta thấy *luật thừa trừ* là công-lệ tất-nhiên

“Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
... Lạ gì bỉ sắc tư phong,
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen”.

Công-lệ ấy còn ứng-dụng vào nhiều nhân-vật khác mà trường-hợp của Đạm-Tiên là một biện-giải đầu tiên. Đạm-Tiên vừa là một minh-chứng cho thuyết tài mệnh tương đố, nói riêng cho kiếp bạc-phận hồng-nhan, vừa là một nhân-chứng cho sự bạc đen của thế-thái nhân-tình nói chung.

2.2- Tâm-trạng bồi-hồi của Thuý-Kiều

Đời Đạm-Tiên biến đổi đột-ngột như cái sụp đổ của ngày xuân Thanh-Minh tươi sáng. Mượn khung cảnh ngày xuân nhạt nắng để làm khởi-điểm dẫn đến sự giới-thiệu cuộc đời Đạm-Tiên, *Nguyễn-Du đã làm thức dậy mối thương-tâm và để tuôn trào nguồn cảm-xúc mạnh-mẽ trong tâm-hồn yếu-đuối của nàng Kiều.*

a) *Kiều đã sẵn mối thương-tâm* đối với những người quá-cố cho nên chợt thấy mồ vô chủ lạnh ngắt khói hương, đã buột miệng than, “Rằng: Sao trong tiết Thanh-Minh, mà đây nhang khói vắng tanh thế mà?”. Nỗi cảm-hoài ấy sẵn chứa trong lòng là vì, như ta đã thấy, được khích-động, nuôi dưỡng bởi phong-cảnh ngày càng lúc càng trở nên ảm-đạm. Cảnh buồn thê-lương ấy đã dui tâm-hồn nàng đi theo nhịp bước của thời-gian. Chính trong cô-liêu im lặng, tâm-hồn dễ trở nên vẩn-vơ suy nghĩ rồi cảm-xúc băng-khuâng. Song cảnh chỉ là phụ-hoạ, yếu tố sâu xa vẫn là *bản-chất đa cảm giàu tình*. Tại sao Vương-Quan, Thuý-Vân như không chú ý đến cái hoang tàn của nấm đất bên đường? Điều ấy tỏ rõ ở *Kiều đã tìm-tàng một nguồn tình-cảm phong-phú*. Lòng nàng như một bể tình mênh-mông chỉ chờ gió thổi là đang phảng-lặng cũng dạt-dào nổi sóng. Bởi đa sầu đa cảm nên những tình-cảm tiềm-ẩn tự sâu thẳm của tâm-tư mới dễ-dàng thức dậy trước cái khêu gợi mơn-trón của cảnh-vật bên ngoài.

b) Chính vì vậy nên khi đã rõ bạc-kiếp của người quá-vãng, thì:

*“Lòng đâu sẵn mối thương-tâm,
Thoắt nghe Kiều đã đầm đẫm châu sa.”*

Chợt thấy mả hoang mà chạnh lòng thương hại. Nghe kể lại nỗi vô duyên xấu số mà mũi lòng ái-ngại cho một kiếp hồng-nhan. Cảm-xúc nhẹ-nhàng ấy còn có thể dễ đến với ta như làn gió nhẹ thoảng, chứ như nghe xong mà lệ tuôn lai-láng, để rồi khăn vái đề thơ, tâm-thần mê-mẩn, ủ-dột nét hoa, thì kể là hiếm ai như Thuý-Kiều. *Phải là một tâm-hồn uỷ-mị mới có thể mềm yếu mau chóng đến như vậy.* Kiều phải có một tâm-hồn lãng-mạn yếu đuối mới có thể mau nước mắt đến như thế.

c) *Tâm-bệnh đa-cảm ấy càng được thể-hiện rõ hơn nếu ta xét kỹ đến thái-độ của Kiều qua lời nàng oán than.*

- Từ chỗ dễ xúc-động, nàng đi đến dễ cảm-thông, *một sự cảm-thông sâu sắc với người đã chết.* Hoà-hợp với tâm-hồn người đã chết, tiếng nói của Kiều chừng như tiếng lòng tấm-tức của Đạm-Tiên từ nơi lòng đất vọng lên, nói lên nỗi oán-hờn, căm-giận thay cho cảnh đời bạc-bẽo:

“Phũ-phàng chi bấy Hoá-Công?”

Ngày xanh mòn-mỏi má hồng phôi-pha.”

Oán hộ cho Đạm-Tiên, Kiều đã *trách Tạo-Hoá* đa đoan. Giận thay cho Đạm-Tiên, Kiều đã *trút hết căm hận đối với phường tham hồng tích lục, bất nhân*, Kiều đã mỉa-mai khinh-bĩ bọn đàn ông vô lại bất nghĩa:

“Nào người phượng chạ loan chung,

Nào người tích lục tham hồng là ai?”

- *Xót thương cho Đạm-Tiên, oán thù thay cho Đạm-Tiên, Kiều đã bênh-vực kẻ vô danh bị lãng quên oan-uổng*, Kiều coi người chết như chính mình và cảnh-ngộ Đạm-Tiên như là cảnh-ngộ của mình, Kiều còn bộc-lộ một mối *cảm-thông rộng-rãi hơn* trong sự liên-kết với tất cả nữ-giới, đau xót không phải cho một Đạm-Tiên mà cho đàn bà nói chung trong đó có Kiều:

“Đau-đớn thay phận đàn bà,

Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung!”

• *Bởi vậy rất dễ hiểu khi nàng Kiều chạnh nghĩ tới thân phận mình mà lo sợ vẩn-vơ.*

*“Nỗi-niềm tưởng đến mà đau,
Thấy người nằm đó biết sau thế nào?”*

Má hồng phận bạc, Đạm-Tiên đã chẳng thoát khỏi thì mình chắc chi tránh được định-luật khắt-khe ấy, càng nghĩ càng thấm-thía, càng lo-lắng xót thương cho mình mai sau. Cho nên thái-độ “lầm-rầm khấn hứa nhỏ to” và việc “vạch da cây vịnh bốn câu ba vần” là hành-động tất-nhiên, kết-quả của mối suy-niệm tự-kỷ ám-thị nói trên. Tình của Kiều đối với Đạm-Tiên *không phải chỉ là tình bác-ái khách-quan* vì thấy Đạm-Tiên “đã không kẻ đoái người hoài”, mà nó nặng gần như cái *tình tri-kỷ của người đồng thuyền một hội* đáp lại một cuộc kỳ-ngộ giữa đường để “hoạ là người dưới tuổi vàng biết cho”.

• Tóm lại tình-cảm của Kiều hoạt-động theo một trình-tự tiến-triển:

* Thoạt đầu là *nỗi buồn bâng-quơ* trước vẻ nao-nao của chiều xuân vắng lặng, rồi là *mối thương-tâm* sống dậy nẩy-nở và làm phát-hiện những *xúc-động mãnh-liệt vô-biên*.

* Trong bậc thang tình-cảm này, ta thấy từ *tình thương nhân-loại* đối với kẻ vô danh, thái-độ Kiều chuyển sang *tình tri-kỷ* với người đồng thanh đồng khí, mở rộng sang *tình thương liên-đối* với mọi người đàn bà nói chung, để rồi trở về *nỗi xót thương cho chính mình* nói riêng.

Giàu tưởng-tượng, lắm sầu thương, *tình-cảm triển-khai đến quá độ như vậy*, làm gì Kiều chẳng bị viễn-tượng đau thương ám-ảnh Kiều sau này trong giấc mộng đêm xuân hôm đó, để cho định-kiến bạc-mệnh luôn luôn chi-phối đời nàng.

2.3- Tâm-trạng bình-thản của Thuý-Vân, Vương-Quan.

Nghe kể về đời Đạm-Tiên, người nghèo tình-cảm cũng khó có thể làm ngơ, kể ít xúc-động cũng không thể không chép miệng tội nghiệp. Vậy mà Thuý-Vân thì chẳng những không động mỗi thương-tâm mà còn như riều cọt mai-mả, nói rằng:

“Chị cũng nực cười,

Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa!”

Sao mà vô tâm đến thế! Thái-độ ơ-hờ lãnh-đạm này chỉ có thể cắt nghĩa là bởi tâm-hồn quá thật-thà ngây-thơ. Vương-Quan cũng không thơ-ngây đến như vậy. Chàng không đồng tình cũng chẳng chê-bai cười riều, có chăng chỉ là khuyên Kiều chẳng nên nghĩ vẩn lo vợ, rằng:

“Chị nói hay sao!

Một lời là một vạ vào khó nghe.”

Sự im lặng của chàng nếu không phải là thông-cảm mũi lòng, thì cũng tỏ ra đã hiểu biết nỗi hận của người chết, kính trọng nỗi buồn của chị mình. Không chê trách chị, chàng chỉ khôn-khéo nhắc chị trở về, vì:

“Ở đây âm-khí nặng-nề,

Bóng chiều đã ngả, dặm về còn xa.”

Không quá ưu-tư sầu muộn như Kiều, chẳng quá chất-phác thờ-ơ như Thuý-Vân, *Wang-Quan có cốt-cách cứng-chắc hơn Vân, dung-hoà được giữa bản-sắc của Vân và Kiều.*

Thuý-Vân quá chất-phác, Nguyễn-Du đã sửa-soạn ở đây cho một Thuý-Vân sau này vô tư trước gia-biến và dễ-dãi khi ung việc chấp nối duyên thừa. Nếu lòng Kiều như biển khơi cuộn sóng, thì tâm trí Thuý-Vân như mặt nước hồ thu phẳng-lặng. Nguyễn-Du đã thực-hiện ở đây một Thuý-Vân đơn-sơ như đã báo trước ngay từ

đầu tác-phẩm. Trình-bày một nhân-vật mà rào trước đón sau như vậy thì thực là chuẩn-bị chu-đáo, đạo-diễn công-phu. Kiều lại một lần nữa được lộ rõ bản-sắc, nổi bật vai trò nhờ tâm-hồn an-bình thư-thái của vai phụ Thuý-Vân.

Bức tranh thanh-tú sở dĩ thể-hiện được tinh-thần của các nhân-vật là do bút-thuật sắc-sảo của tác-giả khi sử-dụng các thể văn cũng như khi trau chuốt cho lời thơ được gợi cảm gợi hình.

1-XÉT VỀ MẶT VĂN-THỂ, đoạn thơ là một tổng-hợp giữa hai loại miêu-tả và ký-sự: miêu-tả cảnh-vật, phô-diễn tâm-tình và kể lại cuộc đời. Ở loại nào, Nguyễn-Du cũng đạt tới sự thành công.

1.1- Tả cảnh thì như đã xét, phối-hợp được với tình. Chẳng những mang màu sắc thích-hợp để gợi tình, mà còn làm cho tình-cảm gia tăng. *Cảnh tuy yên tĩnh, nhưng diễn-biến theo thời-gian.* Thoạt đầu còn là vẻ buồn thơ mộng xinh xinh “nao nao dòng nước”, chiều xuân ngả dần sang ủ-rũ tiêu-diêu “đầu đầu ngọn cỏ”, cho đến phút cuối cùng của một ngày tàn thì cảnh hiện ra ảm-đạm với vẻ buồn hắt-hiu:

*“Một vùng cỏ ấy bóng tà,
Gió hiu-hiu thổi một vài bông lau”.*

Nguyễn-Du đã quan-sát cảnh-vật theo thứ-tự thời-gian.

1.2- Tả tình thì từ nỗi nao nao trong dạ dẫn đến âm-thầm thốn-thức, bộc-lộ thành xúc-cảm mạnh-mẽ rồi trở nên thờ-thẩn mơ-màng, than khóc đề thơ. Ở đây, Nguyễn-Du đã không quên định-luật diễn-tiến của tâm-lý: tình-cảm tiềm-ẩn được nuôi dưỡng đến khi phát-triển tới cực quá độ thường thể-hiện trong hành-động. Sau này, khi Kim-Trọng tương-tư Thuý-Kiều, âm-thầm thờ-thẩn nơi “phòng văn hơi giá như đồng” hay lúc nàng Kiều dạn-dò Thuý-Vân thay mình trả nghĩa chàng Kim, định-luật tâm-lý ấy cũng vẫn được tác-giả triệt-để áp-dụng trong nghệ-thuật tả tình. Cử-chỉ,

hành-vi của Kiều trước mả Đạm-Tiên chính là thể-hiện cuối cùng tất-yếu của sự phát-triển tình-cảm quá mức ấy.

1.3- Phàm đã *kể chuyện*, người kể phải làm sao chủ-động điều-khiển được tâm trí người nghe. Kể làm sao để người nghe chú tâm theo dõi, rồi cùng với nhân-vật của câu truyện, người nghe cảm-động vui buồn với nhân-vật. Chẳng những Kiều đã cảm-động, đã buồn rầu, mà còn xót đau sứt-sùi nức-nổ. Chàng Vương đã khéo-léo kể chuyện nhẹ-nhàng, lọt hết được cái bi-khổ của một kiếp người, kích-thích được những cảm-xúc mong-manh nhất, tiềm-ẩn nhất của người nghe. Ấy chính là vì chàng đã biết *lược tóm những điều không cần-thiết mà chỉ nhấn mạnh dài lời về các đoạn thâm bi-thương*.

Mục-đích của Nguyễn-Du là khêu sầu gợi thảm, nên quãng sinh-thời sung-sướng của Đạm-Tiên được kể phớt qua, đến khoảng hậu-vận của Đạm-Tiên thì được dài dòng tỉ-mỉ. Chàng khách viễn-phương dù không thân thích cũng chẳng quen biết, mới chỉ “xa nghe nức tiếng” mà cũng còn là một an-ủi cho vong-linh người đã khuất, hướng chi là một thiếu-nữ đa sầu như Thuý-Kiều. Chàng mà còn mũi lòng thương hại, còn “sấm sanh nếp tử xe châu”, còn “vùi nông một nắm”, hậu-hĩnh với người chết đến như vậy, trách chi Kiều chẳng thông-cảm xót thương. Vương-Quan không xui nàng than khóc, nhưng cái lối kể chuyện của chàng như giục nàng phải khóc than, xúi nàng phải có thái-độ với người nằm sâu dưới đất. Hành-động của Kiều là một tiếp nối việc làm của chàng viễn-xứ. Tình của Kiều là một nguồn an-ủi kế-tục đắp thêm cho mối ủi-an của chàng trai thuở trước, giải tử cho một cô-hồn. Nếu thiếu tài tự sự của Vương-Quan thì thái-độ của Thuý-Kiều quả trở-trên biết bao!

Đoạn văn này kể là một sự tổng-hợp toàn-hảo về văn-thể trong nghệ-thuật hành văn của thi-sĩ Tiên-Điền.

2- XÉT VỀ MẶT VĂN-TỰ CÚ-PHÁP

Bài thơ là cả một kho từ-ngữ phong-phú, một cú-pháp thần-diệu phổ nhạc vào lời thơ cho thi-diệu thực uyển-chuyển nhịp-nhàng.

2.1- *Lần kiểm trong kho từ-ngữ dồi-dào này:*

a) Trước hết, ta phải đặc-biệt chú-ý đến *những điệp-tự tượng thanh* gọi hình:

* Hai tiếng “*lầm-rầm*” đã ghi lại được cái giọng *trầm trầm, đều đều* của lời cầu xin *liên-lý*, xuất-phát từ cõi lòng *chân-thành* với tất cả *vẻ chăm-chú* tập-trung tinh-thần vào lời khẩn.

* Hai tiếng “*tần-ngần*” tiếp theo lại càng tả rõ được vẻ dáng *thần-thờ mê-mẩn* của kẻ đang để cho lòng trí phiêu-bồng, siêu-thoát lên chốn cao xa.

* Với những điệp-tự “*thanh thanh, nho-nho, sè sè*”, người ta lại dễ hình-dung tới *vẻ dịu-dàng xinh-xắn* trong cái tàn phai suy giảm, dễ nhận thấy *dáng bé-bỏ trang-nhã* của cảnh-trí thiên-nhiên, dễ cảm thấy *cái hèn mọn thấp kém* trước cái thấp bé của năm đất vất-vuông lay-lắt bên đường.

* Với những điệp-tự “*nao-nao, đầu-dầu*”, thì chẳng những người ta thấy ngay cái *trong suốt êm-đềm* của con lạch nhỏ đang *trôi lờ-lững*, chẳng những người ta nhận ra ngay *cái vàng úa xác-xơ* của những ngọn cỏ lơ-thơ *ủ-rũ cúi gục* trong nắng chiều, mà hơn nữa những điệp-tự ấy *còn khêu lên được nỗi buồn man-mác nao-nao trong dạ*, vẽ ra được *vẻ dáng ủ-ê phai tàn*. Như vậy vừa tượng được *thanh*, tả được *hình sắc*, gọi được *tình*, khơi được *cảm*.

b) Ngoài ra, để nhắc cho chị em Kiều biết rằng phải “sắp sửa dang tay ra vè” vì trời sắp tối, giờ khắc đã muộn rồi, Nguyễn-Du không nói: mặt trời sắp lặn, kim-ô gác núi, cũng không tả nắng chiều vàng úa; tả như vậy thì thông-thường quá, giản-dị quá. *Nguyễn-Du đi tìm một nét đặc-sắc hơn mà vẫn thể-hiện rõ-ràng cảnh-tượng*.

* Hai tiếng “*bóng ngả*” tiếp theo sau là hai tiếng “*về tây*” đã vẽ ra trong bức tranh nét bút linh-hoạt này. Chỉ cần tả bóng mấy chị em đồ dài, nằm rạp nghiêng nghiêng trên đường đi, đổ về phương tây, di-chuyển theo nhịp bước, chỉ cần một vài từ-ngữ bình-dị, thể thôi, nhưng khéo chọn, cũng đã cụ-thể-hoá bức tranh bởi những chuyển dịch của người, của bóng, vừa xác-định được thời-gian tính, diễn-biến của thời khắc, vừa tô-điểm cho bức hoạ màu sắc vàng nhạt của ánh nắng xiên khoai. *Thế là chuẩn-xác.*

* *Lại càng chuẩn-xác hơn nếu xét đến cách xưng hô* “mình, ta” của người viễn-khách. Chữ dùng đã nói lên mối tình tri-kỷ của kẻ tài hoa đối với một trang quốc-sắc, mà chỉ mới nghe danh, kẻ đa tình cũng lặn-lội kiếm tìm. Chữ dùng đã đem đến cho đời Đạm-Tiên một thiên tình-sử vừa diễm-ảo vừa bi-thương. Và lại, càng đáng bi-thương thật nếu được nghe Vương-Quan kể rằng “vui nông một năm”, “*ai mà* viếng thăm”. Nếu chữ “nông” đã gợi lên ý-tưởng hời-hợt của thế-nhân, thì hai tiếng “ai mà” như nhắc ta câu nói “ai mà hoài hời khóc mướn, thương vay!”

Mà thực vậy, nếu không kể Kiều và người khách phương xa kia thì cả cái xã-hội quanh nàng đã quá thờ-ơ lạnh-đạm vì nghĩ rằng hoài công chuốc lấy thương vay đối với một kẻ “người dung nước lã”. Thực vô tình và ích-kỷ thay! Hèn chi vong-hồn tức-tửu thâm-túi kia đã chẳng mừng rỡ bắt gặp được nàng Kiều như bắt gặp một kẻ tri-âm đồng thanh tương khí. Từ-ngữ quả đã tận-diễn ý thơ.

2.2- Cứ-pháp lại càng tăng triển cho tứ thơ thêm súc-tích:

- a) “*Nào người phượng chạ loan chung,
Nào người tích lục tham hồng là ai?*”
.....
“*Lại càng mê-mẩn tâm-thần,
Lại càng đứng lạng tần-ngàn chẳng ra.*”

Cái lối dùng *điệp-ngữ đầu câu* vốn quen thuộc của nhà thơ vẫn không vì vậy mà làm cho đoạn thơ trở nên nhạt-nhẽo. Ở đây, nó đã như kẻ-lẻ đay-nghiến cái bội-bạc của phường vô lại bất nhân. Ở đây, nó đã như đôn-dập tới-tấp khắc sâu nỗi ám-ảnh ma-quái trong tâm-hồn ngáy-ngất yếu-đuối của nàng Kiều.

b) Kiều oán-hòn căm-giận hộ cho Đạm-Tiên, cũng vì nhận chân cái đổi thay của tình đời đối với Đạm-Tiên khi sống, lúc thác. *Sống trên dương-gian thì làm vợ, thác xuống âm-phủ hoá ra ma: vợ thì vợ chạ loan chung, vợ khắp muôn người; chết thì rõ đúng là ma đại bị bỏ rơi lay-lắt vùi thây bên đường, không có lấy một kẻ chồng hờ bển mắng.* Nỗi đau thương ấy, sự tẻ bạc này đã được dàn trải phơi bày nhờ *phép đối-ngẫu trong cú-pháp song quan*:

“**Sống** làm **vợ** khắp **người ta**.

Hại thay **thác** xuống làm **ma không chồng!**”

Thảo nào Kiều chẳng khóc, chẳng “sụt-sùi đòi con lại sụt-sùi đòi con”. Lệ sầu quả là chan-chứa:

“*Sầu tuôn dứt nỗi / châu sa vấn dài*”

Hai mệnh-đề trùng ý, lại thêm hai tiếng “tuôn, dài” đặt ở hai đầu câu ôm vào giữa những tiếng “đứt, nỗi, vấn” đã cực-tả những giọt lệ liên-miên, đứt, đứt, nỗi, nỗi, vấn, vấn, dài, dài, tuôn trào nỗi tiếp nhau chập-chùng không dứt như cả một giòng suối lệ kéo dài bất tận. Mỗi tiếng thực có một vị-trí thích-hợp. Tưởng thế là đặc-vị!

2.3- Thơ không có nhạc không phải là thơ, không rót được vào tâm-hồn người đọc những rung cảm sâu xa. **Điệu thơ ở đây khi trầm buồn man-mác, khi êm-đềm réo-rắt, lúc ảo-não thiết-tha.**

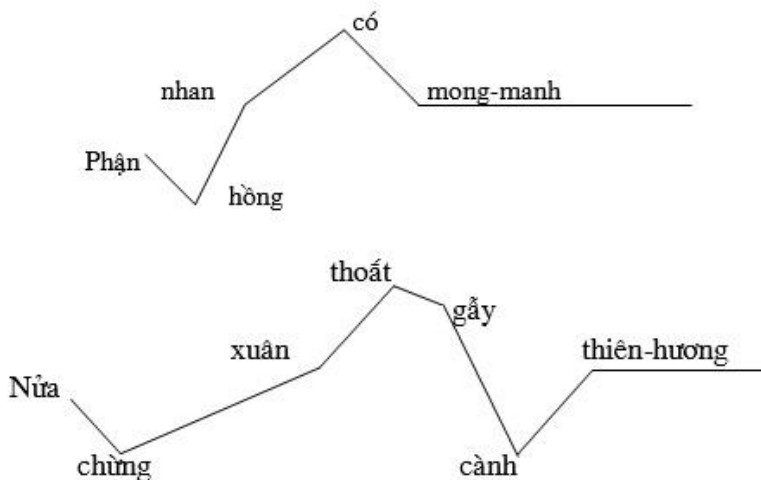
a) Trong đoạn đầu tả cảnh, sáu câu đầu với nhạc-điệu lằng-lằng, hơi thơ khoan-thai nhẹ-nhàng nhờ ở tận-dụng phù-bình-thanh, sáu câu kế với âm-điệu chìm lắng, hơi văn chậm-chạp, lững-thững nhờ ở lối gieo nặng trầm-bình-thanh, tạo nên một thi-

điệu phụ-hoạ cho vẻ buồn vương-vấn băng-khuâng, dẫn dắt tới mối u sầu ảm-đạm.

b) Sang đoạn giữa kể chuyện, thì giọng văn ri-rả nhưng chuyển-biến theo tình-tiết. Lúc tả thời oanh-liệt lòng-lấy thì điệu thơ dồn-dập rộn-rã với nhịp đôi khắp-khểnh ngắt hai tiếng một, với dáng bồng trầm, trầm bồng tiếp nối nhau réo-rắt do những nốt nhạc mạnh: hoặc đang sắc nhọn (sắc, thiếu) hay trầm đục (nổi, cửa) chợt gieo nặng xuống trầm-bình-thanh dưới đáy vực (tài, thì, ngoài, gì), hoặc rít lên tiếng gió phát ra từ tiếng “xòn-xao” tượng thanh mà gợi hình tròn vang trên cao chơi-vơi, hoặc uốn-éo khúc-khủy do những âm xoắn xen lẩn, xô đẩy nhau phát ra bởi những tiếng “yến, oanh” tượng hình:

*“Nổi danh tài sắc một thì,
Xòn-xao ngoài cửa thiếu gì yến oanh”*

Khi tả đời hồng-nhan vấn số, thì điệu thơ gãy khúc nói lên cái đoản-mệnh đứt gánh giữa đường:



Hơi vẫn đang đi suông-sẻ một lèo ở nửa cuối câu trên với thanh phù-bình lơ-lửng, với âm “**anh**” *khép ngắn* (mong-manh), *chợt khựng lại giữa chừng* ở câu sau, ngắt nhịp thành hai đoạn ngắn dài không cân. Nhịp một thì dừng lâu ở tiếng “**xuân**” lạc-lồng, tách rời. Nhịp hai vào bằng hai tiếng “**thoắt gãy**” với *âm-vận xoắn lại* (thoắt), *khép chặt* (gãy), với phù-nhập-thanh (thoắt) và phù-thượng-thanh (gãy) *là những thanh đục, cụt ngắn, bị gãy giữa chừng, kẹt đọng trong hốc mũi* hoặc nghe *chát-chúa* (thoắt) hoặc nghe *rời-rạc khô-khan* (gãy). Rồi bỗng *chợt đổ trút xuống* trầm-bình-thanh ở tiếng “**cành**” *ngân dài trước khi đi lên* với hai tiếng “**thiên-hương**” *lơ-lửng*. Dáng đi của âm-thanh nhịp điệu *vẽ ra đích thực cái dáng đổ nhào và tiếng kêu “rắc” khô-khan của cành cây chợt gãy, ngã vật xuống mặt đường*. Dáng đi ấy thực thích-hợp để nói lên cái sụp đổ của cả một đời hoa gấm vàng son.

Khi mà tất cả cái lộng-lẫy vàng son ấy đã chìm rơi vào dĩ-vãng, lắng đi trong lãng quên của cuộc thế, thì điệu thơ kể-lẽ, trở về rỉ-rả, trầm trầm đều đều với nhịp đôi thông-thường, với âm-thanh trắc, bằng liên-hoàn lên xuống thổi mãi vào bếp than lòng cho ngọn lửa thương-tâm bùng cháy:

*“Thuyền tình vừa ghé tới nơi,
Thì đã trâm gãy, bình rơi bao giờ.
Buồng không lặng ngắt như tờ,
Dấu xe ngựa đã rêu lờ-mờ xanh.”*

Và quả thực, ngọn lửa từ-bi đã bùng lên khi ta nghe những lời bày tỏ tâm-tình của người viễn-xứ. Nhạc thơ lên cao xuống thấp, réo-rất bi thương nhờ tận-dụng các dấu nặng, hỏi, ngã có thanh nặng, đục nghe ra khắc-khổ ảo-não, xen lẫn các tiếng trầm bình kéo dài điệu thơ cho thêm trầm buồn thiết-tha. Càng thiết-tha khi điệu thơ kết-thúc bằng câu tán-thán:

“Ấy mờ vô chủ ai mà viếng thăm!”

b) *Chuyến xuống đoạn tả tình* qua lời kể-lẽ thở-than của nàng Kiều, điệu thơ sao thấy ảo-não thiết-tha! Tất cả nỗi xót thương oán hờn ấy thể-hiện qua nhạc-điệu lời thơ. Liên-tiếp đồn-dập thể tán-thán, cật-vấn được tận-dùng, điệu thơ nói lên giọng trách móc đay-nghiến, ai-oán giận than vì đời tẻ bạc *phũ-phàng*:

“Đau-đớn thay phận đàn bà!
Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung...
..... “*Phũ-phàng chi bấy Hoá-Công!*”
Ngày xanh mòn-mỏi, má hồng *phôi-pha*.”
“Sống làm vợ khắp người ta,
Hại thay! thác xuống làm ma không chồng!”
.....
“*Nào người* phượng chạ loan chung?
Nào người tích lục tham hồng là ai?”

Dối tiếp câu chuyện về sau, người ta thấy Thuý-Kiều quả đã nổi bật vai trò chủ-động. Mặc dù Vương-Quan đã giục khéo nàng sớm rời gót, nhưng Kiều vẫn còn nán lại, cho rằng biết đâu sự cảm-thông sâu sắc với người đồng-hội sẽ nổi nhịp cầu hai cõi âm dương để đôi bên hữu tình được cùng nhau gặp-gỡ:

“*Để hay tình lại gặp tình,*
Chờ xem ắt thấy hiển-linh bây giờ!”

Quả-nhiên, niềm tin mãnh-liệt của nàng đã được đáp-ứng. Đạm-Tiên hiển-linh. Nàng bèn nói ngay:

“*Này thực tình-thành chẳng xa,*
Hữu tình ta lại gặp ta,
Chớ nề u hiển mới là chị em!”

Kiều đã nói chuyện với một bóng ma, tự-nhiên như nói với một người tri-kỷ sừng-sừng trước mặt. Những đoạn thơ nối tiếp này quả đã biện-giải cho những nhận-định đã phân-tích ở bên trên.

Phi không-gian, phi thời-gian, lúc này thời khắc như ngưng đọng để cho âm dương hiệp-nhất. Xung quanh nàng Kiều, tất cả như đã tan biến vào cõi hư vô, để chỉ còn lại một mình nàng với hồn người đã khuất. Cái khung cảnh tâm thường bé nhỏ bên lạch nước lững-lờ uốn quanh, cái không-khí chiều tà êm-ả thướt-tha thơ liễu, bóng thấp-thoáng của mấy chị em còn lại lơ-lơ giữa nơi hoang vắng im-lìm, tất cả đã chuẩn-bị thích-hợp cho giây phút hồn ma hiện về:

*“Phút đầu trận gió cuốn cờ đến ngay.
Ào-ào đổ lộc rung cây,
Ở trong đường có hương bay ít nhiều.
Đề chừng ngọn gió lần theo,
Dấu giày từng bước in rêu rành rành.”*

Bỗng dung ào ào cây rung lá rụng, lướt theo ngọn gió thổi, gót chân âm-hồn in rõ trên rêu xanh, quanh đầu đây vương vương mùi hương thơm lạ-lùng phảng-phất. Cái không-khí rờn-rợn của phút hiển-linh nhãn-tiền này là chớp đỉnh của tình-tiết diễn-tiến. Phải có không-gian ấy, thời-gian ấy, phải có tâm-tình ấy, con người ấy, mới dẫn đến giây phút xuất-thần kỳ-ngộ này. Tả cảnh, tự sự, đàm tình, nói làm sao cho khêu được tình ý, gợi lên được cảm-xúc, dẫn đến chung-cuộc một cách tự-nhiên, hợp lý, hợp tình. Ấy là tất cả cái thành-công của nghệ-thuật. Và ở đây, Nguyễn-Du đã chứng tỏ sự thành-công của ông.

(1) Theo bản của Đặng Quốc-Cơ: phải nói là *tạn* vì “*tạn* là một từ *nôm cổ*, có nghĩa là *đụng tới, chạm tới chỗ mà mình muốn đến*, như nói: tạn nơi, tạn mây, tạn trời, tạn mắt. Đừng lẫn với *tận* là một từ hán có nghĩa là hết, như nói: tận thế, tận lực.” (Truyện Kiều Và Tuổi Trẻ, Lê-hữu-Mục, Phạm-thị-Nhung, Đặng Quốc-Cơ, Làng Văn, Canada, tháng 10 năm 2000).

Chúng tôi trộm nghĩ ta vẫn quen nói: *đến tận nơi, ở mãi tận nơi xa-xôi hay là thăm cỏ xa tấp tới tận chân mây*, hoặc như Thế-Lữ tả tiếng sáo Thiên-Thai:

“Khi cao vút **tận** mây mờ,
Khi gần vắt-vẻo bên bờ cây xanh”

Chữ **tận** (có dấu mũ, theo Pháp-văn là *jusqu' à, jusqu' au bout*) đã trở thành lời nói đầu môi chót lưỡi. Nếu nghe nói *xanh tận chân mây*, thì bất cứ ai là người Việt-Nam chắc-chắn cũng đều hiểu và thấy có nghĩa hơn là khi nghe nói *xanh tận chân mây*.

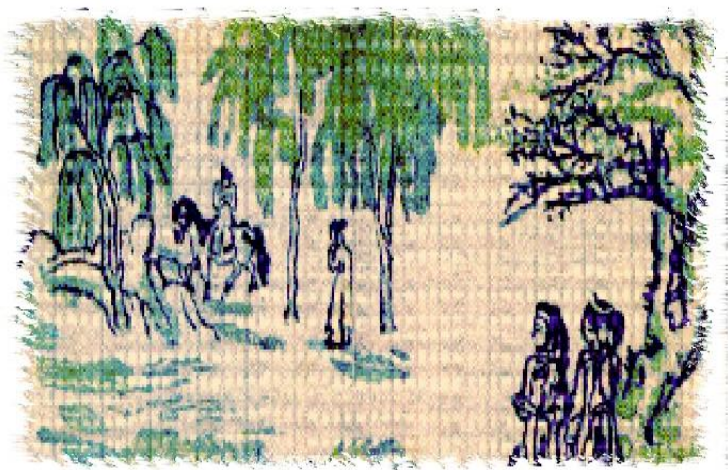
Một khi ta đã xác-nhận là tiếng nôm cổ, một thứ chữ đã lui về dĩ-vãng chỉ còn có giá-trị sử-liệu, tại sao ta cứ phải gò bó theo kinh-diển để trở về dùng một từ rất xa lạ khó nghe khi mà từ-ngữ thường dùng đã trở thành phổ-cập nhưng vẫn không trái nghĩa với nguyên-bản và nguyên-ý của tác-giả, và cho dù là một từ Hán đi chăng nữa thì trong giòng tiến-hoá và làm giàu cho ngôn-ngữ với khả-năng sáng-tạo không ngừng của tiếng Việt, nó đã được Việt-hoá với vắn ý-nghĩa của **tận** là *đi đến chỗ mình muốn đến, chạm tới chỗ cùng đường*, như bản Đặng-Quốc-Cơ cũng đã chú-giải là vậy.

Vả chẳng ngay khi giải-nghĩa từ nôm cổ **tận** là *đụng tới, chạm tới chỗ mà mình muốn đến*, bản dịch trên đây *sao lại diễn nghĩa câu thơ “Cỏ non xanh tận chân trời” là sắc cỏ trông lẫn với trời xanh?* Cánh đồng cỏ mênh-mông bát-ngát *xa tấp chạm tới chân trời* có thể từ đó cho ta cái cảm-giác thảm cỏ liền với chân mây, chân trời và thảm cỏ không biên-giới cách ngăn phân-biệt, khiến cho màu trời và màu cỏ là một như trong cảnh chiều hôm Kiều nhớ nhà khi ngồi trước lầu Ngưng-Bích:

“Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”

Khi ấy thì sắc cỏ lẫn với màu da trời, chứ không phải lẫn với trời xanh như bản ĐQC giải-thích.

3- KIM, KIỀU TRONG BUỔI SƠ-NGỘ NGÀY HỘI ĐẠP-THANH



Trong ngày hội Đạp Thanh, theo giòng người đi tảo mộ, cuộc du xuân của mấy chị em nhà họ Vương đã đem lại cho Thuý-Kiều, trên đường về, hai cuộc tình-cờ gặp-gỡ: cuộc gặp-gỡ đầu tiên khi nàng niệm-cầu trước mồ vô chủ gặp người đã khuất hiển-linh; cuộc gặp-gỡ tiếp theo, khi còn dửng-dăng, nửa muốn ra về vì trời bắt đầu tối, nửa còn luyến-lưu với bóng ma vô hình, thì chợt gặp một chàng văn-nhân từ xa tiến tới.

Thấy người quen biết, Vương-Quan ra chào. Thoạt nhìn vẻ đẹp khôi-ngô phong-nhã của người khách lạ, hai Kiều then-thùng vội giấu mặt dưới bụi hoa. Thì ra chàng trai thanh-lịch này không phải ai xa lạ, lại chính là Kim-Trọng bạn học của em trai nàng. Chàng là một thanh-niên hào-hoa, con nhà gia-thế vọng-tộc, thuộc dòng-dối văn-học tài giỏi thông-minh. Chàng cũng ở vùng quanh đó,

gần nhà Kiều, vốn nghe danh hai nàng, từng để lòng trộm yêu thầm nhớ, nên hôm nay ngẫu-nhiên giáp mặt, thấy lời đồn-đại quả không sai, lại càng thêm xao-xuyến, lòng rạo-rực niềm yêu, tuy ngoài mặt, người quốc-sắc, kẻ thiên-tài, cả hai bên, Kim-Trọng Thuý-Kiều, đều còn e-lệ.

Đoạn thơ dưới đây thuật lại cuộc hạnh-ngộ này, đồng thời cũng cho thấy, qua tiếng sét ái tình giữa đôi bên, mối tình chớm nở nhưng kín-đáo và thiết-tha của nàng Kiều đối với một chàng trai đa tình:

133- Dừng-dăng nửa ở nửa về,

Nhạc vàng đầu đã tiếng nghe gần gần,
Trông chừng thấy một văn-nhân,
Lông bông tay khấu bước lần dặm băng,
Đề-huề lưng túi gió trăng,
Sau lưng theo một vài thằng con con,
Tuyết in sắc, ngựa câu giòn,

140- Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời,

Nẻo xa mới tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa, tới nơi tự tình
Hài vãn lần bước dặm xanh,
Một vung như thế cây quỳnh cành dao,

145- Chàng Vương quen mặt ra chào,

Hai Kiều e-lệ nép vào dưới hoa,
Nguyên người quanh-quất đầu xa,
Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm-anh,
Nền phú-hậu bậc tài-danh,

150- Văn-chương nét đất, thông-minh tính trời.

Thiên-tư tài mạo tuyệt-vời,
Vào trong phong-nhã, ra ngoài hào-hoa,
Chung quanh vẫn nước non nhà,
Với Vương-Quan trước vẫn là đồng thân.

155- Vẫn nghe thơm nức hương-lân,

Một nền Đồng-Tước khóa xuân hai Kiều,

- Nước non cách mấy buồng thêu,
 Những là trộm nhớ thăm yêu chốc lòng.
 May thay giải cấu tương-phùng!*
- 160- *Gặp tuần đố lá thoả lòng tìm hoa.
 Bóng hồng nhác thấy nẻo xa,
 Xuân-lan, thu-cúc mặn-mà cả hai.
 Người quốc-sắc, kẻ thiên-tài,
 Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.*
- 165- *Chập-chờn cơn tỉnh, cơn mê,
 Dốn ngồi chẳng tiện, dứt về chổ khôn.
 Bóng tà như giục cơn buồn,
 Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.
 Dưới cầu nước chảy trong veo,
 Bên cầu tơ liễu, bóng chiều thướt tha.*

A- DUYÊN HẠNH-NGỘ VÀ TIẾNG SÉT ÁI-TÌNH

Suốt bài thơ, bên cạnh chị em Kiều, Kim-Trọng đã được Nguyễn-Du dành cho những nét bút đậm màu. Bởi lẽ chàng là nhân-vật chính của tác-phẩm song song với vai Kiều. Nhất nữa đây lại là lần đầu tiên Kim-Trọng xuất-hiện sau khi tác-giả đã cho biết khá nhiều về gia-thế, tài sắc cùng tính tình của Kiều, Vân. Và lại chính cuộc gặp-gỡ này là một cảnh mở màn cho tấn bi-kịch Đoạn-Trường Tân-Thanh. Họ sẽ thề nguyên gắn-bó để rồi khi nọ cười chưa tắt, lệ sầu đã tuôn, họ đành ôm mối hận-tình tan vỡ, cũng chỉ vì trong phút sơ-ngộ tình cờ hôm nay, tuy không hẹn mà cả hai đã nên ý hợp tâm đầu. Bởi vậy, hẳn chàng Kim cũng có những đặc-tính quan-trọng không kém gì Kiều. Phải chăng chính Nguyễn-Du đã giới-thiệu nhân-vật với một chủ-đích sâu xa?

I- GIỚI-THIỆU NHÂN-VẬT VỚI CHỦ-ĐÍCH SÂU XA

Đạt tới chủ-đích sâu xa ấy, tác-giả đã giới-thiệu hai nhân-vật như thế nào? Ta nhận thấy rõ ngay:

1.1- Kim, Kiều cùng xứng đôi

a) *Không tầm thường ti-tiền, chàng Kim cũng thuộc vào hạng nền-nếp con nhà*, vốn dòng *danh-gia* quý-phái, cũng “*nền phú-hậu, vốn nhà trâm-anh*”; lại thuộc nòi văn-chương, thông-minh sẵn có, *văn-tài* nổi tiếng lừng danh. Mà *nếp sống* thì thực là phong-lưu, nho-nhã. Trong thư-phòng, chàng dùi mài kinh sử, bút nghiên trau-giồi. Ra ngoài đường, chàng rộng lượng hào-phóng. Khi nhàn-du văn cảnh thì ung-dung ngựa câu đứng-đĩnh, có tiểu-đồng lệch-thếch theo sau; đi đến đâu vẫn không quên đem theo túi thơ nghiên bút, mượn gió trăng làm bạn, lấy vịnh cảnh đề thơ làm vui. Ở nhà, thực rõ là một *thư-sinh* phong-nhã, ra ngoài thì đúng là một *công-tử* hào-hoa. *Diện-mạo* lại khôi-ngô tuyệt-đỉnh, rõ là một *thanh-niên* tuấn-tú.

Với *phong-thái* diễm-đạm, với *tư-cách* lễ-độ, dù khi còn ở nẻo xa, nhưng mới tỏ mặt người là đã lập tức xuống ngựa, thung-thắng dẫn bước, rõ ra cốt-cách của một *văn-nhân* từ-tốn. Con dòng cháu giống, chữ giỏi văn hay, phong-lưu nhã-nhận, sắc diện tuyệt-vời, chàng Kim quả là một *mẫu người hoàn-toàn* từ thể-chất đến tinh-thần, chẳng những tài cao mà còn đẹp người đẹp nét.

b) *Chàng như vậy thì Kiều đâu có kém.*

Ta đã biết nàng Kiều cũng thuộc lớp trung-lưu, “*gia-tư cũng thường thường bậc trung*”, lại cùng với em trai vốn dòng *nho-gia* lễ-giáo:

“*Vương-Quan là chữ nối dòng nho-gia*”

Kiều cũng “*sắc đành đòi một, tài đành họa hai*”, sắc thì “*một hai nghiêng nước nghiêng thành*”, tài thì với tư-chất “*thông-minh vốn sẵn*”, nàng “*đủ nghề thi, họa, ca, ngâm*”, nhất là với kỳ-tài âm-nhạc, Kiều đã từng “*một thiên bạc-mệnh lại càng nào-nhân*”. Lại với *nếp sống* phong-lưu rất mực, Kiều vẫn giữ được *phẩm-hạnh*

kiêu-kỳ, then gài cửa đóng, tuy rằng “*xuân xanh xấp-xỉ tới tuần cập kê*”, song vẫn:

*“Êm-đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.”*

Vậy ra nếu Kiều có những đặc-điểm siêu-quần thì chàng Kim cũng xứng là một thanh-niên tài sắc hơn đời. Họ cũng đều mang cái vẻ đáng thanh-lịch của chốn đài-các thâm-khuê. Họ cũng đều có cái cốt-cách dịu-dàng khả-ái của kẻ đoan-trang: một người là tao-nhân mặc-khách, một người là thiếu-nữ con nhà gia-giáo. Chẳng những môn-đăng hộ-đối, họ còn thực vừa lứa xứng đôi.

1.2- Kim, Kiều cùng một tâm-hồn rung cảm

a) *Nhìn về khả-ái của chàng, ta thấy thoáng hiện hình-ảnh của một người giàu tình đa cảm.* Chàng Kim ở đây quả có **tài** mà cũng có **tình**. Là một văn-nhân tài hoa đa tình, chàng đã từng say người quốc-sắc, mơ bóng giai-nhân. Mới chỉ nghe đồn “*thơm nức hương-lân*” mà đã “*trộm nhớ thăm yêu chốc lòng*”. Tuy chưa hề giáp mặt, mới chỉ nghe lời đồn thổi ngợi khen mà chàng đã mê Kiều trong tâm tưởng, chẳng kém gì chàng Tú-Uyên say mê người trong tranh, chỉ khác nhau ở hành-động đam mê và một đẳng Giáng-Kiều là tiên-nữ ảo-ảnh thuộc về thần-thoại, còn Thuý-Kiều là kiều-nữ có thực trong đời sống:

*“Trộm nghe thơm nức hương-lân,
Một nền Đồng-Tước khóa xuân hai Kiều,
Nước non cách mấy buồng theo,
Những là trộm nhớ thăm yêu chốc lòng”*

Mà đã từng ấp-ủ mối tình thăm lặng lâu ngày như vậy, cho nên cuộc tình giáp mặt hôm nay làm sao không khởi khuấy động bề lòng của kẻ tình si? Sự ngẫu-nhiên đã đem đến cho chàng một dịp may hiếm có, có lẽ đã từng được khao-khát bấy lâu. Trách chi chàng chẳng hân-hoan sung-sướng, cho bỏ với năm tháng đàng-

đăng chờ mong! Trách chi chàng không say-sua ngây-ngất khi nhìn trước mặt mình là cả một vẻ đẹp diễm-kiều tuyệt-mĩ, một sự thực quá niềm mơ tưởng của mình. Bởi thế cho nên chàng đã mừng rỡ:

*“May thay giải-cấu tương-phùng!
Gặp tuần đố lá thoả lòng tìm hoa.”*

Và mới thoát thấy bóng hồng từ ở nẻo xa, chàng đã hài lòng cảm phục ngợi khen *“xuân lan thu cúc mãn-mà cả hai”*, ngoài mặt tuy còn e-dè giữ ý, nhưng trong lòng thì đã sóng tình cuộn dâng, ngất-ngây đến nỗi *“chập-chờn cơn tỉnh cơn mê, đón ngời chẳng tiện, dứt về chổn khôn”*. Thế mới biết kẻ tài hoa thường vốn đa tình lãng-mạn.

b) Phong-lưu nho-nhã như thế, làm sao không thấy khả-ái yêu vì? Tài ba đỉnh-ngộ như vậy, làm sao không thể lọt vào mắt xanh của người khuê-nữ, nhất là đối với người thiếu-nữ như Thuý-Kiều vốn đa-cảm giàu tình? Bởi vậy cho nên vừa thoát thoáng thấy từ xa một thanh-niên đáng-dáp *“trông chừng văn-nhân”*, lại *“hài-văn lần bước, tới nơi tự tình”*, Kiều đã cùng với Vân e-lệ duyên-dáng, cái duyên-dáng tình-tứ làm sao!

“Hai Kiều e-lệ nép vào dưới hoa”

Mà không tình-tứ thì sao trong lúc chàng Vương chuyện-trò cùng du-khách, lòng Kiều cũng đã lâng-lâng một niềm mến yêu, tuy ngoài mặt vẫn còn e-thẹn kín-đáo? Tình-tứ đến nỗi khi khách thư-sinh lên đường, giai-nhân ở lại còn luyến tiếc trộm ghé nhìn theo.

Thì ra trong giây lát nàng cũng say kẻ thiên-tài, mê người tao-nhã. Và hình-ảnh chàng văn-nhân với vẻ sáng quỳnh dao quả đã ngự trị giữa điện đài tâm-tư Thuý Kiều. Thì ra trong ánh mắt đắm say, cả hai đã cùng một tâm-linh, cùng nhịp rung tơ tình vương-vấn, để rồi sau phút chia tay, mỗi người nặng ôm một mối sầu tư, tưởng nhớ. Thế mới biết trai tài gái sắc:

*“Người quốc sắc, kẻ thiên-tài,
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e”*

Nếu tình-cảm của chàng Kim đi từ hân-hoan mừng rỡ tiến đến ngất-ngây say mê, thì tâm-tình Kiều cũng đậm-đà từ xao-xuyến e-ấp đến chập-chờn mê-mẩn và cô đọng lại trong buồn nhớ mênh-mang.

Cùng xứng đôi lại cùng một tâm-hồn kết-hợp, họ *gặp nhau trong ngẫu-nhiên mà như do duyên Trời dun-dủi, hay nói cách khác họ đã gặp nhau trong tiếng sét ái-tình.*

II- DIỄN-TẢ TÌNH-CẢM NHÂN-VẬT RẤT TỰ-NHIÊN VÀ THANH-KHIẾT

Ở cả hai tâm-hồn kết-hợp ấy, mành tình đã bén rễ. Tình cảm ấy không gượng-gạo nhưng tự-nhiên sâu sắc, không suồng-sã nhưng thanh-khiết.

2.1- Đến đây ta chợt liên-tưởng tới cuộc gặp-gỡ cũng tình-cờ giữa Lục-Vân-Tiên và Kiều-Nguyệt-Nga.

Họ đã gặp nhau không một chút e-lệ ngượng-ngùng. Nàng thì vội-vàng trao tặng kỷ-vật, cử-chỉ ấy bạo-dạn quá! Chàng lại từ-tốt trả lời:

*“Nhớ câu trọng nghĩa khinh tài,
Nào ai chịu lấy của ai làm gì!”*

Câu nói mới ngỡ-ngẩn làm sao! Có một chút vật mọn thì lấy chi làm quá ư to-tát mà trọng nghĩa khinh tài? Mà đâu có phải người ta trả ơn, sao chàng chậm hiểu đến thế? Dù cho là người ta muốn ghi ơn mà không tỏ tình, thì cũng chẳng nên chối phất như vậy. Sao chàng không tế-nhị chút nào? Thái-độ màu-mè quá, một thứ màu-mè giả-dối. Tình cảm gượng ép quá, một thứ tình cảm cứng nhắc.

Lời nói nhạt-nhẽo làm sao! một thứ ngôn-ngữ của những vai hề trong kịch, chèo. Ấy thế mà khi “*Vân-Tiên từ tạ phản-hồi*”, Nguyệt-Nga đã vội “*than khóc: tình ôi là tình!*”

Thật là ngộ-ngĩnh vô duyên. Không thể nào thấy có thiện-cảm, thấy rung động trước cử-chỉ ấy. Họ đã nói trong môi miệng nhiều hơn trong ánh mắt, tâm-tình.

2.2- Trái lại ở đây, Kim Kiều trầm lặng quá, không một lời trao đổi.

Chàng vừa đến, thì Kiều đã thẹn-thùng lánh mặt, một cử-chỉ e-lệ đượm vẻ đầm-thấm của người phụ-nữ đông-phương. Họ chỉ trộm liếc ngáp-ngừng mà tình đã ngáp dâng trong ánh mắt. Cả hai vẫn đều giữ ý e-dè, “*tình trong như đã, mặt ngoài còn e*”. Cho đến khi chàng đà lên ngựa, nàng mới can-đảm *nghe mắt* nhìn theo, một cái nhìn không ai có thể xét nét nghi-ngờ, cái nhìn ấy mới nồng-nàn biết bao! Vẻ rụt-rè e-lệ ấy quả đã nói rất nhiều cảm-tình say đắm thiết-tha. Không bạo-dạn trơ-trẽn, nhưng dịu-dàng âu-yếm, tình cảm đã nẩy-nở trong cử-chỉ *tự-nhiên* mà sâu-sắc chân-thành. Họ đã thầm nói với nhau trong khoé mắt, tâm tình. Tình ấy thầm kín mà cao đẹp *thanh-khiết*. Người ta không hề thấy có một cử-chỉ sỗ-sàng, không một nụ cười loi-lả. Họ vẫn giữ được vẻ đẹp thuần-tuý của nền giáo-dục cổ-kính. Chàng chỉ nói chuyện với Vương-Quan, và nàng chợt thấy đã vội lánh. Chàng cũng không dám đón lại chuyện lâu, tuy rằng “*dứt về*” thì “*chỉn khôn*”. Nàng chỉ dám nhìn theo khi khách đà lên ngựa dong cương ra về. Thực là trang-trọng kín đáo.

Nó bắt ta liên-tưởng tới những mối tình trong sạch sáng ngời qua những vần ca-dao:

*“Thương em chẳng dám vô nhà,
Đứng ngoài cửa ngõ hỏi gà bán không?”*

bởi vì:

*“Bông chi thơm lạ, thơm lòng?
Thơm cây, thơm rễ, người trồng cũng thơm”*

và nghĩ rằng:

“Chim liêu nó biếu chim quỳnh,

Biếu to, biếu nhỏ, biếu mình thương tuì”

Bâng-khuâng trong trắng, tình cảm ấy đã lặng nở trong tịch-mịch như gió chiều thoang-thoảng đang trêu mếu vuốt-ve tơ liễu mềm-mại, đang âm-thầm mon-trón làn nước trong vắt của một chiều xuân êm-ả:

“Dưới cầu nước chảy trong veo,

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt-tha.”

B- NGHỆ-THUẬT DIỄN-ĐẠT

Nội-dung phong-phú, chính nhờ ở hình-thức đẹp-đẽ vững-vàng, nói một cách khác, do nghệ-thuật điều-luyện của nhà thơ khi miêu-tả lúc hành văn.

I- NGHỆ-THUẬT MIÊU-TẢ

1.1- Dàn cảnh

Từ nét vẽ chân-dung chị em Kiều, Vân sang đến lối phác hoạ hình ảnh Kim Trọng ở đây, ngòi bút của Nguyễn-Du đã thấy uyển-chuyển lạ thường. Cũng được *chấm phá đơn-sơ* như bức vẽ nàng Kiều, song đem đối-chiếu thì bức hoạ nàng Kiều còn đôi nét tỉ-mỉ chứ như hình-dung Kim-Trọng thì quả là sơ-sài giản-dị. Nhưng nếu bức tranh *giai-nhân tĩnh*, thì bức hoạ-hoạ chàng *thư-sinh linh-động vô cùng*, nó cũng nhịp-nhàng uyển-chuyển như ngòi bút của tác-giả vậy. Bài trên có tính-cách *giới-thiệu, kể lại* nhiều hơn; bài này thì có tính-cách *miêu-tả một hình-ảnh đang diễn-tiến*. Nhân-vật được hình-dung ở đây đang lần bước trong một khung cảnh. Cho nên có dàn cảnh, có tả người lẫn tả cảnh xen cả tả tình. Tuy là một cuộc gặp-gỡ bỗng-nhiên mà vẫn có *báo-hiệu*. Tưởng sự *dàn cảnh* ấy ở đây thực chính xác mà khéo-léo.

a) *Nên nhớ rằng, trước khi Kim-Trọng đến, Thuý-Kiều đang ở trong tình-trạng tâm-tư bị hoang-mang xúc-động, tâm-hồn*

nàng còn đang phiêu-diêu trong mộng tưởng, gần-gũi một bóng ma tri-kỷ, thêm vào đó, cái không-khí u-tịch của cảnh hiển-linh đã khiến cho “*mắt nhìn ai nấy đều kinh*”:

*“Phút đâu trận gió cuốn cờ đến ngay,
Ào-ào đổ lộc rung cây,
Ở trong đường có hương bay ít nhiều.
Đề chùng ngọn cỏ lần theo,
Dấu giày từng bước in rêu rành-rành.”*

* Tác-giả đã khéo để rơi vào trong cái không-khí u-tịch ấy một âm-thanh đặc-biệt nổi *bật lên* và *rõ dần* giữa tiếng thì-thào của hoa lá. Âm-thanh là-lạ đặc-biệt này đánh thức một tâm-thần mê-mẩn đang “*tần-ngần lặng đứng*”, lôi họ trở về thực-tại, và cũng đồng thời kéo độc-giả ra khỏi vòng tưởng-tượng luẩn-quẩn về một bóng ma. Nó bắt ta cũng như họ quay về cảnh thực: một con người bằng xương bằng thịt đang dần tới, chứ không còn là một tà áo vô hình phẳng-phất quanh đây. Vận-dụng thánh-giác để phá tan mộng ảo và giới-thiệu một nhân-vật lạ đang đến, thật là *tuyệt khéo* và *hợp lý*.

* Thực vậy, trong lúc ta đang nghĩ-ngợi mông-lung, dù cho một bóng người đi qua, có lẽ chưa dễ gì ta đã chú ý, nhưng một âm-thanh - không phải thứ âm-thanh quen thuộc, mà *lạ tai khác biệt* - sẽ khiến ta giật mình chú ý. Nhất là âm-thanh ấy *càng lúc càng rõ* như tiến đến gần, lại càng kích động trí tò-mò khiến ta không chú ý dôi theo sao được? Chị em Kiều cũng đã ngạc-nhiên nghe ngóng. Sự ngạc-nhiên ấy bắt họ phải dôi nhìn tìm bóng khách du. Bởi vậy, trước là:

“Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần”

sau mới:

“Trông chùng thấy một văn-nhân”

b) *Nghe rồi mới ngẩng nhìn. Thế là hợp lý. Mà lại tuyệt khéo nếu ta thấy nhân-vật xuất-hiện rõ dần và tình-cảm của Kim Kiều cũng nương theo một nhịp tiến-triển.*

* Tiếng vọng lạnh-lãnh của nhạc ngựa đang tiến gần về đây, dẫn đưa chàng văn-nhân “lòng buông tay khẩu *bước lần* dậm bằng”. Khi chàng *ở xa, chỉ thấy dáng-dấp* của chàng trong y-phục áo xanh với con ngựa trắng; lúc sắp *tới gần, khách hiện rõ với bước đi thông-thả*, với *hài-văn* sáng rực. *Lúc ở xa thì thấy vẻ dáng, lúc lại gần thì thấy rõ cả hài-văn*. Tả như vậy thì khéo vì phù-hợp với sự tiệm-tiến của nhân-vật. Đồng thời tình-cảm của nàng Kiều cũng nảy-nở dần theo.

* Văn-nhân chưa tới, thì còn phải chăm-chú dõi nhìn. Nhìn càng lâu càng thấy sáng đẹp, lòng càng rạo-rực cảm mến, một thứ tình-cảm mệnh-mạng đang phát-hiện, đó là lúc mối tình chớm nở, nó thoáng nhẹ phảng qua, nhưng nó sẽ bền chặt nếu được níu giữ khắc sâu. Thì quan-sát suốt từ lúc chàng còn ở xa đến suốt thời-gian chàng trò chuyện cùng Vương-Quan, làm gì mà tình-cảm ấy không được nuôi dưỡng triển nở cho thêm nồng thắm đậm-đà, làm gì mà lúc khách đã lên ngựa, người ở lại chẳng dừng nghe theo!

Dàn cảnh khéo, Nguyễn-Du chẳng kém gì một nhà đạo-diễn trên sân khấu. Phác-hoạ nhân-vật và cảnh-vật lại càng khéo hơn, Nguyễn-Du chẳng kém gì một hoạ-sĩ tài ba.

1.2-Nhân-vật và cảnh-vật

a) *nhân-vật*

* *Lúc còn ở xa*, nhân-vật của nhà thơ được điểm tô trong một bức hoạ sáng tươi. Nguyễn-Du tả:

*“Tuyết in sắc, ngựa câu giòn,
Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời”*

Tả ngựa trước, tả chàng sau. Màu trắng tuyết của ngựa non được dùng làm nền cho bức tranh, trên đó chấm phá vài nét đơn-sơ vẽ dáng của chàng trong bộ cánh màu lam.

Màu sắc ở đây lại sáng tươi, dịu-dàng, gợi trong ta một cảm-giác tươi vui êm dịu, làm nổi bật được vẻ đẹp nhã-nhận của chàng văn-nhân thanh-lịch. Màu sắc ấy vừa *gợi cảm* vừa *gợi hình*. Với cảm-giác sáng ấy, Nguyễn-Du chuẩn-bị cho mỗi tình tươi đẹp chớm nở. Với nét vẽ dịu-dàng ấy, Nguyễn-Du lưu lại trong tâm trí giai-nhân hình ảnh chàng thư-sinh khả-ái.

Màu sắc ấy lại tương-phản. Màu của đất trời giao-hoà trong màu áo của thư-sinh. Giữa hai viền xanh, xanh lam màu áo chàng Kim, xanh thắm màu cỏ đồng nội, tác-giả đã xen vào giữa một vệt sáng tương-phản: màu trắng toát của con ngựa bạch. Màu trên làm nổi bật màu dưới. Ngược lại màu dưới làm nổi bật màu trên. Màu sắc tương-phản lại phản-chiếu ánh tà-dương. *Sự giao-hoà giữa màu sắc và ánh sáng* càng khiến bức tranh thêm linh-hoạt. Thực đúng là *một bức tranh đầy-đủ và linh-diệu*. Đầy-đủ vì chỉ trong mười bốn từ với vài nét đơn-sơ mà *đủ cả người, cả vật, cả thiên-nhiên*. Linh-diệu vì màu được *chọn lựa thích-hợp, được tận-dụng khéo-léo*. Không chọn màu đậm như màu đỏ thắm của hình-ảnh chinh-phu:

“Áo chàng đỏ tựa ráng pha,

Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in”.

Ở đây là màu xanh mát dịu, màu trắng sáng tươi, hợp với vẻ tao-nhã của một văn-nhân thi-sĩ hơn là với vẻ đáng hào-hùng của một tráng-sĩ hiên-ngang. Không xếp màu lộn-xộn, nhưng tô vẽ cho cân đối nhịp-nhàng.

* *Đến khi chàng tới gần,* thì bức tranh càng hiện rõ trong vẻ đẹp lộng-lẫy:

“Hài-văn lần bước dặm xanh,

Một vung như thế cây quỳnh cành dao.”

Với dáng điệu nhàn-tản, ung-dung, tay vung đong-đưa theo chân bước thông-thả nhịp-nhàng; với y-phục rực-rỡ lấp-lánh ánh chiều như phát hào-quang, hình ảnh văn-nhân càng thêm rực-rỡ, đẹp như cành ngọc dao, tươi như cây ngọc quỳnh, đúng là “*thần thái như quỳnh dao ngọc thụ*” (1). Màu sắc đẹp tươi giao-động trong ánh sáng theo nhịp bước khoan thai khiến cho bức tranh linh-động hơn nhiều. Nhìn bức tranh trên, vẽ chàng văn-nhân ở đằng xa, ta thấy *lâng lâng* niềm vui vì *vẻ đẹp mát dịu*; nhìn bức tranh dưới, hoạ chàng thư-sinh khi tới gần, ta thấy *ráo-rức* cảm xúc vì *vẻ đẹp choáng mắt*. Mỗi bức hoạ đều có vẻ đẹp riêng song cả hai đều tuyệt-vời. Miêu-tả nhân-vật đến như thế thì nghệ-thuật của nhà thơ phải là nghệ-thuật siêu-thần của một Vương-Duy với danh-tài “thi trung hữu hoạ”.

b) *cảnh-vật*

Nghệ-thuật ấy còn nhập-diệu ở ngòi bút biến-hoá khi từ lối phác-hoạ chân-dung bước sang lối miêu-tả cảnh-vật. Nét vẽ của tác-giả vẫn đẹp, vẫn linh-động gợi tình. Tả cảnh chiều xuân tạm biệt, chỉ cần hai câu:

*“Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt-tha”.*

Trước đó, văn-nhân tiến bước lại gần. Sau này, giòng nước trong veo lơ-lững dưới cầu, tơ liễu tha-thướt mềm-mại ngả bóng nằm dài, soi mình trong gương nước, rung-rinh trong nắng chiều. Cả hai bức tranh đều có những chuyển-động và ánh sáng, màu sắc. Nhưng dưới này thì sự chuyển-động quá nhẹ-nhàng êm dịu; đó chỉ là những dao-động mong-manh với tơ liễu mềm uốn loi-lả, với “mặt nước theo làn hơi gợn tí” (2). Màu sắc cũng không thấm rực đậm nét như bên trên, nhưng nhạt dịu nhẹ nét với màu xanh tơ liễu và màu trắng nước trong. Ánh sáng cũng đã dịu xuống, màu tối của bóng chiều bắt đầu vây phủ.

Cảnh ở trên lộng-lẫy rực sáng như cả mối tình phơi-phới dâng lên. Cảnh ở dưới êm-ả, lả-lướt như vương mắc nỗi buồn lưu-luyến, bàng-bạc cả không-gian, man-mác trong lòng người đi kẻ ở. Bức tranh phong-cảnh với nét vẽ mềm dịu quả đã nổi bật sắc-thái và gợi cảm ngụ tình, cái tình-cảm bàng-khuâng như vẻ ngơ-ngác của giòng nước bên cầu lờ-lững, cái mềm luyến-ái yêu-đương như vẻ yêu-kiều lả-lướt của mảnh liễu đong-đưa.

II- NGHỆ-THUẬT HÀNH VĂN

Dàn cảnh phác-hoạ, Nguyễn-Du đã dựng nên những bức tranh thanh-tú, chứng tỏ nơi ông một nghệ-thuật miêu-tả tài-tình. Song những bức tranh trên không phải vẽ bằng màu, tô bằng sắc, mà dệt bằng lời, tả thành câu. Bởi vậy nghệ-thuật hành văn của tác-giả quả là già tay điêu-luyện. Điêu-luyện trong văn từ, già-giặt trong cú-pháp.

2.1- Văn-từ thực là súc-tích gợi hình, *khi bình-dị chuẩn-xác, lúc trang-nhã bóng-bẩy.*

c) *khi bình-dị chuẩn-xác,*

* Tả giai-nhân lánh mặt lúc phải đối-diện chàng trai phong-nhã, Nguyễn-Du viết:

“Hai Kiều e-lệ nép vào dưới hoa”

Chỉ một động-từ ***nép*** cũng đủ tả được dáng điệu, nói hết được tình-cảm của giai-nhân, vẽ ra *cử-chỉ duyên-dáng mỹ-miêu vì thẹn-thùng*. Một xúc-cảm *bàng-khuâng e-ấp* vì tình yêu chớm nở. So với động-từ ***nấp*** vào thì nghĩa chữ rõ-ràng chính-xác quá xa. Mà quả là bàng-khuâng e-ấp, cho nên khi phải tiễn-biệt xa cách, lúc “khách đà lên ngựa”, nàng “*còn ghé theo*”.

Động-từ ***nghe*** thực gợi hình, tích ý, nó không nhạt tẻ tầm-thường như động-từ ***ngó*** theo. Ở đây, Kiều không thể ngó được, vì nàng không núp sau bụi cây mà chỉ e-thẹn *che mặt sau* hoa thắm; nàng *đưa mắt liếc theo* nhưng vẫn còn e-lệ bên khóm hoa; nàng

ghé mắt nhìn theo với tất cả niềm luyến tiếc mơ-màng. Chữ *nghe* quả được chọn lọc tinh-vi.

* Giai-nhân đã mặn-mà, sự rứt-rè e-lệ lại càng thêm vẻ diễm-kiều cho nhan-sắc, làm gì khách đa-tình chẳng

“Chập-chờn cơn tỉnh cơn mê,

Dốn ngồi chẳng tiện, dứt về chổ khôn”

Hai chữ **chập-chờn** tận-diễn trạng-thái *mơ-màng say-đắm*, nổi *bàng-hoàng ngáy-ngất* của thư-sinh. Chữ dùng thực tinh-tế và gọi cảm. Bởi ngáy-ngất say-sưa nên muốn về mà không nỡ dứt. Nhưng rồi phần vì đứng lâu chẳng tiện, phần vì bóng chiều đã ngả, ngày đã tàn mau, nên đành phải thờ-thẩn chia tay. Đến lúc này lời thơ đổi giọng trở nên u buồn:

“Bóng tà như giục cơn buồn”

Động-từ **giục** nghĩa thực mạnh-mẽ, lột đúng được tâm-trạng miễn-cưỡng của kẻ đang ở trong giây phút dùng-dàng lưu-luyến. Dứt về chổ khôn mà khách vẫn phải lên ngựa giả-từ chỉ vì bóng chiều *thối-thúc giục-giã*, không những mạnh ý mà còn ăn khớp với câu trước, nối liền với câu sau. Tất cả những từ-ngữ trên đều thuần nôm giản-dị, ta vẫn thường gặp nơi đầu môi của miệng mọi người. Tuy bình-dị, song vẫn không mất vẻ trang-nhã cao-quý.

b) lúc trang-nhã bóng-bẩy.

* *Phải nói ngay, từ-ngữ Hán-Việt dùng rất đặc vị.* Giới-thiệu gia-thế thì nào *phú-hậu, trâm-anh*. Tả nhân-vật thì *phong-tur, tài-mạo, hào-hoa, phong-nhã*. Nói về cuộc gặp-gỡ thì *giải-cầu tương-phùng*. Chữ dùng trở nên *trang-trọng hợp với vẻ đài-các quý-phái* của văn-nhân.

* *Đến như những điển-cổ trong bài thì cũng vừa xứng-hợp vừa dễ hiểu.*

Nhớ lại câu thơ của Đỗ-Mục:

“Đồng phong bất dữ Châu Lang tiện,

Đồng tước xuân thâm toả nhị Kiều”,

nhắc lại điển-tích: Tào-Thào đánh trận Xích-Bích quyết hạ Đông Ngô, đã xây sẵn toà lâu-đài đồng-tước nguy-ngã dành cho hai nàng xuân-sắc là Đại Kiều, vợ của Tôn-Sách và Tiểu Kiều, vợ của Chu-Du, tính bắt hai người đem về đây mà vui thú tuổi già. Dù không rõ câu thơ này, song với chữ **khóa xuân**, người ta cũng hiểu ngay là hai nàng Kiều, Vân vẫn còn cấm cung then gài cửa đóng. (Nếu *gió đông không giúp* cho danh-tướng nhà Đông Ngô là *Chu-Du* phóng hoả phá trận, thì *hai Kiều đã bị khóa nhốt tuổi xuân trong đài Đồng- Tước rồi*.)

Cái ý nghiêng nước nghiêng thành trong hai chữ **quốc sắc** vốn không xa lạ gì với nhận-xét thông-thường, bởi lẽ người bình-dân vẫn từng nói “*xiêu đình đổ quán*”.

Quốc-sắc thiên-hương, nói tới sắc nước thường không quên hương trời. Chữ quốc-sắc lại gắn liền với **hương-lân** trong câu: “*Vấn nghe thom nức hương-lân*”. Như vậy kể đã khá dụng công. Với điển-tích sát ý xứng-hợp, lời thơ thêm hàm-súc mỹ-lệ, tôn thêm được vẻ đẹp vương-giả “*sắc đành đòi một*” của tuyệt-thế giai-nhân.

* *Phép tỉ-lệ ẩn-dụ càng khiến cho văn-từ trở nên bóng-bẩy hoa-mĩ*. Cũng là tả vẻ đẹp, song tả văn-nhân thì so-sánh với ngọc quỳnh, ngọc dao, tả hai Kiều thì so-sánh với xuân-lan thu-cúc. Hai chữ **quỳnh, dao** nói nhiều về đẹp *sang trọng của người quý phái*. Hai chữ **xuân-lan** nói rõ về đẹp *tươi thắm của một Thuý Vân lạc-quan vô-tư*. Hai chữ **thu-cúc** hình-dung đầy-dủ về đẹp của một Thuý- Kiều trong dáng *ưu-tư mơ-màng*. Nó thực tóm hết được đoạn tả nhan-sắc Kiều, Vân với “*mỗi người một vẻ*” nhưng “*mười phân vẹn mười*”. Tả ngựa trắng thì so-sánh với màu **tuyết in**. Nói sự xa cách thì ví như cách trở hàng nghìn dặm **nước non**. Hình ảnh, vì thế, càng trở nên tươi sáng, cách trở càng trở nên xa-xôi muôn trùng.

* *Phép nhân-cách-hoá lại trau-chuốt cho lời thêm đẹp, ý thêm hay*. Mượn hoa để ám-chỉ người đẹp, lời vừa kín-đáo, ý vừa

xa-xôi, từ thêm óng-ả. Xưa nay văn-nhân thi-sĩ vẫn lấy hoa làm biểu-tượng hình-dung vẻ đẹp của giai-nhân. Cũng yêu-kiều, mềm-mại, cũng tươi-tắn dịu-dàng, hoa là hình-ảnh tuyệt-mĩ cho nhan-sắc của người thiếu-nữ diễm-kiều. Nhất là đối với con mắt nghệ-sĩ của chàng thư-sinh họ Kim thì hai Kiều quả là những bông hoa tuyệt-vời thơm nức thiên-hương, cho nên:

“Gặp tuần đố lá, thoả lòng tìm hoa”

Hoa đây trở Kiều, vừa có *vẻ gọi hình của lối nhân-cách-hoá*, vừa có *vẻ cân-đối của lối song-quan*, trên là *đố lá*, dưới là *tìm hoa*. Hoa nở giữa muôn ngàn lá xanh; lá xanh tôn sắc của hoa thắm, lại vừa đúng với nghĩa đen trong bài nói tới cuộc vui tung-bồng nhộn-nhip của nam-thanh nữ-tú trong ngày hội xuân.

Lời nôm chuẩn-xác, từ Hán đặc-vị, từ-hoa bóng-bẩy, tất cả đã khiến cho lời thơ khi bình-dị gọi cảm, lúc trang-nhã diễm-lệ mà tứ vẫn súc-tích đôi-dào. Văn-từ đã gọn-ghẽ trau-chuốt, cú-pháp lại càng vững-chãi thần-tình.

2.2- Cú-pháp thần-tình.

a) *Phép đảo-trang* vẫn là lối thông-dụng để nhấn mạnh ý thơ.

* Báo hiệu cho chị em Kiều một chàng du-khách sắp tới, tác-giả viết:

“Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần”

Hai chữ **nhạc vàng** đặt lên đầu câu kích thích được sự chú ý của độc-giả, người nghe. Chính vì tiếng nhạc ngựa mà người đang “*mê-mẩn*” phải giật mình tỉnh mộng. Chính vì tiếng động lạ thường ấy mà chị em Kiều không thẳng bước ra về, nhưng còn nấn-ná chờ người du-khách. Chính vì âm-thanh lạnh-lãnh rộn vang ấy mà sự xuất-hiện của văn-nhân càng trở nên trang-trọng rực-rỡ. Sự chuyển-hoán vị-trí của từ-ngữ lên đầu câu làm nổi bật được văn-ý. Nếu kể đến sự sắp-xếp của những từ-ngữ khác trong toàn câu thì càng thấy cú-pháp ấy thần-diệu hợp lý:

Nhạc vàng (a) → đâu đã (b) → gần gần (c)

Thoạt đầu nghe thấy tiếng nhạc (a), trước còn ở xa tận đâu đâu (b), nghe mãi, sau thấy đã gần gần đâu đây (c). Vị-trí của ba từ-ngữ trên đã theo đúng trình-tự tự-nhiên.

* Ta lại biết rằng giới-thiệu Kim mà quên mất Kiều, Vân, thì cảnh tình mất vẻ đầm-thắm. Thư-sinh bên cạnh giai-nhân, có Kim mà cũng phải có Vân, Kiều, bài thơ mới được tình đẹp ý. Bởi vậy khi chàng nhác thấy bóng hồng thấp-thoảng từ ở nẻo xa, Nguyễn-Du đã viết:

“Bóng hồng nhác thấy nẻo xa”

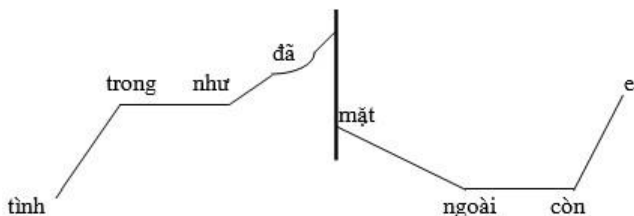
Danh-từ **bóng hồng** đáng nhẽ phải đi sau động-từ **nhác thấy**, lại tách ra đứng riêng ở đầu câu làm lu mờ ý nghĩa của những từ khác, trong khi làm sáng tỏ ý-nghĩa của mình; nó *nêu rõ hình-ảnh tươi đẹp đập ngay vào mắt ta*, khắc ngay vào cân não, bắt người đọc phải dồn con mắt nhìn theo cùng với chàng khách du kia. Chính phép đảo- ngữ ấy có giá-trị như đắp thêm màu, ấn mạnh ngọn bút cho bức hoạ được linh-hoạt sáng tươi hơn.

b) Ngoài ra phép đối-ngẫu cũng vẫn là sở-trường của nhà thơ khi gieo vần nắn bút mà thơ vẫn không cầu-kỳ.

* Khi trai tài đã đối-diện cùng gái sắc, khi cả hai đã thấy nhịp lòng cùng rung chuyển, tưởng không gì khéo tả bằng hai câu thơ sau:

*“Người quốc-sắc, kẻ thiên-tài,
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.”*

Lối tiểu-đối trong mỗi câu, vừa điều-hoà nét vẽ cho hai hình-ảnh song song cân-đối, vừa hoà-hợp được hai trái tim xúc-động trong mối cảm-thông sâu-sắc tự-nhiên. *Chàng đối với nàng, tâm-tình bên trong đối về mặt bên ngoài*; song chàng với nàng thì lại *xứng đôi đồng-điệu, tình* với *mặt* không phản trái nghịch nhau mà *tương-quan mật-thiết*, mặt ngoài còn e-dè chỉ là cái cách diễn-tả của tình trong như đã....



* Ấy là chưa kể đến *lời gieo tử bỏ lửng* trong mệnh-đề “*tình trong như đã*”, bắt người đọc phải suy nghĩ để rồi thấy cả một triều sóng tình mệnh-mang lâng-lâng dâng lên trong lòng nhân-vật, *một thứ men tình nồng-nàn đang phân-hoá trong tim* khiến họ phải chấp-chờn đề-mê. Một tình-cảm đẹp-đẽ nên thơ dậy ý, nếu nói rõ ra thì thành sống-sượng, gượng-gạo nhạt tẻ, “*đã*” làm sao? “*đã*” thế nào? Tác-giả để người đọc tự hiểu lấy. Ý tại ngôn ngoại, lời bỏ lửng ấy vừa nói rất nhiều, vừa viết cho lời thêm hay ở *điệu thơ ngập-ngừng thất khác, ngắt quãng giữa chừng* với thanh ngã đưa giọng đi lên vướng mắc trong hốc mũi (*đã*) để cho hơi văn dứt đoạn ở *vế thứ nhất*, rồi bắt vào vế thứ hai bằng giọng trầm nặng đục (*mặt ngoài còn*) trước khi nổi lên lơ-lửng ở giọng phù-bình (e)

* Cũng với lời tiểu-đối ấy, tác-giả tả cảnh phân ly:
“Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo”

Đối thanh, đối ý, đối lời, phép đối tách rời hai hình-ảnh và dung-hợp hai tâm-hồn. Chàng ra đi nhớ người ở lại, nàng ở lại trông theo kẻ ra đi; hai người cách xa, nhưng cả hai đều dõi theo nhau, dõi theo bằng ánh mắt, dõi theo trong tâm tưởng. *Càng xa cách, nhưng càng níu kéo lại gần*. Đúng vậy, nếu không thì sao về tới nhà rồi, cả hai đều tương-tư, nàng thì :

*“Người đâu gặp-gỡ làm chi,
 Trăm năm biết có duyên gì hay không?”*

Còn chàng thì:

*“Nỗi nàng canh-cánh bên lòng biếng khuây,
 Sầu đông càng gác càng đầy.”*

đến nỗi:

“Mành Tương phơn-phốt gió đàn;
Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình.
Vĩ chẳng duyên nọ ba sinh,
Làm chi những thói khuynh thành trên người?”

* Ta còn gặp phép đối-ngẫu này trong nhiều câu nữa, nào:

“Vào trong phong nhĩ, ra ngoài hào hoa”

nào:

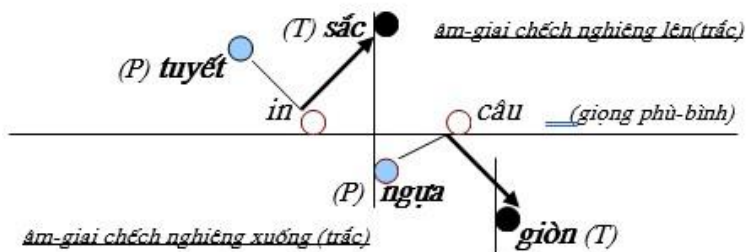
“Dốn ngồi chẳng tiện, dứt về chốn khôn”

c) Chính cũng vì thế mà câu thơ có nhịp điệu, lời thơ có tiết-tấu. Thực vậy, bài thơ là cả một bản nhạc biến điệu.

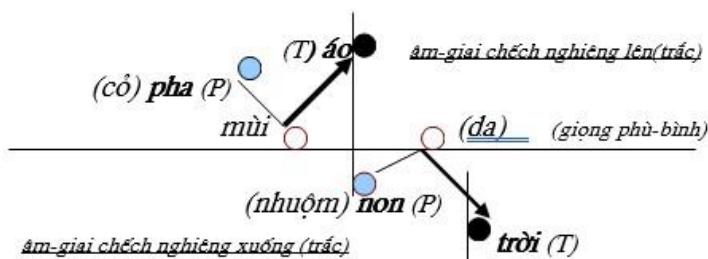
* Khi tả nỗi buồn từ-giã, thì:

“Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt-tha”

Điệu thơ trở nên *trầm lắng*, hơi thơ biến thành *khoan-thai*, nhẹ-nhàng, giọng không cao vút réo-rắt, *vừa đồ thấp xuống vực sâu (cầu, chiều) chột dọi lên chơi-vơi ngân vang (trong veo, thướt-tha)*, cực-diễn được *trình buồn man-mác*. Trái với lúc chàng trai đang đến trong sắc màu đẹp sáng, trong niềm vui chan-chứa với nỗi lòng rạo-rực thấp-thỏm, điệu thơ khác hẳn: “*tuyết in sắc / ngựa câu giòn*.”



Nó *gập-ghềnh* vì lối ngắt nhịp giữa quãng tưởng như bước đi khấp-khểnh của vó câu. Nhạc thơ theo nhịp hành-khúc cho *chân phải* (P) nhấn bước ở các từ “**tuyết, ngựa**” và *chân trái* (T) *dậm mạnh* ở các từ “**sắc, giong**” bắt vào đầu phách, để rồi cũng như vậy trong câu bát kế tiếp, *chân phải* (P) nhấn bước ở các từ “**pha, non**” và *chân trái* (T) *dậm mạnh* ở các từ “**áo, trời**”, cho hơi thơ đi mau, lời thơ rộn-rã như thúc giục cảm-tình trỗi dậy trong hân-hoan.



Xin mở thêm dấu ngoặc về cách chấm câu ngắt ý trong truyện Kiều vốn không rõ-ràng trong văn nôm dễ khiến có những diễn-giải khác nhau; nơi đây chúng tôi chủ-trương ngắt nhịp ở từ **sắc** giữa câu, vì nếu ngắt theo nhịp đôi hai tiếng một cho câu thơ thành ba nhịp như:

tuyết in / sắc ngựa / câu giong,

thì tuy rằng **tuyết in / sắc ngựa**, ngắt nhịp như thế để cho hai tiếng sắc ngựa đi liền nhau, dẫu nói được **sắc trắng như tuyết in vào da ngựa**, song mạch văn nghe không xuôi lắm, bởi lẽ phẩm-định-từ **câu** còn phải đi liền với danh-từ **ngựa** mà nó chỉ-định. Ta nói **ngựa câu giong**: con ngựa non, khoẻ và đẹp. **Câu** và **giong** là hai đặc-tính của con **ngựa bạch** này, tất nhiên phải cùng với từ **ngựa** mà đi liền một hơi. Và **tuyết in sắc** có thể diễn-giải là **sắc trắng như tuyết in**. Vậy khi ngắt câu lục này thành hai nhịp:

Tuyết in sắc/ ngựa câu giong,

ta có thể diễn xuôi ý thơ theo cú-pháp đảo-trang như sau:

Trên lưng con tuấn-mã, chàng buông lỏng dây cương (lỏng buông tay khẩu ...) **Sắc trắng như tuyết in, ngựa chàng vừa khoẻ vừa đẹp.**

Con ngựa này có ba đặc-điểm: *đó là một con tuấn-mã trẻ và khoẻ mạnh* (ngựa câu), *con ngựa ấy là con ngựa bạch* (sắc trắng như là tuyết in), và *vì vậy con ngựa ấy trông thật đẹp* (giòn); đặc-tính thứ hai được đảo vị-trí để lên đầu câu như một nhõn-từ hầu làm nổi bật hình-ảnh nhân-vật với màu sắc tương-phản hài-hoà giữa người với vật và với thiên-nhiên.

Hoặc giả, *diễn xuôi theo lối thuận-trang*, câu lục này có thể viết cho rõ là:

Tuyết in sắc ngựa, ngựa câu giòn

Trong thơ, để giảm thiểu cho gọn-gàng đúng luật, tiếng ngựa thứ nhất có thể bỏ đi thành:

Tuyết in sắc, / ngựa câu giòn

Như vậy dù thuận-trang hay đảo-trang, câu thơ cũng phải ngắt ý, ngắt nhịp ở giữa quãng như đã minh-hoạ trên đây.

d) Sau cùng là phép điệp-ngữ. Giới-thiệu chàng Kim:

“Chung quanh vẫn nước non nhà,

Với Vương-Quan trước vẫn là đồng thân.”

Chữ **vẫn** nhắc đi nhắc lại như muốn nhấn mạnh tình thân quen biết giữa hai chàng thư-sinh tuổi trẻ, như muốn rào trước vun vào cho mối tình Kim Kiều thêm thắm-thiết, như muốn đem đến vẻ tự-nhiên cho cuộc gặp-gỡ bớt phần trơ-trẽn ngược-ngùng.

Tổng xét về bút-thuật của nhà thơ, ta nhận rằng hết dùng điển-cổ, tỉ-lệ đến đảo-trang, hết nhân-cách-hoá lại dùng đến đối-ngẫu, điệp-ngữ, ngắt nhịp điệu thơ, Nguyễn-Du đã tận-dụng từ hoa khiến cho văn-từ óng mượt, tứ thơ mạnh giàu.

Kết-luận

Viết đoạn thơ với hai chủ-đích, một là giới-thiệu nhân-vật chính thứ hai sánh vai cùng Kiều, hai là nêu tính-cách xứng đôi để dẫn vào mối tình bén nhậy và tri-kỷ nầy- nở giữa trai tài gái sắc. Toàn bài, từ âm-điệu hình-ảnh, từ màu sắc âm-thanh, từ ngữ-dụng

cú-cách, tất cả đều hướng vào hai chủ-đích ấy. Nguyễn-Du vừa phác-hoạ chân-dung nhân-vật một cách gọn-gàng giản-dị, vừa phô-diễn tình- cảm một cách rõ-ràng từ lúc chớm nở đến khi tăng-triển đậm-đà, vừa khích-động sự chú tâm và tình-cảm ngay nơi độc-giả. Đó là nhờ ở tính-cách mềm dẻo già-dạn của nghệ-thuật miêu-tả, hành văn. Về nội-dung cũng như hình-thức, bài thơ chứng tỏ sự thành-công tuyệt-hảo của thi-sĩ Tiên-Điền.

Cước-chú

(1) Ngày xưa Vương-Nhung khen Vương-Diễn: “*Vương-Diễn thần-thái như quỳnh-lâm dao-thụ*”, tinh-thần và hình-dung của Vương-Diễn đẹp như cây dao ở rừng quỳnh.

(2) thơ Nguyễn-khuyến (*Thu-Điếu*)



*Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man-mác biết là về đâu?*



4- KIỀU NGẮM TRĂNG XUÂN

Trên đường du xuân trở về, chị em Kiều nương bóng hoàng-hôn, dừng chân nơi nấm mồ Đạm-Tiên hoang vắng. Cảm thương cho cảnh bạc-phận của người ca-nữ tài sắc vang bóng một thời, Kiều đã từng “*mê-mẩn tâm-thần, tần-ngần lặng đứng, châu sa vấn dài*”. Nhưng nỗi buồn chưa dứt, niềm vui đã hiện. Hình-ảnh chàng Kim trong dáng-dấp văn-nhân từ xa tiến tới, gieo vào lòng người thiếu-nữ đa sầu một niềm cảm-xúc băng-khuâng “*tình trong như đã*”. Cho đến khi chiều vàng buông xuống giục khách lên đường, lòng người giai-nhân còn vấn-vương một nỗi buồn lưu-luyến mệnh-mang. Buồn vui xâm chiếm tâm-tư, nàng Kiều trở về hẩn rộn lòng “*ngổn-ngang trăm mối*”. Nguyễn-Du đã thể-hiện rõ tâm-hồn nàng qua bức tranh xuân dưới đây:

- 171- Kiều từ trở gót trưởng hoa,
 Mặt trời gác núi chiêng đà thu không,
 Gương Nga chênh-chếch dờm song,
 Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.,
 Hải-đường lả ngọn đông-lân,
 Giọt sương trầu nặng cành xuân la-đà.
- 177- Một mình lặng ngắm bóng Nga,
 Rộn đường gần với nẻo xa bời-bời:
 ‘Người mà đến thế thì thôi!
 Đời phồn-hoa cũng là đời bỏ đi!
 Người đâu gặp-gỡ làm chi?
 Trăm năm biết có duyên gì hay không?
- 185- Ngổn-ngang trăm mối bên lòng,
 Nền câu tuyết-diệu ngụ trong tính tình.

DIỄN-GIẢI

Chàng Kim đã đi khuất. **Mặt trời** úa vàng **gác** chéch lên sườn **núi**. **Chị em Kiều** cùng nhau quay **gót trở về**. Ra về **từ** lúc chiều vàng lênh-lánh rừng xa, tới nhà nơi khuê-phòng **màn hoa trướng** rủ thì trời **đã** tối, tiếng **chiêng thu không** báo hiệu ngày tàn đã ngân-ngã từng hồi.

Nhìn trăng **chênh-chéch** chiếu qua cửa sổ, trăng sáng như **gương**, tường chùng như **Hằng-Nga** đang ghé mắt **dòm** qua **song cửa**. Trăng **đổ** sáng ngập tràn trên sóng **nước**, nước lấp-lánh gòn-gợn những **ngấn vàng** trong. Trăng **giãi** sáng chan-hòa trên mặt **sân**, sân in **lồng** những **bóng cây** nghiêng ngả. Ngoài kia, **ngọn hải-đường nghiêng mình tha-thuốt** sang **nhà lảng-giềng bên đông**, **những chùm hoa xuân nặng trĩu sương đêm** mềm-mại cúi đầu **lả-lướt**.

Mơ-màng say cảnh nên thơ, âm-thầm **lặng-lẽ**, nàng **Kiều một mình** nương **bóng** ngòi **ngắm trăng** xuân, trầm-tư nghĩ-ngợi, lòng **rộn** bao ý nghĩ vẩn-vơ, **hết đường gần lại tới nẻo xa** bồi-bồi rối loạn. Nghĩ rằng: con **người** tài sắc **đến như thế thì thôi!** **Đạm-Tiên** cả một **đời phồn-hoa** lên xe xuống ngựa, **mà** rốt cuộc **cũng là đời bỏ đi**, **chẳng còn chi nữa**. Rồi còn **chàng Kim** kia, **người** bỗng dưng từ **đâu** đến, bỗng dưng **gặp-gỡ làm chi** cho tình đã chớm nở, nhưng liệu rồi **duyên trăm năm biết có** xe kết thành vợ nên chồng **gì hay không?** Tưởng nghĩ liên-miên, hết gần lại xa, **lòng ngổn-ngang trăm mối**, rồi vì không nén nổi tâm-tư, **nên** **chi** nàng Kiều đã giải-bày nỗi lòng, thể-hiện **tính tình** mình **trong** những **lời thơ tuyệt-diệu**.

BÌNH-LUẬN

Cổ-nhân có nói: “Thi trung hữu họa”. Ngoài hai câu nhập-đề làm chuyển-đoạn, bài thơ là cả một bức hoạ thần tình gồm **hai phần chính**: khởi đầu trong bốn câu, Nguyễn-Du trưng lên một bức tranh

đêm xuân dịu-dàng trong sáng; tiếp theo nhà thơ hình-dung lại một tâm-hồn: nàng Kiều đối cảnh trầm-tư, nhớ cảnh chiều hôm, tưởng nghĩ tương-lai.

1- Trước hết, bài thơ là cả một bức tranh tuyệt-xảo.

1.1- Với *một tài-liệu phong-phú*, chỉ trong bốn câu mà ta thấy: nào trăng, nào nước, nào cây-cối, nào sân, nào song cửa. Nét vẽ lại có phần *tả-mĩ công-phu*: tả trăng thì quan-sát cả vị-trí chếch xiên với ánh sáng trong dịu, tả nước thì ghi nhận cả những đợt sóng lăn-tăn đựng những ngấn sáng vàng, tả sân thì tô đậm cả những vệt bóng cây nghiêng đổ, tả cây thì cành lá mềm lả thướt-tha, sương trĩu đầu cành.

1.2- Trăng ôm-áp bóng, sương quện hoa xuân, bức họa tuyệt-xảo ở tài-liệu, nét vẽ, còn nên thơ ở *màu sắc gợi cảm, gợi tình*. Chẳng phải là khung cảnh hùng-vĩ thanh-cao, cũng không là một cảnh lộng-lẫy linh-hoạt, cảnh ở đây êm-đềm thơ mộng với ánh trăng non dịu huyền, với vẻ cô-quạnh của một đêm trăng tịch-liêu, không một tiếng động mạnh, có chăng là tiếng thì-thào của hơi gió, tiếng lác-đắc nhẹ rơi của sương khuya. Cảnh ở đây có đủ yếu-tố quyến-rũ những con người chứa-chan nguồn cảm-xúc. Cảnh ở đây say-sưa loi-lả đủ để gợi trong lòng kẻ đa tình niềm say đắm băng-khuâng. Nó thực thích-hợp với nàng Kiều.

2- Thực vậy, bài thơ là thể-hiện cả một tâm-hồn đa cảm của nàng Kiều.

2.1- *Nàng thực là dễ xúc-động, dễ yêu dễ rời dễ nhớ*. Đối cảnh sinh tình, Kiều thao-thức lòng “*bời bời đường gần nẻo xa*” chỉ vì nhớ thương. Nhớ chàng thư-sinh “*lông bông tay khâu*” trong vẻ sáng “*cây quỳnh cành dao*”, Kiều còn thương nàng Đạm-Tiên tài sắc mà đời uống-phí bị lãng quên trong kiếp hồng-nhan bạc-phận:

*“Người mà đến thế thì thôi!
Đời phồn-hoa cũng là đời bỏ đi!”*

2.2- Dễ mơ-màng tưởng nhớ, hay khóc muốn thương vay,
**Kiều quả là giàu tình đa cảm; ta còn thấy ở nàng một tâm-thần
bất-định hoài-nghi:** Khi thương xót cho Đạm-Tiên lẽ nào Kiều
chẳng lo-lắng cho số phận mình, như bàn chiều trước mồ vô chủ,
nàng đã hơn một lần trạnh tưởng:

*“Cái điều bạc-mệnh có chừa ai đâu!
Nỗi-niềm tưởng đến mà đau,
Thấy người nằm đó, biết sau thế nào?”*

Phải! Chính vì lo-lắng băn-khoăn nên khi tưởng tới mối
tình ngẫu-nhiên vừa xảy tới, nàng đã bàng-hoàng hoài-nghi mà
nghĩ rằng:

*“Người đâu gặp-gỡ làm chi?
Trăm năm biết có duyên gì hay không?”*

Nàng không buồn lo tiên-cảm bạc-phận thì sao nàng lại
chiêm-bao thấy cảnh đoạn-trường để rồi luôn luôn bị ám-ảnh bởi
con ác-mộng vừa qua?

*“Một mình lưỡng-lự canh chày,
Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh!”*

Tóm lại, hốt-hoảng “trông người mà ngẫm đến ta”, không
lạc-quan tin-tưởng ở mối duyên sơ-ngộ, **tình-cảm** và **tâm-lý** của
Kiều đã thể-hiện một tâm-hồn đa cảm ẩn trong bức tranh đêm
xuân.

2- Bức tranh ấy đẹp khéo không những là nhờ ở tinh-thần của
người trong tranh mà còn nhờ ở nghệ-thuật diễn-đạt và kết-cấu của
tác-giả.

2.1- Về cách diễn-đạt,

a) Trước hết phải kể đến chữ dùng chuẩn-xác, gọi hình.
Ta sẽ thấy vẻ *âu-yếm trầu mếu* khi thấy sân “**lờng**” bóng, sương
“**triu**” cành xuân. Ta sẽ hình-dung vẻ *mềm-mại yếu-ớt và điệu lả-
lướt say-sưa* khi nhìn hải-đường “**lả**” ngọn, cành xuân “**la-đả**”. Ta

sẽ sống lại dưới trời đêm *trăng xuân ló rạng*, toả *sáng dịu-dàng* khi gặp lại những từ-ngữ “**chênh-chếch, vàng gieo**”.

b) Nếu thơ hay ở từ-ngữ chuẩn-xác thì ý thơ đẹp ở từ-ngữ *bỏ lửng, mơ-hồ*. Không cần gọi đích danh, chỉ với hai chữ “**người mà**”, ta có thể *thấy rõ Đạm-Tiên*. Chỉ với hai chữ “**người đâu**”, cũng đã làm *nổi bật hình-ảnh chàng Kim* áo xanh ngựa trắng.

c) Ấy là chưa nói đến cái tài-tình của Nguyễn-Du khi tác-giả *nhân-cách-hoá gương Nga*. Động-từ “**dòm**” cho phép ta liên-tưởng tới một *con mắt soi mói*, *tò-mò tinh-quái*, đang cố tìm những bí-ẩn trong tâm-tư thâm kín của Thuý-Kiều.

2.2- Văn-chương đã linh-hoạt như vậy, mà kết-cấu lại còn vụng chãi không kém.

a) Xét về địa-vị của đoạn mạch trong bài thơ, thì cảnh trong đoạn đầu đã gợi tình cho cảnh ở đoạn dưới. Câu chuyển lại như một bản lề (transition charnière) đã nối tiếp hai đoạn cho ý thêm mạch-lạc:

*“Một mình lặng ngắm bóng Nga,
Rộn đường gần với nẻo xa bời-bời”*

Thực là vừa tóm được ý trên vừa mở cho ý dưới. Cảnh tình vì vậy lại càng thấm-thiết tương-quan.

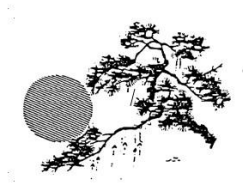
b) Nếu xét về địa-vị của bài thơ trong tác-phẩm, thì bài thơ là một móc dài nối những sự việc trong truyện thành một xâu chuỗi. Giác mộng đoạn-trường gặp lại Đạm-Tiên cũng như nỗi buồn vương-vấn trong sóng tình sau này, phải chăng là những dư-ba của cảnh trầm-tưởng trong bài thơ trên? Kiều viếng mộ, gặp Kim-Trọng, nên cảm-cúc băng-khuâng, Vì băng-khuâng thao-thức, Kiều sẽ phải “*thiu-thiu*” giấc hòe, và sẽ phải mơ, mơ thấy tà áo ma quái mà chiều hôm đã hiển-linh trong “*gió hiu-hiu*” nơi “*vùng cỏ ấy bóng tà*”. Bài thơ quả đã không trơ-trẽn khi tiếp ý đoạn trước và dẫn ý cho đoạn sau.

* * *

Với một bút-pháp tinh-tế già mạnh, một bố-cục mạch-lạc, một ngọn bút mềm-mại linh-diệu, ta thấy: Nguyễn-Du chẳng những là một thi-nhân giàu nguồn cảm-hứng, thi-tứ dồi-dào, mà còn là một hoạ-sĩ giàu óc tưởng-tượng, chứa-chan cảm-tình. *Phải có tâm-hồn thi-nhân* mới có thể dệt thành *bài thơ tuyệt bút* ấy. *Phải có tâm-hồn hoạ-sĩ* mới có thể tô màu nên *bức hoạ tuyệt-xảo* này. Đoạn thơ ấy lại chỉ là một viên ngọc sáng trong muôn vầng rải-rác khắp Đoạn-Trường Tân-Thanh. Thật là những nét bút siêu thần nhập diệu.

“Thi trung hữu hoạ, hoạ trung hữu thi”

Mượn lời của Tô-Đông-Pha trên đây khi phê-bình nhà thơ kiêm hoạ-sĩ Vương-Duy để kết về chân-tài của Nguyễn-Du qua bài thơ trên, tưởng cũng chẳng quá đáng lắm vậy.



*Dưới trăng quỳn đã gọi bé,
Đầu tường lửa lựu lập-lóe đâm bông.*



Khi cào vút tán mây mờ,
Khi gần vát-xeo bên bờ cây xanh:
Em như lọt tiếng tơ tình,
Đẹp như ngọc-nữ uốn mình trong không.
(*Tiếng sáo Thiên-Thai - Thế-Lữ*)

5- KIỀU TẤU ĐÀN CHO KIM-TRỌNG NGHE LẦN ĐẦU TIÊN

Dẫn nhập

Kể từ khi tiếng sét ái-tình bùng nổ ngay hôm du xuân tình-cờ hạnh-ngộ, Kim Kiều đều xao-xuyến niềm yêu. Trong trí Kiều, bóng ma Đạm-Tiên với lời báo mộng đoạn-trường tuy luôn luôn ám-ảnh song vẫn không xoá nhoà được hình-ảnh của chàng văn-nhân “lông buông tay khẩu”, lòng Kiều vẫn xôn-xao ấp-ủ mối nhân-duyên đường như tiền-định. Còn chàng Kim thì những:

*“Mây Tần khoá kín song the,
Bụi hồng leo-đẻo đi về chiêm-bao”*

lòng trí hàng tương-tư đến thờ-thần biếng nải công việc hằng ngày:

*“Phòng văn hơi giá như đông,
Trúc se ngọn thỏ, tơ chùng phím loan”*

Cho nên chàng mới lân-la tìm đến gặp người yêu trong mộng. Và lạ thay! Lại hết tình cờ này đến tình-cờ khác! Sau vườn của Vương-gia có căn buồng họ Ngô bỏ trống. Chàng Kim dọn nhà sang ở thuê. Đúng là ý Trời dun-dùi:

*“Mừng thầm chốn ấy chữ bài,
Ba sinh âu hỷ duyên Trời chi đây”*

Hai tháng trời đằng-đẵng trời qua, ngày ngày chàng dỗi nhìn sang nhà Kiều qua song cửa khép hờ:

*“Song hồ nửa khép cánh mây
Tuồng đông ghé mắt ngày ngày hàng trông”*

Và một buổi sáng tinh sương, nhờ chiếc kim-thoa bắt được hôm trước vướng trên cành cây, mà lần đầu tiên chàng được toại-nguyện chuyện trò cùng người đẹp đang dáo-dác kiếm tìm. Thế rồi hai bên thổ lộ can tràng. Chàng “giở kim-thoa với khăn hồng trao tay”. Nàng trao kỷ-vật, nói lời gắn bó:

*“Rằng: ‘Trăm năm cũng từ đây,
Của tin gọi một chút này làm ghi,
Sẵn tay khăn gấm quạt quỳ,*

Với cảnh hoa ấy tức thì đổi trao.”

Từ ấy, Kim Kiều những trông chờ tưởng nhớ:

*“Sông Tương một giải nông sờ,
Bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia.”*

Bỗng gặp buổi cơ may “nhà lan thanh vắng một mình”, Kiều bèn “gót sen thoăn-thoắt” sang nhà chàng Kim. Trở về “hai thân còn giờ tiệc hoa chưa về”, Kiều lại một lần nữa “xăm-xăm băng lối vườn khuya một mình” lên sang tự tình, rồi cùng chàng:

*“Tiên thề tay thảo một trương,
Tóc mây một món dao vàng chia đôi”*

Khi hai bên đã “tóc tơ căn-dận tác lòng”, Kim Trọng ngỏ ý được thưởng-thức tài đàn của giai-nhân. Nguyễn-Du thuật lại buổi tấu đàn của nàng Kiều như thế này:

463- *Rằng: ‘Nghe nổi tiếng cầm-đài,
Nước non luống những lắng tai Chung-Kỳ.’
Thưa rằng: ‘Tiện-kỹ xá chi!
Đã lòng dạy đến, dạy thì phải vâng.’
Hiên sau treo sẵn cầm trăng,
Vội-vàng Sinh đã tay nâng ngang mày.
Nàng rằng: ‘Nghề mọn riêng tây,
Làm chi cho bận lòng này lấm thân.’*

471- *So đàn dây vũ dây văn,
Bốn dây to nhỏ theo vần cung, thương,
Khúc đầu Hán Sở chiến-trường,
Nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng chen nhau,
Khúc đầu Tư-Mã Phụng-Cầu,
Nghe ra như oán, như sầu phải chăng?
Kê-Khang này khúc Quảng-Lãng,
Một rằng lưu thủy, hai rằng hành-vân.
Quá Quan này khúc Chiêu-Quân,
Nửa phần luyện chúa, nửa phần tư-gia.
Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,*

*Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa.
 Ngọn đèn khi tỏ, khi mờ,
 Khiến người ngồi đó cũng ngơ-ngẩn sầu,
 Khi tựa gối, khi cúi đầu,
 Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày.*
 489- *Rằng: ‘Hay thì thực là hay,
 Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào!
 So chi những khúc tiêu-tao,
 Dột lòng mình cũng nao nao lòng người’
 Rằng: ‘Quen mất nét đi rồi,
 Tẻ vui thôi cũng tính trời biết sao.
 Lời vàng xin lĩnh ý cao,*
 496- *Hoạ dần dần bớt chút nào được chẳng’*

Tự nhận là kẻ tri âm, chàng muốn được thưởng-thức danh-tài nhạc đàn cho thoả lòng mong ước lâu nay. Nàng nhún nhường đem tài mọn xin vâng. Chàng vội-vàng gỡ đàn trao đưa trịnh-trọng. (câu 463-470)

Nàng bắt đầu so dây, nắn phím. Bài đàn tấu lên nghe ra nhiều điệu khúc đổi thay, tiếng đàn khoan mau trong đục, khiến cho người nghe cũng phải bàng-hoàng ngơ-ngẩn. (câu 471-488)

Trả lời thắc-mắc điệu đàn sao nghe sầu thảm não-nùng, nàng bảo tại tính tình đã quen nét và hứa sửa đổi dần dần được chút nào chăng. (câu 489-496)

Chỉ mới lần tấu đàn sơ-khởi này thôi, cũng đủ để ngưỡng-mộ danh-tài xuất-sắc của người nhạc-sĩ từng được Nguyễn-Du giới-thiệu ngay từ đầu:

*“Nghề riêng ăn đứt hồ-cầm một trương,
 Khúc nhà tay lựa nên xoang,
 Một thiên bạc-mệnh lại càng nào-nhân.”*

Nhưng nếu không có *tài thẩm-âm tinh-nhuệ* của tác-giả, thì chân-tài ấy cũng không thể nổi bật đến như vậy. Và nếu không có *tài miêu-tả, nghệ-thuật cấu tứ diễn-đạt* thì tất cả *vẻ đẹp phong-nhã của chàng thư-sinh cùng tâm-hồn đa-cảm của giai-nhân* trong

chiều xuân hôm nao làm sao lại *được thể-hiện rõ nét qua cử-chỉ ngôn-ngữ của hai kẻ tài hoa ý hợp tâm đầu?* Quả thật như thế:

* *

*

I- NHẬN XÉT VỀ NHÂN-VẬT:

Kim Kiều, hai kẻ ý hợp tâm đầu

1.1- Giữa khung cảnh nên thơ của một đêm trăng tình xuân lai láng, nhân-vật hiện rõ trong phong-thái nhã-nhận, từ-tốn, dịu-dàng.

a) Chàng có cử-chỉ và ngôn-ngữ lịch-thiệp, trang-trọng.

* Ngổ ý muốn được thưởng-thức nghệ-thuật gảy đàn, giai-nhân lại không dám từ-khước, chàng không thể khiếm-nhã mà trừu-rềnh-rang, nhưng phải vội-vàng trao đàn cho người so dây nắn phím. *Cử-chỉ vội-vàng ấy* tỏ ra rằng mình thỏa lòng mong ước được cái hân-hạnh người tài ung thuận, mà đồng thời không làm cho người buồn lòng phật ý, trái lại khiến cho người hãnh-diện sung-sướng về sự mộ mến tài mình, vừa tỏ được sự mẫn-nguyện của mình vừa đem đến đẹp ý cho người. Cử-chỉ ấy thực xứng hợp đúng lúc.

* Lại như khi nghe đàn xong mà *phẩm-bình* vừa *khen* vừa *trách*. *Khen không hết lời tán-tụng, thế là không nịnh. Trách mà không chủ-ý chê bai, thế là không sòng-sượng.* Rằng hay thì hay rất mực, nhưng nghe ra như có phần nào ngậm cay nuốt đắng. Khen rồi nhẹ-nhàng trách bốn. *Trong lời trách mà vẫn hàm ý khen.* Vừa diễn đúng được ý-kiến mình, nghệ-thuật người, vừa *làm cho người không ngượng vì lời khen, không buồn vì lời trách.*

Thật khéo-léo thay mà cũng ***lịch-thiệp*** thay! Không sàm-sỡ coi thường, chàng “tay nâng ngang mày” trao đàn cho người tri kỷ. Không phải chỉ là tỏ niềm khâm-phục một tài-năng quán thế

chưa được thưởng-thức, cử-chỉ ấy còn nói lên *lòng trọng mến* đối với tình-nhân. *Yêu nhưng vẫn kính*, cái tình cao-khiết thấm nhuần lễ-giáo nho-gia. *Trọng chứ không khinh nhờn*, cái vẻ thanh-nhã đậm màu cổ-kính. *Vừa âu-yếm mà vừa trang-nghiêm*, cử-chỉ ấy thích-hợp với người quân-tử đã từng biết nghĩ đến câu: “Sợ lần-khân quá ra sàm-sỡ chăng?” Thế là *trang-trọng*. Lịch-thiệp và trang-trọng, đó là phong-thái của một bậc văn-nhân cao-nhã, của kẻ từng được hấp-thụ cái giáo-dục nơi cửa Khổng sân Trình.

b) Còn như Kiều thì lời nàng tỏ được hết sự khiêm-cung, nhã-nhận và khôn-khéo.

* Dù cho tài mình thực là siêu-quần xuất-chúng, nhưng khi được ca-tụng tán-dương, mình cũng không nên vội-vàng kiêu-kỳ tự-đắc. Kiều hiểu biết hơn ai hết phải *khêm tốn nhún-nhường* khi trả lời chàng Kim, nghĩ mình chỉ là *tiện-kỹ* mà *tài mọn* nào có *xá chi*! Chàng khen, chàng dạy quá lời, chứ tài thiếp nào đâu dám xứng! Chối nhận một lời khen không mất-mát chi, chứ nhận lấy lời khen mà việc làm không xứng thì quả là háo thắng và nông-nổi. Ngạn-ngữ phương Tây cũng thường nói: “Biết ít thì khoe-khoang, biết nhiều thì khiêm-tốn”. Kẻ càng tài cao, càng không dám tự-đắc khoe tài. Vừa *duyên-dáng* vừa *khôn ngoan* mà vừa tự-tôn *tư-cách*, duyên-dáng vì vẻ đẹp từ-tốn, khôn-ngoa vì biết rào trước đón sau, tư-cách vì tỏ ra nhã-nhận nhất là lại thêm vào vẻ kính trọng tình-quân: chàng dạy thiếp, thiếp phải vâng theo:

“Đã lòng dạy đến, dạy thì phải vâng.”

Lời chàng quý giá, ý chàng cao rộng, Chàng ban lời vàng ngọc chỉ giáo, thiếp nhận lĩnh cao-kiến của chàng:

“Lời vàng xin lĩnh ý cao.”

Có khiêm lại có cung. Cái thứ ngôn-ngữ khiêm-cung không thể có được ở những kẻ phàm thường thô-kịch. Nó là thứ ngôn-ngữ của bậc tao-nhân. Nó cũng làm nổi bật vẻ đẹp trang-nhã của ái-tình cao-thượng, thứ ái-tình thượng-lưu.

* Khiêm-kung mà tỏ ra **nhã-nhận khôn-khé**.

Chàng nhẹ-nhàng trách khéo, nàng xin nhận hết lỗi mình, cái lỗi đã thành quen nết chỉ ưa lựa chọn điệu thảm cung sầu. Không cãi vì tự-ái, nhưng phục-thiện mà khiêm-tốn nhận rằng mình “*mất nết*”. Thế là **nhã-nhận**. Song Kiều lại biết **khôn-ngoaan bào-chữa lỗi-làm**, một lỗi-làm đáng yêu, nàng đổ lỗi tại Trời:

“*Rằng: ‘Quen mất nết đi rồi,*

Tẻ vui thôi cũng tính Trời biết sao!’”

Biết làm sao được khi Trời đã phú-bẩm cho cái thiên-tính đa sầu đa cảm? Cho nên đàn vui hay ảo-não cũng là do bẩm-tính chứ nào có phải ưa thích luyện tập những khúc sầu bi! Nói vậy không phải là Kiều gay-gắt với người đối-diện, không phải là không chấp-nhận tính-cách xác-thực của lời phê-bình. **Nhận lỗi, nhưng phân-biệt tính-chất với nguyên-ủy**: về tính-chất, đàn sầu ai-oán quả là điều *không nên*, song về nguyên-ủy, quả là điều khó nghĩ vì do tính Trời mà có. **Thế là khôn-khé**.

Cái khôn-khé thứ hai là biết nhũn-nhận để tôn trọng người, rõ là cách xã-giao hoạt-tiếp lễ-độ thông-thường, **biết khiêm-nhường để vâng phục người**, rõ là cách đối xử dịu-dàng khả-ái của người vì yêu nên kính, tôn trọng mà yêu. Cho nên **đã nhận lỗi thì phải sửa lỗi**. Thế mới là thực tình nhũn-nhận, hết điều mền phục. Kiều đã hứa cùng chàng sẽ hết lòng sửa đổi cho người đẹp ý, vui lòng. Nhưng đã gọi là tính Trời thì ai dám cưỡng? Dù muốn cũng chẳng được nào! Vả lại nghệ-thuật chỉ là nghệ-thuật khi nó là tiếng nói của tâm-tình, ghi hết được những rung cảm chân thành của nghệ-sĩ, bởi vậy khó mà sửa đổi, nhất là đối với một người yếu đuối như nàng, say mê nghệ-thuật như nàng:

“*Họa dần dần bớt chút nào được chăng?”*

Lấy xã-giao mà nói thế để chiều lòng chàng. Đem lịch-sự lễ-độ mà hứa-hẹn như vậy để chàng hiểu lòng thiếp chan-chứa niềm yêu mà cũng rất mực trọng kính. Vừa khiêm-kung nhã-nhận, vừa khôn-ngoaan khéo-léo, vừa dịu-dàng âu-yếm, vừa trang-trọng nề vì, *lời*

Kiều bộc lộ được tư-thái cùng tình-cảm của mình, tư-thái của người lịch-duyet văn-nhã, tình-cảm của bậc nho-gia quân-tử không tục-hoá ái-tình, nhưng cao-khiết-hoá tình yêu. Quả vậy,

1.2- Giữa khung cảnh nên thơ ấy, nhân-vật còn hiện rõ với tâm-hồn rung cảm dạt-dào.

Chính lời lẽ khôn-ngoaan ấy đã tố cáo tính tình lãng mạn yếu-đuối của nàng. Lớn lên trong chốn thâm-khuê chưa dạn-dày trước cuộc đời gian khổ, chưa trải nếm mùi đời, người con gái thanh-xuân ấy đã say mê nhạc-nghe, sở-trường về ngón đàn sầu, chỉ ưa cái thú gảy khúc sầu bi, làm như chỉ vui thích với cuộc sống khổ đau, những khổ đau vô căn-cứ. Để tâm-hồn chìm đắm trong mộng khổ vắn-vơ, thói quen ấy đã trở thành tâm-bệnh thâm-căn cỗi-để dẫn đến hoảng-hốt hoài-nghi, đưa đến dị-đoan mê-tín, đến nỗi ngay cả lúc đối-diện tình-quân là lúc mà sóng tình man-mác trào dâng, Kiều cũng bi-quan sầu khổ, cũng nghĩ quẩn viễn-vông, chỉ vì bị ám-ảnh bởi định-kiến về số kiếp đoạn-trường. Cả cái tâm-lý ấy đã phơi bày trên trang phím tơ đồng, thể-hiện qua đường tơ não-nuột. Thực là yếu-đuối đến mức bệnh hoạn, nhất là khi đã được cảnh-giác mà vẫn cứ mua dây buộc mình “*khư khư mình buộc lấy mình vào trong*”. Biết là sầu bi như thế thì không nên, là “*mất nết*”, mà vẫn không thực tình dứt bỏ, lại đổ tại Trời, lại hứa-hẹn suông, một sự hứa-hẹn yếu-ớt mong-manh quá:

“Hoạ dần dần bớt chút nào chăng?”

Bớt đi là *bớt phần nào mà thôi*. Và lại sửa được đến thế *cũng là còn lâu*, phải dần dần thông-thả. Hơn nữa *cũng chỉ là hy-vọng như vậy, hoạ may có được như thế*. Hứa sẽ *cải giảm, nhưng ít, nhưng lâu, nhưng may ra phỏng chừng*, Thế thì khác nào như không sửa đổi được. Không phải là không muốn, nhưng *không thể được* vì nó là căn bệnh từ trong máu, ăn sâu trong tính tình. Đổ tại Trời, nhưng cũng tự mình, phải tận nhân-lực mới quy thiên-số. Lời nói ấy

chứng tỏ rằng ảnh-hưởng của thiên-lực không phải là lý ung duy-nhất để cho lòng người nguy-biến mà tự bào chữa:

*“Có Trời mà cũng tại ta,
Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài”*

Thì ra “trái tim có những lý lẽ mà lý-trí không thể biết tới”. Kiều vẫn còn quyến-luyến với lẽ sống sâu bi, vẫn không sao dứt bỏ được tập-quán ưu sầu, hay nói đúng hơn, nàng vẫn không dám và không tin-tưởng sẽ tuyệt dứt được tâm-bệnh yếu-đuối. Thực là một tâm-hồn khắc-khoải vì lãng-mạn, đa cảm giàu tình. Chính với nguồn cảm-xúc chứa-chan, quyến trong âm-thanh nhạc-điệu, hiện trên vẻ dáng và trong ngôn-ngữ người nghe đã cho ta thấy rõ cả hai người đều mang trong tâm-hồn một nghệ-sĩ-tính. Hai tâm-hồn ấy đã gặp nhau trong niềm thông-cảm sâu xa qua tiếng đàn tuyệt-kỹ. Nghe đàn mà hiểu được tác-giả của cung đàn, lòng như đang “*ngậm đắng nuốt cay*”, để rồi cùng với lòng trí của người lướt phím, mình cũng nao-nao khắc-khoải. Phải là một tâm-hồn nghệ-sĩ sành điệu thường-thức như một Chung-Tử-Kỳ mới có thể hiểu người rõ-ràng mau lẹ đến như thế. Gảy đàn mà khiến cho người nghe phải mảy chau mặt ủ như chính lòng mình đang ủ-dột, gảy đàn như thế thì khác nào như đã để hồn trào trên phím, tình xoắn vào dây, khiến cho tiếng đàn trở nên như một ma-lực cuốn hút điều-khiển được người nghe. Phải có một tâm-hồn nghệ-sĩ say mê âm-nhạc lọc-lỏi sành nghề như một Bá-Nha mới có thể ký-thác được tâm-tình hầu khiến cho lòng người phải đắm-đuối trong nhạc đàn ảo-não. Mà nàng quả là một Bá-Nha, chàng quả là một Tử-Kỳ đúng như lời chàng đã nói khi ngó ý muốn được Kiều phô-diễn tài-năng:

*“Rằng: ‘Nghe nổi tiếng cầm-đài,
Nước non luống những lắng tai Chung-Kỳ’”*

Tóm lại, ở cả hai người, ta đều thấy một tâm-hồn lãng-mạn giàu nguồn cảm-xúc.

II- NHẬN-XÉT VỀ TÀI THẨM ÂM

Tài hình-dung nhân-vật, ta đã quen gặp; chứ như tài thẩm âm miêu-tả tiếng đàn, thì đây là lần đầu tiên ta mới được thấy ở Tiên-Điền tiên-sinh.

(Xem Phần II-Tiểu-luận: bài tiếng đàn Kiều, viết lại đoạn

I- Tiếng đàn mở màn sân khấu: *các tiểu-đoạn 1.1- tả tiếng đàn, 1.2- hiệu-lực, ảnh-hưởng của tiếng đàn*)

III- NHẬN-XÉT VỀ BÚT-THUẬT VÀ THI-NHẠC

Phác-hoạ nhân-vật cũng như miêu-tả thanh-âm, gợi hình, gợi cảm đến như vậy là nhờ ở **bút-thuật** điều-luyện của nhà thơ *khi sử-dụng từ hoa cú-cách* cũng như cách vận-dụng *điều-hoà âm-thanh tiết nhịp*, khiến bài văn có một **thi-nhạc** dồi-dào gây nên những cảm-ứng phong-phú bén nhẩy trong tâm-hồn độc-giả.

3.1- Bút-thuật.

a) *Trước hết là sự vận-dùng từ hoa.*

* *Dùng điển* mà không hợp tình đúng chỗ sẽ làm cho ý thêm tối, lời thêm nặng. Ở đây, trái lại, *điển-cổ đã điểm-xuyết cho ý văn thêm minh-bạch súc-tích*. Như ta đã xét, người gảy cũng buồn, người nghe cũng thảm, thảm tự trong lòng thảm ra nét mặt, cử-chỉ. Dáng điệu khắc-khoải của chàng Kim chứng tỏ hiệu-lực phi-thường của ngón đàn cảm-hoá, thể-hiện những rung cảm tế-nhị sâu xa của một tâm hồn biết thương-thức. Kể lọc-lỗi, người sành điệu, mượn tích Bá-Nha và Tử-Kỳ, đôi bạn tri-âm để ám-chỉ Thuý-Kiều Kim-Trọng, đôi bạn tình tri-kỷ thì thực xứng-hợp thích-đáng:

“*Nước non luống những lắng tai Chung-Kỳ*”

“*Nước non*” nhắc tới *tiếng đàn của Bá-Nha khi vơi-vợi như non cao, lúc cuồn-cuộn như nước chảy*. Vừa nhắc tới, lại vừa kể lại rõ-ràng cả tích xưa, dùng điển thế là khéo.

Đoạn thơ gồm rất nhiều điển xưa tích cũ: nào tiếng đàn của Tư Mã Tương-Như quyến rũ quả-phụ Trác Văn-Quân xinh đẹp giàu có bỏ nhà đi theo, nào Tử-Kỳ lòng tiếng của thời Xuân Thu, nào tay danh-cầm Kê-Khang đòi Tấn với điệu đàn Quảng-Lăng lưu-loát như mây trời nước chảy, nào điệu sầu biệt-ly luyện chứa của nàng Chiêu-Quân giã từ Hán-Vương khi đi cống Hồ. Nếu như Kim, Kiều là những kẻ bình-dân mộc-mạc ưa thú chuyện văn giải buồn thì điển-tích chỉ làm cho ý văn thêm cầu-kỳ tối nghĩa, ngôn-ngữ của nhân-vật thêm ngổ-ngẩn ngây-ngơ. Đằng này, kẻ thư-sinh, người thực-nữ đều là những tao-nhân phong-nhã, kẻ dòng quý-tộc, người nòi nho-gia, cử-chỉ lịch-thiệp, lời nói đoan-trang, tính-tình điềm-đạm. Như vậy thì điển dùng hợp cảnh, tô màu trang-nhã cho khung cảnh, điểm vẽ đài các cho lời thơ, khơi bề sâu rộng cho ý-tưởng, và làm nổi bật tính-cách cao-quý cho nhân-vật về cả cử-chỉ lẫn tâm hồn.

* Chàng muốn được nghe đàn, thiếp đành phải vâng theo. Nể chàng nên phải nhận lời, chiều chàng nên không dám chối. *Điệp-ngữ* “**dạy**” trong câu: “Đã lòng **dạy** đến, **dạy** thì phải vâng”, tận-diễn được ý miễn-cưỡng nể-vì nói trên.

Vấn lối dùng điệp-ngữ tinh-diệu khi tả hiệu-lực của tiếng đàn, tác-giả đưa nhịp thơ theo bước đi gập-ghenh khắp-khểnh:

“Ngọn đèn khi tỏ, khi mờ,
Khiến người ngồi đó cũng ngơ-ngẩn sầu,

Khi tựa gối, khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày”

Liên một hơi, sáu tiếng “**khi**” dần-vật, đẩy hơi văn đi đôn-dập thúc bách, tả được sự đổi thay mau lẹ liên tiếp của cảnh vật và tư-thái người nghe. Hai tiếng “**khi**” đầu tiên tả được ánh sáng chập-chờn của ngọn đèn lung-linh, lập-loè lúc cao lúc thấp. Hai tiếng “**khi**” tiếp theo hình dung chuyển-biến liên-tục, phản-chiếu được nỗi lòng quẩn-quại khổ-não qua dáng bút-rút đứng ngồi không yên.

b) Bên cạnh lối dùng từ hoa, cú-cách cũng làm tăng thêm vẻ tuyệt-kỹ cho bút-thuật.

* *Cách đối-ngẫu* khiến cho câu thơ thêm trang-nghiêm tề-chỉnh:

“So dần dây vũ, dây văn,

Bốn dây to nhỏ theo vần cung, thương”

Đàn có dây to, dây nhỏ. Dây đàn to thì tiếng đàn đục, nặng, thấp. Dây đàn nhỏ thì tiếng đàn nhẹ, trong, cao. Lăn theo thứ-tự từ thấp lên cao, từ đục tới trong, âm thanh có năm bậc: cung, thương, giốc, trủy, vũ ứng với các dây đàn từ to đến nhỏ. Những chữ *cung, thương* thực cân với hai chữ *to, nhỏ* đối với những chữ *dây vũ, dây văn*.

Cú-pháp trên còn được sử-dụng triệt-để trong đoạn phân-tích nhạc-khúc cùng đặc-sắc và hiệu-lực cung đàn. Từng cặp một bất chéo nhau, song hành đối-xúng tạo cho điệu thơ cái vẻ nhịp-nhàng rộn-rã. Cặp

“Khúc đầu Hán Sở chiến-trường,

...Khúc đầu Tư-Mã Phụng Cầu”

ôm chen vào giữa cặp

“Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.

...Nghe ra như oán như sầu phải chăng?”

Cặp trên nêu nhạc-khúc, cặp dưới xét âm-điệu. Điệu trên rộn-rã tung-bùng đối với điệu dưới sầu oán bi thương.

Trong những câu tiếp theo, không phải chỉ có bình-đối mà còn xen lẫn tiểu-đối.

“Một rằng lưu thủy, hai rằng hành vân.”

Một rằng lưu thủy đối với *hai rằng hành vân*. Một đối với hai, đằng này nước chảy, đằng kia mây trôi.

“Nửa phần luyến chúa, nửa phần tư-gia”

Luyến chúa đối với *tư-gia*. Nửa nhớ vua, nửa nhớ nhà, vẽ trên vẽ dưới đối chọi nhau cả ý lẫn lời.

Cũng vậy, nếu câu trên tả tiếng đàn trong thì câu dưới tả tiếng đàn đục. Trong thì như tiếng hạc buông cao lơ-lửng; đục thì như tiếng suối đổ xuống lưng-chùng. Ý *trong* đối với ý *đục*, ý *cao lơ-lửng* đối với ý *đội xuống nửa vơi*. Câu trước tả điệu đàn khoan-thai, câu sau tiếp liền điệu đàn cấp-bách: khoan thì như gió nhẹ thoảng qua, gấp thì như trời đổ mưa rào. Ý *khoan* đối với ý *mau*, ý nhẹ-nhàng thông-thả đối với ý trút nặng liên-hồi.

Câu trên đối với câu dưới. Lối bình đối trong những câu này đã đem vào cho lời văn điệu thơ réo-rắt, réo-rắt như cung điệu của bản đàn tuyệt-tác vốn là sở-trường của giai-nhân.

* Nếu đối-ngẫu tạo được sự cân xứng tề-chỉnh thì *đảo-trang* lấy ra được những chủ-ý quan-trọng.

Đáng nhẽ phải nói “*Chung-Kỳ luống những lẳng tai nước non*”, câu thơ được đảo ngược thành “*Nước non luống những lẳng tai Chung-Kỳ*”. Chữ *nước non* được đặt lên đầu câu bắt ta chú ý đến âm-sắc điệu đàn tuyệt-diệu của Bá-Nha mà do đó đề cao tài đàn nổi tiếng “cầm-đài” của nàng Kiều. Chữ *Chung-Kỳ* xếp xuống cuối câu đối với *nước non* ở đầu làm nổi bật tính-cách tương-tri đồng điệu giữa những kẻ tài cao sành-sõi nghệ-thuật. Bá-Nha phải có Tử-Kỳ. Thuý-Kiều phải có Kim-Trọng. Ý đã tỏ vì văn-pháp đảo-trang, lời thêm đẹp vì văn-pháp đối-ngẫu.

Chuyển xuống đoạn giữa, theo đúng luật đối, ta viết:

“*Kê-Khang, này khúc Quảng-Lãng,
...Chiêu-Quân, này khúc Quá Quan*”

theo đúng thuận-trang, ta sẽ đảo lại:

“*Này khúc Quảng-Lãng của Kê-Khang;
...Này khúc Quá Quan của Chiêu-Quân.*”

Ở đây, nếu mất đi vẻ đẹp trang-trọng vì không đối đoạn, thì lại thêm ý-nghĩa sáng tỏ vì lối đảo-trang. Tác-giả viết:

“Kê-Khang, này khúc Quảng-Lãng,
...Quá Quan, này khúc Chiêu-Quân.”

Câu trên bắt ta chú ý đến kỳ-tài của một nhạc-sĩ nổi danh thời xưa. Câu sau nhấn mạnh vào khúc đàn tuyệt-kỹ của người ly-biệt. Hai chữ *quá quan* nghĩa vẫn rõ và dễ gợi cảm hơn hai chữ *Chiêu-Quân*, nên phá đối-ngẫu, đảo lên đầu: không để tên nhạc-sĩ lên đầu như câu trên. Người đọc hình dung ngay được cảnh vĩnh-biệt tổ-quốc gia hương của người cung-nữ lìa qua biên-ải (quá quan), do đó cảm-thông được tất cả niềm đau xót biệt-ly là nội-dung của khúc nhạc sầu lưu-luyến.

Cuối cùng, bao nhiêu nhân-tự đều được đảo ngược vị-trí, xếp ở đầu và cuối câu:

“Lời vàng | vâng lĩnh | ý cao”
(Kim) | (Kiều) | (Kim)

Thiếp xin vâng lĩnh những cao-kiến (ý cao) của lời khuyên quý giá (lời vàng). Lời vàng đối với ý cao. *Lời vàng*, *ý cao* là thuộc về Kim, *vâng lĩnh* là thuộc về Kiều. Hình-ảnh Kiều mờ đi ở giữa, địa-vi Kim nổi bật ở hai bên: đầu và cuối câu. Vừa có đảo lại vừa có đối. Cú-pháp này thực đã nói cho rõ hơn sự mến phục và tôn-trọng đối với tình-quân cùng sự nhũn-nhận khiêm tốn của kẻ vốn tự hạ, mà

“Thưa rằng: tiện-kỹ xá chi!
Đã lòng dạy đến, dạy thì phải vâng.”

3.2- Thi-nhạc: Với bút-thuật ấy, thi-tứ mệnh-mang uyển-súc.

a) Với lối dùng chữ lựa chọn, văn-từ thêm xôn-xao âm-nhạc.

* Xét hai câu:

“Khúc đầu Hán **Sở** chiến-trường,

Nghe ra tiếng sất, tiếng vàng chen nhau”

Phụ-âm đầu từ **tr** xen kẽ vào giữa những chữ có phụ-âm đầu từ **s**, **ch** phát ra thanh nặng đục, cọ xát, khó đọc hoặc phải cong lưỡi như **s**, hoặc phải rít răng để bật ra tiếng gió như **ch**, gây ra một ấn-tượng về thính-giác: tiếng binh-khí chạm khua xô-xát trên trận-địa.

* Trong hai câu tiếp theo:

“Khúc đầu Tư-Mã Phụng Cầu,

Nghe ra như oán như sầu phải chăng?”

Hai khuôn âm **ương**, **oan** ôm xoắn lấy các chữ có mẫu-âm ghép **ầu** chìm sâu ngân dài gây ra một ấn-tượng về tình-cảm: mỗi buồn nặng trĩu luyện thương.

* Phân-tách tiếng đàn đục, tác-giả dùng khuôn âm **uôi** (suối) xoay tròn với âm **a** (sa) mở rộng kèm theo phụ-âm **s** sôi sục liên-tiếp, phải đọc nặng cong lưỡi, đem lại một cảm-giác ngưng đọng bởi tiếng suối cuộn cuộn rào rào:

“Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.”

* Tả điệu đàn mau lẹ, tác-giả lợi-dụng tiếng tượng thanh **sầm-sập**, đọc lên như nghe rõ tiếng mưa rào ồ-ạt, lại tiếp theo sau hai phụ-âm **tr** (trời) và **đ** (đổ) nổ mạnh với thanh chìm, vật xuống thẳm sâu, cực tả được những cây nước đồn-dập trút đổ:

“Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa.”

* Tả điệu đàn chậm rãi, tác-giả dùng những khuôn âm cuộn xoắn **oan**, **oang**, **oai** (khoan, thoảng, ngoài) đọc chậm ngân dài, kèm theo hai phụ-âm đầu từ **gi**, **th** (gió thoảng) có thanh nhẹ phát ra ở đầu lưỡi kẽ răng, khêu được cái cảm-giác nhẹ-nhàng lướt-thướt của hơi gió đưa qua:

“Tiếng khoan như gió thoảng ngoài.”

* Phân-tách tiếng đàn trong, tác-giả dùng những từ mang âm mở **ac** và **qua** giữ hơi trong cổ họng có sức âm vang lan toả cho ta tưởng-tượng được ngay tiếng chim kêu vang buông lửng giữa thính-không:

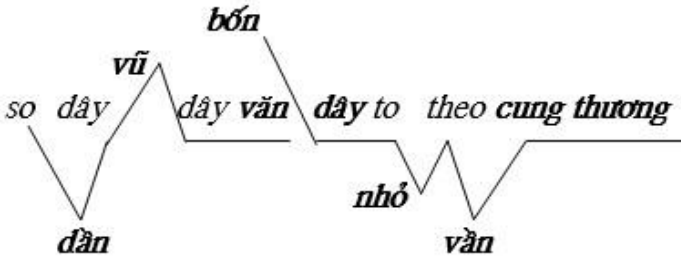
“Trong như tiếng hạc bay qua.”

b) Lựa tiếng đã khéo, dệt thanh lại cũng tinh-xảo.

* Trong hai câu tả lúc so dây:

“So dần dây vũ, dây văn,

Bốn dây to nhỏ theo vần cung, thương.”



Những tiếng bằng tiếng trắc lần-lượt xen lẫn nhau chừng nghe như tiếng trầm tiếng bổng nổ tròn lúc to lúc nhỏ rồi tiếp đến một loạt tiếng phù, trầm bình-thanh chừng nghe như tiếng đàn lướt đi nhịp-nhàng ngân vang trong-trẻo.

* Đến như hai câu tả tiếng đàn trong đục, thì thực là đan thanh tuyệt-diệu:

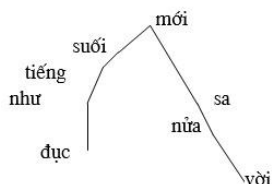
“Trong như tiếng hạc bay qua,

Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.”

Tiếng hạc khi bay qua thì buông rơi lơ-lửng, không véo-von cao vút, không khàn khàn trầm lắng, sự tận-dụng phù-bình-thanh quả đã ký âm được tiếng hạc bay qua. Hai tiếng phù-bình ở đầu, hai tiếng phù-bình ở cuối, hai tiếng trắc ở giữa như một dấu đệm, nhạc thơ dâng lên chơi-vời mệnh-mang vì cung bậc lên cao lưng chừng, vì hơi âm âm vang chưa dứt.

Trong câu sau, một loạt thanh trắc đang quẩn-quýt lấy nhau bỗng chấm dứt bằng một tiếng bình-thanh đột-ngột. Từ một

trầm-khứ-thanh (đục) tiến lên ba chữ phù-khứ-thanh liên-tiếp (tiếng, suốt, mới) rồi bỗng đổ xuống trầm-bình chìm sâu ở cuối câu (vời). Giọng thi-nhạc cho ta mừng-tượng được tiếng suốt ồ ồ (đục) cuộn réo (tiếng, suốt, mới) khi đang từ trên cao chót-vót dội xuống chân ghềnh (vời)



Cũng những câu trên, nhịp thơ khi ngắt mau tả được được sự rộn-rã, lệ-làng thoãn-thoát của những ngón bật, tiếng búng khi dạo đàn thử dây, lúc lướt êm đi liền tả được sự nhẹ-nhàng của hơi gió cùng sự liên-tục của giọng thác triền-miền.

Kết-luận

Bài thơ trên là tổng-hợp về thể văn đối-thoại và lối phân-tách thanh-âm. Trong lối một, ngôn-ngữ của nhân-vật phản-ánh được tính tình phong-tư. Trong lối hai, tiếng đàn của Kiều thể-hiện khả-năng quán-thế của người nhạc-sĩ tài-danh. Đặc-sắc nhất vẫn là lối này. Càng thấy kỳ-tài của nhân-vật càng phải khâm-phục biệt-tài của nhà thơ. Phân-tách thấu-đáo đến thế, tác-giả quả có một cảm-quan tế-nhị và phong-phú. Thiếu tâm hồn nghệ-sĩ không thể có được tài thẩm âm tinh-diệu đến như vậy. Cốt-cách của Kim Kiều như phảng-phất cốt-cách của thi-sĩ Tiên-Điền. Nếu biết rằng ngay từ thiếu-thời, cậu Bảy Du đã nhiễm cái tính phong-lưu, của anh cả là Nguyễn-Khản, mê thích ca nhạc, thường theo anh vào phủ chúa Trịnh dự yến, xem múa hát, nên cầm kỳ thi hoạ đều đạt đến chỗ tuyệt-diệu, thì chẳng lạ gì biệt-tài thẩm-âm của Nguyễn Du ở đây. Nếu biết rằng sau này Kiều còn nhiều lần tấu đàn nữa, lại nếu hiểu rằng sau này Kiều vẫn tấu một bản đàn này mà người nghe cũng vẫn là người hôm nay, nhưng cung đàn đổi khác, lời thơ biến điệu, ta mới thấy rõ được chân-giá-trị của nghệ-thuật Tố-Như tiên-sinh.

6- KIM TRỌNG TỪ-BIỆT THUÝ-KIỀU TRƯỚC KHI LÊN ĐƯỜNG VỀ LIÊU-DƯƠNG

Khi đã cùng nhau giao-kết thề nguyên, Kiều nể lòng gầy đàn cho Kim Trọng nghe. Trong khi “*đầu mây cuối mắt, nồng-nàn tấm yêu*”, Kim Trọng như đã “*xiêu xiêu sóng tình, “xem trong âu-yếm có chiều lả-lơi*”, nàng đoan-chính can-gián tình-quân, khiến cho Kim-Trọng “*thêm nể, thêm vì mười phần*”. Chuyện trò mãi đến khi trăng bạc nhạt vẻ, hai người mới chia tay; kẻ trở về buồng thêu, người lui chốn thư-phòng. Cho đến khi trời vừa rạng sáng thì “*gia-đồng vào gửi thư nhà mới sang*”. Chàng nhận được tin buồn. Thân-phụ kíp gọi chàng về Liêu-Dương hộ tang chú:

*“Đem tin thức-phụ từ-đường,
Bơ-vơ lữ-thấn tha-hương đề-huê,
Liêu-duyang cách trở son-khê,
Xuân-đường kíp gọi Sinh về hộ tang”*

Thế là phút chốc phải từ-biệt người yêu. Chàng hoảng-hốt chạy sang tìm Kiều, nói cho nàng hay đầu đuôi chuyện nhà tang-tóc, nhất là để tỏ nỗi nhớ-nhung sâu khổ của mình, cùng căn-dặn người yêu trước khi ra đi. Hiểu rõ được nỗi lòng Kim Trọng, Kiều cũng đau-đón giả-từ, nguyện ở lại giữ-gìn một dạ thủy-chung cùng chàng.

Niềm vui đang chan-chứa, bỗng dung tin đâu đem đến biệt-ly. Sự đột-ngột ấy làm sao không khởi khuấy động tâm-tư khiến họ đổi vui thành sầu? Với bút-pháp của Nguyễn-Du, tình-cảm và tâm-lý của hai người đã được phản-chiếu rõ-rệt qua đoạn thơ dưới đây:

- 529- Cửa sài vừa ngỏ then hoa,
 Gia-đồng vừa gửi thư nhà mới sang.
 Đem tin thúc-phụ từ-đường,
 Bơ-vơ lữ-thần tha-hương đề-huê.
 Liêu-Dương cách trở sơn-khê,
 Xuân-đường kíp gọi sinh về hộ tang.
- 535- Máng tin xiết nổi kinh-hoàng,
 Bãg mình lên trước đài-trang tự tình.
 Gót đầu mọi nổi đình-ninh,
 Nổi nhà tang tóc, nổi mình xa-xôi.
 “Sự đâu chưa kíp đòi hỏi!
- 540- Duyên đâu chưa kíp một lời trao tơ.
 Trăng thề còn đó tơ tơ,
 Dám xa-xôi mặt mà thừa thốt lòng.
 Ngoài nghìn dặm, chốc ba đồng.
 Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy,
- 545- Gìn vàng giữ ngọc cho hay,
 Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời!”
 Tai nghe ruột rối bời bời,
 Ngập-ngùng nàng mới giải lời trước sau:
 “Ông tơ gàn quả chi nhau,
- 550- Chưa vui sum-hạp đã sầu chia phôi!
 Cùng nhau trót đã nặng lời,
 Dầu thay mái tóc, dăm đời lòng tơ.
 Quấn bao tháng đợi năm chờ ,
 Nghĩ người ăn gió nằm mưa, xót thềm.
- 555- Đã nguyện hai chữ ‘đồng tâm’,
 Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.
 Còn non, còn nước, còn dài,
 Còn về, còn nhớ đến người hôm nay!”
 Dừng-dàng chưa nở rời tay,
- 560- Vùng đông trông đã đứng ngay nóc nhà.
 Ngại-ngùng một bước một xa,
 Một lời trân-trọng châu sa mấy hàng,

*Buộc yên, quấy gánh vội-vàng,
 Mối sầu sè nửa, bước đường chia hai.*
 565- *Buồn trông phong cảnh quê người,
 Đầu cành quỳên nhật, cuối trời nhận thừa.
 Nao người cũ gió tuần mưa,
 Một ngày nặng gánh tương-tư một ngày.*

I- TÌNH-CẢM CỦA KIM-TRỌNG VÀ THUÝ-KIỀU

1.1- Ở cả hai người, tình-cảm của họ đều sâu đậm. Trước kia vui mừng bao nhiêu, thì giờ đây sầu khổ bấy nhiêu. Cuộc chia ly nào là chẳng nao-nùng xót-xa. Người ta nói: “Ra đi là chết trong lòng một ít” (Partir c’est mourir un peu, Corneille, Le Cid). Nhưng cuộc ly-biệt giữa Kim-Kiều thì quả có đau-đớn hơn nhiều. *Qua cử-chỉ và ngôn-ngữ của hai bên*, ta đủ rõ điều đó.

a- Qua cử-chỉ: Chàng kinh-hoàng vì lo sợ rời đây bởi cách-biệt mà sẽ phải đơn lẻ, đứt đoạn đường tơ. Hoảng-hốt vì tin nhà chú mất thì ít, nhưng vì xa cách người yêu thì nhiều. Bởi thế chàng mới “*băng mình*” lèn sang vội-vã tìm Kiều; nàng thì ghen lời ngập-ngừng giải tỏ. Chàng dùng-dăng cất bước mà “*ngại-ngừng*”, “*một bước một xa*”; nàng cũng bịn-rịn lưu-luyến mà “*dùng-dăng chưa nỡ rời tay*”. Chàng “*châu sa sùi-sụt*”, nàng cũng lệ tuôn “*vấn dài*”.

b- Qua ngôn-ngữ: Kim-Trọng vừa gặp đã than dài thở vắn, rầu-rĩ tỏ tình. Thuý-Kiều thoát nghe cũng oán than cách trở, xót thâm người đi. Kim-Trọng buồn thì Kiều cũng nao. *Cử-chỉ cũng bi-thương mà lời than cũng nao-nuột*. Cả hai người đều đắp nhớ đổi sầu. Cả hai người đều ôm mối hận sầu biệt-ly.

1.2- Xét chung thì như vậy, nhưng xét riêng lại mỗi người mỗi khác. Tình-cảm nếu đang *từ vui sướng chuyển sang buồn khổ*, thì *trong cái buồn khổ*, tình-cảm của hai người cũng không dừng đứng ở mức ban đầu, *nó cũng diễn-biến giảm, tăng*.

a) **Kim-Trọng** thoát đầu bàng-hoàng đau-đớn, rồi rầu-rĩ thở-than, đến khi chia tay từ-giã thì đã an tâm lên đường:

“Mối sầu sẻ nửa, bước đường chia hai”

Khởi đầu từ điểm tốt vời rồi dần dần lắng xuống tới mức lung-chùng trung-dung, để rồi cũng buồn, cũng khổ, song không đến nỗi tuyệt-vọng kinh-hoàng. Sự giảm-biến tình-cảm ấy có thể cất nghĩa bởi hai lẽ.

* *Một là vì* nguồn cơn đã được bày giải, nỗi u-sầu đã có người cảm-thông, mối lo-ngại đã có người xoa bóp, sầu ly-cách đã được thắm tin yêu, tin mãnh-liệt ở lời thề quả-quyết của người đồng-điệu:

“Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai”

Tình vẫn thắm và còn thắm mãi, cho nên giờ *chỉ sầu vì nhớ-nhưng xa cách* chứ không còn đau khổ vì ngờ rằng tình sẽ nhạt phai. Quả vậy, nếu như lời thề nguyên của nàng Kiều mà chỉ băng-quơ nhạt-nheo, thì ấy là lúc sầu khổ của chàng phải tăng lên đến độ cao cùng-cực.

* *Hai là vì* không phải chỉ một mình Kiều trọn chiếm tâm-tư, chàng cũng còn phải nghĩ đến việc ma chay tống-táng. Cha “kíp gọi”, chàng phải “vội-vàng” ra đi, tâm-tư chàng không hẳn chỉ dành riêng cho tình xuân lai-láng, mà còn bận rộn tới việc cửa, việc nhà. Một khi tình đã chu-đáo, lòng đã vững tin, thì còn lo sợ nỗi chi, hãy bớt tâm-tư để lo việc nhà. Bởi thế cho nên trên đường trở về quê cũ, lòng chỉ còn là man-mác sầu nhớ bàng-khuâng:

“Buồn trông phong-cảnh quê người,

Đầu cành quỳên nhật, cuối trời nhạn thua”.

b) **Thúy-Kiều** thoát tiên cũng ruột rối vò tơ, lòng tan dạt nát, nghẹn-ngào tâm-sự, nói chẳng nên lời, nghe tin như sét đánh, rồi than trách trời xanh, rồi bịn-rịn khóc-lóc để sau này những nảo-nuột tương-tư. Kết tụ trong nỗi hoang-mang tê-tái,

tình sâu toả dần đến lúc động lắng trong khổ đau cùng cực. Sự **tăng-triển tình-cảm** ấy rất dễ hiểu. Là vì chàng nắm phần quyết-định về mối nhân-duyên nhiều hơn là nàng. Bây giờ chàng trở về “*ngoài nghìn dặm chốc ba đồng*”, ba năm sau, tang mới mãn đoạn, mối tình giao-ước hôm nay bấy giờ mới được chính-thức “*một lời trao tơ*”. Đối với chàng, sự chờ đợi nào có xá chi, nhưng đối với Kiều thì cả là một mối lo nặng trĩu. Nào ai lường trước tương-lai? Nhất là nàng chỉ có một mối lo-âu nghĩ-ngợi, nghĩ ngợi về người “*ăn gió nằm mưa*”, lo-âu về tình-duyên chờ đợi. *Chàng Kim còn những mối bận tâm khác khuây-khoả, chứ như nàng một mình nơi buồng thêu cao tường kín cổng, không có mối bận tâm nào khác hơn là canh-cánh chờ mong, vấn-vương sầu khổ. Cuộc sống thầm lặng cô-đơn ấy lại càng nuôi dưỡng cho mối sầu thương.* Đa sầu, đa cảm như nàng thì chỉ thấy rộn lòng bận trí bởi những vấn-vơ suy nghĩ, nghĩ về lẽ đổi thay ảo-hoá “*chưa vui sum-họp đã sầu chia-phôi*”, nghĩ về lời báo mộng của Đạm-Tiên cùng lời thầy tướng số, nghĩ rằng sự ly-biệt đột-ngột kế tiếp duyên vui, phải chăng chính là điềm ứng mộng? Con người ấy đã từng hoài-nghi tự-nhủ đêm nao rằng: “*Trăm năm biết có duyên gì hay chẳng?*”, chắc hẳn lúc này không thể buồn sưng vì xa cách, mà hẳn còn náo-nuột vì nghĩ quẩn xa-xôi. Ở lại, vốn đã bi-quan về tình duyên mai hậu, lại thêm chàng ra đi, san-sẻ cho sầu nhớ lo-âu, lẽ nào nàng chẳng xót-xa khổ não. Cho nên:

*“Nào người cũ gió tuàn mưa,
Một ngày nặng gánh tương-tư một ngày”*

Xét về tình-cảm, dù cho mỗi người mỗi vẻ, song tựu chung cả hai tâm-hồn đã cùng gặp nhau trong nỗi u-sầu thương nhớ.

Thế là tâm đau. Nhưng **xét về tâm-lý**, mới càng thấy Kim Kiều **thực là ý hợp**. Kim-Trọng kín-đáo thì Thuý-Kiều cũng tế-nhị. Họ đã dễ-dàng mau lẹ hiểu nhau.

II- TÂM-LÝ CỦA KIM-TRỌNG VÀ THUÝ-KIỀU

1.1- Kim-Trọng kín-đáo, ý gần mà nói xa, tự hứa trung-thành với người mà như chờ người nói lời chung-thuỷ. Nói về mình mà gián-tiếp nhắc-nhở người:

“Trăng thề còn đó trơ trơ,

Dám xa-xôi mặt mà thừa-thốt lòng!”

Nhắc nàng nhớ lại lời thề sắt son đêm trước, nhắc nàng hồi-tưởng kỷ-niệm âu-yếm đêm qua, gọi nàng đoái tưởng đến hình-ảnh nên thơ của sự trao duyên đôi lứa mà vàng trắng trong vắt là một chứng-nhân muôn thuở:

“Tiên thề tay thảo một chương,

Tóc mây một món dao vàng chia đôi,

Vàng trắng vàng-vạc giữa trời,

Đinh-ninh hai mệnh một lời song song”

Tỏ tình mà như căn-dặn. Đã cùng nhau thề-thốt nặng lời, không thể vì cách mặt mà lòng cũng xa. Bảo rằng mình nhớ thương nhưng kỳ thực như buộc người thương nhớ chớ quên. Khuyên người gìn-giữ sức khoẻ mà như nhắc người chớ có đổi ý thay lòng. Chàng xa-xôi bóng gió:

“Gìn vàng giữ ngọc cho hay,

Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời”

Nàng có gìn vàng giữ ngọc thì chàng mới đành tâm yên dạ nơi nghìn dặm cách trở. Ra đi vẫn không quên săn-sóc tới người ở lại. Ra đi chỉ những lo người ở lại sẽ ái chia tình. Giữ-gìn tấm thân, lời nói tuy gần mà có ngụ-ý. Săn-sóc lại hoá ra dăn-dò. Chí tình thiết-tha nhưng mà bóng-bẩy. Thực là kín-đáo.

1.2- Thuý-Kiều tế-nhị. Nếu không tế-nhị thì làm sao thấu-hiểu được lời nói ngụ-ý xa-xôi. Nàng không quá thực-thà ngây-thơ, nàng hiểu ngay thâm-ý, đón ngay lời chàng: chàng nói, chàng bền vững thương nhớ, thiếp cũng một dạ như chàng, bền tiết thuỷ chung:

“Cùng nhau trót đã nặng lời,

Đầu thay mái tóc đám đời lòng tơ”

Đã cùng chàng thề non hẹn biển, lẽ nào lại bội-ước cho cam!
Dù cho phải xa-xôi cách trở, dù cho phải năm tháng đợi chờ,
lòng này cũng không bao giờ thay đổi. Chàng bảo, chàng
không yên dạ đành lòng ở nơi chân mây cuối trời, thì thiếp đã
hiểu, chàng cứ an tâm, vì rằng:

“Đã nguyện hai chữ đồng-tâm,

Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai”

Thiếp không như người kỹ-nữ của bến Tầm-Dương phụ tình
ôm đàn sang thuyền của người áo xanh Tư-Mã, thiếp thề sẽ
trọn đời vẹn tiết trung-trinh.

Kim-Trọng lo-âu áy-náy, Thuý-Kiều đoan chắc cho người
an tâm. Kiều quả là khôn-ngoaan khéo-léo. Kim-Trọng tỏ tình
nhớ-nhung buồn khổ, chỉ nhẹ-nhàng giải bày *“Đám xa-xôi
mặt mà thừa-thốt lòng!”*, Thuý-Kiều chẳng những buồn nhớ
mà còn xót thương và nhất là khẳng-định rõ-ràng, cam-kết thề-
nguyên không chút ngờ-vực đắn-đo. Kiều quả là nhiệt-tình,
trọng tín. Kim-Trọng kín-đáo xa-xôi đến như vậy mà Kiều đã
đón trước được thâm-ý của chàng, Kiều quả là tế-nhị, rất sành
tâm-lý. Hai người thực là tâm đầu ý hợp vậy.

Có một điều là hai người cùng nhớ, cùng lo. Lo vì năm
tháng chờ mong, việc đời chuyển biến, lòng người ra sao?
Nhưng *Kim-Trọng thì bực-lộ*, mà *Thuý-Kiều thì âm-thầm*.
Kim-

Trọng thì rào trước đón sau, một điều căn-dặn, *xem ra như lo
sợ nhiều hơn là sầu nhớ*. Thuý-Kiều thì trước sau một mực giải
bày trung-trinh, *xem ra như thủy chung sầu nhớ hơn là lo-âu*.
Nhưng qua giọng oán than rầu-rĩ:

“Ông tơ gàn quải chi nhau,

Chưa vui sum-hợp đã sầu chia-phôi!”

thì không thể bảo rằng Kiều vẫn bình-tâm lạc-quan ở ngày mai trong lẽ trời ảo-hoá. Cái lo ấy chỉ là âm-thầm nghĩ xa gói kín trong lời sầu than xa cách.

III- BÚT-THUẬT CỦA NGUYỄN-DU

Tình-cảm và tâm-lý nhân-vật được thể-hiện sáng-sủa đến như vậy là do bút-thuật tuyệt-xảo tinh-vi, tinh-vi vì cách cấu-tú, tuyệt-xảo nhờ sử-dụng từ-hoa.

3.1- Sử-dụng từ hoa

a) *Với lối dùng điệp-ngữ*, Nguyễn-Du phổ vào lời thơ một nhạc-diệu khi khoan-thai, lúc mạnh-mẽ, nói lên được tâm-tình của người đi kẻ ở.

Lời đầu tiên của chàng khi thoát gặp tình-nhân là:

*“Sự **đầu** chưa **kịp** đôi **hồi**,*

*Duyên **đầu** chưa **kịp** một **lời** trao **to**!”*

Điệp thơ rõ là êm-ái khoan-thai. Hơi thơ rõ ra giọng thở-than trách móc, than cho tình duyên đôi lứa gián-đoạn, trách ông Trời độc ác đa-đoan. Những chữ *“sự **đầu**, duyên **đầu**, chưa **kịp**”* lập đi lập lại, đúng là cái giọng day-nghiến trách-cứ. Lời oán than trở nên tha-thiết đắng cay.

Lời nói chót của nàng Kiều khi cam-kết nguyên hứa cùng kẻ ra đi là:

*“**Còn** non, **còn** nước, **còn** dài,*

***Còn** về, **còn** nhớ đến ngày hôm nay”*

Điệp thơ thực là mạnh-mẽ, rắn-rỏi, nói lên được sự quả-quyết cùng niềm tin yêu mãnh-liệt thiết-tha. Giọng thơ dần mạnh, ngắt ở đầu mỗi nhịp mà hơi vẫn vẫn lưu-loát quán-thông. Điệp thơ rắn-rỏi trong bốn nhịp đầu hai tiếng. Cả bảy năm nhịp với năm tiếng *“**còn**”* bắt vào, đi liền một hơi rồi tắt dần trong êm

nhẹ bởi nhịp sau cùng sáu tiếng kéo dài với ba tiếng bình thanh (ngày hôm nay) ngân vang. Lời dẫn mạnh quả là một lời hứa chắc như đinh đóng cột, sắc như dao chém đá. Làm gì mà chàng Kim chẳng an tâm, cho “*mỗi sầu sẻ nửa*” để vững bụng ra đi!

Đến lúc cả hai cùng chia tay, sau phút dừng-dăng lưu-luyến, khi chàng đã bắt đầu quay gót vì “*vàng đồng trông thấy đứng ngay nóc nhà*”, thì chàng:

*“Ngại-ngùng một bước một xa,
Một lời trân-trọng châu sa mấy hàng.”*

Một bước đi là cả một sự nhớ-nhung xa cách. Bước thêm một bước là đường càng trở nên dằng-dặc xa-xăm, người đi kẻ ở càng thêm cách biệt ngăn trở. Một bước là một đi xa, chữ “*một*” dưới giải-thích chữ “*một*” trên. Điệp-ngữ ấy diễn đúng được vẻ ngại-ngùng miễn-cưỡng vì đường càng lúc càng xa lác xa lơ. Điệp-ngữ ấy cho thấy được tâm-trạng quyến-luyến của người trong cuộc mong níu kéo thời-gian.

b) Ngoài ra, cách đối-ngẫu tô cho lời thơ thêm vẻ đẹp óng-chuốt bởi sự cân-đối của những hình-ảnh và cảm-nghĩ song quan.

Ngại-ngùng song vẫn phải biệt-ly, nên chi chàng:

*“Buộc yên quảy gánh vội-vàng,
Mỗi sầu sẻ nửa, bước đường chia hai”.*

* Câu kết, lời đẹp ý mạnh nhờ ở phép tiểu-đối cùng lối ngắt nhịp của điệu thơ. *Mỗi sầu sẻ nửa, bước đường chia hai*: một bên là tình-cảm trừu-tượng, một bên là hình-ảnh cụ-thể. Tình sầu đối với xa cách, sẻ nửa đối với chia hai, kẻ ở lại mang thêm sầu nhớ, người gĩa-từ chuốc lấy cách ngăn. Chàng ra đi san-sẻ tình sầu, chàng lìa Kiều, mỗi người mỗi ngã, mỗi sầu nhẹ vơi, bước đi ngăn cách đôi đường.

Những chữ “*sẻ nửa, chia hai*” cụ-thể-hoá được tâm-tình của họ trong cảnh biệt-ly. Nhất là lời thơ trong câu “*Buộc yên*

/quả gánh / vội-vàng” với ba nhịp liên-tiếp trở nên đồn-dập cấp-bách như thúc-giục kẻ ra đi phải vội-và lên đường.

Người ở lại từng bàng-hoàng tái-tê khi chàng Kim chợt đến đem tin giã-biệt. Mở lời cất giọng là ghen-ngào oán than:

“Ông tơ gàn quả chỉ nhau,

Chưa vui sum họp đã sầu chia-phôi!”

* Câu dưới, hai vế đặng-đối rất chỉnh, chẳng những biểu-lộ được mối cảm-thông bén nhạy với mối sầu chia-phôi của người từ-giã, mà còn làm nổi bật được lẽ đối thay khôn lường của Hoá-Công: chưa se duyên Tần Tấn sao đã vội phân rẽ duyên ương? Nếu kể thêm chữ **“nhau”** trong câu trên thì giọng càng thêm *đay nghiến khinh bạc, coi thường* cả ông *“Trời xanh”* kia *“quen thói má hồng đánh ghen”*. Đem tình vui đến, chưa cho tận-hưởng, sao đã vội cất về, bắt người chịu khổ? Thực quá sức tưởng-tượng, ảo-hoá không ngờ! Ông Trời sao cay nghiệt thế!

Cũng vậy, trong lời Kiều cam-kết:

“Dầu thay mái tóc, dăm dôi lòng tơ!”

Hai vế tiểu-đối, nghịch ý từng lời, nêu cao được lòng thủy chung như nhất, tận-diễn được dạ bền vững kiên-trinh. Mái tóc dù có bạc màu, lòng dạ cũng không hề suy-suyển. *Mái tóc* đối với *lòng tơ*, *dầu thay* đối với *dăm dôi*. Ý trên là đổi biến, ý dưới là vững bền. Đối như vậy kể là quá chọi!

3.2- Kỹ-thuật cấu tứ

Sử-dụng từ-hoa đã tuyệt-xảo như vậy, cấu tứ lại cũng không kém tinh-vi.

a) Cảnh ly-biệt mở vào bằng sự cấp-bách (kíp):

“Xuân-đường kíp gọi Sinh về hộ tang”,

đóng lại bằng ý *vội-vàng*:

“Buộc yên quả gánh vội-vàng”

Như vậy là nhập kết tương-xúng, thượng hạ tương thừa.

b) Mà như đã xét, gọi là tâm đầu ý hợp, thì đối-thoại không thể rời-rạc tản nghĩa, trái lại đối đáp ăn khớp, hội ý hợp tình, hô ứng buộc xoắn vào nhau. Cứ hai câu một, ý nọ đối

đáp ý kia. Kim-Trọng than-thở bằng quơ, Thuý-Kiều oán trách Nguyệt-Lão. Chàng tự hứa trung-thành, nàng cũng một điệu tự-nguyện chung-thuỷ. Chàng nói chờ lâu, mối sầu muộn gỡ; nàng đáp: chờ lâu chẳng quản, chỉ xót cho người vất-vả dặm xa. Chàng ân-cần dặn-dò; nàng chẳng những thề nguyện không trù-trừ do-dự, lại còn nói với thêm một lời khẳng-quyết được thẩm tin yêu:

*“Còn non, còn nước, còn dài,
Còn về, còn nhớ đến ngày hôm nay”*

Khi thở-than, giọng chàng thấm hại, thương thay, thì khi oán trách, giọng nàng đắng cay day nghiến. Khi tỏ tình căn-dặn, ý chàng tha-thiết xa-xôi, thì khi cam-kết giải bày, lời nàng trở nên rắn-rỏi, bộc-trực.

Kết-luận:

Đối-thoại ăn khớp, làm nổi bật được tâm-lý và tình-cảm của kẻ hô người ứng, không những cho thấy được cả hai đều tương-đắc ý hợp tâm đầu, mà còn thể-hiện rõ nét được cá-tính cũng như giải tỏ được diễn-biến tâm-trạng của mỗi người trong cuộc: chàng kín đáo dặn-dò, nàng tế-nhị đón ngay thâm-ý; người ra đi thì tình sầu dần dần nhẹ vơi, kẻ ở lại thì càng thêm lo âu sầu não. Bởi vậy ta không ngạc-nhiên sau này trước cơn gia-biến, nàng Kiều vốn đã nuôi mối sầu ly cách mỗi ngày thêm đậm-đà tăng triển ắt phải rơi xuống vực thẳm tuyệt vọng, nên đã gào lên lời gọi than thống thiết:

*“Ôi Kim-lang! Hỡi Kim-lang,
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây.”*

Quanh đi quẩn lại, vẫn những từ-hoa quen thuộc, nhưng cách sử-dụng và cấu tứ khéo-léo đến nỗi bài thơ không vì thế mà nhàm chán nhạt tẻ, nhưng vẫn mang một sắc-thái riêng, vẫn có giá-trị của một viên ngọc trong chuỗi hạt sáng ngời. Đây chính là biệt-tài làm nên giá-trị toàn-bích của bút-thuật Nguyễn-Du.

7- KIỀU NHỚ NHÀ KHI Ở LẦU NGƯNG BÍCH

Bán mình làm lẽ theo Mã giám-sinh, về tới Lâm-Truy, Kiều mới hay mình đã rơi vào lò buôn hương bán phấn. Bị Tú-Bà bắt khoan, bắt nhặt, hết phải vái lạy tượng thần Mây Trắng, lại phải gọi mẹ là mẹ, coi chàng Mã như cha. Không ngờ sự tình lại oái-ăm điên-đảo, cứ thực lòng Kiều thuật lại mới lẽ mọn nhân duyên với gã “*bọn già*”:

“Nàng rằng: ‘phải bước lưu-ly,
Phận hèn vâng đã cam bề tiểu-tinh,
Điều đâu lấy yến làm anh,
Ngây thơ chẳng biết là danh-phận gì?
Đủ điều nạp thái vu quy,
Đã khi chung chạ, lại khi đứng ngồi.
Giờ ra thay bậc đổi ngôi,
Dám xin gửi lại một lời cho mình.’”

Nghe vậy, Tú-Bà nổi cơn tam bành, hết lời xỉ-vả nhiếc-móc. Giận cho thân, tủi cho phận, bèn rút dao giắt sẵn trong tay áo, Kiều liều mình quỳn sinh. Được thuốc-thang săn-sóc, lúc tỉnh dậy, đã thấy mẹ Tú chực sẵn bên màn, ve-vuốt “*lựa lời khuyên giải, mơn-man gỡ dần*”. Thế là Kiều được mẹ hứa trọng-đãi, cho nàng ra cấm cung ở lầu Ngưng-Bích mà “*khoá buồng xuân để đợi ngày đào non*”, hầu sau này sẽ “*tìm nơi xứng-đáng làm con cái nhà*”.

Một mình cô-quạnh nơi lầu cao Ngưng-Bích, những buổi sáng tinh sương mây mờ giăng mắc cũng như những chuỗi ngày tàn nắng xế khi bóng tối dần buông, Kiều thường trầm-ngâm ngẫm nghĩ. Phong cảnh sớm chiều trên bãi bể cô-liêu càng khơi thêm mối u-hoài trong lòng kẻ tha-hương. Nhất là, như trong đoạn thơ trích-dẫn dưới đây, kẻ tha-hương ấy lại chính là nàng Kiều, tránh

sao lòng nàng không dậy lên niềm thương cha xót mẹ, nỗi nhớ tình-quân, niềm thương nhớ ấy vẫn hằng canh-cánh tâm tư ngay từ lúc nàng dặm bước ra đi:

- 1033- Trước lầu Ngưng-Bích khoá xuân,
Vẻ non xa, tấm trắng gần ở chung.
Bốn bề bát-ngát xa trông,
Cát vàng còn nọ, bụi hồng dặm kia,
Bẽ-bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình, nửa cảnh như chia tấm lòng.
- 1039- Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống hỡi rầy trông mai chờ,
Bên trời góc bể bơ-vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai?
Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.
- 1047- Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp-thoảng cánh buồm xa xa.
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man-mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ dầu dầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh,
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
- 1054- Ấm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

I- NGƯỜI THỰC-NỮ ĐỦ ĐƯỜNG HIẾU-NGHĨA.

Trong bài Tựa Truyện Kiều, khi bênh-vực cho người đẹp, Chu Mạnh-Trình đã hạ bút tán-dương: “Người thực-nữ mà đủ đường hiếu nghĩa, tay đàn bà mà lại có cơ-quyền”. Cái tông cơ quyền biến đã thấy khi nàng bán mình, lại phải chờ đến những đoạn sau trên bước đường lưu-lạc mới nhận thấy rõ-rệt hơn, chứ như cái đức

hiếu nghĩa thì nguyên mối sầu tư khắc-khoải trong đoạn này cũng đã một lần nữa giải-thích cho thêm phần sáng tỏ.

1- Thói thường con người dễ đổi lòng biến tiết khi biệt-ly cách trở. Người ta vẫn nói: xa mặt thì cũng xa lòng. Ở đây trái lại, xa cách không làm cho lòng Kiều thay đổi, thời-gian không làm cho tình Kiều cạn vơi. Kiều vẫn không quên lời thề son sắt. Kiều vẫn không xoá bỏ hình-ảnh của kẻ cố-tri. Nàng vẫn tưởng nhớ chàng Kim và nghĩ rằng giờ này ở chốn Liêu-Dương, có lẽ chàng còn canh-cánh mong tin người tình. Như đáp lại nỗi niềm tin-tưởng mong chờ ấy, Kiều đã thề nguyện cùng chàng thắm tình chung thủy: “*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai?*” ***Cư xử như vậy, thế là người có nghĩa.***

2- Gặp phải gia-biến vạ gió tai bay, xót cho cha già bị đoạ-dày oan-khốc, chẳng quản tấm thân đào tơ liễu yếu, dù là phận nữ-nhi, Kiều đã quyết tâm cáng-đáng, đứng mũi chịu sào, giải-quyết việc nhà cho êm thắm. Nàng đã hy-sinh cả tuổi xuân phơi-phối, nàng hy-sinh cả một tình đầu thơ-mộng, và hơn nữa đã cắn răng phụ-ước lời nguyện để tròn đạo làm con.

Hiếu đến như vậy, mà khi lưu-lạc tha-hương, Kiều vẫn còn lo-lắng tới việc *phụng-dưỡng song thân*, “xót người tựa cửa hôm mai” chỉ vì nghĩ rằng “*quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?*” ***Vẹn tròn đến như vậy thì quả là người con chí-hiếu.***

II- DIỄN-BIẾN TÂM-LÝ

1- Kiều nhớ Kim-Trọng, rồi mới nhớ đến mẹ cha. Bảo rằng Kiều chí-hiếu, *cớ sao khi thoát nghĩ tới gia-hương, nàng lại nhắc đến tình-quân trước rồi sau mới nghĩ tới song thân?*

a cũng nên nhớ rằng khi quyết-định bán mình chuộc cha, Kiều đã phân-vân cân nhắc đến điều:

“*Duyên hội-ngộ, đức cù-lao,
Bên tình, bên hiếu, bên nào trọng hơn?*”

Bên hiếu là trọng, bên tình chẳng khinh. Nhưng rồi sau rốt, Kiều cũng đành chấp-nhận hy-sinh, dẹp bỏ bên tình, lo tròn đạo hiếu:

*“Để lời thệ hải minh son,
Làm con quyết phải đền ơn sinh thành.”*

a- Như vậy đối với mẹ cha, khi nàng ra đi, việc của việc nhà đã tạm thông-dong chu-tất. Thu-xếp cho gia-sự được ổn-thoả, lại được Vương Ông thuận-tình, Thuý-Kiều đã hoàn-thành một trách-nhiệm quá lớn ngoài bổn-phận của thường-tình nhi-nữ. Không bất hiếu với mẹ cha, không đắc tội với Trời, không tui hổ với lương-tâm, có thể nói Kiều đã hoàn-toàn thư-thái không còn bị day-dứt trước nghĩa-vụ làm con. Mặc dù sau này càng xa quê, Kiều càng nhớ mẹ cha đậm-đà thấm-thiết, vì cảnh-ngộ và bản-chất của tình-cảm thiêng-liêng như ta sẽ thấy.

b- Bởi vậy, Kiều có thể yên tâm về phía song thân trong khi vẫn còn ân-hận thắc-mắc đối với chàng Kim. Không thắc-mắc sao được, khi mà về Liêu-Dương, chàng đã thân-hành đến từ-giã nàng, chàng đã thổ-lộ can-tràng, dạn-dò kẻ-lẻ, còn nàng trái lại, ra đi không gặp người tri-kỷ, chẳng một phút tỏ tình, cũng không một lời từ-biệt. Không thắc-mắc sao được, khi mà bỏ chốn nhà Vương, chàng đã được nghe chính Kiều nguyện hứa:

*“Đã nguyện kết giải đồng-tâm,
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.”*

Thế mà bây giờ nàng đã bội ước, phụ lòng tin cậy của người phương xa. Phải chi được gặp mặt chàng để giải-bày nông-nổĩ éo-le, hoàn-cảnh ngang trái đã khiến cho duyên võ tình tan? Dầu cho đã có nhờ em chấp nối duyên tình hầu chứng thực được lòng thành cùng chàng, song cái việc làm bất đắc dĩ ấy đâu có đủ để đem đến bình an cho lòng Kiều, đâu có đủ để an-ủi Kiều rằng mình đã nhẹ bồng gánh tình. Có thắc-mắc, có ân-hận, nên chi hết tha-thiết dặn Vân trả nghĩa chàng Kim, nàng lại van lạy cha già:

*“Lay thôi, nàng lại rên triềng,
Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi.”*

Có ôm mối hận tình, nên Kiều mới:

*“Nợ tình chưa trả cho ai,
Khối tình mang xuống tuyền-đài chưa tan.”*

Bởi vậy, nhìn con trăng soi mối, Kiều không thể không nghĩ ngay tới mối hận lòng còn lẩn-quất vẫn chưa được giải-quyết đẹp êm như đã giải-quyết êm thấm việc nhà. Hình ảnh chàng Kim hiện lên đầu tiên trong tâm trí Kiều lúc này thật hợp tình, hợp lý.

2- Kiều, một tâm-hồn đa tình, sầu khổ:

Trách chi Kiều không khổ. Thương cha mẹ, nhớ tình-quân, luyện cố-hương, Kiều không phải chỉ ôm mối sầu hoài-vọng đến tha-nhân,

a) lòng Kiều còn chứa-chất bao nỗi buồn lo cho chính thân mình. Buồn là buồn cho hiện-tại phũ-phàng chưa chất, lo là lo cho tương-lai đen tối mịt-mù. Hy-sinh chịu nhận làm phận lẽ mọn, những tưởng đoạn đường khổ cực đến đó là dừng, nào ngờ nông-nổi lại thập phần cay đắng, lạc bước vào chốn thanh-lâu. Rồi đây còn bao nhiêu sóng gió hãi-hùng chông gai giăng mắc. Đứng trước ngưỡng cửa của cạm bẫy hại người, tránh sao không khỏi rùng mình lo sợ. Cả một viễn-tượng u-ám đe dọa người khuê-nữ ở tương-lai, phụ họa với cái thực-tại đón đầu sầu tủi, đem đến cho Kiều cả một khối sầu tầng tầng cao ngất. Cho nên cả bài thơ vương vương mối sầu thương hận khổ.

b) Nhiều sầu lắm khổ, cũng chỉ vì Kiều đa cảm giàu tình.

Tình đối với người xưa cảnh cũ, tình còn chia sẻ cả với cảnh vật vô-tri. Văn-hào Lamartine trong bài Milly, Terre Natale, có viết:

*“Objets inanimés! avez-vous donc une âme,
Qui s’attache à mon coeur et la force d’aimer?”*

Xin tạm dịch:

“Hỡi loài tạo-vật vô-tri!

Vì đâu ta đã yêu mi quá chừng?

Phải chăng người cũng một lòng,

Cảm-thông, gắn bó buộc ràng tim ta?”

Hoà-đồng với thiên-nhiên, con người đã để lòng dạt-dào cảm-xúc trước thiên-nhiên. Nàng Kiều ở Ngưng-Bích trong cảnh sống đơn chiếc quạnh-huơ cũng đã để tâm-hồn mình hoà-hợp với tạo-vật vô tri. Ngày làm bạn với cồn cát ngổ-ngang trước mắt, đêm vui với vẻ núi chập-chùng ngoài xa, trăng sáng ở gần. Chỉ một lá thuyền trôi thấp-thoảng cũng đủ gọi lên trong trí nàng biết bao lo nghĩ vẩn-vơ. Nhìn nội cỏ bao-la nhàu úa, thấy ngoài xa dặm đường gió bụi, Kiều cũng đã chạnh lòng trầm-tưởng, coi đời mình như cánh thuyền trôi không bến, như hạt cát mong-manh giữa giòng. Giàu tưởng-tượng, dễ cảm-xúc, một cảnh vật tầm thường nhỏ bé đến đâu, dù vô tri vô giác, cũng lôi kéo được Kiều rời xa thực-tại để cho tâm-hồn siêu-thoát phiêu-diêu, đắm chìm trong ưu-tư mộng tưởng. Nếu không đa tình, giàu nguồn cảm-xúc, dễ gì Kiều thấy nao lòng trước cảnh, hay có chăng chỉ là niềm cảm-phục trước kỳ-công của Tạo-Hoá mà thôi. Bởi vậy trách chi Kiều không đa sầu đa khổ.

III- DIỄN-BIỆN TÂM- LÝ ẤY THỂ-HIỆN RÕ NÉT QUA NGHỆ-THUẬT TRÁC-TUYỆT:

1- Cảnh tình mật-thiết tương-quan

Lòng đã sẵn buồn, nhìn cảnh chỉ thấy một màu khơi trêu, hơi buồn lan rộng mệnh-mạng thấm sâu vào lòng người và toả ra bàng-bạc trong ngoại-cảnh. Ấy là vì Nguyễn-Du đã khéo-léo điều-hoà mối tương-liên giữa cảnh và tình.

a) *Dùng cảnh để gợi tình*, tác-giả dựng nên một quang-cảnh êm-đềm quạnh-quẽ xứng hợp với tâm-sự thâm lặng nhớ-

nhưng, sâu muộn. *Không một bóng người*, ngoài Kiều ra, chỉ thấy cỏ cây, mây nước, gió trắng. *Không một tiếng động*, có chăng chỉ là hơi nhẹ của gió chiều hiu-hắt, hay tiếng sóng vỗ đều đều trơ trên cang giec nặng thêm cái tịch-mịch vào đêm khuya, càng đồn-dập đầy xô những u tối xuống đêm trường cũng như trong cuộc đời, muốn nén chặt sầu tư vào cõi lòng trống-trải. Xung quanh mình chỉ là thiên-nhiên trầm lặng với điệu dáng mơ-màng buồn tẻ. Xung quanh mình chỉ là tạo-vật im-lìm với khuôn mặt hiền từ lặng tiếng im hơi. Sống như vậy giữa cái xã-hội nhỏ bé thiếu bóng nhân-quần, giữa một khung cảnh trống vắng, xa biệt thế-nhân như vậy, thử hỏi ai là chẳng cảm thấy lòng mình mòn-mỏi chán-chường, hồn mình chẳng thờ-thần băng-khuàng, một cơ-hội thuận-tiện để cho bao cảm-tình khuấy động? Khêu được tình, gọi được cảm, cảnh của Nguyễn Du đã được khoác thêm một tâm-hồn để chia sẻ với những riêng tư trong lòng người nhi-nữ. Cảnh với người đã cùng nhau lặng-lẽ nương dừ trong thời-khắc suy tàn giữa khoảng không-gian tịch-liêu bát-ngát. Điều ấy chứng tỏ cái tài quan-sát cảnh vật, khéo dệt âm thanh.

b) *Mượn cảnh để tăng tình*, tác-giả khéo lựa chọn, để cho vào khung cảnh, những chi-tiết có đặc-tính tương-quan với đời sống nàng Kiều. Những chi-tiết này bắt nàng phải nghĩ lung về cuộc đời mai sau, để cho lo-lắng sợ hãi len-lỏi vấn-vương vào tâm trí. Cảnh tịch-liêu làm cho mình thấy trơ-trọi cô-đơn.

Kìa là thấp-thoảng một lá thuyền lững-lờ theo gió đi về chốn xa-xăm. Nọ là một bông hoa đang bị lặn ngụp dần-vật theo sóng triều lời cuốn để rồi không biết sẽ trôi dạt về nơi nao?

Lại ngoài xa kia dặm đường bụi cuốn tung bay và đồng cỏ tàn úa vàng ánh tịch-dương chạy tít đến nơi trời đất giao-hoà trong mịt-mờ một màu xanh xanh. Phải chăng người thiếu-nữ bơ-vơ ấy đang lê kiếp đời vất-vưởng, cũng chẳng khác chi con thuyền lạc-lõng chơi-vơi, bông hoa bé-bỏ đang bị tan-tác dập vùi nơi mệnh-mông biển cả? Phải chăng nàng cũng sẽ dạt trôi lênh-đênh như cuộc hành-trình vô-định của chiếc thuyền kia, cũng sẽ chìm nổi luân-ly như bông hoa kia lưu-lạc về nơi không bến không bờ?

Những chi-tiết ấy như phản-ánh hiện-tại đau thương, như tiên-báo ngày mai u-ám. Làm nảy sinh và phát-triển sâu lo, Nguyễn Du đã đạt tới thành-công trong khi mượn cảnh để phô-diễn tâm-tình, chính là nhờ phép tỉ-giảo ẩn-dụ.

2- Kỹ-thuật gieo vần cấu tứ

a) *Ý thơ đã buồn, điệu thơ lại thảm*, người đọc sao không nao lòng? Vần thơ khi gico, điệu không réo-rất lên cao, không gập-ghenh khắp-khểnh, nhưng nhẹ-nhàng êm-ái khi chìm lắng, khi chơi-vơi:

“Buồn trông cửa bể chiều hôm,

Thuyền ai thấp-thoáng cánh buồm xa xa?”

Dùng nhiều bình-thanh, thanh trầm được tận-dụng, thanh phù làm đệm khiến hơi văn trầm bổng vương toả u buồn. Lại càng gọi sâu khi ta nghe những dấu láy điệp-ngữ chìm sâu giữa giòng nhạc khoan-thai lơ-lửng. Điệp-ngữ “buồn trông” kết-thúc cho cảnh trước, mở vào cho cảnh sau, được liên-tiếp nhắc lại, có khác chi những chuỗi buồn triền-miên không dứt, dằng-dặc vô-biên.

b) *Mối sầu tuy ngổn-ngang song không vì vậy mà thiếu lớp-lang thứ-tự*. Tác-giả dàn ý theo một bố-cục vững chãi.

* Tả tình trong tám câu, tả cảnh cũng trong tám câu. Bốn câu trên dành cho nỗi nhớ chàng Kim. Bốn câu sau phần cho lòng nhớ cha mẹ, tình luyện gia-hương. Trong bốn câu nói tới Kim-Trọng thì hai câu trên dành ý nói về chàng, hai câu tiếp ý nói về thiếp. Bố-cục như vậy quả là thứ-tự cân xứng.

* Cân xứng mà rời-rạc thì ý không thể tỏ, lời kém vẻ hay. Ở đây, đoạn mạch chẳng những cân đối mà còn chặt-chẽ phân-minh. Ấy là nhờ cách chuyển mạch tài tình đặc-pháp:

Từ phần giới-thiệu nàng Kiều cô-đơn nơi lầu cao Ngưng-Bích sang tới phần cảnh chiều bãi bể gợi tình hoài-nhân mà chuyển bằng hai câu:

*“Bê-bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình, nửa cảnh như chia tấm lòng.”*

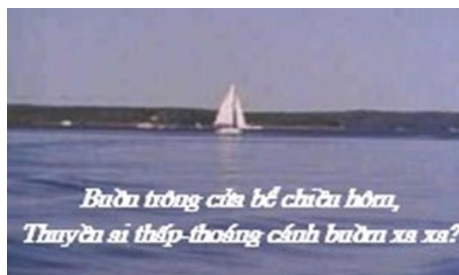
thiết tưởng không gì rõ-ràng chặt-chẽ hơn. Nó vừa tóm được ý tưởng “*bê-bàng*” khi hết đêm đêm ngắm “*vẻ non xa tấm trăng gần*”, lại sớm sớm xa trông “*bốn bề bát-ngát, cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia*”, nó vừa chuẩn-bị cho ý dưới bàn tới một nửa là tình vọng cố-hương, một nửa là cảnh chiều bao la biển nước.

* Hết tả tình, bước qua tả cảnh, những tưởng Kiều sẽ khuây-khoả nỗi **buồn** sau khi ngắm **trông** phong-cảnh, nào ngờ cảnh càng **trông**, càng thấy **buồn** thêm, rồi **buồn mãi mãi**, buồn triền-miên. Những điệp-ngữ “**buồn trông**” thực đã nối liền được ý “**buồn**” trong *đoạn tả tình* với ý “**trông**” trong *những câu tả cảnh*.

Đặc-pháp đến như vậy, tài tình đến như thế, lời chuyển đoạn khiến hơi văn đi mạch lạc, tứ thơ được liên-kết, điệu thơ thêm quán thông.

* * *

Một đoạn thơ hay, tuy giản-dị, song đã ghi đúng được tâm-trạng của kẻ đứng trước ngõ cửa vào cuộc đời thực sự đang chờ sẵn ới đủ cả “mặn nhạt chua cay lẫn ngọt bùi”. Sành tâm-lý, nhìn tinh-tế, Nguyễn-Du đã hạ những nét bút mềm-mại uyển-chuyển. Song quãng đời còn tiếp-diễn, tâm-trạng Kiều không phải là cố-định, mà còn nhiều chuyển hướng ở ngày mai, lúc ấy thì nghệ-thuật và tâm-hồn của Tố-Như thi-nhân mới lại càng bộc-lộ được bản-sắc. Phải chờ sang những đoạn Kiều nhớ nhà ở các lần sau ta mới thấy thêm thú-vị khi thưởng-thức tài nghệ của Nguyễn-Du.



8- TỪ HẢI

Hành-hạ tình-địch chán chê cho hải mối hờn ghen bấy lâu âm-thầm nung-nấu, Hoạn Thư “*mừng thăm: vui này đã bỏ đau ngẫm xưa nay!*” Cho nên sau khi đọc tờ “*cung chiêu*” của Kiều trần tình, Hoạn Thư mừng lòng khen ngợi “*Rằng: Tài nên trọng mà tình nên thương*”. Thế là Kiều được Hoạn Thư cho ra tu tại Quan-Âm-Các với pháp-danh Trạc-Tuyền, ngày đêm chép kinh, tụng niệm. Tưởng vợ vắng nhà về thăm mẹ thật, Thúc Sinh lên gặp nàng, nào ngờ bị Hoạn Thư lập mưu rình bắt quả tang, hai người chẳng biết. Nghe hoa-nô thuật lại, Kiều càng “*kinh hãi...., nghĩ càng thêm nổi, sống gai rưng rồi!*” nên phải tính đường “*chấp cánh cao bay*”:

“*Thân ta, ta phải lo âu,*

Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này!”

Thấy “*Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân*”, Kiều đánh liều lấy trộm mang theo “*bên mình, giắt để hộ thân*”. Những tưởng rồi sẽ được yên thân nương nấu nơi am Chiêu Ẩn trong lốt ni-cô, nào ngờ, sau này chỉ vì mấy thứ chuông vàng khánh bạc kia được nhận ra là của nhà họ Hoạn, mà tung tích nàng bị lộ. Mụ già sư trưởng Giác Duyên không muốn mang lấy vạ gió tai bay, bèn gửi nàng sang nhà Bạc Bà là người vẫn “*am mây quen lối đi về dầu hương*”. Chẳng may “*cũng tổ bọm già, Bạc Bà học với Tú Bà đồng môn*”, cho nên họ Bạc đã khéo dỗ-dành lừa nàng gả cho cháu là Bạc-Hạnh “*cũng phường bán thịt cũng tay buôn người*”. Thế là lại một lần nữa “*nước đã đánh phen*” nay “*bùn lại vẩn lên*”, Kiều đành “*cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh*”. Nơi hành-viện Châu Thai này, Kiều cũng lại cao giá, nổi danh tài sắc và vì thế mà đã gặp được người anh-hùng Từ-Hải cứu vớt nàng ra khỏi chốn trầm-luân:

2165-Lần thâu gió mát trăng thanh,

Bồng đầu có khách biên đình sang chơi,

Râu hàm, hàm én., mây ngài,

Vai năm tác rộng, thân mười thước cao.

Đường đường một đấng anh-hào,

2170-Còn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.

Đội trời, đạp đất, ở đời,

Họ Từ, tên Hải, vốn người Việt-Đông,

Giang-hồ quen thú vẫy-vùng,

Gươm giàng (1) nửa gánh non sông một chèo,

*2175-Qua chơi nghề tiếng nàng Kiều,
Tấm lòng nhi-nữ cũng xiêu anh-hùng.*

Trước khi tả cuộc sơ-ngộ giữa hai bên ý hợp tâm đầu, đoạn thơ này giới-thiệu Từ-Hải, một chàng võ-tướng dũng-mãnh nhưng cũng đa cảm đa tình.

1- Ca-tụng tán-dương nhân-vật, tác-giả tô vẽ cho nhân vật của mình những đặc-điểm phi-thường.

1.1- Chỉ cần mười câu thơ giản-dị, nhân-vật cũng đã được hình-dung rõ-ràng đầy-đủ cả vẻ đẹp thể-chất lẫn tinh-thần.

a) Về thể-chất, chàng là người có **dung-mạo** dị-tướng oai-phong, với bộ râu rậm như râu hùm, quai hàm bạnh nở như hàm chim én, đôi mày tằm đậm nét, xéch chữ bát như lông mày Quan Công, dáng điệu đường bệ lẫm-liệt uy-nghi, dáng của một bậc anh-hùng hào-kiệt xuất-chúng. Chàng lại có **thân hình** ngoại khổ “thân dài vai rộng”, thân hình của một đấng trượng-phu hơn đời.

b) Về tinh-thần, không phải như những ai kia vô mưu hữu dũng, chàng không những sức lực hơn người, có **tài** võ nghệ cao-cường: đường quyền, múa gậy, gươm cung tinh thông, lại còn có mưu **trí** khôn-ngoaan mau lẹ trong phép “thao-lược” bố trận dàn binh. Hữu dũng đa mưu, chàng thuộc vào hạng **tài trí** song toàn. Thêm vào là một **chí-khí** hiên-ngang với tinh-thần bất-khuất chỉ biết trên đầu đội có Trời, dưới chân đạp có đất, giữa khoảng trời đất bao la chẳng biết sợ một ai, không chịu thua kém người nào. Con người hùng ấy lại có một tâm-hồn khoáng-đạt, **tính** thích tự-do, ưa đời phóng-túng, tuy gươm cung nửa gánh vai mang, nhưng như khách giang hồ vác thêm vai kia một mái chèo mà dạo khắp non sông đi tới cùng mặt đất, chàng cũng lấy cái thú vầy-vùng ngang dọc nay đó mai đây làm vui, cái tính của một người nghệ-sĩ. Hoàng Sào ngày xưa dầu bị phe cầm quyền đương thời coi là một tướng giặc, nhưng dưới mắt của chàng, lại là người hùng lý-tưởng cho cuộc đời ngang-tàng khí-phách. Bởi vậy, cũng như họ Hoàng xưa kia đã từng tự-hào:

“Bán kiên cung kiếm bằng thiên túng,

Nhất trạo giang sơn tận địa duy”

(Nửa vai cung kiếm trời cho để vùng-vẫy,

Một mái chèo dọc ngang khắp mặt đất non sông),

Chàng cũng muốn bắt chúc mà:

“Giang hồ quen thói vấy-vùng,

Gươm giàng nửa gánh non sông một chèo.”

Tính thì như thế, cho nên **tính** cũng mau xúc-cảm, lòng cũng dễ xao-xuyến, chỉ mới nghe tiếng đồn danh-sắc giai-nhân là đã mộ mến qua thăm, để rồi anh-hùng gan dạ như chàng mà cũng phải xiêu lòng bởi người nhi-nữ. Có **tài trí**, có cả **chí-khí**, lại đủ cả **tính tình**, nhân-vật tuy là được phác-hoạ, mà thực ra đã được miêu-tả trọn vẹn kỹ-lưỡng. Thực là toàn-hảo!

1.2- Không siêu-thực ảo-tưởng, nhân-vật ấy lại là một con người thực, con người bằng xương bằng thịt, một nhân-vật của đời sống thực-tại, nó gần gũi với ta.

Nếu thiếu cái vẻ đẹp của tính tình ấy, chàng quả là một kẻ hiếm có và không có trong xã-hội loài người, nhân vật ấy xa vời do óc tưởng-tượng nặn nên. Bên cạnh cái vẻ cứng rắn của tinh-thần vẫn còn cái mềm yếu của con tim. Bên trong cái vẻ quắc-thước vẫn ẩn một vẻ dịu-dàng khả-ái của tâm-hồn đa tình phóng-khoáng. Nhân-vật của Nguyễn-Du là *một mẫu người có thực với khối óc và quả tim nhân-loại*.

a) Nhân-vật ấy được tác-giả giới-thiệu thật khéo-léo, có rào trước đón sau. Cả cuộc đời của họ Từ phản- chiếu qua bức vẽ chân-dung này. Cả cuộc đời của Từ-Hải được ẩn giấu trong từng nét bút câu thơ. Thực vậy:

** Chính với tài trí ấy mà sau này võ-nghịệp của Từ lòng danh, quân của chàng lướt đi như “ngói tan trúc chẻ”, uy-danh chàng vang dậy như “sấm ran trong ngoài”:*

“Triều-dình riêng một góc trời,

Gồm hai vãn vũ rạch đôi sơn-hà,

Đôi cơn gió tấp mưa sa,

Huyện thành đạp đổ năm toà cõi nam.”

Sự-nghịệp ấy quả đã ứng với lời giới-thiệu của Nguyễn Du ở đây:

“Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.”

** Chính với chí-khí hiên-ngang ấy mà sau này dù cho “huơng lửa đương nồng, trượng-phu thoát đã động lòng bốn phương”:*

“Trông vời trời bể mênh-mang,

Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng dong.”

Và khi đã một mực ra đi tung-hoành lập nghiệp, thì dù cho Kiều ngổ ý muốn đi theo, chàng cũng không hề bịn-rịn vương-vấn, nhưng quyết sẽ bay nhảy để làm nên công đại- định:

*“Tù rằng: Tâm phúc tương tri,
Sao chưa thoát khỏi nữ-nhi thường tình,
Bao giờ mười vạn tinh-binh,
Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường,
Làm cho rõ mặt phi-thường,
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia,
Bằng nay bốn bể không nhà,
Theo càng thêm bạn biết là đi đâu.”*

Không màng tình nhi-nữ, quyết phải hoàn thành công danh, chàng một mực hăng-hái lên đường đem cánh chim bằng đo trời cao biển rộng:

*“Quyết lời dứt áo ra đi,
Gió đưa bằng tiện đã lia dặm khơi.”*

Hình-ảnh hiên-ngang ấy, chí-khí hào-hùng ấy sau này đã làm kinh thiên động địa:

*“Chọc trời khuấy nước mặc dầu,
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai”*

quả đã ứng trước trong lời giới-thiệu ở đây, khi tác-giả ngợi khen rằng:

*“Đường đường một đấng anh-hào,
...Đội trời đạp đất ở đời,
Họ Từ tên Hải vốn người Việt-Đông”*

* *Chính với tính tình phóng-khoáng đa cảm ấy mà sau này, khi nghe Kiều khuyên về hàng phục triều-đình, Từ Hải đã thổ-lộ với nàng rằng:*

*“Áo xiêm buộc trói lấy nhau,
Vào luồn ra cúi công hầu mà chí?”*

Không màng tước lộc, không muốn danh-lợi trói buộc, nhưng *muốn tự-do*, rõ là cái tính của kẻ

*“Giang hồ quen thói vẫy-vùng,
Gươm giàng nửa gánh, non sông một chèo.”*

* *Và với tình bén nhạy dễ cảm của một trái tim cũng có lúc mềm yếu, xiêu lòng khi*

*“Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều,
Tấm lòng nhi-nữ cũng xiêu anh-hùng”,*

nên ta chẳng lạ gì sau này chàng đã mải nghe tiếng gọi của con tim để rồi, trong phút chốc, sự-nghiệp “chọc trời khuấy nước” đã tan biến như

khối mây, chỉ vì lòng chàng quá nặng với tình Kiều-nhi. *Bao nhiêu cái tài thao-lược mưu trí trước đây bỗng rụng mất tất, nay trở thành kẻ chủ-quan nhẹ dạ, hữu dũng vô mưu*, chỉ vì để cho tơ tình chàng-chịt giăng lấp lý-trí mà hoá ra mềm lòng trước lời ngon ngọt của người kiều-nữ “*một hai nghiêng nước nghiêng thành*”.

Đúng vậy, chàng chết oan giữa phục-bình của Hồ-Tôn-Hiến xảo-trá lừa gạt, cũng chỉ vì, như chính lời vợ chàng đã khóc,

“Khóc rằng: Trí dũng có thừa,

Bởi nghe lời thiếp nên cơ-hội này.”

b) Giới-thiệu Từ-Hải trong mẫu người ấy, phải chăng Nguyễn Du đã có một dụng-ý?

Thực vậy, Từ-Hải của Thanh Tâm tài-tử trong Kim Vân Kiều Truyện nguyên-tác đâu có được như chàng Từ-Hải của Nguyễn Du trên sân khấu Đoàn Trường Tân Thanh. Họ Từ vốn chỉ là một tướng cướp thô-bạo tầm-thường, vậy mà dưới ngòi bút uyển- chuyển tài tình, chàng đã được đắp vẽ điểm-tô, được tôn lên là: “*Đường đường một đấng anh-hào*”.

* Là vì phải với địa-vị ấy, Từ-Hải mới có thể sánh vai cùng Kiều. Ta biết rằng, không như những người con gái khác, nơi lầu xanh này, Kiều cũng “*treo giá ngọc*”, cũng “*cao phẩm người*” như xưa kia, khách yêu hoa tìm đến phải trình danh-thiệp để xin được tiếp-đãi. Thì chính Từ Hải chứ đâu xa, chàng cũng phải có: “*thiệp danh đưa đến lầu hồng*” để rồi sau đó “*hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa*”. Với thanh-giá của Kiều như thế, thì Từ-Hải phải có địa-vị này. Địa vị của Từ Hải càng đề-cao vai trò Kiều nương. Đúng là:

“Trai anh hùng, gái thuyền-quyên,

Phỉ nguyên sánh phượng, đẹp duyên cuối rồng.”

* Nhất nữa là vì Nguyễn-Du cũng muốn chia sẻ nhân-sinh-quan với Từ. Chàng Từ Hải ở đây hẳn cũng thừa hưởng cái khí cốt của một Tô Đông Pha, một Nguyễn-Du. Phải chăng cái thú đọc ngang vùng-vẫy của Từ cũng chính là niềm mơ ước cuộc đời hiên-hách và tự-do phóng-khoáng của Nguyễn-Du? Cái tính tình khoáng-đạt phóng-túg ấy vẫn là cái tâm-hồn muôn thuở của kẻ sĩ. Phải chăng hình ảnh hiên-ngang hào-hùng của Từ-Hải cũng là hình ảnh của người anh-hùng lý-tưởng trong hoài-bảo của Nguyễn-Du? Phải chăng thái-độ buông xuôi “*xiêu lòng*” của họ Từ sau này khi “*bố thân về với triều-đình*” cũng là cái cách lựa chọn miễn-cường trái ngang của tác-giả khi trở lại làm việc cho tân-trào

nhà Nguyễn với cõi lòng mang theo chất đầy nhiều u-ẩn mà “*thiên hạ bất tri*” nên chắc rằng “*hà nhân khắp Tổ-Như?*”

Vậy giới thiệu Từ-Hải, Nguyễn-Du cũng muốn gửi gắm ít nhiều cá-tính, tâm hồn mình vào người anh hùng đất Việt Đông này.

1- Đoạn thơ cho thấy nghệ-thuật của Nguyễn Du được biểu-hiện trong đường lối cũng như trong văn chương tả người.

2.1- Đường lối tả người

a) Người ta vẫn thường bảo: “Lựa tốt xem biên, người hiền xem tướng”. Người có hành-động xuất-chúng thì phong-thái tướng mạo cũng khác thường, người dị-tướng hay có những hành-động quán-thế. Quán-thế như Quan Vũ thời Tam Quốc thì mắt tía râu xanh, lông mày như “ngọa tằm mi bát tự”, rậm và to bản như con tằm nằm xéch hình chữ bát. Anh-hùng như tướng Ban Siêu nhà Hán thì “yến hạm hổ đầu”, hàm én đầu hùm. Mượn dị-tướng để tả những kẻ “*chọc trời khuấy nước*” vẫn là lối thực tả quen thuộc của cổ-nhân. Nguyễn Du vẫn không ra ngoài đường lối ước-lệ ấy.

b) Nếu trước kia đã tả Văn mà làm nổi bật vai Kiều, thì ở đây cũng vậy, tuy tả Từ mà Kiều hiện rõ. Khác với ngày xưa nơi lầu xanh của Tú Bà, ngày nay từ khi rơi vào tay Bạc Hạnh, Nguyễn Du tuyệt-nhiên không đả động gì về cuộc sống của Kiều ở Hành-Viện Châu-Thai, không kể lại chi-tiết những sinh-hoạt thường ngày nơi ô-trọc này. Suốt một đoạn dài từ khi trốn khỏi nhà Hoạn-Thư, chỉ thấy nói cuộc trao đi bán lại, ra khỏi am Chiêu-Ẩn thì vào nhà Bạc Bà, chuyển tay sang Bạc-Hạnh, cho đến lúc lạc bước vào thanh-lâu lần nữa, thì ngọn bút tác-giả mới dừng lại dành cho Kiều uất hận chửi đời:

*“Chém cha cái số hoa đào,
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!”*,

và than thân đay-nghiến trách trời:

*“Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen?
Tiếc thay nước đã đánh phèn ,
Mà cho bùn lại vẩn lên mấy lần!
Hồng quân với khách hồng quần,*

*Đã xoay đến thế còn vắn chưa tha!
Nhớ từ lác bước bước ra,
Cái thân liều những từ nhà liều đi,
Đầu xanh đã tội tình gì?
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi!”*

Rồi tiếp ngay sau đó là lời giới-thiệu Từ-Hải như trên đây. Thế nhưng trong đoạn giới-thiệu ấy, người đọc cũng hình-dung rõ được cuộc đời của Thuý-Kiều tại chốn thanh lâu lần này. Cũng “*lần thâu thâu gió mát trăng thanh*”, Kiều đã sống lần-lữa ở đây trải qua suốt bao tháng ngày trăng trong gió mát, đếm thời-gian vô tình cứ nặng-nề lặng-lẽ dần trôi. Và nàng cũng tài sắc nổi danh lẫy-lừng. Phải nổi danh thế nào mới có thể khiến người du-khách viễn-phương hâm mộ để tìm đến:

*“Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều
Tám lòng nhi-nữ cũng xiêu anh-hùng.”*

Chỉ ngần ấy chữ ngắn gọn cũng đủ cho thấy cuộc sống, tâm-trạng, và thế giá của nàng. Mục-đích là tả Từ, mà một vài nét gọn lên đủ để thoáng thấy bóng dáng Thuý Kiều. Lối hư tả vẫn là cái sở-trường trong phép tả người diêu-xảo của nhà thơ.

2.2- Về văn chương tả người, nghệ-thuật của Nguyễn Du vẫn không mất đi vẻ đẹp cố-hữu do cái biệt-tài sử-dụng từ-hoa cú-cách:

a) *Vấn lối tỉ-lệ*, tác-giả đem màu sắc thiên-nhiên để tả chân-dung:

“Râu hùm, hàm én mày ngài”.

b) *Vấn lối điển-cổ* mà cách dùng giản-dị thoát ý, tác-giả không làm tối nghĩa câu văn, trái lại khiến cho lời gọn mà ý tỏ:

*“Giang hồ quen thú vẫy-vùng,
Gươm giàng nửa gánh non sông một chèo”.*

Đọc hai câu thơ ấy, ai biết được rằng đó là câu thơ phóng tác, mượn ý thơ của loạn-tướng Hoàng Sào đời Đường?

“Bán kiên cung kiếm bằng thiên tủng,
Nhất trạo giang sơn tận địa duy”

c) *Vấn lối thậm xưng* khi tả Kiều, Vân, tác-giả đã phóng bút nét vẽ để làm nổi bật thân hình cao lớn với dáng đắp hùng-dũng oai-phong của Từ Hải:

“*Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.*”

d) *Vấn lối đảo-trang*, tác-giả kích-thích được sự chú ý của người đọc khi đặt lên đầu câu những từ-ngữ chủ-yếu gợi hình:

* Hai tiếng “*giang-hồ*” đặt trước cho ta thấy rõ ngay cuộc sống phiêu-bạt với tính mạo-hiểm của một người ưa đời sống nay đó mai đây.

* Hai tiếng “*đội trời*” đặt ở đầu câu cho ta hình-dung ngay khí thế ngang-tàng với vẻ lẫm-liệt hiên-ngang của một kẻ “*dọc ngang nào biết trên đầu có ai*”.

Kết-luận:

Khi thực-tả, lúc hư-tả, với lối hành văn dễ-dãi mà trau-chuốt, Nguyễn-Du đã dựng nên nhân-vật toàn-hảo tóm-tắt đầy-đủ cuộc đời trong mai hậu, nói lên được phần nào cái cốt-cách, niềm mơ ước của thi-nhân. Lại chỉ cần hơn mười câu thơ lục bát thông-thường. Phi biệt-tài, khó mà thành-công đến như vậy.

Song thực sự Từ-Hải có xứng là mẫu người anh-hùng lý-tưởng, phải chờ đến quyết-định của người hùng này khi nghe lời Kiều khuyên chàng về đầu hàng, ta mới thấy quả là điều thắc-mắc và vấn-nạn khi ấy mới được sáng tỏ.

(1) **Chú-thích:** Theo tác-giả Lê Hữu-Mục: “Guom đàn nửa gánh, có thể là chữ ‘giàng’ (cái cung) của miền Trung. Chữ ‘giàng’ rất dễ làm chữ ‘đàn’ đọc âm cuối theo âm-hưởng miền Trung. Chúng tôi vẫn duy trì chữ ‘đàn’ theo ý muốn của chị Nhung cũng như

chúng tôi vẫn suy nghĩ về chữ ‘đàn’ hay ‘giàng’ bí-hiểm này” (tr. 38 Truyện Kiều Và Tuổi Trẻ, Lê hữu-Mục, Phạm thị- Nhung, Đặng Quốc-Cơ) và theo đồng tác-giả Đặng Quốc-Cơ: “Chữ ‘*giàng*’ rất thông dụng vào thế-kỷ 17, 18, nhất là ở miền Trung, *hiện nay từ này còn rất phổ-thông ở miền quê*. Cũng có thể hiểu ‘đàn’ là một nhạc cụ, nhưng ở đây có thể biến thành vũ-khí lợi hại nhờ nội-công của kiếm khách sử-dụng cây đàn ấy.” (sách đã dẫn, tr. 453,).

Chúng tôi thiển-ngĩ, trừ phi có sự khác biệt hiển nhiên giữa hai chữ này, còn nếu quả như nhà nôm-học Lê Hữu-Mục đã ghi nhận, **âm hưởng của chữ giàng và đàn dễ lẫn lộn**, thì một cách hợp lý, nên dùng chữ ‘giàng’ là **tiếng hiện còn thông dụng ở miền Trung**, vì:

a) Nguyễn Du người gốc miền này, ắt phải quen sử-dụng ngôn-ngữ của địa-phương mình ở.

b) Và như vậy, ‘giàng’ (hay cung) và ‘gươm’ (hay kiếm) thì sát với nguyên-ý “cung kiếm” trong câu thơ của Hoàng Sào.

c) Không một câu thơ nào cho biết Từ Hải sở-trường về âm nhạc và ưa thích gảy đàn. Suốt thời-gian chung sống với họ Từ, chưa hề thấy Kiều gảy đàn cho Từ Hải nghe bao giờ. Cầm, kỳ, thi, hoạ là bốn thú tiêu khiển cố-hữu của văn-nhân. Tuy với Thúc-sinh, vốn “*nòi thư-hương*”, nàng cũng “*Bàn vầy điểm nước, đường tơ hoà đàn*”, song duy nhất chỉ có Kim Trọng là cùng với Kiều được như Tử Kỳ và Bá Nha sánh vai. Chàng thư-sinh này đã lấy cây đàn nguyệt của mình mà mời Kiều tấu nhạc trong buổi thề nguyên đêm trăng:

*“Hiên sau treo sẵn cầm trăng,
Vội-vàng Sinh đã tay nâng ngang mày”*

Cũng chính cây đàn này trước đó bị bỏ quên, chỉ vì tương-tư giai-nhân “*mặt, mơ tưởng mặt; lòng, ngao-ngán lòng*” mà “*sầu đong càng gạc càng đầy*” nên chàng để cho:

*“Phòng vãn hơi giá như đông,
Trúc se ngọn thỏ, tơ chùng phím loan”*

Cũng chính cây đàn này và cây đàn Kiều để lại mà chàng Kim làm theo lời Kiều dặn em gái: *“Mai sau dầu có bao giờ, đốt lò hương ấy so tơ phím này”*. Chắp nối duyên Vân, chàng vẫn: *“nổi nằng nhớ đến bao giờ, tuôn châu đòi trận, vò tơ trăm vòng”*, nên những khi *“văng-vẻ thư-phòng”* chàng lại *“đốt lò hương, giở phím đồng ngày xưa”*.

Và cũng chính cây đàn ấy mà sau này chàng thư sinh họ Kim lại khấn-khoản được nghe lại tiếng đàn Kiều trong ngày tái ngộ:

*“Tình xưa lai-láng khôn hàn,
Thong-dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.”*

Cây đàn của chàng thư-sinh này không bao giờ vô dụng.

d) Ngay chính tác-giả Phạm Thị-Nhung cũng viết: *“Khi đưa thơ Hoàng Sào vào tác-phẩm, Nguyễn Du đã thêm cho Từ Hải một cây đàn. Tác-giả Đ.T.T.T. cố tình thay chữ ‘cung’, một võ khí thành chữ ‘đàn’ một nhạc-cụ, với dụng ý nghệ-sĩ-hoá nhân vật Từ Hải của ông.”* (trang 208, sách đã dẫn).

Căn cứ vào đâu để bảo rằng Nguyễn Du thay ‘cung’ bằng ‘đàn’? Nguyễn Du hay là chính kẻ hậu-sinh chúng ta, vì muốn tạo sự trùng hợp khít-khoá giữa tác-giả và nhân vật, nên đã tìm phương-tiện để đạt cứu-cánh mà dụng ý nghệ-sĩ-hoá nhân vật?

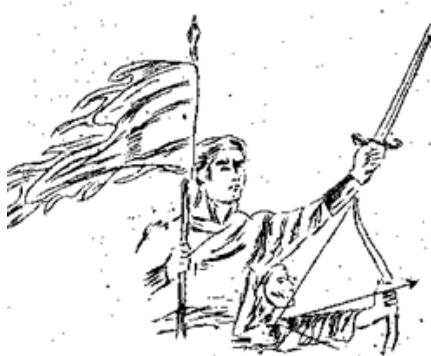
Đồng ý rằng Từ Hải có tâm-hồn nghệ-sĩ, song không phải vì vậy mà gán cho chàng ham thích gảy đàn đến nỗi đi đâu cũng kè kè cây đàn với thanh gươm cốt để nghệ-sĩ-hoá nhân-vật. Thế thì cây đàn này để mốc và để làm cảnh mà thôi, vì chưa bao giờ thấy Từ-Hải gảy đàn hay ít ra cũng để cho Kiều mượn mà tấu cho chàng nghe hay cho một mình nàng giải khuây.

Đây chẳng qua là cách suy diễn của người hậu-thế, theo chủ-quan thiên-kiến của mình, lâu đời thành thói quen vẫn gọi là ‘gươm

đàn', nên ta cố biện-hộ cho việc gán ép từ-ngữ này đã thành thông-dụng. Và cũng vì vậy nên để dung-hoà, *tác giả Đặng Quốc-Cơ mới giả-thiết nhạc cụ 'đàn' biến thành võ-khí do nội công của kiếm khách sử dụng*, một cách giải-thích cốt cho được đề-huê khỏi mất công biện-luận, cũng như tác-giả Lê Hữu-Mục không biện-luận chỉ vì "chiều ý muốn" của người đồng-nghiep mặc dầu ông vẫn áy-náy không an tâm vì ông còn "*vẫn suy nghĩ về chữ 'đàn' hay 'giàng' bí-hiểm này*". Và lại, ống sáo biến thành võ-khí nghe còn xuôi tai, chứ cây đàn mà biến thành một thứ vũ-khí như 'cung nỏ' lợi hại e rằng có phần nào cưỡng-ép.

Thiết nghĩ người thích nhạc đàn hay biết thưởng-thức nhạc đàn là người có tâm hồn nghệ-sĩ, nhưng không bắt buộc bất cứ ai có tâm-hồn nghệ-sĩ đều phải biết chơi đàn. Nhạc khí không phải là điều-kiện ắt có và đủ để làm nên người có tâm-hồn nghệ-sĩ. "*Giang hồ quen thú vẫy-vùng*" với "*nửa gánh non sông một chèo*", ngàn ấy thôi cũng đủ để cho ta thấy nhân vật là một lãng-tử thích phiêu-lưu, hay nói khác, ít nhiều có tâm-hồn của một nghệ-sĩ, cần chi phải cố gán thêm một từ khác, mà chưa chắc đã hẳn là ý của tác-giả, cốt để nghệ-sĩ-hoá nhân-vật của ông.

Cho nên việc nghệ-sĩ-hoá nhân-vật là điều không cần-thiết và không trung-thực, đó chỉ là một sự gán ép cho văn-bút của tác-giả mà thôi.



9- KIỀU NHỚ NHÀ KHI LẤY TỪ-HẢI

Từ khi được Từ-Hải chuộc ra khỏi hành-viện Châu-Thai, Kiều những tưởng sẽ mãi mãi cùng chàng chung hưởng hạnh-phúc ấm-êm, nào ngờ “*nửa năm hương lửa đương nồng, trượng-phu thoát đã động lòng bốn phương*”. Chàng từ-giã ra đi lập nghiệp hiển-hách. Kiều một mực: “*Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi*”. Song đối với chàng thì “*theo càng thêm bận biết là đi đâu*”, nên đã khuyên nàng “*đành lòng chờ đó ít lâu, chầy chẵng là một, năm sau với gì!*” Chàng chỉ muốn rằng ngày mai khi công thành danh toại, sự-nghiệp hiển-hách và khi đã “*làm cho rõ mặt phi-thường*”, bấy giờ chàng sẽ trở về nghinh hôn. Thế là Kiều đành ở lại cô-đơn.

Trong cô-đơn huu-quạnh, trở về sống với tâm-tư, Kiều tưởng xa nghĩ gần, lòng man-mác mới sầu xa quê, nhớ cha mẹ, nhớ tình-quân, thêm nổi canh-cánh mong chồng trở về sum-hợp:

- 2231- *Nàng thì chiếc bóng song mai,
Đêm thâu đằng-đẵng nhật cái then mây,
Sân rêu chẳng vẽ dấu gầy,
Cỏ cao hơn thước liễu gầy vài phân.*
- 2235- *Đoái thương muôn dặm tử phần,
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.
Xót thay huyên cỗi xuân già,
Tấm lòng thương nhớ biết là có người,
Chốc là mười mấy năm trời,*
- 2240- *Còn ra khi đã da mồi tóc sương.
Tiếc thay chút nghĩa cũ-càng,
Dấu lia ngó ý, còn vương tơ lòng.
Duyên em đầu nổi chỉ hồng,*

*May ra khi đã tay bằng tay mang.
2245- Tắc lòng cố quốc tha hương,
Đường kia nổi nọ ngổn-ngang bời bời,
Cánh hồng bay bổng tuyệt-vời,
Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm.*

I- BÀI THƠ MAN-MÁC TÌNH HOÀI

Ngoại trừ bốn câu đầu dẫn-khởi, đoạn thơ man-mác tình hoài. Ngổn-ngang sầu nhớ, tâm-tình Kiều hiện rõ nhiều sắc-thái.

1) Trước hết là sự diễn-biến song song giữa tình cha mẹ và tình đối với chàng Kim. Điềm lại lần nhớ nhà trước đây, đối chiếu với lần này, ta nhận thấy trong khi tình-cảm đối với song thân ngày càng sâu đậm thì tình nàng đối với Kim-Trọng xem ra ngày càng nhạt phai. Một đằng tăng-triển bộc-phát, một đằng biến chất giảm suy. Sự diễn-biến song nghịch giữa hai tình-cảm ấy còn được cất nghĩa bởi chính sự dị-biệt về bản-chất của nó.

a) Một bên là tình-cảm đối với cha mẹ do bẩm-sinh mà có. Nó phát-triển trong tiềm-ẩn, mà không bộc lộ rõ-ràng, đến với ta một cách tự-nhiên mà ta không hay, tiềm-sinh tăng-triển và chỉ thể-hiện rõ-rệt sâu-sắc khi phải xa cách biệt-ly. Nó triển-nở và bền-vững với thời-gian, càng ngày người ta càng thấy mến thương cha mẹ, càng xa cách càng gian-nan người ta càng tưởng nghĩ đến đấng sinh-thành và nhất là lúc phải vĩnh-biệt song thân, thì dù thế nào chăng nữa, người ta cũng không thể nào dửng-dưng, lúc ấy tình yêu tha-thiết, niềm xót thương chân-thành mãnh-liệt hơn bao giờ hết.

b) Một bên, trái lại, là tình-cảm đối với tình-nhân, thứ tình trai gái ấy trong nhất thời mà có. Nó đến với ta ở một tuổi nào đó của cuộc đời. Nó phát-khởi bộc-lộ mạnh-mẽ nhiều khi đến cuồng-phóng đam-mê, đến với ta tình-cờ do hoàn-cảnh thời-gian xui khiến. Nó thể-hiện rõ-rệt ngay từ lúc khởi-phát và dễ biến-chất với

tháng năm, hoặc là lu mờ tàn phai, hoặc là đổi tình sang nghĩa. Nếu không có quan-niệm vững-vàng, thì càng xa cách, càng gian-truân, hoàn-cảnh càng dễ khiến người ta quên lãng; dù không thể dứt hẳn, song chỉ còn là những vết mờ in dấu.

* Bởi vậy, ở đây, nhắc tới tình-quân người cũ, chỉ còn là nhắc tới *“chút nghĩa cũ-càng”* và dù cho còn vương-vấn tình xưa, thì nay cũng chỉ còn là *“tơ lòng”* mong-manh:

“Tiếc thay chút nghĩa cũ-càng,
Dấu lìa ngó ý còn vương tơ lòng.”

* Bởi vậy, khi gặp Thúc-Sinh thì mặn nồng tha-thiết, *“miệt-mài truy hoan”*, phải xa Thúc-Sinh thì

*“Vàng trắng ai sẽ làm đôi,
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường”*.

Song đến khi gặp chàng họ Từ, thì Thúc-Sinh không còn là mối bận lòng sâu nhớ, dù cho rằng trong giây phút “buồn tình mình lại gặp mình” như ở đây, Kiều cũng không còn nhắc tới Thúc-Sinh người cũ, nhưng là mong ngóng người hôm nay đang phiêu-bạt nơi phương trời xa tít:

*“Cánh hồng bay bổng tuyệt-vời,
Đã mòn con mắt phương trời dăm dăm”*.

2) Kiều mong chờ khắc-khoải ngày về của Từ-Hải, song tình đối với Từ cũng như đối với Thúc không giống như tình yêu đối với Kim-Trọng

a) Đối với Kim-Trọng, nó đượm cái vẻ sôi nổi chân-thành của mối tình đầu duyên-dáng, mối tình thơ mộng điểm-huyền của tuổi xuân phơi-phới nơi một tâm-hồn lãng-mạn bông-bột với những cử-chỉ táo-bạo đam-mê, cuồng-phóng vì lửa tình bốc cháy vẻ sáng yêu đời.

b) Đối với Thúc-Sinh, Từ-Hải, nó đượm cái vẻ nồng-nàn của một mối tình quuyến-luyến, tương-đắc trong cõi lòng đã từng

tê-tái đốn-đau. Nuôi tình đầu trong mộng tưởng, hoa tình chưa nở, nụ tình đã rơi. Khao-khát mà không trọn hưởng, lại náo-nùng vì cuộc đời lăn-lóc phong sương, không nguồn an-ủi niềm thương, chỉ biết tủi thầm vì: “Ai tri-âm đó mặn-mà với ai?”

* Bởi vậy, giữa chốn địa-ngục trần-gian, với lòng thương yêu chân thực và say đắm, Thúc-Sinh quả là một cứu-tình đối với nàng Kiều. Với nhận-xét tinh-tế hiểu được giá-trị của một nàng Kiều khác thường giữa nơi ô-trọc, và với lượng cả bao-dong, *Từ-Hải quả là một ân-nhân tri-kỷ* đối với người cô-nữ. Họ đến đúng lúc để sưởi ấm cõi lòng hoang lạnh cô-đơn. Đối với cả hai người, tình đều gắn bó mặn-mà, một đàng quyến-luyến thiết-tha, một đàng cảm-phục trọng mến, song cũng vẫn không khác nhau trong tính-chất. Nó còn vương mắc cái *vẻ suy tính đắn-đo*. Đó là những mối tình *không viễn-vông huyền-ảo, nhưng thiết-thực nhìn thẳng vào một tương-lai tốt đẹp mà lý-trí cùng kinh-nghiệm và hoàn-cảnh đã giữ phần tạo dựng, thúc đẩy*.

* Bởi vậy, đối với Kim-Trọng, tình tuy nhạt song không phải vì thế mà có thể đặt Thúc-Sinh, Từ-Hải hơn hẳn Kim-Trọng. Vì một đàng bông-bột sôi nổi do mộng tưởng, một đàng trầm-tĩnh hiền-hoà do thực-tế nảy sinh. Hoàn-toàn từ con tim, tình đối với Kim-Trọng ngút bốc rồi dịu dần, nhưng không tắt ngấm.

*Nó không có nghĩa “hoàn lương” như đối với Thúc-Sinh, không mang ơn tri-ngộ như với Từ-Hải. Tuy chỉ còn là dư-vị của men tình đã hủ, song nó vẫn còn cái vẻ quý giá của hương sắc đầu mùa. Mỗi đàng mỗi vẻ, đối với Kim-Trọng, tình của Kiều có vẻ đẹp của hương thơm thanh-khiết **tinh-tuyền**. Đối với Thúc-Sinh, Từ-Hải, tình của nàng có vẻ đẹp của hương thơm **tinh-luyến**.*

Nó mờ phai so với tình yêu cha mẹ, song vẫn trường-diễm so với tình Thúc, Từ là những kẻ đến sau. Cho nên suốt mười lăm năm đoạn-trường xa cách, cứ mỗi lần trầm-tưởng sầu tư là mỗi lần, dù đậm dù phai, kỷ-niệm diễm-lệ của tình xuân lại sống dậy trong

tâm trí. Những hình-ảnh Thúc Từ không phải là không khắc sâu trong tâm-khảm của người tình chịu ơn trên bước phong-trần. Hai mối tình ấy đã nảy nở trong vực thăm trầm-luân, tràn đầy lệ tủi. Nó mang dấu vết của một đời hy-sinh đắt giá.

3) Song có một điều ta không thể bỏ qua, là trong những lần nhớ nhà, từ khi ở Ngung-Bích đến nay, hầu như lần nào Kiều cũng không quên nhắc tới cố-hương.

Tình Kiều đối với cố-hương không phải là kém đậm-đà thấm-thiết, nhất là ở đây, lần này Kiều đã nhắc tới làng xưa chốn cũ nhiều hơn, nhắc tới hai lần. Quê hương đối với nàng như một phần của cuộc sống, Bởi vì quê hương là nguồn mạch của tình thương yêu mến, mà nơi đây có cha mẹ già, có người yêu cũ, có em gái dịu-dàng. Bởi vì hoài hương vẫn là niềm mong-mỏi thiết-tha từng ấp-ủ trong lòng người lữ-thứ. Nhất là lần này, niềm mong-mỏi ấy đã gặp cơ-hội tốt lành giúp nàng có thể toại ý. Với Từ-Hải từng làm nghiêng trời lệch đất mà “*Tấn-Dương lại thấy mây rồng có phen*”, làm sao Kiều không hy-vọng tràn-trề sẽ được chàng giúp trở về chốn xưa? Điều ấy, Kiều tin chắc-chắn. Niềm tin mong ấy được bộc lộ qua việc khuyên Từ-Hải về hàng. Muốn chàng về hàng là muốn:

*“Công tư vẹn cả hai bề,
Dần-dà rồi sẽ liệu về cố-hương.
Cũng ngôi mệnh-phụ đường đường,
Nở-nang mày mặt, rõ-ràng mẹ cha.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Một là đắc hiếu, hai là đắc trung.”*

Nếu với Thúc-Sinh, Kiều tỏ ra khôn ngoan muốn tránh cái dơ-dáng đại hình của cảnh “*lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh*”, thì với Từ-Hải, Kiều tỏ ra khát vọng tìm về nơi cố-quận.

Nhất là chính miệng Từ-Hải cũng đã từng thổ-lộ cái ý-định sẽ giúp nàng trở về đoàn-viên:

“Xót nàng còn chút song thân,

*Bấy lâu kẻ Tấn, người Tần cách xa,
Sao cho muôn dặm một nhà,
Cho người thấy mặt là ta cam lòng.”*

Bởi thế, làm gì mà Kiều chẳng hy-vọng, làm gì mà Kiều không tin-tưởng, một niềm tin mong mãnh-liệt. Cho nên ta cũng chẳng lạ gì trong lần nhớ nhà này, trước sau Kiều đều nhắc tới cố-hương. Bố-cục của đoạn thơ cũng đã diễn-tả phần nào: Ôm ở giữa hình-ảnh cha mẹ, em gái, chàng Kim, hình-ảnh cố-hương bọc kín lấy làm như từ đầu đến cuối, bài thơ chỉ toàn là một hình ảnh làng quê duy-nhất, ẩn-hiện đằng sau là những người thân yêu. *Tình đối với cha mẹ thì sâu đậm, tình đối với cố-hương bàng-bạc suốt cả bài thơ.*

4) Nhớ cha mẹ, nhớ cố-hương, nhớ Kim, Vân, tâm-tình ấy đã được nhà thơ phô-diễn phù-hợp với ngàn ấy tiến-triển của tháng năm. **Tâm-tình ấy vẫn mang được tính thời-gian.** Hơn mọi lần trước, lần này nhắc tới mẹ cha, em gái, nàng nghĩ rằng:

Cha mẹ chắc không còn sống, dù có còn chăng, thì có lẽ cũng đã da mồi tóc bạc:

“Còn ra khi đã da mồi tóc sương”

Em Vân nếu chấp duyên Kim, may ra có khi cũng đã con bé con bông:

“Duyên em đầu nối chỉ hồng,

May ra khi đã tay bông tay mang.”

Trong khi ở các lần trước, Kiều chỉ nhắc tới nào *“biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi”*, nào *“trân cam ai kẻ đỡ thay việc mình”* và *“hoa kia đã chấp cành này cho chưa?”* Bởi vì Kiều xa quê cũng đã lâu, kiếp đoạn-trường cũng đã kéo dài, thăm-thoát đã thấy qua đi cũng mười mấy năm rồi:

“Chốc là mười mấy năm trời.”

Thời-gian qua đi, thì giòng đời chuyển biến, việc đời phải có nhiều đổi thay, cho nên xa quê lâu như vậy, nhớ cha mẹ mà nghĩ rằng các người chắc chỉ còn sống, nhớ em gái mà đoán rằng không

chừng em đã có hai con. Tưởng như vậy là hợp lý; ở mỗi giai-đoạn của giòng đời, sự tưởng nghĩ cũng đổi biến theo.

II- BÀI THƠ ĐẠN DỆT BẰNG BÚT-PHÁP TUYỆT-VỜI

1) Trước hết là nghệ-thuật miêu-tả

Chỉ với bốn câu đầu dẫn khởi vào bài cũng đủ cho thấy giá-trị nghệ-thuật miêu-tả của Nguyễn Du:

a) Hai câu đầu hình-dung nhân-vật. Hai câu sau phác-hoạ khung cảnh. Cảnh có hai đặc-điểm: vắng-vẻ không một bóng người, chỉ thấy ngoài sân rêu xanh phủ kín chẳng để lại một dấu giày, vết bước, khách bên ngoài không kẻ qua lại tới lui, người trong nhà chả buồn ra ngoài dạo sân ngắm cảnh, chăm sóc vườn tược; nhà lại hoang-phế, cỏ mọc cao bằng đầu, chen lấn cả liễu đến nỗi “*liễu gầy vài phân*”. Cảnh ở đây ghi rõ được mọi trạng-thái sinh-hoạt ở trong và bên ngoài. Cảnh ở đây phù-hợp với con người vốn âm-thầm thao-thức, ôm mối buồn tủi cô-đơn.

b) Phải, Kiều cô-đơn một thân một bóng nơi phòng khuê, Kiều sống âm-thầm trong đêm dài thao-thức. Cõi lòng nàng thực cũng tiêu-diêu trống-trải không nguồn ủi-an như cái thê-lương hưu-quạnh của cảnh-tượng xung quanh. Cõi lòng nàng thực cũng ngổn-ngang sầu tủi nhớ mong như cái tan hoang bữa-bộn của cảnh-vật bên ngoài, với cỏ mọc um-tùm cao vượt, với rêu xanh lấp kín đầy vườn. Nội-tâm ngoại-giới phù-hợp tương-xứng. Cảnh đã tự giúp nói lên tâm-tình. Tình làm tăng thêm cho vẻ đìu-hiu của cảnh. Cảnh tình mật-thiết tương-quan.

2) Nghệ-thuật hành văn

Bài thơ đan lời dệt ý thật linh-hoạt, tinh-xảo và bóng-bẩy:

a) *Bóng-bẩy là nhờ từ-hoa:*

Kiều xa Kim Trọng mà tình không dứt, dù chỉ là vương-vấn mong-manh, cũng như ngó sen kia tuy lìa đoạn song vẫn còn liên-kết bởi những sợi tơ mỏng-mảnh. Ngó ý tơ lòng là một *ám-tử*. Lời thơ đẹp thêm ở phép *tiểu-đối* trong câu: ngó ý đối với tơ lòng; tơ ngó, lòng ý, dẫu lìa mà vẫn không chia. Cũng là *một ám-tử* nữa khi ta gặp lối tả: da mồi tóc sương, da trở lốm-đốm đôi-môi, tóc bạc trắng toát như sương.

Đến như Từ-Hải chí-khí hiên-ngang, dám dứt nguồn ân-ái chứa-chan, không màng tình nhi-nữ ra đi hải-hồ ngang dọc, lập nghiệp anh-hùng mà ví với chim hồng-hộc tung cánh vút tận trời cao thì tưởng sự biểu-trung vô cùng xứng-hợp. Còn Kiều nhi vốn có vóc dáng mảnh-khảnh của “mai cốt cách” mà đem sánh với thân liễu không phải là kém gọi hình. “*Liều gãy vài phần*”, liễu đây trở nàng Kiều vóc dáng tiều-tụy vì xa vắng tương-tư. “*Cánh hồng bay bổng*”, hồng đây ám chỉ Từ-Hải. Liễu, Hồng là những hình-ảnh được nhân-cách-hoá. Thân liễu mềm yếu trợ-vơ đối với cánh chim hồng-hộc uy-hùng lướt gió. Hình-ảnh linh-động ở chỗ vừa xứng-hợp lại vừa tương-phản.

Thằng hoặc có một điển-cổ, thì sự dùng điển ở đây không là một sự lạm-dụng mà biến thành một mỹ-từ. Điển ấy đã được Việt-hoá giản-dị một cách dễ hiểu ở tính-cách gọi-hình và ý thơ minh-bạch:

“*Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.*”

Không cần đếm xỉa đến chữ “Tần” người đọc đã mừng-tượng được nhờ ở câu “*theo ngọn mây xa xa*”. Không cần biết đến lời thơ của Hàn-Dũ, người đọc đã thấy ngay được mối tình hoài-hương nhờ ở hai chữ “*hồn quê*”. Nhìn theo áng mây trôi về nơi phương xa kia, hồn những mơ-màng tưởng tới chốn quê hương yêu dấu. Lời vừa dễ hiểu, mà tứ lại có phần dồi-dào hơn. Dùng điển như vậy là khéo-léo.

b) Tính-xảo là nhờ sử-dụng từ-ngữ chuẩn-xác

Liễu đã gầy ốm, mắt ngóng trông đã mỏi-mòn. Những chữ “*gầy, mòn*” xứng hợp với phép nhân-cách-hoá lại cực tả được vẻ đáng tiều-tụy cùng tâm-trạng bồi-hồi nóng ruột của kẻ đặng-đặng chờ mong. Hai chữ “*gầy, mòn*” đi với Thuý-Kiều đặt bên câu “*cánh hồng bay bổng*” thì quả là lời xinh ý đẹp.

c) Bút-pháp linh-hoạt vì đã khéo-léo đẩy đưa khi sử-dụng văn-thể:

Kiểm-điểm lại từ lúc ở lầu Ngưng-Bích đến nay, trước đây không lần nào Kiều không cật-vấn thở-than.

- Ở lầu Ngưng-Bích thì:
 - * “*Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?*”
- Ở thanh-lâu lại càng đôn-dập vọng hỏi:
 - * “*Biết đâu thân phận con ra thế này?*”
 - * “*Trần cam, ai kẻ đỡ thay việc mình?*”
 - * “*Xa-xôi ai có thấu tình chăng ai?*”
 - * “*Hoa kia đã chấp cành này cho chưa?*”
- Khi lấy Thúc-Sinh, cũng vẫn một tâm-trạng và một giọng điệu ấy:
 - * “*Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi?*”
 - * “*Nào lời non nước nào lời sắt son?*”
 - * “*Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chăng?*”
 - * “*Thân sao lăm nổi bất bằng,*
Liều như cung Quảng ả Hằng, nghĩ nao?”

Càng về sau, càng tận-dụng thể cật-vấn, giọng than càng thống-thiết bi-ai, tố-cáo ở nàng một tâm-sự ngày càng khổ-não vì cảnh-ngộ ngày càng chua xót đắng cay. Trái lại, lần này, tuyệt-nhiên không dùng thể cật-vấn, mà hành văn theo thể hoài-nghi:

* “*Còn ra, khi đã da mồi tóc sương.*”

* “*May ra, khi đã tay bồng tay mang*”

Giọng văn đã bớt phần thảm-thiết, mang mang tính-cách bình-thản êm-đềm, cái bình-thản của người ấp-ủ niềm tin mong toại-ý, đang mừng-tượng vẽ ra trước mắt một khung cảnh tươi đẹp mừng-rỡ sẽ xảy ra khi sắp trở về chốn xưa. Sự khác biệt của lối hành văn cũng như sự thay đổi của giọng nói đã tỏ rõ được biến-chuyển của tâm-trạng trước sự đổi khác của hoàn-cảnh.

Ngày xưa ở Ngưng-Bích, thanh-lâu và ở với Thúc-Sinh, Kiều chưa an-phận, mà còn đầy-dẫy những chông gai giăng mắc trên đường đi. Ngày nay, gặp Từ-Hải, thanh-lâu đã thoát, hạnh-phúc đang nắm, khổ sở đã qua, tương-lai còn nhiều hứa-hẹn. Phận nàng giờ đã tạm an. Mượn từ để diễn tứ đã đành, mượn cả thể văn giọng nói để phơi bày trạng-thái của tâm-tình, cảnh-ngộ, sử-dụng bút-pháp như thế chẳng là thần-diệu hay sao?

Nhất là sự điều-hoà êm-ái của âm-tiết, càng khiến cho văn thêm hoạt, tứ thêm giàu. Hầu như vốn là sở-trường của Nguyễn-Du trong việc sử-dụng những tiếng điệp-thanh điệp-ngữ dồi-dào âm-diệu: *đăng-đăng*, *xa xa*, *bời bời*, *đăm đăm*.

Với hai chữ “*đăng-đăng*”, người ta thấy tất cả cái vẻ trần-trọc khắc-khoải của một đêm dài thao-thức mà thời-khắc như dừng đứng không trôi. Với hai chữ “*xa xa*”, người ta thấy hiện ra trước mắt cả một phương trời bàng-bạc mệnh-mông mơ-hồ bất-định. Với hai chữ “*bời bời*” thì như cả một nguồn suy-tư phức-tạp đang cuồn-cuộn quay-cuồng trong biển lòng tràn ngập nhớ mong.

Đến hai chữ “*đăm-đăm*” thì tất cả nỗi lòng sôi ruột vì chờ mong ngóng đợi như tràn hiện trên vẻ dáng của người cô-nữ. Với những từ-ngữ ấy, ý-nghĩa thêm nổi bật, hình nét thêm dịu-dàng duyên-dáng, âm-hưởng thêm dồi-dào vì ngân vang. Bài thơ trở nên như một bản nhạc êm-ái du-dương.

Kết-luận:

Mười lăm năm lạc bước giang-hồ, vọng về quê cũ, cả năm lần, lần nào cũng vẫn những hình-ảnh ấy, tâm-tình ấy, song tâm-trạng mỗi lần mỗi đổi khác. Tâm-tình diễn-biến cùng với hoàn-cảnh đổi thay phù-hợp với thời-gian tiến bước. Ở mỗi lần Kiều nhớ nhà, người đọc đều có những cảm-xúc khác-biệt.

Lời văn không nhai lại, giọng thơ không độc-điệu, nhưng văn-từ dồi-dào thay đổi, giọng thơ luôn luôn biến điệu. Giàu từ, tích ý, mỗi bài thơ là một kiến-trúc khác màu, khác vẻ nhưng toàn-bích. Tả cho tuyệt-kỹ một lần đã khó.

Cũng vẫn là tình hồi tưởng ai-hoài, sầu mong hận tiếc, tả tới năm lần mà đều tuyệt-diệu lại càng khó hơn. Không gò-gẫm gượng ép, nhưng tự-nhiên dễ-dãi, bài thơ của Nguyễn-Du quả là thần-cú.

Ngon bút diễn-tả của nhà thơ quả linh-hoạt nhiệm-màu. Nghệ-thuật của tác-giả quả đã đến chỗ siêu-thần nhập- diệu vậy.



*Tác lòng cố quốc tha-hương,
Đường kia nổi nọ ngổn-ngang bồi-bò*

10- NGHỆ THUẬT CỦA NGUYỄN DU

QUA VỤ XỬ ÁN HOẠN THƯ

Một lòng theo chồng nài-nỉ xin đi, nhưng Từ-Hải không thuận, Kiều đành ở lại cô-đơn với mối sầu tư khắc-khoải. Từ khi "*cánh hồng bay bổng tuyệt vời*", thắm-thoát năm tàn tháng lụn mà Kiều thì "*đã mòn con mắt phương trời đăm đăm*", "*đêm ngày luống những âm-thầm*" mong nhớ. Bỗng "*lửa binh đâu đã ầm ầm, ngát trời sát khí*", quân thủy bộ của họ Từ ùn ùn "*kéo đến quanh nhà*", để "*vâng lệnh-chỉ rước châu vu-quy*". Bấy giờ, "*traí anh-hùng, gái thuyền-quyên*" mới "*cùng nhau trông mặt cả cười, dang tay về chốn trướng mai tỵ tình*". Rồi trong một buổi "*thong-dong vui-vầy*", Từ-Hải được nghe Kiều kể lại "*sự ngày hàn-vi*", nhắc tới những ân-nhân, cừu-địch lúc mình còn long-đong lặn-đạn. Chàng "*bất bình dùng dùng*" nổi giận, truyền lệnh "*tuyển tướng nghiêm-quân*", "*chiếu danh tằm nã bắt về hỏi tra*" xét xử. Kiều được trao quyền trả ân báo oán. Ân-nhân được gọi đến trước. Địch-thù thì gọi lên sau.

Đáp ân xong, cuộc báo oán bắt đầu. Thủ-phạm được xét trước là Hoạn-Thư. Ta được chứng-kiến một phiên tòa đặc-biệt. Cả chánh-án lẫn bị-can đều là tình-địch của nhau. Kiều khắt-khe buộc tội Hoạn-Thư. Hoạn-thư biện-hộ cho chính mình. Lời bào-chữa khéo đến nỗi quan tòa phải buộc lòng truyền lệnh tha ngay. Nguyễn-Du kể lại cuộc xử án ấy như thế này:

2355- "*Dưới cờ guơm tuốt nắp ra,*

Chính-danh thủ-phạm tên là Hoạn-Thư.

Thoát trông, nàng đã chào thưa:

Tiểu-thư cũng có bây giờ đến đây!

Đàn bà dễ có mấy tay,

Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan.

Dễ-dàng là thói hồng-nhan,

Càng cay-nghiệt lắm, càng oan-trái nhiều.

Hoạn-Thư hồn lạc phách xiêu,

Khấu đầu dưới trướng giở điều kêu ca,

- Rằng: Tôi chút phận đàn bà,

Ghe tuông thì cũng người ta thường tình,

Nghĩ cho khi Các viết kinh,

Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.

Lòng riêng, riêng cũng kính yêu,

Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai,

Trót lòng gây việc chồng gai,

Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng?

- Khen cho thực đã nên rằng,

Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời,

Tha ra thì cũng may đời,

Làm ra thì cũng ra người nhỏ-nhen,

Đã lòng tri-quá thì nên,

2378- Truyền quân-lệnh xuống trướng-tiền tha ngay".

Lời buộc tội như sét đánh bên tai. Lời biện-minh quả "*khôn ngoan đến mực*". Rõ là văn-chương đối đáp của "*bà già kẻ cắp gặp nhau*": một đằng "*miệng quan có gang có thép*", một đằng dân oan "*nói điều ràng buộc thì tay cũng già*"!

I- Kiều và Hoạn Thư, Bà già kẻ cắp gặp nhau.

Đôi theo gót nàng Kiều trong cuộc hành-trình gian- khổ, ta đã gặp một nàng Kiều khôn-khéo với Thúc-Sinh, nhẫn-nhục trước "*máu ghen lạ đời*" của nàng "*con quan Lại-Bộ*". Kiều đã khôn, nhưng Hoạn-Thư lại còn "*tinh-ma, quý-quái*". Hai địch-thủ ấy, đã từng chạm trán năm xưa, giờ lại bỗng dung đương đầu đối-diện. Hai lần gặp nhau, hai người đều lần-lượt ở cái thế thay bậc đổi ngôi. Xưa kia, bị bà chủ Hoạn-Thư "*bắt khoan, bắt nhặt*", Thuý-Kiều đành âm-thầm cam phận "*hoa-nô*", ngày nay, Thuý-Kiều trên ngai vàng, ngồi xử án Hoạn-Thư, Hoạn-Thư tự biện-hộ. Cuộc đối chất gay-go giữa bị-can với quan tòa lần này mới làm sáng tỏ thêm tâm-lý và thái-độ đôi bên.

1- Thái-độ và tâm-lý Thuý-Kiều

1.1- *Vậy thái-độ của Kiều như thế nào?*

a) Ngồi xét-xử oán ân, Kiều có thái-độ của *một kẻ tự-hào đắc-chí, lúc mềm-mỏng, mĩa-mai, khi cứng rắn, đe dọa*:

* "*Tiểu-thư cũng có bây giờ đến đây!*" Giọng nói mới chanh chua làm sao! Tưởng chừng như được nghe cái giọng dè-bĩu của những người quen lời chửi mát "*mấy khi rờng lại đến nhà tôm!*". Kiều cũng học được cái lối bóng gió xa-xôi ấy. Chào đón-đã như vậy, khác nào như muốn nói: tiểu-thư đài-các như nàng mà cũng còn hạ-cổ đến chốn bần-tiện này ư? Câu nói ấy giá được nghe vào lúc nàng ở thanh-lâu thì rõ là giọng nói chân-tình, song đến khi quyền cao thế lớn như bây giờ, thì rõ ra giọng mĩa-mai hợm-hĩnh. Mà đâu có phải Hoạn-Thư tìm đến, có lẽ Hoạn-Thư không bao giờ và cũng chẳng cần tìm đến, đây là chính Kiều gọi đến, bây giờ lại chính Kiều đối giọng. Thì ra bị gọi đến để cho

nàng mĩa nhiếc. Đứng là giọng của người đắc-thế, một bước lên bà thì cũng lên mặt ta đây. Thái-độ mềm-mỏng ấy như báo trước một cơn đông-tổ phủ-phàng. Nó nguy-hiểm hơn là giận-dữ. Thái-độ ấy kẻ cũng đáng sợ thay! Thái-độ ấy giữa chốn ba quân, "*dưới cờ gương tuốt*", thoát nghe ai là chẳng "*hôn lạc phách xiêu*".

* Ngọt mà vẫn chua, thái-độ Kiều đang từ mềm-mỏng, chột đổi sang cứng rắn:

"Đàn bà dễ có mấy tay,

Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan?

Dễ-dàng là thói hồng-nhan,

Càng cay-nghiệt lắm, càng oan-trái nhiều!"

Thực là đánh thếp gớm-ghe! "*Dễ có mấy tay!*": ở đời đã mấy người được như nàng! Nửa như mắng, nửa như khen. Khen như vậy là khen chết người: ngày xưa có gan độc-ác, "*đầy-đọa*" ta, hỏi bây giờ có còn đủ gan "*cát đầu*", "*trông thấy nhân-tiền*" ta đây quyền uy xét xử? Rõ là thách-thức. Một cuộc thi tài so dạn, một cuộc đối-chất gay-go, hứa-hẹn phân thắng về Kiều, mà cái chết đã nằm chắc trong tay tử-tội số một "*chính danh thủ-phạm tên là Hoạn-Thư*". Ngày xưa "*cay-nghiệt*" bao nhiêu, ngày nay sẽ phải chịu tội bấy nhiêu. Có gan mua chuộc oán này, có gan húng lấy đọa-đày đón-đầu. "*Càng càng cay-nghiệt lắm, càng oan-trái nhiều*". Ai bảo gieo gió thì không đừng gặt bão? Ác giả ác báo. Rõ là đe dọa hết lời! Sắc hơn dao, chắc hơn đinh, lời kết án quả đã như gương sắc kẻ đầu.

b) Trong khí-thế đắc-thắng ấy, Kiều vẫn giữ được sự khéo khôn.

Buộc tội thì phải kẻ tội cho rõ, vạch lỗi cho minh. Tội-trạng có rõ-ràng, thì lời kết án mới công-bằng hữu-lý. Đằng này, Kiều không kể rõ. Nàng chỉ nhắc lướt qua, rằng "*đời xưa mấy mặt*", và đời xưa "*cay-nghiệt lắm*".

Là vì Kiều cũng biết cái đại "vạch áo cho người xem lưng". Hai con người ấy đã từng hiểu nhau quá nhiều. Nếu nói rõ ra thì còn chỉ là thể-diện trước đám quân dân đông-đảo, còn gì là giá-trị của chồng mình "đường đường một đấng anh-hào, côn quyền hơn sức lược thao gồm tài". Chẳng gì nàng cũng đường bệ là một vị phu-nhân có "cung-ngã thể-nữ" hầu-hạ, có "hoa-quan pháp-phối, hà-y rõ-ràng", lẽ nào Kiều lại đem khoe cái xấu của mình ra giữa chốn trung-quân?

Xét ra từ khi gặp chàng Thúc đến nay, Kiều đã nếm thêm bao vị đắng cay chua xót, học thêm bao kinh-nghiệm quá đắt của trường đời, thảo nào mà nàng chẳng khéo khôn đến thế, biết nén giận để đưa lời xỏ ngọt chửi mát nói xa! Thế nhưng dù cho khôn khéo cũng vẫn chưa phải là một tay bán-lĩnh để có thể "*khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời*". Thói thường lửa giận bùng lên là lôi-đỉnh nổi sóng. Kiều giận, nhưng không như ai "*bùng bùng nàng nổi tam bành nàng lên*". Kể thế cũng là thâm. Nhưng chưa được sâu-sắc, vì thâm mà không hiểm, dù không ngùn-ngụt bốc lửa nhưng vẫn còn bộc-lộ ra ở lời mỉa giọng chua, chứ không phải như ai kia:

"Bề ngoài thon-thót nói cười"

Mà trong nham-hiểm giết người không dao"

Giọng thì danh, ý thì thâm mà tình không hiểm-độc. Thái-độ của Kiều tuy đã có vẻ bình-tĩnh nhưng so ra vẫn còn nông-nổi.

1.2- Tâm-lý của Thuý-Kiều

Thái-độ nào, tâm-lý ấy. Chưa chín-chắn thì vẫn còn hời-hợt, cạn nông. Thái-độ ấy tố-cáo rằng lòng Kiều là cả một khối cảm-hòn uất-ức nung nấu từ xưa, tâm của Kiều sục sôi một mối thâm-thù chưa trả, cái mối thù dai-dẳng vẫn chất chứa ủ cất trong tim gan, giờ mới có cơ-hội moi ra giải tỏ. Không thù thì tại sao nhớ kỹ đến thế? đay nghiến xỏ-xiên đến vậy? Không thù thì sao mới "*thoắt trông, nàng đã chào thưa: Tiểu-thư cũng có bây giờ đến đây!*"? Hình như phải vội-vã lên tiếng để cho khối uất

hận bót âm-ức, để cho lòng hả-hê khỏi sự đè nén nguồn cơn.
Mà thực chính thái-độ ấy đã tố-cáo Kiều hả lòng cay-cú, cái
hả dạ của những kẻ "đánh được người thì mặt đỏ như vang,
không đánh được người thì mặt vàng như nghệ". Đây mới là lúc
cởi ruột phơi gan, đây mới là phút hả-hê trả miếng. Mãi đến bây
giờ mới được dịp cãi đáp cho bồ ghét, mãi đến ngày nay
mới được cả cười thấy cừu-nhân chịu trận.

Bởi thù, mới mượn chồng người để mà bóng gió xa-xôi:

"Sâm, Thương chẳng vẹn chữ tòng,

Tại ai, há dám phụ lòng cố-nhân?"

Bởi thù, mới nhấn chồng kẻ tình-địch một lời cảnh-cáo đe
loại:

"Vợ chàng quý-quái tình ma,

Phen này kẻ cấp, bà già gặp nhau."

Thì chính miệng Kiều đã công-khai nói thể khi nàng mời vãi Giác-
Duyên ở lại mà cố ý đưa lời bắn tiếng dọa đe:

"Nàng rằng: Xin hãy đón ngòi,

Xem cho rõ mặt biết tôi báo thù"

Chính vì vậy nên hẳn có người chê Kiều tiểu-nhân ti-tiện.

Phải! thái-độ ấy ai chẳng bảo là việc làm của kẻ tiểu-nhân. Nhưng
Kiều lại là một người đàn bà cũng có những cái thông-thường
vị lợi nói chung, cũng có những nhỏ-nhen tâm thường như bất
cứ ai, nhất lại là một người đàn bà đa-tình mà việc
làm ý nghĩ thường được con tim hướng-dẫn nhiều hơn là lý-trí,
nhất là một kẻ đã từng khổ cực ê-chề, lại đã hơn một lần nuốt
nhục mà vẫn không thê, không biết và cũng không dám thổ-lộ tình
riêng với người gây nên sóng gió, chỉ biết *"ngán-ngờ, rồi bời, tê-*

mê, choáng váng" để đành "cúi đầu nép xuống sân mai một chiều". Cho nên làm gì nàng không tức, làm gì nàng chẳng cỏi lòng hả dạ. Cho nên việc Kiều coi Hoạn-Thư là "thủ-phạm" số một, để rồi sau này lại cho trắng án vô can nhưng vẫn một mực "nội-đạo truyền lệnh" đối với bọn Khuyển, Ưng tiêu-tốt, là việc làm của một kẻ rắp tâm trả thù. Hoạn-Thư hành-hạ Kiều không là thù hay sao? "Tiểu-thư nhìn mặt dường đà cam tâm", cũng là thù cả, có điều là mỗi người thù mỗi khác.

Và chính điều đó đã minh-chứng rằng Kiều còn nông-nổi, thái-độ chưa chín-chắn nói bên trên là kết-quả của một *tâm-lý hồi-hợt chưa thực sâu-sắc già-dặn*. Ước quá, hả lắm, nói cay, lòng Kiều không thư-thái, giọng Kiều không bình-thường, tâm Kiều chưa ở mực thước quân-bình trung-dung. Bởi vậy, chính tâm-lý hồi-hợt ấy đã bộc-lộ rõ-ràng khi Kiều giải-thích lý-do nàng ra lệnh *"tha ngay"* cho *"chính-danh thủ-phạm"*. Tại sao lại tha, trong khi lúc đầu rắp tâm nghiêm-trị? Tha vì *"làm ra thì cũng ra người nhỏ-nhen"*. Thì ra chỉ vì tự-ái, vì sợ mất mặt, vì sợ mang tiếng là kẻ hẹp-hòi nhỏ-nhen. Thoạt đầu, quả có thế, ta bảo nàng nhỏ-nhen ti-tiện. Giờ thì thấy nàng không còn nhỏ-nhen vì nàng biết rằng mình vô lý, thế thì đích là nàng nghĩ chưa thông, suy chưa chín, còn hồi-hợt lắm so với Hoạn-Thư. Hơn nữa, dù có vì thế mà tha chẳng nữa, ai đại gì lại mở miệng nói ra, *"nào ai có khảo mà mình lại xưng"*, nào ai đã hỏi mà *"lạy ông tôi ở bụi này"*, để rồi tránh được tiếng hẹp-hòi trả thù báo oán, thì lại chuốc thêm cái tiếng xử người không theo pháp-Lý nhưng theo tư-tình. Người mà hiềm thường cậy rằng chẳng hờ một câu. Kiều tuy có khôn khéo, có suy tính, nhưng tính chưa chín, suy chưa kỹ, khôn chưa già, tuy có thâm nhưng thâm chưa hiểm, vẫn còn *"ruột để ngoài da"*. Phải qua vụ này ta mới thấy Kiều của Thúc-Sinh hôm xưa biết tính điều hơn lẽ thiệt, tuy đã có tiến -bộ, song vẫn chưa xóa mờ được bản-sắc của kẻ đa cảm đa tình.

2- Thái-độ và tâm-lý Hoạn-Thư

Vậy Hoạn-Thư không biết tình-tứ, lãng-mạn sao? Không, Hoạn-Thư cũng đã từng say khúc tình-ca. Đối với chàng Thúc, nàng vẫn

"Những là cười phấn cợt son,

Đêm khuya chung bóng, trắng tròn sánh vai".

Ai bảo rằng nàng không giàu tình? Nhưng một thứ tình-cảm được quân-bình điều-hòa bởi lý-trí. Tình không phải là bản-sắc đơn-thuần của Hoạn-Thư. Cho nên thái-độ và tâm-lý của nàng cũng khác hơn.

2.1- Thái-độ của Hoạn-Thư:

a) Thái-độ ấy trầm-tĩnh.

Nàng đã biết khiêm-tốn nhún-nhường trước khung cảnh đặng đặng sát khí. Không run sợ đề chối lỗi, Hoạn-Thư mặc-nhiên nhìn-nhận lỗi lầm mà biện-giải ngay động-cơ nào đã xui nên nổi. Một cử-chỉ ấy không thôi, cũng đủ để đáng phục thay con người có bản-lĩnh biết "bụng làm dạ chịu". Nhưng nếu nhận tội đề mà cứng đầu cứng cổ, coi thường khinh-khi, thì quả là đại-dột. Hoạn-thư không thế, nàng đã biết đường lui tới phải chăng, biết hối-hận lỗi lầm gây nên sóng gió mà khiêm-kính thưa rằng: "Trót lòng gây việc chông gai". Đã gây ra tội mà còn chối là người hèn. Run sợ đến nỗi nói chẳng kịp suy, cãi chẳng kịp tính, là người nhát. Tiến không được mà vẫn cứng, là xuân. Uểng này Hoạn-thư đã thản-nhiên mà nhân tội, hối lỗi. Thế là người tuy cứng rắn song cũng biết điều thị phi. Thái-độ ấy chỉ thấy ở nơi người có bản-lĩnh cao-cường, biết điềm-tĩnh để ứng biến tùy cơ. Tiến không xong thì lùi, cương chẳng được thì nhu. Hoạn-Thư như thế là khôn. (a*)

b) Song còn khôn hơn nhiều, nếu ta biết rằng sự khiêm-cung lui tới ấy chỉ là dẫn đến chỗ phủ-nhận tội-trạng, gỡ hết lỗi-lầm. Vẫn điệu-bộ thung-dung bình-thản, với giọng nói nhẹ-nhàng đề mà ti-tê, Hoạn-Thư đã vội vin ngay lấy công ơn đề mà nhắc khéo, kể lẽ tình riêng để mà biện-minh.

* Kể ân thì nhả-nhận khoan thưa:

"Nghĩ cho khi Các viết kinh,

Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo"

Thử hỏi rằng: nếu không được ra Quan-Âm-Các, làm sao Kiều có thể an phận viết kinh? Làm sao Kiều có thể từ đó mà trốn đi dễ-dàng? Thử hỏi rằng: nếu Hoạn-Thư không *"dứt tình chẳng theo"*, liệu Kiều có được ngày hôm nay để chêm-chệ uy-nghi như thế này, hay là vẫn cứ phải bò-hòn ngậm nuốt, mà

"Ra vào theo lũ thanh-y,

Dãi-dầu tóc rối da chì quần bao!"

* *Kẻ tình thì đẩy đưa rón-rén: "Lòng riêng, riêng cũng kính yêu"*. Thực tình, gây nên bão-tổ, nào có phải vì ghét vì khinh, mà chỉ vì *"ghen tuông thì cũng người ta thương tình"*, chứ riêng tôi, lòng tôi vẫn một dạ mến yêu trọng kính. Thì hôm xưa, khi xem tờ cung-chiều của Kiều, Hoạn-Thư đã chẳng từng tỏ tình trọng mến ngay trước mặt chồng và kẻ tình-địch, đó sao? Kiều hẳn còn nhớ rõ đây, lời Hoạn-Thư khen,

"Rằng: tài nên trọng mà tình nên thương,

Vì chẳng có số giàu sang,

Giá này dầu đúc nhà vàng cũng nên.

Bể tràn chìm nổi thuyền-quyên,

Hữu tài thương nổi vô-duyên lạ đời!"

Và ngay cả lúc bắt gặp chàng Thúc tự tình với Kiều nơi Quan-Âm-Các sau này, Hoạn-thư vẫn tỏ lòng đại-lượng bình-thản mà khen chữ viết của nàng,

"Khen rằng: bút-pháp đã tinh,

So vào với thiếp Lan-Đình, nào thua!

Tiếc thay lưu-lạc giang-hồ,

Ngàn vàng thực cũng nên mua lấy tài!"

Quả đúng thực là *"lòng riêng, riêng vẫn kính yêu"*.

Như vậy bảo rằng cay-nghiệt thì cũng quá đáng. Vì giận mà nàng oán thề, chứ tôi nào đâu nên nổi! Đặt vào địa-vị Kiều, chắc hẳn rằng ta cũng thấy mình hơi quá nóng, và lời của Hoạn-Thư kể cũng khá chí tình. Có tội mà cũng có công, có lỗi nhưng vẫn có tình. Thú nhận tội-trang, ăn-năn lỗi lầm mà ra giọng ân-tình kẻ-lẻ, Hoạn-Thư tuy giữ thể thủ mà như đẩy sang thể công. Ai dám bảo Hoạn-Thư hời-hợt? Ai dám bảo Hoạn-Thư chẳng nghĩ không suy?

2.2- Thái-độ ấy phải là thái-độ khởi-phát từ một tâm-lý sâu sắc hơn đời.

Xét theo lý bề ngoài thì giọng ân-tình kẻ-lẻ ấy là giọng khoan thưa rón-rén, mà xét theo tình ý bên trong, ai cảm ta hiểu được rằng đó cũng là lỗi tấn-công bóng gió? Ai ngăn ta hiểu rằng đó cũng là cách Hoạn-Thư "nói mát" lại Thuý-Kiều?

Ban nầy, Kiều bóng gió Hoạn-Thư, thì giờ Hoạn-Thư cũng xỏ ngọt lại Thuý-Kiều:

"Nghĩ cho khi Các viết kinh,

Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo"

Nàng không biết rằng nàng cũng có tội hay sao? "Chân mình đã lấm lê-bê, còn cầm bó đuốc mà rê chân người". Tội nàng còn nặng hơn tội tôi đây nhé! Tội nàng là tội ăn cắp. Còn tôi chỉ có tội ghen, tội bảo-vệ cho tôi, cho chồng tôi và cho chính đời nàng, nàng há chẳng biết hay sao? Ai đã được tôi thi ân mà còn trở mặt trên người? Ai đã tự tình với chồng tôi ở Quan-Âm-Các,

mặc dầu đã được một bài học đích-đáng về tội ăn cướp chồng người? Thì ra tôi đã nuôi ong tay áo! Vậy mà nào tôi có nói chi? Ai đã trốn khỏi nhà tôi, còn đem theo chuông vàng khánh bạc, khuôn đồ vác của mà trèo tường biệt-tích tằm hơi? Thì ra tôi đã giữ kẻ trộm trong nhà! Thế ra tình tôi nặng, nghĩa tôi sâu, nhưng người ta cũng dứt cả tình, quên cả nghĩa! Nào tôi có đuổi theo truy-tầm? Cũng chẳng hé môi hờ rắng lấy một lời trách móc. Thế ra nàng chẳng biết điều tí nào! Tưởng cái lỗi công-kích này, nó còn xiên-xỏ bóng gió đến đâu, nó vẫn không "thắng ruột ngựa" như lỗi "móc máy" của Thuý-Kiều. Quả là sâu-sắc!

Nhưng chưa đủ. Xét cái cách nhận tội ghen tuông, để lái sang khinh-tội, nếu nghĩ cho thật lung, mới thấy là Hoạn-Thư xuống tay một đòn tấn-công ác-liệt:

"Rằng: tôi chút phận đàn bà,

Ghen tuông thì cũng người ta thường tình"

mà đã hằn "*chồng chung*" thì "*chưa dễ ai chiều cho ai?*".

Phải đấy! "*Người ta thường tình*"! Ai mà chẳng ghen? "Ốt nào là ốt chẳng cay, gái nào là gái chẳng hay ghen chồng?" Tôi ghen như vậy còn là nhân-nghĩa, chứ như thói thường, người ta còn ghen ác độc hơn cơ đấy: "Gặp anh, em cũng muốn chào, sợ rằng chị cả giết dao trong người". Nàng không biết lời miệng thế thường nói đó sao? Ở vào địa-vị tôi, hỏi nàng có ghen không? Chắc chắn nàng phải ghen, mà còn ghen nhiều với cái lỗi yêu say yêu đắm ấy, yêu đến không chừa. Thế ra nàng vẫn không biết điều. Nàng muốn tôi để cho nàng được tự-do ân-ái với chồng tôi ư? Nàng muốn tôi chiều nàng để cho nàng yêu cảnh "*chồng chung*" ư? Sao mà dễ thế! Địa-vị nàng như tôi, thấy tình chia sẻ, thấy "*bể ái đầy voi*", hỏi nàng có chịu? Chắc hẳn là không! Mà chẳng cứ nàng, chẳng cứ tôi, người vợ nào ai chẳng thế, "*chưa dễ ai chiều cho ai?*" Thế ra nàng lại càng không biết điều hơn nữa! Hẳn rằng Kiều không thể dối lòng mà phủ-nhận lời Hoạn-Thư nói chí-lý. Hẳn rằng Kiều cũng không thể dối lòng mà quên lời mình đã thú nhận trước kia với chàng Thúc rằng dan-dúi

như thế là phá nát gia-cang của người, là đắc-tội với trời, với lương-tâm:

"Trăm điều ngang ngửa vì tôi,

Thân sau ai chịu tội trời ấy cho?".

Thì trước đây, khi bàn tính với Thúc-Sinh, Kiều đã chẳng từng tiên-liệu Hoạn-Thư tất-nhiên sẽ ghen đó sao?

"Thế trong dầu lớn hơn ngoài,

Trước hàm sư-tử gửi người đằng-la,

Cúi đầu luôn xuống mái nhà,

Giảm chưa lại tội bằng ba lửa nồng".

Và sau này, khi bị Hoạn-Thư bắt quả-tang nàng trò chuyện lén-lút với Thúc-sinh tại Quan-Âm-Các, chính Kiều đã chẳng thừa-nhận cái "*ghen tuông thường tình*" ấy là gì?

"Thực tang, bắt được đường này,

Máu ghen ai cũng chau mày nghiêng rặng"

Cũng khiêu-khích lại, Hoạn-Thư đâu có thua Kiều.

Hoạn-Thư lại còn gỡ tội bằng cách biết khích lòng tự-ái của Thuý-Kiều. Đàn bà ai chẳng tự-ái? Nhất là người đa-cảm như Thuý-Kiều, Hoạn-Thư hiểu rõ quá mà! Người giận mà không hiểm thì con giận sẽ mau nguôi, lửa hờn sẽ chóng nguôi. Hoạn-Thư thừa hiểu tâm-lý Kiều. Nàng giận vì vốn cực khổ lâu nay, vốn được biết nhưng chưa được tận-hưởng cái uy-quyền lớn thế của kẻ cao sang, nay mới lần đầu tiên có danh-giá địa-vị, có kẻ rước người hầu, mới biết thế nào là cái thú "năm ngón chỉ tay", mới thấy hãnh-diện sung-sướng bù lại những chuỗi ngày ba-đào đầy ải, mới thấy hả-hê cho bỏ "*chút thân quần-quai vũng*

lầy". Người như vậy, thì dễ tăng bốc, ngợi khen. Kiều có cái tâm-lý ấy. Hoạn-Thư khôn ngoan đánh trúng vào nhược-điểm tâm-lý của nàng, nên nàng đã hạ mình xin với Kiều:

"Trót lòng gây việc chông gai,

Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng?"

Nàng bây giờ có quyền sinh-sát trong tay. Nàng thương, tôi được nhờ. Nàng chẳng thương, tôi phải chịu. Làm gì mà cơn giận của Kiều lại chẳng nguôi? Người ta đã cất công mất lời kêu xin, hẹp gì mà mình không thí bỏ? Nàng lại đại-lượng khoan-dung, tấm lòng rộng-lớn như biển khơi, lẽ nào tôi lại bất-hạnh mà không được nhờ? Nói như vậy, Kiều không đặc-chí sao được? Thì ngay thoát đầu vụ xử, ai chẳng rõ Kiều có thái-độ tự-hào đặc-chí? Người ta đã ca tụng mình là người bao-dung quảng-đại mà mình vẫn khăng-khăng chối từ, chẳng hóa ra mình là kẻ tiểu-nhân hẹp-hòi? Thì ra Hoạn-Thư đã theo cái kế sách "dùng gây ông để đập lưng ông". Nàng bảo tôi "*cay-nghiệt lắm*" thì phải chịu "*oan-trái nhiều*", mà nàng vẫn cứ làm ngơ đối với kẻ phục-thiện, có tình, có lý, thì chính nàng lại "*cay-nghiệt oan-trái*" mất rồi! Hèn chi mà Kiều chẳng quyết-định "*truyền quân lệnh xuống trướng-tiền tha ngay*". Tha vì "*làm ra, thì cũng ra người nhỏ-nhen*". Chính câu nói ấy đã chứng tỏ cái đặc-thắng chắc-chắn của Hoạn-Thư trong việc thuyết-phục Thuý-Kiều, và đồng thời để lộ cái chân-tướng mềm yếu giàu tự-ái của nàng Kiều.

Ở vào địa-vị Kiều, Hoạn-Thư chẳng đại gì để cho người "xỏ mũi", chẳng ngu gì để cho người tăng bốc mà dối ý. Thuý-Kiều thật-thà quá. Lay chuyển được lòng Hoạn-thư chắc là khó, xiêu lòng được Thuý-Kiều quả là dễ. Kiều già-giận chín-chấn với Thúc-Sinh, chứ chưa sâu sắc bằng Hoạn-Thư. Thì chính Kiều đã chẳng từng hơn một lần chịu phục Hoạn-Thư là người sâu-sắc khác đời, đó sao?

"Đàn bà thế ấy, thế âu một người,

*Ấy mới gan, ấy mới tài,
Nghĩ càng thêm nổi sồn gai rụng-rời,
Người đâu sâu-sắc nước đời,
Mà chàng Thúc phải ra người bó tay?
...Giận dẫu ra mặt thế thường,
Cười này mới thực khôn lường hiểm sâu."*

Nói tóm lại, xin mà không nài, vì không xin tha bổng, chỉ nói trống không; khen mà không mất giá, vì khen đúng lúc, đúng nơi, khen khi người ta có địa-vị quyền cao, khen giữa chốn ba quân, Hoạn-Thư đã tỏ ra nhún-nhường mà không hèn. Biện-hộ mà nắm chắc phần thắng trong tay, nhận lỗi mình mà lái sang lỗi thông-thường không người đàn bà nào thoát khỏi, kể công ơn mà như buộc tội lại kẻ đã kết tội mình, khoe tình riêng mà như chê người xử không biết điều. Phận là phận thù-thế mà như ở thế tấn-công, lùi rồi lại tiến, tiến xong lại lùi. Hoạn-Thư rất khôn ngoan, vừa giữ được phong-thái trầm-tĩnh điềm-đạm, không kiêu-kỷ đắc-chí, vừa tỏ ra có tài hùng-biện lưu-loát, ngay chính Kiều là kẻ thù chẳng đội trời chung cũng phải ngùi giận xiêu lòng mà khâm-phục, ca-ngợi:

*"Khen cho thật đã nên rằng,
Khôn ngoan đến mực, nói-năng phải lời"*

Quả đúng là:

*"Ở-ăn thì nét cũng hay,
Nói điều ràng buộc thì tay cũng già"*

II- VĂN-CHƯƠNG ĐỐI ĐÁP CỦA NGƯỜI NỬA CÂN, KẺ TÁM LẠNG

Ta đã thấy giọng Kiều kết tội đanh thép cứng rắn, khiến người nghe phải "*hồn lạc phách xiêu*". Ta đã rõ cái tài hùng-biên bào-chữa của Hoạn-Thư, khiến luật-pháp Thuý-Kiều phải nhường bước, lòng Kiều phải đổi thay. Hiệu-lực kỳ-diệu ấy không phải chỉ do giọng nói mỗi người, mà còn do chính ở sự biến-hóa của ngôn-ngữ cũng như cách xếp đặt lý lẽ ý-tứ làm sao cho thấy được sự gãy-gọn vững-vàng.

2.1- Cách cấu-tứ:

Ý ở đây rất là *hợp lý thuận tình*.

a) Phàm mới gặp, Kiều phải chào đón hỏi-han, rồi sau mới đi vào mục-đích: xét xử tội người. Mà trước khi nêu cái án nặng nhẹ, cũng phải kể tội vạch lỗi cho phạm-nhân nghe. Uoạn phải dành cho bị-can quyền được biện-hộ bào-chữa tội-trạng của mình. Sau đó, tùy theo ý mình định-đoạt, mới tuyên-bố bản án. Thuý-Kiều, trong cuộc xử án Hoạn-Thư, cũng đã theo trình-tự ấy. *Thế là hợp lý*.

b) Muốn làm cho người nhục-nhã khiếp-đảm, cho bỏ những lúc bị "*bắt khoan, bắt nhặt đến lời, bắt quy tận mặt bắt mời tận tay*", thì thoạt đầu còn nói nhẹ, mỉa má; đến khi cơn giận không nén được nữa, giọng mới trở nên đay-nghiến rồi cuối cùng sắc bén cay-cú. Phải đến lúc này, thốt ra được lời đe dọa, cơn giận mới hả-hê. Cố nén giận để mỉa-mai, người thâm không hiểm khó lòng nén nổi, cho nên giọng nói từ nhẹ-nhàng nói mát đã dần dần phải chuyển sang nói thẳng, nặng lời. Sự thay giọng đổi nhời cũng đã lột được tâm-tình của người nói. *Thế là hợp tình*.

c) Người xử đã vậy, đến như người cãi, thì lời ý cũng dẫn-do, bố-trí kỹ-càng.

Trong trường-hợp Hoạn-Thư, cái khó nói nhất có lẽ là kẻ công mà muốn như kẻ tội, nói sao cho người thấy công

hiều hơn thấy lỗi, dù cho người nghe có nhận thấy lỗi của mình, thì cũng phải hiểu ra mà nhượng bộ, chứ không vì thế mà phật lòng tức giận. Hoạn-Thư đã thành-công, phần vì dụ-dàng nhún-nhường, phần vì đã khéo kín-đáo giấu đoạn kể tội vào giữa bài minh-oan.

* Thoạt đầu mở vào bằng sự khiêm-cung nhận tội; theo đúng thói tục thông-lệ, nàng lễ-độ sụp lạy "*khấu đầu dưới trướng*", thế là đã mua được thiện-cảm của người, như thối một làn gió nhẹ quạt đi hơi nóng giận dữ.

* Sau cùng lại gói kín lời kể công, nhắc lỗi bằng hai lần mua chuộc cảm-tình. Lần thứ nhất thì tỏ niềm kính trọng mến yêu, khác nào như muốn nói: tôi bắt nàng khổ-cực cũng chỉ là miễn-cưỡng, chứ không có ý ghét thù:

"Lòng riêng, riêng cũng kính yêu"

Ngày xưa mà còn biết kính yêu như thế, huống chi bây giờ! Lần thứ hai thì thành-khẩn cầu xin. Theo như lẽ cãi minh oan, thì tội buộc kể như không có, vì tội này chỉ là tội ghen tuông thường tình, còn tội của Kiều là tội cướp chồng, trộm của, được chiều đãi mà vẫn cố tình tái-phạm. Tội mình nhẹ, tội người nặng hơn, thế nhưng vẫn cứ chịu biết điều mà "*trót lòng*" ăn năn "*tri quá*", vẫn cứ chịu khiêm-kính mà cất lời xin "*nhờ lượng bể thương bài nào chẳng?*". Thế thì thiện-cảm sẵn có nơi Kiều, giờ Hoạn-Thư đã mua chuộc hoàn-toàn, khác nào dội thêm nước lạnh trút sạch thù xưa nơi cỗi lòng nung-nấu của nàng Kiều. Giấu đoạn kể công, kể tội ở giữa, rào trước đón sau bằng tình-cảm dụ-dàng mến thương, thoạt nghe đã có cảm-tình, nghe xong cảm-tình lại tăng, cả bài biện-minh-trạng từ đầu chí cuối, như rút hết thiện-cảm cho người nghe. Nói-năng mà bố-trí như vậy, quả là một tay già-dạn cơ-muru.

2.2- Ngoài ra cách lựa lời ăn tiếng nói cũng giúp cho lý thêm mạnh, giọng thêm đanh thép hùng-hồn.

a) cách lựa lời:

* "*Ghen tuông thì cũng người ta thường tình*". Hai chữ "*người ta*" tuy nói chung mà ám-chỉ riêng, mở ra như một công-lệ thông-thường mà thu vào sự áp-dụng ngay cả cho Thuý-Kiều là người đang chẳng tiếc lời kết tội.

* Lại xét khi Kiều khen khéo để đe Hoạn-Thư: "*Đàn bà dễ có mấy tay!*", Hoạn-Thư đáp lại ngay: "*Rằng: tôi chút phận đàn bà*"

Tôi cũng chỉ là "*chút phận đàn bà*" như nàng mà thôi, có gì đâu mà phải quá lời quan-trọng-hóa đến như vậy, có gì mà đến nỗi "*dễ có mấy tay!*". Thực là đối nhau chan-chát, "hòn đất ném đi, hòn chì ném lại".

* Mà xét theo lý, đã gọi là ghen thì vốn mù-quáng, mặc dầu xét tình, Hoạn-Thư không mù-quáng tí nào. Đã mù-quáng, làm sao còn "nghĩ trước nghĩ sau cho tày". Bởi vậy, khi sự việc đã rồi, tôi mới thấy hồi, hồi từ lúc cho nàng ra Quan-Âm-Các viết kinh, hồi nên đã "*dứt tình chẳng theo*". Nhưng "hồi bất cập". Chữ "trót" Hoạn-Thư dùng để kết lời biện-minh, quả đã dùng đúng lúc, hợp thời, rõ ra cái giọng ăn-năn hối-hận vậy. Lừa lời như thế, làm gì lẽ chẳng cứng, lý không thông?

b) cách đặt câu:

* Xem như câu

"Lòng riêng, riêng cũng kính yêu,

Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai?"

thì thực là đặng-đối, đối cả ý lẫn lời. "*Lòng riêng*" đối với "*chồng chung*". Sự đối-xúng ấy cho thấy ở Hoạn-Thư có hai con người: một con người xét riêng và một con người xét chung, một là đàn bà, một là vợ. Làm đàn bà khác với làm vợ. Hai chữ "*riêng*" đi liền như rón-rén một lời nói nhỏ. Điệp-ngữ mà ý không trùng, chữ "*riêng*" trên là nói về phương-diên (phụ-nữ), chữ "*riêng*" dưới là nói về cá-nhân lòng này (yêu). Xét *riêng*

về phương-diện người đàn bà, ai chẳng giàu tình, nhưng lòng đàn bà mỗi người mỗi khác, mỗi người mỗi có tình-cảm riêng ("lòng riêng").

Cùng một đối-tượng mà có người yêu mến, có người lại ghét khinh. Nàng giận tôi mà ghét mà khinh, chứ *riêng* tôi đối với nàng, tuy có giận, nhưng thực sự lòng này vẫn yêu vẫn kính ("*riêng cũng kính yêu*"). Còn xét mọi người làm vợ nói chung, ai chẳng có tính ghen tuông, ai cũng có bổn-phận, tôi đây làm vợ, nên tôi cũng có bổn-phận bảo-vệ hạnh-phúc của gia-đình, cũng có tính ghen một khi tình bị cướp giật chia sẻ. Ở vào địa-vị của tôi, hẳn nàng cũng ghen như thế. "*Ngứa ghe hờn ghen*" mà lại! Tình đàn bà thì khi yêu khi ghét, nhưng tính vợ thì ai chả ghen tuông. Tình với tính xung-khắc như thế. Bởi vậy, yêu nhưng không thể chiều, thương mà không thể phụ-thuộc. Cho nên "*kính yêu*" đi với "*lòng riêng*" đối với "*chiều ai?*" đi với "*chồng chung*". Đối câu, khiến câu tỏ nghĩa như vậy, thì đối quá chỉnh. Bảo rằng: "xét về phương diện...", rõ là *giọng lý*. Nói rằng "lòng này vốn sẵn...", rõ là *giọng tình*. Hàm cả tình chứa cả lý, câu đặt như vậy, thực là súc-tích dồi-dào.

* Còn như "*chưa dễ ai chiều cho ai?*", thì giọng sao mà đầy đưa khéo đến thế! Nếu hiểu là lời nói nhẹ thì hai chữ "*ai*" phiếm-chỉ vu-vơ, áp-dụng cho bất cứ một người vợ nào, nói ra như một thường-lệ cố-hữu. Nếu hiểu là nói nặng, thì chữ "*ai*" trước trở Hoạn-Thư, chữ "*ai*" sau ám-chỉ Thuý-Kiều. Tôi chiều cho nàng toại ý chẳng? Dễ nghe quá! Giọng trở nên biếm mát coi thường. Lời ngay mà hai ý, một câu mà thành hai giọng. Đáng tức thay vì lời mỉa-mai sâu-sắc!

* Trở lại xét lời Kiều trong câu nói hớ:

"Tha ra thì cũng may đời,

Làm ra thì cũng ra người nhỏ-nhen"

Cũng vẫn là lối nói đảng-đối điệp-ngữ. Ba chữ "*ra*" ở đây phải chẳng vụng-về? (b*) Tưởng không phải thế. "*Tha*

ra" và *"làm ra"*, tuy điệp lời nhưng không trùng ý, giọng vẫn tự-nhiên. Người ta vẫn thường nói: tha ra là phúc, làm ra thì khổ. *Tha ra*, là để cho thoát khỏi vòng trừng phạt; *làm ra*, là thi-hành cho đến hết nhẽ, tận lý, không còn bùng-bít đỡ che phần nào. Lời nói ở đầu mỗi cửa miệng, sao lại vụng-về?

Đến câu *"thì cũng ra người nhỏ-nhen"*, chữ *"ra"* này nghĩa lại khác hẳn, nó diễn ý đổi thay: trên đang là lượng cả hải hà, mà giờ lại hóa thành hẹp lượng, nhỏ-nhen; tương chữ *"ra"* đây như thế là đặc-vị. Nhất là trên dưới lại đối chỉnh, thì càng tăng bổ cho ngụ-ý của hai chữ *"ra người"*: từ tha đổi sang phạt, từ bao-dung đổi sang hẹp-hòi.

Ấn nói như thế thì không gì khéo hơn! Dem diễn xuôi, hai câu này có thể viết lại là:

câu 1: Nếu tháo gỡ tội *ra* mà *tha* không xét xử buộc tội nữa, *thì cũng may phúc* cho đời người. (như vậy thì ta mới là người lượng bề bao dong)

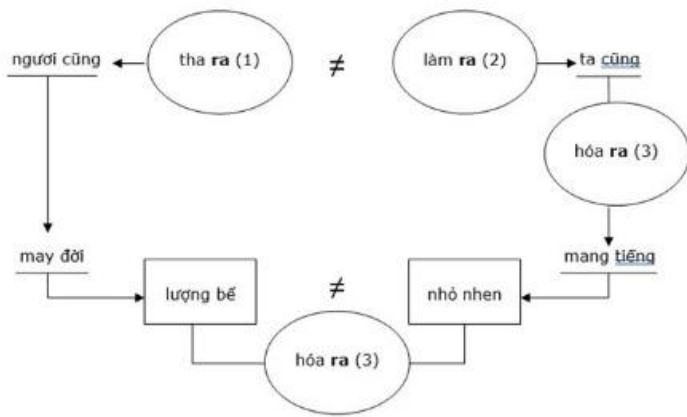
câu 2: Còn cứ làm cho *ra* nhẽ, xử cho đến cùng để khép tội người, *thì hóa ra ta cũng là người nhỏ nhen, hẹp lượng*.

Chữ *"ra"* thứ 3 vừa có ý *"mang tiếng"* vừa làm nổi bật ngụ-ý *"hoá thành"* như vừa phân-tích.

Lại nữa, *"tha ra thì"* (kết-quả thế này), *"làm ra thì"* (kết-quả thế khác); hai tiếng *"thì "* dẫn cho lẽ cân nhắc thêm gãy-gọn, phân-biệt rõ-ràng hai giải-pháp phải chọn lựa, *"thì"* trên đi với *"cũng"* đúng là giọng miễn-cường thực chẳng muốn tha, trịch-thượng ra điều thì ân làm phúc, *"thì"* dưới đi với *"cũng"* lại rõ là ý phục-thiện biết điều, bởi thấy lời nói cũng thuận tình, chí lý, nên thôi đành tha cho, tha vì có tính toán thiệt hơn.

Điều này lại một lần nữa minh-chứng thái-độ và tâm-lý nàng Kiều như đã phân-tích bên trên. Sơ-đồ sau đây minh-họa

sự liên-kết ý-tưởng do cách lựa lời đặt câu trong văn-chương đối-đáp này.



Nếu không gặp Kiều và Hoạn-Thư trong vụ này, thì Kiều khi tính-toán với Thúc-Sinh đã là khôn ngoan lắm, thì thấy cái ghen của Hoạn-Thư, còn có thể vì không ưa mà bảo rằng thâm hiểm và cho cách ghen ấy không lấy gì làm lạ vì phần lớn vẫn do tình-cảm thúc đẩy. Đến lần này, thì rõ như ban ngày, Kiều sâu-sắc với ai khác, chứ với Hoạn-Thư thì Kiều vẫn là Kiều, con người ấy vẫn còn tình-cảm nặng hơn lý-trí.

Và với Hoạn-Thư, thì không ai phủ-nhận được ở nàng vẻ bình-tĩnh lạ thường, tài ăn nói hoạt-bát, lối biện-bạch phân-minh, lý vững mạnh thâm-trầm, lời khôn- ngoan rất mực, giọng dịu-dàng khả-ái, Kiều dù có đề tâm thù, ghét mà vẫn thấy đáng yêu. Đến lúc này, thì quả thực hoàn-toàn do lý-trí dẫn dắt, Hoạn-Thư đã rõ là Hoạn-Thư hơn. Một pha xử án kỳ-thú! Một cuộc đấu-lý tài tình! Thuyền-quyên xử tội thuyền-quyên. Thúy-Kiều tuy sát-phạt nhưng lại chùn lòng mềm yếu. Hoạn-Thư tuy khuất-phục nhưng không nao-núng nản lòng. Pháp-lý của con tim đành nhượng-bộ lập-luận của lý, tình. Thúy-Kiều quyết-liệt ra tay, Hoạn-Thư nhẹ-nhàng chống đỡ. Thúy-Kiều ngồi thể cao tướng lớn tiếng át giọng kẻ thấp cô, nào ngờ Hoạn-Thư không bé miệng. Thúy-Kiều tưởng lấy cương thẳng nhu, nào ngờ Hoạn-Thư dùng nhu thắng lại

cương. Văn-chương đối đáp buộc xoắn vào nhau làm nổi bật hẳn hai nhân-vật độc-đáo của sân khấu *Đoạn-Trường Tân-Thanh*.

Không có vụ xử án này, thì bóng Kiều không đậm nét. Thiếu cuộc đối đáp này thì ảnh Hoạn-Thư lu mờ. Hai con người, hai thái-độ, hai tâm-tính, một đẳng năng tình hơn lý-trí, một đẳng lý lẽ dẫn dắt con tim, một đẳng bông-bột thật-thà, một đẳng diêm-tĩnh hiềm sâu. Nhưng cả hai cùng một tâm-tính đa-cảm dễ độ-lượng khoan-dung. Chưa thấy Kiều nói lời thương mến Hoạn-Thư, chứ đối với tình-địch, thì chính tự thâm-tâm, Hoạn-Thư đã hơn một lần tỏ ý nể vì, tấm-tắc khen tài, gạt-gù thương hại. Nguyễn-Du quả không vô tình khi dựng thêm hoạt-cảnh này cho tấn bi-kịch. Ai dám bảo tác-phẩm của thi-sĩ thiếu giá-trị về lối biện-lý mà chỉ hay ở lối văn tả cảnh tả tình.

Cước-chú:

(a*) Nhà chú-giải Lê-văn-Hòe đã nhiều lần khẳng-định: "*Thật ra, trong lời kêu ca của Hoạn-Thư, nàng không hề nhận là nàng có tội...Nàng chỉ nói: 'Trót lòng gây việc chông gai'. Nhưng thủy-chung nàng vẫn không nhận đó là tội-lỗi của nàng. 'Đã lòng tri quá thì nên'...Lý-do đó Kiều tự tìm, tự tạo, chứ thật ra Hoạn-Thư không hề nhận lỗi*". (Vân-Hạc Lê văn-Hòe, *Truyện Kiều Chú-Giải*, Zieleski tái-bản, 1976, Texas, U.S.A., trang 463) Chúng tôi thiên-nghĩ, nói "*gây việc chông gai*" là cách nhắc khéo việc nàng hành-hạ đoạ-đầy Thủy-Kiều, nội cái trận đòn ba chục roi đánh phủ đầu tại nhà Hoạn-Bà do hai mẹ con Hoạn-Thư âm-mưu, nói chi đến việc sai Kiều chuốc rượu "*bắt quỳ tận mặt, bắt mời tận tay*" cho hai "*vợ chồng chén tạc chén thù*", như vậy chưa đủ là tội hay sao? Mà nếu không nhận lỗi sao lại "*trót lòng*". Nếu không nhận lỗi, chẳng hóa ra Hoạn-Thư cứng đầu thách-thức, như vậy không phải là người khôn ngoan biết điều lui tới, cái hay là ở chỗ nhìn-nhân mà uốn ba tác lưỡi để phủ-nhân, Hoạn-thư *chỉ không minh-thị hai tiếng "tội lỗi"* mà thôi, chứ thực ra *khi nhắc tới việc chông gai là nhắc cả cái quá-trình nàng mang tội hành-hạ Thủy-Kiều, tức là đã mặc-nhiên nhìn nhận mình có lỗi*, cho nên mới nói "*trót lòng gây ra*", và nhắc tới "*việc chông gai*" Kiều đã xót-xa gánh chịu. Đây mới là cái khéo-léo, một trong những cái

khôn ngoan của Hoạn-Thư, mà chính Kiều đã phải thừa-nhận và khen ngợi:

"Khen cho thật đã nên rằng,

Khôn ngoan đến mực, nói-năng phải lời"

Chắc nhà chú-giải cũng cùng một ý như chúng tôi thiên-nghĩ.

(b*) Nhà chú-giải Vân-Hạc Lê-văn-Hòe cho rằng "*một câu hai chữ ra, hai câu liền ba chữ ra nghe kém hay*", nên sửa lại là "*Làm ra mang tiếng con người nhỏ-nhen*". (Sách đã dẫn, tr. 46)



Trong như tiếng hạc bay qua

Đục như tiếng suối nước sa nửa vời

11- KIM TRỌNG TRỞ VỀ VƯỜN THUY



Nghe lời Kiều khuyên giải, Từ-Hải ra hàng, bị tổng-đốc Hồ Tôn-Hiến bội ước, lừa gạt, cho quân của triều-đình mai-phục, bắn chết. Hồ Công mở tiệc khao quân, bắt Kiều hầu rượu gây đàn. Tỉnh dậy, nghĩ lại việc đời bại quá chén đêm qua, Hồ Công xấu-hổ, bèn ép Kiều chấp duyên với viên thổ-quan địa-phương. Trên thuyền rước dâu, nửa đêm, Kiều lén ra ngoài gieo mình xuống sông Tiền-Đường. Cũng vừa hay Vãi Giác-Duyên trên đường lữ-hành “*vân-du*”, được đạo-cô Tam-Hợp tiên-tri việc tiền-định về đời Kiều, cho hay nàng gieo mình tự-trảm nơi sông Tiền-Đường, nhưng “*túc-khiên đã rửa láng-lăng sạch rồi*”, nên “*nhẹ-nhàng nợ trước đền bồi duyên sau*”, và khuyên Giác-Duyên “*Tiền-Đường thả một bè lau rước người*”. Kiều được Giác-Duyên thuê ngư-phủ tìm vớt. Trong cơn “*mơ-màng phách quế hồn mai*”, Kiều được Đạm-Tiên hiện về báo cho biết:

*“Đoạn-trường sổ rút tên ra,
Đoạn-trường thơ phải đón mà trả nhau.
Còn nhiều hưởng-thụ về sau,
Duyên xưa tròn-trận, phúc sau đời-dào!”*

Giác mộng gặp Đạm-Tiên chấm dứt đời Bạc-Mệnh từ đây. Tấn bi-kịch hạ màn, một cảnh mới hiện ra: Kim-Trọng xong việc hộ tang ở Liêu-Dương, quay về nơi trọ học, vội-vã sang vườn nhà Vương-Ông tìm Kiều:

*(2737)- Nạn xưa trút sạch lâu lâu,
Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này.
Nỗi nàng tai nạn đã đây,
Nỗi chàng Kim Trọng bấy chầy mới thương.*

(2741)- Từ ngày muốn đậm phù tang,

*Nửa năm ở đất Liêu Dương lại nhà.
 Vui sang vườn Thuý dò la,
 Nhìn xem phong cảnh nay đã khác xưa,
 Đầy vườn cỏ mọc lau thưa,
 Song trắng quanh-quê vách mưa rã-rời.
 Trước sau nào thấy bóng người,
 Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.
 Xập-xè én liệng rường không,
 Cỏ lan mặt đất rêu phong dấu giày.
 Cuối tường, gai-góc mọc đầy,
 Đi về này những lối này năm xưa!
 Chung quanh lặng ngắt như tờ,
 Nổi-niềm tâm-sự bấy giờ hỏi ai?
 Láng-giềng có kẻ sang chơi,
 Lân-la khẽ hỏi một hai sự tình.
 Hỏi ông, ông mắc tụng đình.
 Hỏi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha.
 Hỏi nhà, nhà đã rời xa.
 Hỏi chàng Vương với cùng là Thuý Vân,
 Đều là sa-sút khó-khăn,
 May thuê, viết mượn, kiếm ăn lần hồi.
 (2763)- Điều đầu sét đánh lưng trời,
 Thoắt nghe chàng thoắt rụng-rời xiết bao!*

Mĩa-mai thay! người xưa biệt-tích, vườn xưa nay chỉ còn là một khung cảnh gợi sầu tê-tái, xót-xa. Qua nghệ-thuật tự sự và cách diễn-đạt của tác-giả, bài thơ cho thấy được tình-cảm và tâm-lý của chàng Kim trước cảnh đổi thay bất ngờ này.

I- BÀI THƠ THỂ-HIỆN TÌNH-CẢM & TÂM-LÝ KIM TRỌNG

1.1- Tình-cảm:

a) Ra đi mang theo cả một mối sầu ly-cách, mối sầu “*khi gỡ cho xong còn chầy*”, chàng Kim khi ở chốn Liêu-Dương cách trở, lòng hẫng vẫn khắc ghi lời “*nguyên hai chữ đồng tâm*” của người đồng-diệu, trí hẫng vẫn không khuấy niềm mơ tưởng tới người tri kỷ cùng những lời mình căn-dặn hôm xưa:

“Gìn vàng giữ ngọc cho hay,

Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.”

Nhưng ở nơi “*chân mây cuối trời*”, chàng vẫn vắng bật tin-tức của người yêu, thì sao chàng có thể “*đành lòng*” cho cam. Hằng tưởng nghĩ tới Kiều, hẳn chàng cũng nóng lòng thấp-thỏm đợi trông: “*tin sương lướn hầy rầy trông mai chờ*”.

Bây giờ trở về chốn cũ, hẳn chàng sung-sướng đến ngàn nào! Sung-sướng cho bỏ những ngày nhớ-nhung xa cách, hẳn chàng vui mừng cảm-động biết bao! Vui mừng bù lại những lúc tưởng nghĩ mà không giáp mặt, hẳn chàng hồi-hộp lắm sau cả một thời-gian đằng-đặng tin-tức chờ mong. Bởi vậy vừa bước chân về đến chốn xưa, cũng chẳng cần xét đến thư-song, chàng bỏ nhà vội-vã chạy sang vườn Thuý dò-la. Việc đầu tiên của chàng là phải tìm gặp Kiều, tâm-sự cùng Kiều, cũng như trước đây khi chàng từ già về quê, việc đầu tiên là “*bằng mình đến trước đài-trang tự-tình*”. Cử-chỉ ấy đã tỏ rõ tâm-trạng sầu mong của Kim-Trọng, nói lên nỗi lòng vui sướng của chàng khi tưởng sẽ giáp mặt người mình xa cách bấy lâu. Cử-chỉ ấy chứng tỏ khi cất bước lên đường trở về chốn cũ, *lòng chàng là cả một sự hồi-hộp, bằng-khuâng vui sướng*.

b) *Hy-vọng sung sướng bao nhiêu thì buồn khổ thất-vọng bấy nhiêu*. Lúc thoát tội, hẳn chàng phải vô cùng sùng-sốt “*nhìn xem phong-cảnh nay đã khác xưa*”. Khi quan-sát, hẳn chàng phải ngao-ngán khôn xiết “*trước sau nào thấy bóng người, hoa đào năm ngoái còn cười gió đông*”. Hẳn chàng phải đau-đớn rất nhiều khi cảnh gọi lại bao kỷ-niệm êm-đềm của những ngày tình đầu nồng thắm. Tìm mà không thấy một bóng người lẫn quất, cũng không dấu vết của sự thường-xuyên qua lại, chỉ thấy hoa đào năm cũ, lối đi năm xưa cỏ mọc rêu phong và “*xung quanh lặng ngắt như tờ*”, làm sao Kim-Trọng không ngạc-nhiên sầu khổ, làm sao Kim-Trọng không *thần-thờ nhớ tiếc*? Đến khi dò hỏi được tin-tức, thì nào người mắc tai-biến tưng đình, kẻ may thuê viết mướn và người tình thì đã bán mình chuộc cha. Làm sao chàng không mũi lòng thương hại, *tê-tái xót-xa*? Thương là thương cho người, xót là xót cho mình. Thương vì tai-ương khốn-khó, thương vì cảnh nhà sa-sút, thương cho thân gái đào tơ dậm trường. Có thương mà cũng có xót, xót cho cả một tình duyên tan nát, khi không đương thắm mà bỗng nhạt phai, xót vì:

*“Khi về hỏi liễu Chương-đài,
Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay.”*

Cũng không được gặp lại hình-dáng năm xưa, nghe lại giọng Kiều năm cũ. Giờ thì biệt vô âm tín. Sao mà không tê-tái cho được? Sao mà không “xiết bao rụng-rời!”?

Tóm lại, vội-vã tìm đến, hy-vọng tràn-trề, nhưng rồi đau lòng tê-tái đến tuyệt-vọng băng-khuàng, tưởng là mừng mà hoá ra khổ, thái-độ ấy, tâm-trạng ấy đã tố-cáo rõ-rệt ở chàng Kim, một *tình-cảm sâu xa thấm-thiết* đối với Kiều.

1.2- Tâm-lý

a) Nhưng ta lại cần biết rằng tình-cảm sâu xa thấm-thiết ấy, chàng Kim vẫn kín-đáo ấp-ủ trong sâu thẳm của tâm-hồn. Chàng không bộc-lộ cho ai hay, chàng không có cử-chỉ nào cho người khác rõ. Cho nên việc sang vườn Thuý để mà *đò la* là một cử-chỉ hãy còn giữ ý dè-dặt, tố-cáo rằng mối tình thâm kín Kim Kiều, chàng còn giấu-diếm. Mà thực vậy, hai người đính-ước với nhau không một lời cho phép của mẹ cha, những khi hai người trò chuyện tự tình, không một ai hay biết. Nếu như không có gia-biến xui Kiều lưu-lạc, bắt Kiều phải hờ môi cời dạ cho Vân, thú thật cùng cha mẹ, thì có lẽ cho đến bây giờ cuộc tình duyên Kim Kiều cũng vẫn chỉ âm-thầm mà thôi.

b) Bởi vậy đương lúc đau buồn ngao-ngán, không biết “*nỗi-niềm tâm-sự bây giờ hỏi ai?*” mà bỗng may-mắn gặp ngay “*láng-giềng có kẻ sang chơi*”, lòng dù có vui sướng mừng rỡ đến đâu, Kim Trọng cũng không vì vậy mà vồn-vã hỏi-han, chàng chỉ băng-quơ trò chuyện để mà “*lân-la khế hỏi một hai sự tình*”. Vốn không liên-lạc quen biết, có chi đã vội hỏi ngay như người nóng lòng muốn rõ? Làm sao người láng-giềng không đánh dấu hỏi sinh nghi? Dù cho nóng lòng muốn biết, song chàng cũng không vì vậy mà hỏi ngay tin-tức về nàng. Hỏi tin Vương Ông rồi mới nhắc đến Kiều. Làm ra như một khách bàng-quan thấy cảnh đổi thay, người vắng bóng, mà tự-nhiên thắc-mắc. Chàng không hỏi thăm riêng về Kiều, chàng hỏi thăm tất cả gia-đình Kiều. Chàng không hỏi thăm Kiều trước mà chỉ nhắc đến nàng, sau khi đã hỏi tới Vương Ông. Làm ra như đối với chàng, Kiều cũng chỉ là kẻ xa lạ như tất cả mọi người, như “*Vương Quan với cùng là Thuý Vân*”. Thế thì ai dám bảo rằng chàng sang vườn Thuý là cốt ý tìm Kiều? Hay người ta sẽ nghĩ rằng chỉ vì thấy quang-cảnh đổi khác mà chàng lạ-lùng sang coi. Rất có thể trước cảnh tang thương ấy người ngoài cũng chẳng quá quan tâm tới chàng mà nghĩ xa đến việc chàng với Kiều dan-dĩu. Nhưng thói thường, ai có tật là chẳng

giật mình. Sự dò-dẫm lân-la ấy chỉ là sự lo xa tính khéo. Nó thực đúng với tâm-lý của người duyên giấu tình thầm. Tuy tha-thiết mà không vồn-vã nhưng vẫn khôn-khéo để kín tiếng im hơi. Thái-độ ấy đã tỏ ra ở chàng Kim, cái *tâm-lý bình-thản của một người vẫn kín-đáo che giấu được tâm-trạng bàng-hoàng cùng cảm-tình lai-lánh thiết-tha*.

Ở về phương-diện này, khi giới-thiệu phác-hoạ nhân-vật, đoạn văn có giá-trị khêu gợi tình-cảm, lột đúng tâm-lý của nhân vật vậy.

II- Bài thơ là một khung cảnh gợi sầu

1- Lồng khung cho tình-cảm sâu kín ấy là một quang-cảnh với *vẻ trống-trải hoang vắng*, không ấm-cúng đẹp xinh như xưa có “*buồng màn tơ liễu*”, “*hoa rụng đầy thềm*”, nhưng điêu-tàn tẻ ngắt. Cảnh ở đây bị bỏ phế hoang-vu, ngoài thì cỏ mọc um-tùm, đậu lau trống-trải, trong thì vách tường đổ rã, cỏ lan khắp chỗ, rêu phủ mọi nơi, gai-góc mọc đầy. Thực là *điều-tàn tang-thương*! Cũng không còn phảng-phất “*hương trầm thom nức*”, cảnh ở đây trở nên *vắng vẻ cô-liêu*. Nhà thì im-lìm quạnh-quẽ, trông trước nhìn sau không thấy bóng người, vào bên trong thì chim-chóc làm tổ “*xập-xè ến liệng*”, đảo mắt ra chung quanh thì một màu lặng ngắt, chẳng tiếng động, không một bóng người. Thực là quang-cảnh *tịch-liêu*!

2- Cảnh như vậy, làm sao không có *công-dụng gợi tình*? Cảnh tượng tan hoang vắng lặng ấy đã *gico vào lòng người một nỗi buồn chán-nản*, cõi lòng chàng cũng trống-trải nát tan như cái hoang tàn của ngoại-cảnh thê-lương. Thêm vào trong khung cảnh gợi tình ấy, người ta còn thấy xen lẫn những đường nét gợi cảm có sức mạnh phát-triển tình sâu. Ngày trước cũng chỗ này, “*dưới đào đường có bóng người thướt-tha*”, nhưng hôm nay thì “*hoa đào năm ngoái còn cười gió đông*” mà “*trước sau nào thấy bóng người*”. Cũng vẫn cảnh ấy, nhưng tình đã hết. Cảnh cũ vẫn còn, người xưa đi đâu? Đào vẫn thắm tươi cợt gió, nhưng tình đã héo phai rầu rầu. Gợi lại những kỷ-niệm gặp-gỡ ban đầu, đào kia như càng trêu cợt cho người thêm bẽ-bàng ngao-ngán. Ngày xưa tìm bóng giai-nhân cho vơi niềm tương-tư khắc-khoài, chỉ thấy “*chim oanh học nói trên cành mĩ-mai*”, thì ngày nay thấy đào xưa gheo gió cười xuân, lòng càng thấy mĩ-mai chua-chát hơn nhiều. Năm trước cũng chỗ này, chàng đã từng “*lần theo tường gấm dạo quanh*” mà chợt bắt được cành thoa trên đào, và Kiều cũng đã từng “*lần theo núi giả đi vòng*”, dừng lại

chỗ “cuối tường dường có nẻo thông mới rào” để “xấn tay mở khoá động đào, rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên-Thai”. Cũng con đường đi ấy, năm xưa chàng đứng đợi nàng “sánh vai về chốn thu-hiên, góp lời phong nguyệt nặng lời non sông”, năm nay thì rậm-rạp gai-góc, nẻo thông lại đã kín rào. Tình đã cắt đứt, “biết người ở đâu?”, “đi về này những lối này năm xưa”. Bao nhiêu kỷ-niệm thắm tươi lại dồn bước hiện về giữa cái không-khí đìu-hiu ảm-đạm.

Cảnh hiện-tại đã gợi buồn ngao-ngán, lại còn khơi sầu dĩ-vãng cho thêm nhớ tiếc náo-nùng. Tình-cảm nảy sinh rồi dần dần tiến-triển cũng chỉ vì cảnh đã phối-hợp với tình trong mối mật-thiết tương-quan.

III-NGHỆ-THUYẾT VÀ CÁCH DIỄN-ĐẠT

1) Nghệ-thuật miêu tả và thuật chuyện

Cảnh ấy được tả xen vào lời thuật chuyện của tác-giả. Hình-dung rõ được khung cảnh, hiểu rõ được chàng Kim, ấy cũng là nhờ ở tài khéo-léo của tác-giả trong cách diễn-đạt khi miêu-tả cảnh-vật, phô-diễn tâm-tình, do sự quan-sát kỹ-càng cùng lựa chọn hình ảnh và màu sắc thích-hợp, mà cũng còn do nghệ-thuật diễn-tả, xếp đặt những hình ảnh ấy. Đi từ xa đến gần, cảnh điêu-tàn được phác-hoạ từ ngoài vào trong, đến lúc tả cảnh vắng lặng thì như cho người đọc theo dõi từng bước đi của nhân vật: bước vào nhà thấy song trắng quạnh-quẽ, bước trở ra nhìn trước trông sau, thấy trước sau vẫn vắng thì lên lầu quan-sát, lầu vắng bỏ không; lại trở xuống vòng ra tới cuối tường chỗ có nẻo thông. Cuối cùng, tuyệt-vọng thì dáo-dác nhìn quanh tứ bề. Cách diễn-tả ấy chứng tỏ sự quan-sát của tác-giả đã được diễn-tiến theo thứ-tự không-gian.

Bởi vậy, xét về văn-thể, trước hết, cảnh tượng được miêu-tả hiển-hiện trong bức hoạ như đã xét bên trên, sau là thuật chuyện gọn-gàng đầy-đủ. Chỉ trong tám câu ngắn-ngủi giản-dị, cả cuộc đổi thay của nhà Kiều được thuật rõ từ tai-biến đến hậu-quả khốc-hại về sau, từ Vương Ông bạc cả cho đến Thuý-Vân, Vương Quan rốt cùng, không một chi-tiết nào thiếu sót, thấy đều được nhắc tới.

2- Xét về cách diễn-đạt

Nếu ý tưởng không mạch-lạc, câu không giàu tứ, lời không suông-sẻ thì cảnh không thể-hiện rõ, thuật chuyện cũng không thể gọn-gàng hết ý, cách diễn-đạt sẽ làm mất vẻ sáng-sủa cho ý thơ.

a) Kết ý:

- Ở đây, bài thơ dẫn vào bằng bốn câu khai đề:

*“Nạn xưa trút sạch lâu lâu,
Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này.
Nỗi nàng tai nạn đã đây,
Nỗi chàng Kim Trọng bấy chầy mới thương!”*

Bằng đi từ ngày gặp tang-gia ở chốn Liêu-Dương, mãi đến bây giờ mới lại thấy bóng Kim Trọng đột-nhiên xuất-hiện, cho nên mở vào bài thơ tưởng không dễ-dàng như những đoạn thơ khác. Ta biết rằng Kiều thoát nạn ở sông Tiền Đường cũng là thoát nợ đoạn-trường đã qua. Được vớt lên, nàng còn *“thêm-thiếp giấc vàng chưa phai”*, mà chính lúc ấy trong khi *“còn đương mơ-màng phách quế hồn mai”*, Kiều đã mộng thấy Đạm-Tiên hiện về báo tin. Lời cuối cùng của Đạm-Tiên là lời của một sứ-giả đem tin vui mừng: một tin nói việc đã qua, một tin báo việc sắp tới:

*“Đoạn Trường sổ rút tên ra,
Đoạn Trường thơ phải đón mà trả nhau,
Còn nhiều hưởng-thụ về sau,
Duyên xưa tròn-trặn, phúc sau đòi-dào”*

Vậy hai câu đầu của bài này đã nhắc lại được hai tin vui ấy. Đạm Tiên bảo vậy, Kiều phân-vân, phân-vân vì duyên xưa tròn-trặn đã đành, nhưng còn duyên xưa tìm lại rồi ra thế nào? Ẩn mình trong chốn tu-trì thì quả thực duyên xưa chưa dễ tìm đâu chốn này.

Hai câu đã như diễn lại cái ý-nghĩ của nàng Kiều sau lời báo mộng của Đạm Tiên mà đồng thời đang chuyển dần nói xa tới việc chàng Kim gặp Kiều. Có hai câu ấy thì hai câu sau chuyển xuống đoạn nói về Kim Trọng mới không trơ-trẽn. Thiếu hai câu ấy thì lối chuyển tiếp ở bài này như phẳng-phát lối chuyển thực-thà trong Lục-Vân-Tiên.

Hai câu sau nghe như lời tác-giả kết-thúc đoạn Kiều để nói tiếp về Kim (bấy chầy).

Câu một và ba tóm-tắt các việc trước:

“Nạn xưa trút sạch lâu lâu, (câu 1)

Nỗi nằng tai nạn đã đây,” (câu 3)

Câu hai và bốn báo việc sắp-sửa tuần-tự xảy ra:

“Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này.” (câu 2)

“Nỗi chàng Kim Trọng bấy chầy mới thương!” (c.4)

Câu hai báo việc đến xa: Kim sẽ gặp Kiều tại chốn này. Câu bốn báo việc đến gần: Kim đi tìm kiếm người xưa.

Thành ra nhân vật xuất-hiện rất đột-ngột mà vì sự chuyển dẫn khít-khao nên người đọc như không rõ lắm một sự đột hiện đang xảy đến.

- Tới khi chàng Kim đang ngỡ-ngác về sự tang thương của cảnh vườn xưa chốn cũ, rồi chuyển sang việc giải-thích cho chàng thấu hiểu vì đâu nên nỗi, câu chuyển đoạn vền-vẹn chỉ là:

“Xung quanh lặng ngắt như tờ,

Nỗi-niềm tâm-sự bấy giờ hỏi ai?

Láng giềng có kẻ sang chơi,

Lân-la khế hỏi một hai sự tình”

Hai câu trên đã tóm-tắt ý-tưởng: chàng Kim ngỡ-ngác trước cảnh vườn không nhà trống. Hai câu dưới đã dẫn xuống việc tìm hiểu nông-nỗi nhà Vương, khiến cho đoạn tả cảnh ăn khớp với đoạn thuật chuyện.

Khai đề chuyển đoạn như vậy vừa đặc-pháp lại vừa tài tình.

b) Diễn lời:

Tài tình vì ý được liên-kết mà vẫn tự-nhiên không gò ép. Kết ý thế nào thì diễn lời cũng thế: văn từ gọn-ghẽ, câu đặt gọn-gàng mà từ vẫn nhiều tứ, câu vẫn gọi tình.

- Trong đoạn hỏi người láng giềng tin-tức, ta thấy những điệp-ngữ nhắc đi lấy lại khiến cho hơi văn có tiết-tấu nhịp-nhàng và ý thêm giàu mạnh. Bốn chữ **“hỏi”** ở đầu mỗi câu, nói liền một hơi như hỏi đôn, hỏi gấp, tỏ được sự muốn biết tin-tức nhà Kiều. Những chữ **“ông, nằng, nhà”** đặt liền nhau, lập lại nhấn mạnh được ý tan rã sa-sút hoàn-toàn, tỏ được nỗi thất-vọng khi nghe rệt những tin chẳng lành.

- Bởi vậy nên câu kết đặt đã đúng chỗ, tổng-hợp được ý của toàn đoạn và mở rộng ra tâm-sự của người nghe. Hỏi đến người nào, người ấy đều gian khổ lưu-ly. Hỏi bốn lần, cả bốn lần đều thất-vọng. Hỏi tin cả nhà, thì cả nhà đau-đớn. Nhất đến người tình, thì người tình như đã

mất. Sự thất-vọng dồn-dập đã đưa đến tuyệt-vọng, một sự tuyệt-vọng không thể nào ngờ tới, chàng hẳn nghĩ rằng: đây là thực hay mộng? mình đang tỉnh hay mê? Nhưng đó là sự thực. Làm gì chàng không cảm thấy như sét đánh ngang tai: “*Điều đầu sét đánh lưng trời!*” Mà đã gọi là sét đánh lưng trời, làm sao không bàng-hoàng tê-tái, cho nên trước những tin dữ, ắt phải:

“*Thoắt nghe chàng thoát rụng-rời xiết bao!*”

Câu kết đầu tóm-tắt, câu kết sau mở rộng. Âm-điệu của câu trên mạnh rít lên như lụa xé, âm-điệu của câu dưới như buông ra rã-rời, thông-thả chìm xuống (rụng-rời) rồi từ từ nâng nhẹ lưng-lơ (xiết bao!). Câu đặt như vậy quả đã nói lên được nhiều tâm-trạng của nhân-vật.

Không những vậy, mà có lúc cách xếp câu còn gợi được cảm-xúc của người đọc cùng với cảm-giác của chàng Kim. Khi chàng Kim thoát sang vườn Thuý dò la mà

“*Nhìn xem phong cảnh nay đà khác xưa*”

Chàng sống-sốt ngạc-nhiên quá đỗi. Câu thơ ấy không phải chỉ tả được cảm-giác kinh-ngạc của chàng mà còn gợi được cảm-giác ấy ngay ở chính người xem văn. Chẳng gì cũng “*gia tư thường thường bậc trung*” với “*Vương Quan là chữ nổi dòng nho-gia*”, mặc dù gia-biến xảy ra thì bốn trăm lạng vàng của nàng Kiều bán mình đã quá dư để chuộc lại Vương Ông với món tiền hối-lộ ba trăm lạng. Thế mà Vương-gia sa-sút! Ta không ngờ có sự đổi thay mau chóng đến thế, cho nên đến khi xem cảnh, nghe chuyện, thì lại càng không ngờ được sự đổi thay lại quá ư to-tát đến như vậy.

Đặt câu có dụng ý gợi cho cảm-xúc đột-khởi mạnh-mẽ, Nguyễn-Du đã kích-thích được sự chú-tâm theo dõi, phát-triển được tình-cảm của độc-giả sau này. Lối hành văn xếp câu ấy đã dẫn ta đến chỗ cảm-thông hoà-hợp với tâm-lý của người trong truyện. Tuồng sự dụng ý ấy không phải là kém công-phu.

* * *

Kết luận:

Nghe tin người yêu đã biệt tích mà như “*sét đánh lưng trời, thoắt nghe chàng thoát rụng-rời xiết bao!*” Tả như vậy có quá đáng hay không? Phải theo dõi những diễn-tiến tiếp theo mới thấy rõ tình-cảm của Kim Trọng đối với Thuý Kiều nó thật sâu xa thấm-thiết đến chừng nào. Nghe ông bà Viên ngoại khóc than kể-lẽ chàng lại càng thêm não-nùng, tê-tái, xót xa. Dầu đã sống chung dưới một mái nhà, nhưng

“*Sinh càng thấm-thiết khát-khao,*

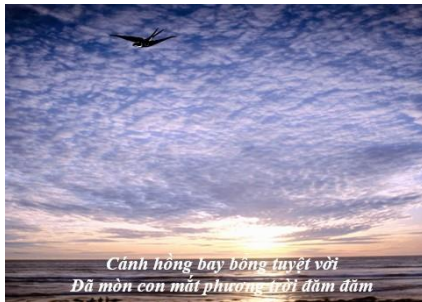
*Như nung gan sắt, như bào lòng son,
Ruột tằm ngày một héo-hon,
Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve,
Thần-thờ lúc tỉnh, lúc mê,
Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao.”*

Tuy đã chấp nối duyên em, song lòng chàng vẫn không nguôi niềm thương nhớ, có “*đốt lò hương, giở phím đàn ngày xưa*”, thì lại càng chỉ thấy:

*“Bể-bai rầu-rĩ tiếng tơ,
Trầm bay lạt khói, gió đưa lay rèm”,*
Rồi cứ tưởng tượng:
*“Đường như trên nóc, bên thềm,
Tiếng Kiều đồng vọng, bóng xiêm mơ-màng,
Bởi lòng tạc đá ghi vàng,
Tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây”*

Và sau này, khi đã chiếm đoạt khoa danh, thăng quan nhậm chức, chàng vẫn cố truy tìm cho kỳ được tung-tích của người yêu. Như thế quả đã rõ tình chàng chung thủy, tha-thiết, sắt son đến mức nào! Bởi vậy cái tin mất Kiều không như sét đánh sao được, nghe mà chẳng rụng-rời sao đang?

Cái lối rào trước đón sau của Nguyễn-Du vẫn là kỹ-thuật tuyệt-xảo sở-trường của nhà thơ. Đoạn thơ trên đây rào trước cho những đoạn kế tiếp. Đoạn sau chúng-giải cho đoạn trên. Kết-cấu như vậy là thượng hạ tương thừa. Đây là cái tài kể chuyện và miêu-tả của Nguyễn Du.



12- KIỀU TẤU ĐÀN CHO KIM TRỌNG KHI TÁI-NGỘ

Dẫn nhập

“Một đoàn về đến quan-nha,
Đoàn-viên vội mở tiệc hoa vui-vầy.”

Khi bữa tiệc đã “tàng tàng chén cúc dở say”, Thuý-Vân bắt đầu lên tiếng khai đề, se lại mối nhân-duyên cho chị và chàng Kim. Từ đó Kim Kiều bắt đầu tranh-biện về tình yêu và hôn-nhân. Dĩ-nhiên là Kiều nói ra, chàng Kim vun vào. Chàng biện-thuyết cho quan-niệm về chữ hiếu, chữ trinh, hết lời bênh-vực cho luyến-ái-quan và lập-trường tái-hợp hôn-nhân của mình. Chàng biện-giải cho đến khi Kiều chỉ còn biết thở-than đành cúi đầu tạm chịu khuất-phục:

“Nghe chàng nói đã hết điều,
Hai thân thì cũng quyết theo một bài.
Hết lời khôn lẽ chối lời,
Cúi đầu, nàng những ngẩn dài thở-than.”

Và họ đã làm lễ cưới “cùng nhau giao bái một nhà, lễ là đủ lễ, đôi đà xứng đôi”. Nhưng khi “canh khuya, bức gấm rủ thao, dưới đèn tỏ rạng”, Kiều mới trở lại cuộc tranh-biện ban sáng, nói những điều còn ám-ức cho hết nỗi tâm can. Lúc này, nàng dành được phần thắng, nàng biện-luận chí tình hữu lý đến nỗi Kim-Trọng chịu đổi tình cảm sắt ra tình cảm kỳ, đồng ý với Kiều rằng: “Lựa là chân gối mới ra sắt cảm”. Hai tâm-hồn ấy đã cảm-thông hoà-hợp trong tình tri-kỷ, tri-âm cao-thượng, trong sáng tuyệt-vời.

Kiều vâng lời tấu đàn cho chàng nghe lần thứ hai và cũng là lần chót.

3191- Tình xưa lai-láng khôn hàn,
Thong-dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.
Nàng rằng: “Vì mấy đường tơ,
Lầm người cho đến bây giờ mới thôi,

- Ăn-năn thì sự đã rồi,
 Nể lòng người cũ vâng lời một phen.”
 3197- Phím đàn điều-dặt tay tiên,
 Khói trầm cao thấp tiếng huyền gần xa.
 Khúc đầu đăm-ấm dương-hoà?
 Ấy là hồ-diệp hay là Trang-sinh?
 Khúc đầu êm-ái xuân-tình,
 Ấy hồn Thục-đế, hay mình đồ-quyên?
 Trong sao châu rõ duềnh quyên!
 Ấm sao hạt ngọc Lam-diền mới đồng!
 Lọt tai nghe suốt năm cung,
 Tiếng nào là chẳng nã-nùng xôn-xao!
 3207- Chàng rằng: “Phổ ấy tay nào?
 Xưa sao sâu thẳm nay sao vui vầy?
 Tẻ, vui bởi tại lòng này?
 Hay là khổ tận đến ngày cam lai?”
 Nàng rằng: “Vì mấy đường chơi,
 Đoạn-trường tiếng ấy hại người bấy lâu,
 Một phen tri-kỷ cùng nhau,
 Cuốn dây từ đây về sau cũng chừa.”

Cũng vẫn thái-độ nhún-nhường như buổi tấu đàn năm xưa.
 Nhưng không như tiếng đàn sâu thẳm ngày mới quen nhau, tiếng
 đàn lần này nghe xôn-xao niềm vui. Gọi là lần chót, vì nàng bảo,
 cũng tại tiếng đàn này mà nàng đã bị đầy-đọa vùi dập suốt mười
 lăm năm đoạn-trường.

Lại một lần nữa, trong màn chót của tấn bi-kịch này, ta
 được thưởng-thức tài thẩm-âm và nghệ-thuật diễn-đặt của
 Nguyễn-Du qua tiếng đàn của trang giai-nhân vốn nổi danh mà
 “nghề riêng ăn đứt hồ-cầm một trương”, từng làm cho bao kẻ thân
 yêu cũng như thù-dịch phải kính phục nể vì.

A- Nghệ-thuật thẩm âm của Nguyễn Du

1- Cung đàn biến điệu theo tâm tình

(Xem phần 2 Tổng-luận, viết lại đoạn III: “tiếng đàn hạ màn sân khấu” trong bài tiểu-luận: “Tiếng đàn Kiều qua tài thẩm-âm của Nguyễn-Du”, trang 229-231:

a) cung đàn biến điệu

b) tâm tình chuyển biến)

2- Nghệ thuật gắn liền với tâm-hồn

(Xem phần 2 Tổng-luận, viết lại đoạn IV: “nghệ thuật gắn liền với tâm-hồn” trong bài tiểu-luận: “Tiếng đàn Kiều qua tài thẩm-âm của Nguyễn-Du”, trang 232-233)

B- Nghệ-thuật diễn-đạt của Nguyễn Du

1- Cách dàn câu xếp ý

Ta vẫn gặp lại kỹ-thuật vững-vàng quen thuộc của Tố-Như. Vững-vàng riêng giữa các đoạn mạch trong bài, lại còn vững-vàng liên-kết hơn nếu so rộng ra với toàn-thể tác-phẩm.

a) **Xét riêng trong bài**, cuộc so dây nắn phím có giáo đầu, có kết-thúc.

* Bài thơ mở vào bằng lời khiêm-kính của Kiều:

“Nàng rằng: Vì mấy đường tơ,
Làm người cho đến bây giờ mới thôi.
Ăn-năn thì sự đã rồi,
Nể lòng người cũ vâng lời một phen.”

Đến khi kết-thúc, mạch thơ khép lại cũng vắn bằng một thái-độ ấy:

“Nàng rằng: Vì chút nghề chơi,
Đoạn-trường tiếng ấy hại người bấy lâu,
Một phen tri-kỷ cùng nhau,
Cuốn dây từ đây về sau cũng chừa.”

Khi nhập lúc kết, trước sau đều diễn-tả cái ý miễn-cưỡng so tơ, ngại-ngùng lướt phím, trước sau đều cùng nói lên cái ám-ảnh bạc-mệnh bởi cung đàn. Luôn luôn Kiều ôm lấy ý-tưởng vắn-vơ cho rằng cuộc đời thê-thảm vừa qua là hậu-quả tất-nhiên của nhạc-khúc Bạc-Mệnh sở-trường, nên lúc nào cũng như sợ hãi lo ngại không dám để cho tơ đồng bật tiếng. Mở đóng đều cùng diễn một ý-tưởng. Từ khởi-diểm, ý thơ ra đi, rồi lại trở về khởi-diểm. Thế là nhất-trí quán-thông.

* Bước vào phần chính tả cuộc so tơ tấu đàn, ta lại thấy tả theo liên-ý thứ-tự trước sau.

Thoạt đầu là **cử-chỉ** nhẹ-nhàng thoãn-thoắt, tay tiên mềm-mại lướt buông. Khi đã so dây thử điệu, tiếng đàn đã dạo lên thì giới-thiệu ngay **nhạc-khúc**, **âm-thanh**. Mà đã tả được nhạc-khúc âm-thanh thì một khi tiếng huyền thánh-thót gần xa, người nghe không thể không dõi theo điệu đàn đìu-dặt khói trầm cao thấp, nên chi Nguyễn Du đã không quên nói tiếp **ảnh-hưởng** của cung đàn. Dư-âm của cung đàn còn ngân vang trong tâm-hồn người nghe, tất chàng Kim phải còn thắc-mắc vì sao cung đàn biến-điệu, bởi đâu ngày xưa nghe đàn thì rầu-rĩ, mà ngày nay thì lòng vui xôn-xao? Bởi vậy mượn lời Kim để nói thêm **căn-nguyên** của âm-thanh nhịp-tiết thực là hợp lý.

* Lại càng hợp-lý hơn, nếu sửa-soạn cho nổi nhớ-nhung tiếc luyện bằng nhạc khúc êm-ái mơ-màng.

Trước là,

“Khúc đầu đầm-ấm dương hoà,
Ấy là hồ-diệp hay là Trang sinh?”

Rồi sau mới đến

“Khúc đầu êm-ái xuân tình,
Ấy hồn Thục đế hay mình đồ quỳên?”

Phải có mơ-màng mộng tưởng, lòng người mới dễ thả hồn về quá-khứ để nhớ tiếc tình xuân. Ý sau đón được ý trước, ý trước rào được ý sau. Từ một tiểu-tiết cũng được xếp đặt chu-đáo. Từ một ý

nhỏ cũng được bố-trí vững-vàng. Thấy đều được dàn trải theo một thứ-tự liên-quan nhân-quả.

b) So với toàn-thể tác-phẩm.

Đây mới chỉ là xét riêng trong phạm-vi nhỏ hẹp của bài thơ. Nếu xét rộng ra đem đặt vị-trí của bài thơ trong cả tác-phẩm, ta mới càng thán-phục về tài xây-dựng kết-cấu của thi-sĩ Tiên-Điền.

* Đời Kiều là cả một kiếp lênh-đênh khổ-ải, là cả một thiên trường-ca não-nuột thảm-thê. Nếu thanh-lâu Tú Bà và Tiên-Đường-giang là những dấu mốc giới ranh phân- định của một đời thực sự đón-đầu, thì cung đàn cũng được dùng để mở ra và đóng lại cho bản nhạc đời trường-hận ai-oán. Cung đàn năm xưa dẫn vào kiếp sống trầm-luân thì hôm nay cung đàn tái-ngộ kết-thúc đoạn đời gian khổ. Cho nên lúc dẫn vào u-ám thì đường tơ sầu oán, lúc chấm dứt đau thương bước sang con đường thanh-thản thì điệu đàn êm vui. Xếp đặt thực là khéo-léo, dụng-ý thực là công-phu.

* Công-phu hơn nữa nếu thấy rằng cùng với cung đàn sơ-ngộ năm xưa, giáo đầu cho bản trường-ca não-nuột, ta gặp đôi tri-kỷ Bá-Nha, Tử-Kỳ:

"Rằng: 'Nghe nổi tiếng cầm-đài,
Nước non luống những lắng tai **Chung-Kỳ** '"

Hôm nay, khi cung đàn tái-ngộ kết-thúc bi-kịch, bóng Tử-Kỳ, Bá-Nha lại xuất-hiện, diễn nốt vai trò dang-dở, hai kẻ tri-âm trở về trong niềm cảm-thông chua xót:

"Một phen tri-kỷ cùng nhau,
Cuốn dây từ đây về sau cũng chừa"

Nếu năm xưa Tử-Kỳ nghe Bá-Nha gảy đàn mà thần-thờ, vui tươi lúc cung bậc vơi-vội như non cao, khi điệu đàn cuộn-cuộn như nước chảy, thì Kim-Trọng nghe Kiều đàn cũng "khí tựa gối, khi cúi đầu, khi vờ chín khúc, khi chau đôi mày".

Nếu sau này Bá-Nha mất Tử-Kỳ, người bạn chí-thiết, mà đập đàn bẻ phím thì ngày nay mất chàng Kim, người tình thiết-ái, Kiều cũng "cuốn dây từ đây về sau cũng chừa".

Lần sơ-ngộ thì chuyện người xưa được Kim-Trọng chỉ rõ (nước non), xung-danh (Chung-Kỳ). Lần này tái-ngộ, Kiều chỉ nhắc tới điển-ý xa vời (tri-ky, cũng chừa). Cuộc đời thắm-thiết ngày trước của Tử-Kỳ, Bá-Nha cũng như của Kim-Trọng Thuý-Kiều, ngày nay chỉ còn là vang bóng chập-chờn.

Mở bằng lời chàng Kim, kết bằng lời Thuý-Kiều; mở bằng dáng Bá-Nha Tử-Kỳ hiện rõ, kết bằng bóng hai kẻ lu-mờ; mở bằng tình giao-kết gắn bó đủ đôi, kết bằng nỗi đơn-côi lẻ bóng.

Cung đàn đổi thay theo nhạc-cảnh vén mở hạ màn quả đã bố-cục nhất-quán cho vở kịch Bạc Mệnh, gói trọn thiên tình-sử bi-đát của đôi tài-tử giai-nhân.

Đến đây, chẳng những nhận chân được tài thẩm-âm của Nguyễn-Du, mà còn thấy ở nơi tác-giả cách đạo-diễn tài-tình.

2- Cách sử-dụng từ hoa

Mỹ-từ-pháp của Nguyễn Du đã làm cho lời thơ thêm kiêu-diễm. Phép điệp-ngữ, đối ngẫu trong những thi-cú tương-liên có cái công-dụng dẹt thêm cho thi-diệu những dấu nhạc êm tai như dòng nhạc du-dương mà Kiều đang nấn phím:

“Khúc đầu đậm-ấm dương-hoà,
Ấy là hồ-điệp hay là Trang-sinh?
Khúc đầu êm-ái xuân-tình,
Ấy hồn Thục-đế hay mình đồ-quyên?”

Đọc những câu trên, người ta thấy vừa điệp-ngữ lại vừa song hành đối-xúng. Đối câu lại đối cả ý lẫn lời. Đối đoạn cũng có mà tiểu-đối cũng thông. Trên là đậm-ấm dương-hoà, dưới là êm-ái xuân-tình. Trước thấy hồ-điệp, Thục-Đế, sau thấy Trang-Sinh, đồ quyên. Nhạc-khúc trên thì mơ-màng mộng tưởng, nhạc-

khúc dưới thì luyến tiếc băng-khuâng. Những điệp-ngữ “*khúc đầu, ấy là, hay là*” đệm ở đầu câu, đầu vế khác nào những dấu lẩy trong một bài ca luân-xướng.

Lời thơ tuy kiêu-diễm mà vẫn trang-nghiêm. Phép dùng điển-cổ xứng hợp đã khiến ý thơ thêm trịnh-trọng, khung cảnh trở nên trang-nhã. Khi gảy đàn cho Thúc-Sinh và Hồ Tôn-Hiến, Nguyễn Du tuyệt-nhiên không dùng một điển xưa tích cũ, toàn lời lẽ thông-thường như đay-nghiến van lơn. Trái lại khi tấu cho Kim Trọng nghe lần đầu cũng như lần cuối, tác-giả dùng nhiều điển-tích, như ở lần này thì nào “*Trang-sinh hồ-diệp*”, nào “*Thục Đế, đồ quyên*” để tả ***điệu đàn khi buồn thương thì cũng lâng lâng, êm ái***, lâng lâng như giấc mộng bướm khi xưa ông Trang Chu mơ mình hoá thành bướm, tỉnh dậy không biết mình là bướm hay là Trang Chu; êm-ái như niềm băng-khuâng luyến-tiếc, tiếc nhớ tuổi xuân yêu đời, êm-ái như tiếng thiết-tha của chim quốc kêu ra-rả suốt mùa hè tiếc-nuối mùa xuân đã đi qua, êm-ái như băng-khuâng mơ-màng phải chăng đó là hiện thân của hồn Thục-đế nhớ tiếc nước mất nhà tan?

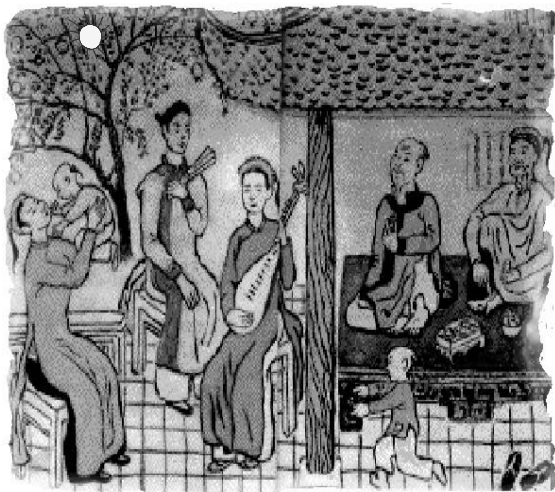
Đến chữ dùng cũng không phải là những từ-ngữ nôm thuần như “khóc than, tan nát”, như “gió thấm mưa sâu, rỏ máu ngón tay”, trái lại những chữ dùng ở đây thấy trong kho từ-ngữ Hán-Việt với những hình ảnh cầu-kỳ mà trang-nhã, nào “*duong-hoà, xuân-tình*” thay vì nói êm-ái lâng lâng, khoan thai dịu-dàng như hơi xuân đầm-ấm, nào “*khổ tạn cam lai*” thay vì nói dứt nỗi đắng cay lại tới niềm vui ngọt-ngào, hoặc “*duênh quyên châu rỏ, hạt ngọc Lam-Điền mới đông*,” để tả ***tiếng đàn trong và ấm***, tiếng đàn ấy thanh-thoát và ngân vang, trong như ngọc châu rỏ xuống vũng nước sáng trắng, ấm như hạt ngọc ở núi Lam-Điền vừa mới lên hơi trong nắng ấm. Những từ-ngữ và điển-cổ ấy đã điểm-xuyết cho ý thơ thêm vẻ tráng-lệ đài-các, lời văn thêm vẻ trang-nghiêm xứng với mối tình cao-thượng trần quý khác vời. Kim-Trọng là Kim-Trọng, không thể nào như một Thúc Sinh hay một Từ Hải, lại càng không thể đem sánh với tên quan vô lại Hồ Tôn-Hiến họ Hồ. Cho nên giữa hai kẻ “*tương-trí*”, một trang “*giai-nhân, quốc-sắc*”

và một bậc “*văn-nhân*”, “*quân-tử*”, “*hào-hoa, phong-nhã*”, nền-
nếp “*trâm-anh, tài-danh, phú-hậu*”, phải có ngôn-ngữ ấy, phải có
phong-thái này. Về cao quý của văn-từ ở bài này thật đặc-vị vì
Kim-Trọng cũng như Thuý-Kiều đầu sao vẫn là những bậc mặc-
khách tao-nhân.

Kết-luận

Tả người đã khó, tả cảnh đậm tình lại khó hơn. Phải có óc
quan-sát cho chân-xác tinh-tế, lại phải hiểu tâm-lý cho sành-sỏi.
Đến như tả tiếng đàn lại càng khó hơn nữa. Nghe thấy hay, cảm
thấy thú-vị ngắt-ngây, nhưng làm sao dùng từ cho chuẩn-xác, lựa
lời cho súc-tích, diễn đúng được âm-thanh mà điệu thơ hơi văn của
mình còn làm tăng thêm cho hiệu-lực của nhạc-điệu cung đàn.

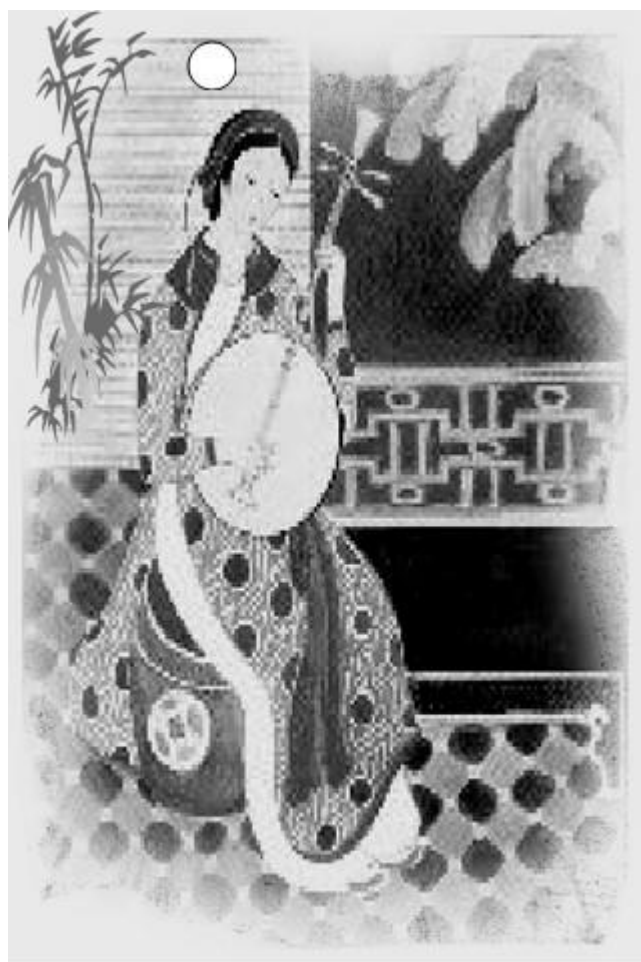
Phải có một tâm-hồn nghệ-sĩ biết yêu thiện mỹ, biết
thường-thức nghệ-thuật và sành điệu cầm ca. Thì ở đây, với sự
thành-công tuyệt-mĩ trong khi ký-âm nhạc đàn, Nguyễn Du đã tỏ
rõ ở ông một tâm-hồn nghệ-sĩ vậy.



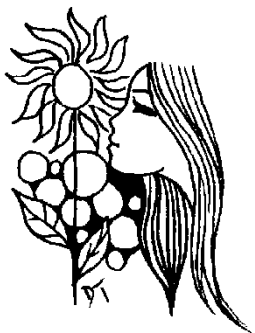
Phần 2

Tổng-Luận





*Khúc đàn âm dương-hoà!
Ấy là hồ-diệp hay là Trang-sinh?*



Tiểu-luận

TIẾNG ĐÀN KIỀU QUA TÀI THẨM-ÂM CỦA NGUYỄN-DU

Trên sân khấu Đoạn-Trường Tân-Thanh, Thuý-Kiều nổi bật vai-trò một trang giai-nhân kiều-diễm, với nhan-sắc tuyệt-trần, với tài đàn quán-thế. Tiếng đàn ấy vận vào thân phận, theo bước chân người con gái khắp-khểnh trên những chông gai nhọn hoắt của cuộc đời, vọng lên ai-oán ai-đem vào những cơn đau vật-vã: kia là Hoạn-Thư, người vợ cả ghen tuông hiểm-độc, nọ là Hồ-tôn-Hiến, tên quan vô lại tiểu-nhân. Tiếng đàn ấy gói trọn một thiên tình-sử giữa hai kẻ tri-âm "đồng thanh tương-ứng, đồng khí tương-cầu": Thuý-Kiều và Kim-Trọng.

I- TIẾNG ĐÀN MỞ MÀN SÂN KHẤU:

1.1- Trước hết tả tiếng đàn, người ta phải nhận rằng sự phân-tích của Nguyễn-Du cực-kỳ tinh-tế, phân-tích từ điệu đàn đến thanh-âm, từ tiết-nhịp đến tứ đàn.

- Về **nhạc-điệu** thì khi tung-bình mạnh-mẽ, lúc nhẹ-nhàng lưu-loát. Tả điệu đàn hùng-mạnh, tác-giả bắt ta liên-tưởng tới tiếng gươm giáo xô-xát trong những trận kịch-chiến trên chiến-trường Hán Sở:

*"Khúc đầu Hán Sở chiến-trường,
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau"*

Tả điệu đàn lưu-loát nhẹ êm, tác-giả bắt ta nghĩ đến hình-ảnh mây bay nước cuốn:

*"Kê-Khang này khúc Quảng-Lãng
Một rằng lưu-thủy, hai rằng hành-vân"*

• **Về âm-thanh**, khi thì trong như tiếng hạc lanh-lảnh vút qua. Tiếng hạc bay cao vừa trong-trẻo vừa âm vang mà sánh với tiếng đàn, thì tứ đàn thêm sáng-sủa mỹ-lệ, đúng như lời xưa vẫn tả: "cầm-tứ tiêu-nhiên". Âm-thanh lúc đục thì cuồn-cuộn rào sôi như tiếng suối đổ sa lung-chùng. Tiếng suối ào-ào từ trên cao giec mạnh xuống thấp khi chưa chạm đất, mới tới nửa vời thì réo sôi; đem âm-thanh ấy mà ví với âm-thanh khúc đàn thì thực là gây một ấn-tượng tân-kỳ vừa gợi hình lại vừa tượng-thanh:

*"Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời"*

• **Nhịp đàn đối biến**: Khi khoan-thai thì thông-thả như gió chiều nhẹ thoảng, thực là cực-tả được âm-hưởng ngân dài của những ngón nắn tiếng vượt khi đàn gảy chậm. Lúc mau lẹ thì đôn-dập như mưa rào liên-tiếp, thực là tận- diễn được cung nhịp ò-ạt của tiếng đàn ròn-rã cấp-bách khi đàn gảy mau:

*"Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa"*

• **Tả tứ đàn** nào-nùng ai-oán, đàn nghe như gảy bản "Phượng Cầu Kỳ Hoàng" lâm-ly nào-nuột của Tư-Mã Tương-Như xưa kia đã từng xiêu lòng nàng Trác-Văn-Quân khiến nàng trèo tường trốn đi theo chàng. Tả tứ đàn mơ-hồ luyến-tiết, đàn nghe như gảy khúc biệt-ly của nàng Vương-Tường khi qua biên-giới Hán Hồ, đã gảy lên để gửi lòng tưởng nhớ Hán-vương. Dù lâm-ly sâu thăm, dù thương nhớ băng-khuâng, tiếng đàn có sức hấp-dẫn, âm vang gợi cảm lạ thường, hấp-dẫn như điệu sầu quyến-rũ giai-nhân, âm vang như cung thương nhớ nhà luyến chúa:

*"Quá quan này khúc Chiêu-Quân,
Nửa phần luyến chúa, nửa phần tư gia."*

Phân-tách đã thấu-đáo, lối so-sánh kỳ-thú lại càng khiến cho sự phân-tách thêm tinh-vi, tài thẩm-âm ghi tiếng càng thêm tinh-nhuệ, chẳng khác tài ký-âm của một nhạc-sĩ.

1.2- Sau cùng, để gây thêm réo-rắt cho nhịp điệu, tác-giả khéo-léo ghi nhận cả **hiệu-lực, ảnh-hưởng của cung đàn:**

*"Ngọn đèn khi tỏ, khi mờ,
Khiến người ngồi đó cũng ngơ-ngẩn sầu,
Khi tựa gối, khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày"*

Hay đến nỗi người nghe phải mê hồn, không nén nổi được cảm-xúc trào tuôn, phải chau mày, cúi đầu, tựa gối, phải hồi-hộp bứt-rứt vì ruột rối vò tơ. Cái dáng bồn-chồn của chàng Kim thực đã lột hết được nỗi khắc-khoải trong tâm-tư, vẻ đau-đốn trên khuôn mặt, tả hết được cung điệu sầu thảm bi-ai, đề-cao được biệt-tài âm-nhạc của Kiều.

Hình như nhịp đàn khoan mau, thông-thả đồn-dập, ung-dung tới-tấp, cũng làm cho ngọn đèn đầu khi tỏ, khi mờ, lờ-mờ ẩn-hiện. Thực ra, đó chỉ là cái cảm-giác của chàng Kim lúc say nghe đắm-đuối tưởng chừng như ngoại-cảnh cũng như lòng mình đang hồi-hộp nao-nao. Dù đó là cảm-giác của Kim, song lối diễn-tả ấy vẫn như muốn nói hiệu-lực trực-tiếp của cung đàn; vả lại, nghe đàn đến nỗi tưởng cảnh cũng như lòng mình, thì quả tiếng đàn đã mê-hoặc được lòng trí người nghe, người nghe nhận xét sai lạc chỉ vì mê-mẩn tâm-thần. Như vậy cũng là một cách gián-tiếp miêu-tả tiếng đàn, tán-dương cái tài diệu-xảo của Kiều.

Tóm lại, vừa đục vừa trong, khi mau khi chậm, lúc tung-bùng lúc lưu-loát, khi oán khi thương, đủ điệu đủ vẻ với mãnh-lực gọi cảm kỳ-diệu len-lỏi vào tâm-tư của người thưởng-thức, tiếng đàn du-dương réo-rắt ấy đã minh-chứng danh-tài nhạc-ngệ của Thuý-Kiều. Với tiếng đàn ấy, ngụ-ý tán-dương của chàng Kim

ngay từ lúc mời Kiều gảy đàn, tưởng không phải là không xứng-
đáng:

*"Rằng nghe nổi tiếng cầm-đài,
Nước non luống những lắng tai Chung-Kỳ"*

II- TIẾNG ĐÀN TRONG BI-KỊCH

Trên đường gian-truân lưu-lạc, mỗi khi tai-biến ập đến vật
ngã tâm-hồn, tiếng đàn Kiều lại thốn-thức tiếng nói của chứng-
nhân.

2.1- Khi bị Hoạn-Thư hạ nhục trước mặt Thúc-Sinh, người đầu
tiên đã đem đến cho nàng tận hưởng hạnh-phúc vợ chồng, *"suốt
một năm ròng"*, *"lạt tình tào-khang"* với vợ cả mà *"mặn tình cát-
lũy"* với mình, tiếng đàn Kiều như nức-nở khóc than:

*"Bốn dây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng"*

Tiếng đàn ấy khóc than cho thân phận:

*"Rõ-ràng thật lứa đôi ta,
Làm ra con ở, chúa nhà đôi nơi"*

Tiếng đàn ấy khóc than vì trong cái thế sa cơ *"đất thấp trời
cao"*, Kiều biết *"ăn làm sao nói làm sao bây giờ?"*, mà nhìn chồng
thì:

*"Càng trông mặt, càng ngán-ngơ,
Ruột tâm đòi đoạn như tơ rối bời"*

Tiếng đàn ấy khóc than bởi vì:

*"Cùng trong một tiếng tơ đồng,
Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm"*

Tiếng đàn ấy khóc than cho cõi lòng *"tê-mê choáng-
váng"* buộc phải nhìn tình-địch vui cười lả-loi với người chồng

chung mà mới trước đây vẫn cùng mình *"chữ tình càng nặng, chữ duyên càng nồng"*:

*"Vợ chồng chén tạc, chén thù,
Bắt nàng đứng chực trì hồ hai nơi"*

Trò chơi quái-ác ấy càng làm cho tình-địch thoả lòng vì *"vui này đã bỏ đau ngẫm xưa nay"*, thì cũng càng khiến Thúc-Sinh *"như đại như ngây"*, không phải chỉ *"giọt dài, giọt ngắn, chén vơi chén đầy "* mà còn *"giọt châu lã-chã khôn cầm, cúi đầu chàng những gạt thăm giọt sương"*. Trách nào tiếng đàn chẳng *ai-oán xót xa*, ai-oán như vậy hèn chi *"người trên tiệp"* ngồi kia chẳng *"ruột đầy gan héo"*, làm gì mà chẳng *"chẳng tan nát lòng"*!

2.2- Đến khi gảy cho Hồ-tôn-Hiến thì cung đàn nghe sao đau buốt tái-tê, tiếng đàn dần-vật réo sôi niền *nghe-nào uất-ức*.

***Nghe-nào** vì* Kim-trọng còn đó, Thúc-Sinh còn đây, nhưng Từ-Hải, người chồng ân-nhân tình nghĩa thì nay còn đâu? Mà ai đã khiến chàng hoá ra người thiên-cổ? Chàng ơi! chính thiếp đã đang tâm giết chàng! Hãy nghe nàng nức-nở,

*"Khóc rằng: 'Trí dững có thừa,
Bỏ nghe lời thiếp nên cơ-hội này,
Mặt nào trông thấy nhau đây?
Thôi liều sống chết một ngày với nhau!'" "*

***Nghe-nào** vì* đối với người trước, nghĩa tình đã trả, nhưng đối với người bây giờ thì ân-nghĩa chưa xong. Thực vậy,

Nợ tình đối với Kim-Trọng, người yêu đầu đời, nàng đã lo tròn chu-tất, đã cậy nhờ em gái thay mình chấp nối nhân-duyên, đã trao lại cho em những kỷ-vật của tình xuân để chàng làm tin khi trở về *"vườn Thuý"*:

"Ngày xuân em hãy còn dài,

*Xót tình máu mủ thay lời nước non,
Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín tuổi hãy còn thơm lây.
Chiếc vành với bức tờ mây,
Duyên này thì giữ, vật này của chung.
Dù em nên vợ nên chồng,
Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên,
Mất người còn chút của tin,
Phím đàn với mảnh hương nguyền ngày xưa"*

Ân-tình đối với Thúc-Sinh thì nàng cũng đã:

*"Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân,
Tạ lòng để xứng báo ân gọi là"*

Còn như đối với họ "Tù là đáng anh-hùng, dọc ngang trời rộng vậy-vùng bể khơi", là người nàng đã từng "trộm nhờ sấm sét ra tay" để cho "tác riêng như cất gánh đầy đồ đi", nàng đã từng "tạ lay ơn" chàng mà rằng:

*"Khắc xương, ghi dạ xiết chi,
Để đem gan óc đền nghì trời mây"*

vậy mà bây giờ ân này chưa trả, nghĩa ấy chưa đền, "ai ngờ một phút tan-tành thịt xương" chỉ vì chàng đã "tin tôi nên quá nghe lời, đem thân bách chiến làm tôi triều-đình".

Uất-hận vì nhìn kia! chồng nàng chết oan tức-tuổi. Vị "tướng-quân gan liền" "chọc trời quấy nước" chết đứng ngay giữa trận-liền, đó chẳng phải là oan-ức hay sao?

*"Khí thiêng khi đã về thần,
Nhon nhon còn đứng chôn chân giữa vòng,
Trơ như đá, vững như đồng,
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời"*

Mãi đến khi vợ chàng lại gần khóc than, vật-vã "gieo đầu một bên", chàng mới chịu ngã xuống, đó chẳng phải là tức-tuổi hay sao?

*"Lạ thay oan-khí tương-triên,
Nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra"*

Uất-hận vì bị ép buộc phải cùng với quân vô-lại ăn mừng chiến-thắng chồng mình, phải mua vui cho lũ bất nhân hủ-hê trước cái chết của chồng mình, thử hỏi lòng dạ nào đang tâm cho được?

*"Trong quán mở tiệc hạ công
Xôn-xao ti trúc hội-đồng quân quan,
Bất nằng thị yến dưới màn,
Giở say lại ép cung đàn nhật tâu"*

Đối với một trò chơi vô-nhân-đạo tàn-nhẫn đến như vậy, làm sao nằng không uất-hận cho cam? Cho nên điệu đàn quần-quai ghê rợn, như mưa sầu gió thảm phủ lấp đất trời. Âm-thanh nặng đục như máu đỏ ngầu trong giồng lệ. Nhịp đàn vui dập như xô hồn chìm trong vực thảm. Cả một cõi lòng tan nát quỵen quánh vào cung đàn như rít lên niềm uất-hận hờn căm. Con tim se thắt cho ngón tay vắt máu xe xoắn tơ đồng. Trước mặt Hoạn-Thư, lệ ướm đầm-đĩa trên phím cho lòng ai phải nát tan. Bấy giờ thì không phải lệ tuôn, mà là máu trào thấm đỏ phím dây, tiếng đàn sầu thảm cho ai kia lòng lang dạ thú cũng phải nhẩn mảy ứa lệ:

*"Một cung gió thảm mưa sầu,
Bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay.
Ve ngâm vườn hót nào tà
Lọt tai, Hồ cũng nhẩn mảy rơi châu"*

Không khóc được thành tiếng vì nghẹn-ngào, không nói được nên lời vì uất-hận, thì đã có tiếng đàn này khóc hộ nói thay. Chính lời thơ trác-tuyệt đầm lệ ấy đã thấm-âm một cách tuyệt-vời tiếng đàn ướm đầm máu tim này.

III- TIẾNG ĐÀN HẠ MÀN SÂN KHẤU

Đây là lần thứ hai và cũng là lần chót, chàng Kim được thưởng-thức tài nghệ của người tình qua cung đàn Bạc-Mệnh. Một bản đàn, hai cung điệu, hai tâm-tình, hai thời-điểm. Thời-gian qua đi, tâm-tình chuyển-biến, điệu đàn đổi thay.

3.1- Cung đàn biến điệu

Cung đàn tuy biến điệu mà tài-năng vẫn không suy giảm, vẫn *"nghề riêng ăn đứt hồ-cầm một trương"*.

Ngày xưa, trong buổi sơ-ngộ đối-diện tình-quân, điệu đàn mạnh-mẽ bất thường, âm-thanh lúc bổng thì lên cao vút, khi trầm thì đổ xuống thật sâu. Nhịp đàn vừa khoan-thai như gió thoảng đã vội đôn bước đi mau như trời mưa sầm-sập. Tiếng đàn lúc đôn-dập sát phạt như binh-khí chạm khua trên trận-địa, khi réo-rất tí-tê như mây bay nước cuốn. Giọng đàn khi tung-bùng hớn-hở, lúc ai-oán sầu bi. Tứ đàn vui thì vui náo-nức, buồn thì buồn tái-tê.

Ngày nay, khi cùng chàng tái-ngộ, cung bậc trở nên dịu-dàng êm-ái, âm-thanh đổi sang du-duương nhẹ-nhàng. Tiếng đàn lúc trong-trẻo không còn sôi rào như tiếng suối dội sa nửa vời nhưng trong ấm ngân vang, cũng không còn lạnh-lãnh như tiếng hạc bay qua nhưng trong-trẻo như ngọc châu ngồi sáng dưới nước lồng trắng. Điệu đàn khi êm vui dịu-dàng như hơi ấm mùa xuân, băng-khuâng mơ-màng dịu hờn người vào xa-xăm cõi mộng, lúc buồn thảm thì nhẹ-nhàng chơi-vời như giọng quỳên lơ-lửng giục người nghe ngẩn-ngơ luyến tiếc:

*"Khúc đầu đầm-ấm dương-hoà,
Ấy là hồ-diệp hay là Trang-Sinh.
Khúc đầu êm-ái xuân-tình,
Ấy hờn Thục-Đế hay mình đồ-quỳên.
Trong sao châu rõ duềnh quỳên,
Ấm sao hạt ngọc Lam-Điền mới đông."*

Vui mà không loạn, đàn vui dịu-dịu êm êm. Buồn mà không đau xót, đàn thương êm-ái lâng-lâng. Nhưng điệu thương chưa dứt đã tiếp chen điệu vui mơ-màng. Một đàng gay-gắt rền-rĩ khiến người nghe phải xót-xa cúi đầu tựa gối. Một đàng buồn vui

êm dịu khiến người nghe chỉ thấy lòng nao-nao niềm nhớ, xao-xuyến niềm vui. Bởi vì:

3.2- Tâm-tình chuyển-biến

Trong buổi ban sơ, lòng Kiều là cả một mùa xuân đang chuyển hướng: vui thì vui hớn-hở như ngày xuân phơi-phới đang lên, nhưng buồn thì vẫn phảng-phất âu lo như chiều xuân tàn-tạ cuối mùa. Tình xuân lai-láng ban đầu bao giờ là chẳng mạnh-mẽ lớn-lao? Vốn quen *"êm-đềm trưởng rủ màn che, tường đông ong bướm đi về mặc ai"*, bỗng dưng gặp khách thư-sinh mà *"tình trong như đã"*, mới trộm liếc *"nghe theo"* mà đã *"xăm xăm băng lối vườn khuya một mình"*. Sóng tình cuồn-cuộn dâng cao, làm sao nhạc lòng không hoan-ca náo-nức, cho nên đàn vui nhộn-nhịp tới-tấp rộn-ràng.

Thế nhưng Kiều lại sầu khổ đa mang, uỷ-mị đến yếu-đuối, khóc kẻ vô danh, xót người trong mộng, khư-khư ôm giữ bóng ma, lại thêm dị-đoan mê-tín. Tin ở mộng-triệu, tin lời đoán số, lúc nào cũng như liên-cảm cái số kiếp đoạn-trường khó bề thoát khỏi, lúc nào cũng đinh-ninh trong dạ *"nghìn thu bạc-mệnh một đời tài-hoa"* để rồi *"trông người lại ngấm đến ta, một dầy một mỏng biết là có nên?"*. Lửa vui đang bốc thì mưa sầu đã đổ. Tuy lòng có hồi-hộp rộn-rã tươi vui, song nổi mừng chỉ như mưa rào mau ngớt, chứ còn tự nơi sâu thẳm, lòng vẫn rầu-rĩ buồn lo, cái buồn day-dứt như mưa dầm dai-dẳng. Hỉ-hoan tỏ hiện ra ngoài, đáng cay hầy còn ngậm nuốt bên trong, bởi vậy đàn buồn thì điệu sầu ai-oán.

Trái lại, ngày nay, lòng Kiều như cả một chiều mưa mới dứt. Buồn vui lẫn lộn. Vui vì đoạn-trường đã qua, buồn vì tình đà tan biến. Có đặt mình vào cảnh-ngộ Kiều mới thấy cõi lòng hoang tàn nhưng trong sáng. Một tâm-hồn mệt-mỏi vừa mới bừng tỉnh sau cơn ác-mộng. Niềm sung-sướng rũ sạch bụi trần bất gặp nổi *"thẹn"* *"hoa tàn, trăng khuyết"*, cho nên cung nhịp không thể chơi-vời rộn-ràng. Một tâm-hồn tươi-tắn chột vọng hoài quá-khứ. Buồn

mà không thăm vì không giận tủi ghen tuông, nhưng chỉ vì nhớ tiếc tình đầu tươi thắm, quyến-luyến tuổi xuân yêu đời. Cho nên âm-tiết bản đàn không thể nào-nề réo-rất mà trái lại lướt đi mơ-màng, nhẹ thoảng như hơi ấm trời xuân. Vui không lên cao, buồn không xuống thấp, vì lòng Kiều đã trở nên thư-thái an-hoà.

IV- NGHỆ-THUẬT GẮN LIỀN VỚI TÂM-HỒN

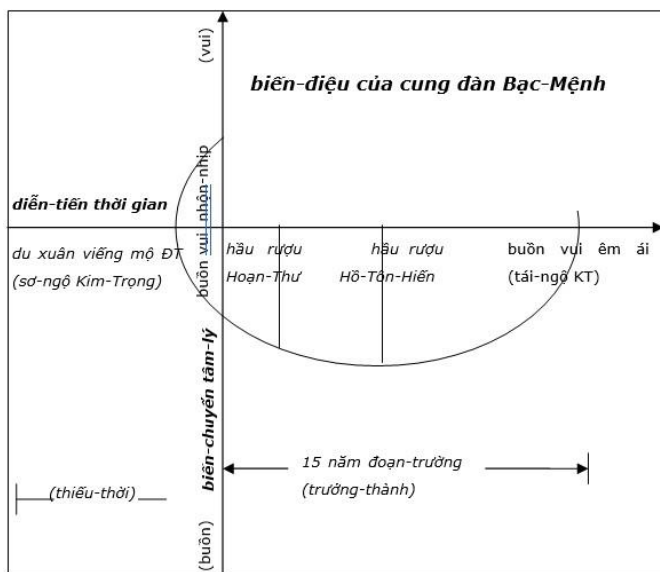
Chính sự chuyển-biến của tâm-tình cùng với biến-thể của ngón đàn kỳ-diệu ấy đã minh-chứng mối liên-hệ mật-thiết phải có giữa nghệ-thuật và tâm-hồn. Qua nhận-xét của chàng Kim thì tuy vẫn một bản đàn năm cũ, song

*"Chàng rằng: 'Phổ ấy tay nào,
Xưa sao sầu thảm, nay sao vui-vầy?' "*

Phải chăng vì lòng Kim-Trọng vui nên nghe đàn vui như vậy? Phải chăng vì lòng Kiều đang băng-khuàng sung-sướng nên ngón đàn trở nên đổi khác ngày xưa?

*"Tẻ vui bởi tại lòng này,
Hay là khổ tận đến ngày cam lai?"*

Kim-Trọng đã hỏi Kiều như thế. Một đằng có thể do Kim-Trọng định-nhìn trong dạ, một đằng có thể do Thuý-Kiều "*xôn-xao*" trong tâm tư. Nhưng cung điệu của ngón đàn dù do ảnh-hưởng bởi lòng Kim hay tình Kiều, lời phê-bình của chàng Kim cũng đã chứng tỏ: tiếng đàn đổi thay theo tâm-hồn, nói lên những rung cảm chân-thành của người tấu, gọi được cảm-xúc lai-láng nơi người nghe. Lại như đã thấy, khi Kiều đàn cho vợ chồng Thúc-Sinh cũng như cho Hồ-tôn-Hiến, cung đàn biến điệu thật kỳ-ảo vô cùng. Bởi vậy, nếu nghệ-thuật chỉ đặc-sắc khi phản-ánh được tâm-hồn nghệ-sĩ và lan truyền được cảm-xúc của mình làm cảm-hoá người sành điệu thưởng-thức, thì ở đây, qua tiếng đàn của Thuý-Kiều, Nguyễn-Du đã chứng tỏ đó là chân-nghệ-thuật vậy.



Hình 4: Biến điệu của cung đàn Bạc Mệnh

(*) Trong sách giấy ấn bản 2003, trực tung biểu thị biến chuyển tâm lý: buồn vui nhôn nhíp, chúng tôi viết hàng ngang với mũi tên chỉ vào trực tung, nay chúng tôi sửa theo đề nghị của độc giả Trần Thanh cho đúng với kỹ thuật điện toán

Kết-luận:

Đến đây, chẳng những nhận chân được tài thẩm-âm của Nguyễn-Du, mà còn thấy ở nơi tác-giả cách đạo-diễn tài-tình. Cùng với cung đàn sơ-ngộ năm xưa, giáo đầu bản trường-ca nào-nuột, ta gặp đôi tri-kỷ Bá-Nha, Tử-Kỳ:

"Rằng: 'Nghe nổi tiếng cầm-đài,
Nước non luống những lảng tai Chung-Kỳ' "

Hôm nay, khi cung đàn tái-ngộ kết-thúc bi-kịch, bóng Tử-Kỳ, Bá-Nha lại xuất-hiện, diễn nốt vai trò dang-dở, hai kẻ tri-âm trở về trong niềm cảm-thông chua xót:

"Một phen tri-kỷ cùng nhau,
Cuốn dây từ đáy về sau cũng chừa"

Nếu Tử-Kỳ nghe Bá-Nha gảy đàn mà thần-thờ, vui tươi *lúc cung bậc vời-vọi như non cao, khi nhạc đàn cuộn-cuộn như nước chảy*, thì Kim-Trọng nghe Kiều đàn cũng *"khi tựa gối, khi cúi đầu, khi vờ chín khúc, khi chau đôi mày"*. Nếu Bá-Nha mất Tử-Kỳ, người bạn chí-thiết, mà *đập đàn bẻ phím* thì ngày nay mất chàng Kim, người tình thiết-ái, Kiều cũng *"cuốn dây từ đây về sau cũng chừa"*. Lần sơ-ngộ thì chuyện người xưa được Kim-Trọng chỉ rõ (*nước non*), xưng-danh (*Chung-Kỳ*). Lần này tái-ngộ, Kiều chỉ nhắc tới điển-ý xa vời (*tri-kỷ, cũng chừa*). Cuộc đời thắm-thiết ngày trước của Tử-Kỳ, Bá-Nha cũng như của Kim-Trọng Thuý-Kiều, ngày nay *chỉ còn là vầng bóng chấp-chờn*. Mở bằng lời chàng Kim, kết bằng lời Thuý-Kiều; mở bằng dáng Bá-Nha Tử-Kỳ hiện rõ, kết bằng bóng hai kẻ lu-mờ; mở bằng tình giao-kết gắn bó đủ đôi, kết bằng nỗi đơn-côi lẻ bóng. Cung đàn đổi thay theo nhạc-cảnh vén mở hạ màn quả đã bố-cục nhất-quán cho vở kịch Bạc Mệnh, gói trọn thiên tình-sử bi-đát của đôi tài-tử giai-nhân.



Tham-luận

Bút-Thuật Của Nguyễn-Du Trong Đoạn Trường Tân-Thanh

Ta đã thấy bút-thuật của Nguyễn Du qua những trích đoạn tiêu biểu của Truyện Kiều. Bút-Thuật ấy tô vẽ cho tác phẩm thêm duyên dáng về hình thức bằng một áng **văn chương** chải chuốt, bằng một **nghệ thuật** điêu luyện và bằng một **kỹ thuật** kết cấu vững vàng. Bút thuật ấy tận diễn và chuyên chở được hồn thơ dạt dào đến tâm hồn người đọc, rung động được mọi cảm xúc mong manh tế nhị nhất của người thưởng thức, nâng tác phẩm lên ngôi cao trường cửu với thời gian và không gian, đem lại niềm hãnh diện và tự hào cho văn học Việt.

§1- Văn chương chải-chuốt

Lời chuyên chở ý thơ. Lời một khi được chải chuốt óng ả sẽ trang điểm cho nét đẹp của thơ thêm mỹ lệ diễm kiều, sẽ diu hồn thơ len lỏi vào tâm tư người đọc. Làm trò được chức năng này, lời thơ phải cậy nhờ đến cách sử dụng ngôn từ sao **chuẩn xác** đúng nghĩa, rõ ràng và thích đáng, sao cho **bóng bẩy**, linh hoạt, gợi cảm, gợi hình, nhưng vẫn giản dị, trong sáng mà không cầu kỳ, sao cho **du dương**, khả dĩ đem được nhạc điệu rót vào tim óc của người nghe. Ở

Truyện Kiều của Nguyễn Du, lời thơ quả thật chải chuốt óng ả vô cùng.

A- LỜI THƠ CHUẨN-XÁC

1) Nguyễn Du thường dùng hoa để ám chỉ Kiều. Nhưng cũng tùy cảnh ngộ mà hoa được diễn tả khác nhau theo dòng thời gian

Đương độ tình xuân lai-láng, vào một đêm cuối xuân sang hè, “xăm xăm băng lối vườn khuya một mình”, vội vã trở sang nhà tình quân, theo bóng trăng dẫn lối đưa đường, Kiều đang tiến lại gần nơi mà mới hồi nãy cùng chàng “lòng xuân phơi phới, chén xuân tàng tàng”, bóng trăng soi tỏ cho thấy, trong thư phòng, chàng còn “tựa án thi thiêu” bên “ngọn đèn trông lọt trướng huỳnh hắt hiu”, tác giả tả:

“Tiếng sen khê động giấc vàng
Bóng trăng đã xé hoa lê lại gần”

Rõ là vẻ đẹp của một tâm hồn trinh nguyên trong trắng, một hình ảnh tha thướt kiều sa, xinh tươi sáng ngời.

Nhưng lần đầu tiên, khi đã rơi vào chốn thanh lâu của mụ Tú, hoa lê kia không còn khoe sắc trên cành như hôm xưa dưới ánh trăng thơ mộng, mà nay lênh đênh trên dòng sông cuốn trôi ra biển cả mênh mông:

“Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?”

Gọi là *trôi*, vì lúc này Kiều còn được Tú Bà ve vuốt ưu đãi, dưới mắt mọi người, nàng là “con gái” được “mẹ cung chiều” cho cắm cung nơi lầu cao Ngưng Bích, chưa phải là người kỹ nữ bán phần buồn son. Gọi là *man mác*, vì như bông hoa kia trôi ra đại dương bát ngát, đời nàng rồi cũng bất định vô phương, không chừng rồi cũng sẽ trôi giạt

chẳng biết đâu là bến bờ. Thật khác hẳn với cảnh sau này phải mặt dày mày dạn “dập diu lái gió càn chim, sớm đưa Tống Ngạc tới tìm Trảng Khanh”, hoa lê kia không còn là báu vật được nâng niu, trân trọng, cũng chẳng còn trôi nổi lênh đênh nữa, nhưng nay đã bị vớt bỏ lay lắt giữa đường cho kẻ qua người lại dày xéo giẫm nát tan tành:

“Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường”

Đúng là như thế, cho nên Kiều đã tự thú với Thúc sinh lai-lịch cái thân tàn nhơ-nhuốc của mình. Hoa lê kia còn đâu vẻ đẹp duyên-dáng kiêu-kỳ nữa, nay đã rụng rồi, bởi rụng mới lay-lây tan-tác giữa đường là vậy:

“Thiếp như *hoa đã lìa cành*,

Chàng như con én liệng vành mà chơi.”

“Hoa lê” dịu-dàng, hoa “trôi man-mác”, hoa đã “tan-tác giữa đường”, chữ dùng thật chuẩn, chính-xác, gọi hình, gợi cảm, đồng thời còn xác-định được thời-gian vì khi bắt đầu vào hè thì hoa lê rộ nở.

2) Điểm đặc-biệt nữa là cách tác-giả dùng từ để chỉ ngôi thứ ba cũng như trong phép xưng hô:

a) **Để chỉ ngôi thứ ba**, nói về Kiều, đại danh-tự “người” được ám-chỉ; nói về Kim, chữ “kẻ” hay “khách” được thay thế:

- “*Người* quốc-sắc, *kẻ* thiên-tài

Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.”

- “Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa, *người* còn ghé theo.”
- “Mấy lần cửa đóng then cài,
Đầy thềm hoa rụng, biết *người* ở đâu?”
- “Cách tường phải buổi êm trời,
Dưới đào đường có bóng *người* thướt-tha”
- “Buông cầm xóc áo vội ra,
Hương còn thom nức, *người* đà vắng
tanh.”
- “Ngắm âu *người* ấy, báu này,
Chẳng duyên chưa để vào tay ai cầm.”
- “Bâng-khuâng nhớ cảnh, nhớ *người*,
Nhớ nơi kỳ-ngộ, vội dời chân đi.”
- “Tan sương đã thấy bóng *người*,
Quanh tường ra yù tìm-tòi ngẩn-ngơ.”
- Thang mây rón bắc ngọn tường,
Kẻ nhìn tỏ mặt, *người* e cúi đầu.”

b) Trong phép xưng hô, Kim-Trọng dặn-dò
Kiều:

- “Gìn vàng giữ ngọc cho hay,
Cho đành lòng *keu* chân mây cuối trời.”

Còn Kiều thì nói với chàng rằng:

- “Quản bao tháng đợi năm chờ,
Nghĩ *người* ăn gió nằm mưa xót thâm”
- “Còn non, còn nước, còn dài,
Còn về còn nhớ đến *người* hôm nay.”
- “Nào *người* cũ gió tuần mưa,

Một ngày nặng gánh tương-tư một
ngày.”

Là vì khi xưng hô, bởi muốn tỏ lòng tôn-trọng cho nên gọi người đối-diện là “*người*”, và tỏ vẻ khiêm-nhường nhũn-nhặn, ta phải hạ mình mà tự xưng là “*kẻ*”. Giữa “*người*” và “*kẻ*”, có cái ý nhất bên trọng, nhất bên khinh, “*người*” vẫn có vẻ trọng-vọng, trong khi “*kẻ*” thì lại có ý coi thường. Ta vẫn quen nói: “*kẻ* hèn này thấy mình bất xứng vô tài”, hoặc nói: “những tên lưu-manh này đều là những của nợ những *kẻ* ăn bám xã-hội mà thôi”, nói như vậy chính-xác hơn là nói: “những *người* lưu-manh này đều là vô-dụng”. Đúng thế,

c) Đối với những *kẻ* bất lương vô liêm-sĩ như
Mã giám-sinh, thì phải có những từ mạnh nghĩa hơn, như:

“Chẳng ngờ *gã* Mã giám-sinh

Vẫn là một *đứa* phong tình đã quen”

Hoặc điếm mặt Tú-Bà, thì phải nói:

“Lầu xanh có *mụ* Tú Bà,

Làng chơi đã trở về già hết duyên”

Với Sở-Khanh, một tên học-thức nhưng bị “kẻ chê bất nghĩa, người cười vô lương”, thì phải mắng vào mặt hắn rằng:

“Mặt mo đã thấy ở đâu *dẫn vào*.”

Thế nhưng trước khi Sở Khanh để lộ rõ cái “mặt mo” của mình, Kiều lại gọi hắn là “chàng” bởi vì khi thoát nhìn cái vỏ bề ngoài, nàng chỉ biết đó là:

“Một *chàng* vừa trạc thanh-xuân,

Hình-dung chải-chuốt áo khăn dịu-dàng,”

Cho nên mới nhẹ dạ suy-đoán:

“Nghĩ rằng *cũng mạch thơ-hương*,

Hỏi ra mới biết rằng *chàng* Sở-Khanh.”

3) Nói đến lời thơ chuẩn-xác, phải kể thêm những biểu-từ gọi hình, gọi cảm, tượng thanh, những từ này nhan-nhân đây-dấy trong tác-phẩm:

* “Gót sen *thoăn-thoắt* dạo ngay mái tường.”

* “*Xăm-xăm* băng lối vườn khuya một mình.”

* “*Xấn tay* mở khóa động đào.”

* “*Rẽ mây* trông tỏ lối vào thiên-thai.”

* “Nhìn nhau *lã-chã* giọt hồng

Rỉ tai, nàng mới giải lòng thấp cao.”

* Giọt châu *lã-chã* khôn cầm,

Cúi, đầu chàng những gạt thăm giọt sương.”

Nước mắt *giọt ngắn giọt dài tuôn rơi không dứt*,
chùng như có tiếng nức-nở sụt-sùi. Mẹ con nhìn nhau *nước mắt dàn-dụa*. Nàng mới rón-rén giải-bày tâm-sự. Không sao
ngăn được nước mắt trào ứa, chàng đành cúi đầu âm-thầm
gạt *lệ đầm-đìa* như sương.

• “Tiếng oan đã *muốn vạch trời kêu lên*”. Tiếng oan này *gào lên nổi uất-ức căm-hờn khôn thấu*.
Tiếng oan này là *tiếng thét xé gan đứt ruột chọc thủng trời xanh*.

• “Trước yên, ông đã *năn-ni thấp cao*”. Ông
già họ Vương này quả là *lép vế*, ông đã để lộ cái yếu thế của
mình mà *cầu-cạnh van xin*. Nếu không lép vế sao ông
lại *năn-ni to nhỏ* tiếng thấp tiếng cao? Nếu không cầu-cạnh
sao ông lại *năn-ni hết lời trông cậy phó-thác*?

• “Nắng mưa *thui-thủi* quê người một thân.”
Thui-thủi đây không hẳn chỉ có nghĩa *trơ-trọi* một mình
không ai là người có thể cho mình được *thỏ-lộ* tâm can,
nhưng cái ý chính còn là nói lên nỗi *buồn tủi* vì cô-đơn, buồn
cho cảnh-ngộ trái ngang cay đắng, tủi cho thân phận đầy-đọa
bọt bèo.

• “**Buồn** *mình* trước đã **tần-mẫn** *thử chơi*.”

Cảm thấy thèm muốn, đòi hỏi, cũng như khi nói: buồn cười, buồn nôn. Dem cái ý ấy mà nói “buồn mình” thì tả hết được cái sự *khao-khát, rạo-rực* của tên vô lại Mã giám-sinh trước nhan-sắc của nàng trinh-nữ Thuý-Kiều. Người **tần-mẫn** *tần-mẫn* thì hay có tính *vụn-vặt, tinh-nghịch* làm những cái nhỏ mọn không đâu, chẳng phải việc mình cũng cứ mó tay, *làm giấu làm giếm, thích sờ-mó, mò-mẫm, làm âm-thầm* không muốn cho ai hay, cũng như khi ta nói: đến chơi nhà người ta, thấy cuốn sách hình đẹp, anh chàng kia **tần-mẫn** mở ra coi, rồi đút luôn vào cặp đem về. Cái hành-động vừa có tính *tò-mò, thích mò-mẫm, đòi hỏi* xác thịt, vừa *không ngay thẳng, vừa có vẻ ti-tiện* của tên bất lương họ Mã được gói gọn trong cụm từ “**tần-mẫn thử chơi**” thì quả thực ý tại ngôn-ngoại, thật khó giải-thích cho ngắn gọn mà hết ý. Dùng lời thanh-nhã mà tả được những lời sống-sượng sỗ-sàng của Tú-Bà đồng thời cũng cho ta hình-dung được con người Mã giám-sinh, đây là bút-thuật tinh-xảo của tác-giả đã tận-dụng được sự tinh-tế và chuẩn-xác của ngữ Việt vậy.

• “Nàng thì **bần-bật** *giác tiên*,

“Mụ thì **cầm-cập**, mắt nhìn hồn bay”

“**Bần-bật**” và “**cầm-cập**” đều tượng hình, tượng thanh. Người ta thường nói nín tấp, im tằm-tấp, hay im bất để tả sự yên lặng tuyệt-đối hoàn-toàn. Học-trò trong lớp đang xôn-xao, bỗng nhiên *im bất* khi chợt thấy thầy giám-thị đi ngang qua. Cho nên bất tin thì hoàn toàn không có tin tức, bất hơi, thì im hơi lặng tiếng. Bệnh-nhân đã bất hơi là bệnh-nhân ngưng thở. Nhưng ở đây **bần-bật** thì chưa chết hẳn, *vẫn còn thoi-thóp*, còn đang mê-man bất tỉnh như đang đi vào giấc ngủ thần-tiên. Những tiếng này cực tả được *tình-trạng hôn-mê* của nàng Kiều, cho ta hình-dung ngay sắc mặt nhợt-nhạt cắt không còn hạt máu, thân hình bất động cứng đờ của người đang cần được cấp-cứu. Trong khi ấy mụ Tú thì run

lên *cầm-cập*. Bằng hai chữ “*cầm-cập*”, người ta hình dung ngay được *sắc mặt và cử-chỉ sợ-hãi cuống-cuồng, tay run lay-bẩy, hai hàm răng đánh vào nhau nghe rõ thành tiếng*. Quả là tượng hình tượng thanh. Ta vừa thấy bút-thuật tài-tình của Nguyễn-Du, vừa thấy được sự chuẩn-xác của tiếng Việt, thật tề-nhị phong-phú là dường nào!

- “Hết lời thú phục khẩn cầu,

Uốn lưng thịt đỏ, giập đầu máu sa”

Cũng vậy, đây là *trận đòn thừa sống thiếu chết*. Không một từ nào trong “câu bát” thừa-thãi. Còn gì là thân xác khi thấy cái thân hình mảnh-mai kia bị *uốn cong* cho *roi đòn tới-tấp vun-vút* quật vào? Cả một cây thịt đỏ xuống! Còn gì là hình-hài khi bị người ta nghiền răng túm tóc *giập đầu liên-hồi* cho máu hồng loang-lổ? Đúng là cảnh máu đỏ thịt rơi! Không phải chỉ gợi hình mà thôi, nhưng chừng nghe được cả tiếng roi đòn đen-đét, tiếng va bình bình của cái đầu bị dúi giập vào tường. Cũng không cần tả tiếng rên la của nạn-nhân, nhưng bằng ấy chữ nếu đủ để cho ta hình dung cảnh tượng bi-đát, tàn-nhân, xác-xơ, thì cũng đủ để cho ta biết được có tiếng gào thét rên la của Thuý Kiều mà thương-cảm xót-xa cho người bạc-mệnh. Như vậy há chẳng gợi hình, gợi thanh, gợi cảm hay sao?

- “Chút thân *quần-quại vũng lầy*,

Sống thừa còn tưởng đến rày nữa sao?

Cũng *liều một hạt mưa rào*,

Mà cho thiên-hạ trông vào cũng hay!”

“Vũng lầy” thì quả là *nhơ-nhóp*. “Quần-quai” sao mà thấy *đốn-đau*! “Chút thân” nghe mà thấy *xót thương tội nghiệp*! Tội nghiệp vì yếu-ớt bé-bỏ. Cái tấm thân bé-bỏ này đang quần-quai trong vũng lầy ô-uế gởi ra cái hình ảnh con đĩa phải vôi đang *giấy-giũa* trong vũng nước dơ. Nhưng dầu cho muối vôi có xót, con đĩa kia *vẫn còn dai-dẳng kéo dài cuộc sống*, thân-phận liễu yếu đào tơ này vẫn còn phải lết đi cho đủ mười lăm năm mới dứt kiếp đoạn-trường. Thêm những nhục-hình chịu đựng hết ở nhà Hoạn-bà lại tới ở nhà Hoạn Thư tưởng như đã chết rồi, vậy mà đến rày vẫn còn sống sót được sao? Sao bây giờ mới thấy chàng ngó-ngàng hỏi tới? Chờ chàng hôm nay hỏi đến chắc thiếp đã chết rồi! “Thân em như hạt mưa rào, hạt sa xuống giếng, hạt vào vườn hoa”. Số kiếp đàn bà chẳng may phải sa xuống giếng khơi, thì cũng đành liễu mình cho thiên-hạ mua cười mà thôi! Lời than nghe *sao chua chát đắng cay*! Đây là lời Kiều *mĩa-mai* khi Thúc-sinh chờ vợ vắng nhà mới dám lén đến gặp nàng tại Quan-Âm-các để giải-bày nông-nỗi. Mà mĩa-mai như thế cũng đúng, bởi vì dầu sau đó, nàng có cậy nhờ chàng:

“Liệu bài mở cửa cho ra,

Ấy là tình nặng, ấy là ơn sau”

Thế mà con người hèn nhát ấy, trước đây khi cầu-cạnh tình yêu của Kiều, vốn huênh-hoang:

“Đường xa chó ngại Ngô Lào,

Trăm điều hãy cứ trông vào một ta”

thì nay đã không ngần-ngại trả lời thẳng thừng:

“Liệu mà cao chạy xa bay,

Ái-ân ta có ngần này mà thôi!”

Kiều hờn mát như vậy là quá đúng. Có thể mới cảm-thông cho “*chút thân quần-quai vũng lầy*”. Chữ dùng cực mạnh, gợi hình, đặc-vị. Lời thơ rào trước đón sau. Thật là văn-chương hàm-súc!

Trên đây chỉ là đan-cử thêm một vài ví-dụ ngoài những dẫn-chứng trong các trích-đoạn, kho biểu-từ chuẩn-xác trong truyện Kiều thì còn phong-phú vô cùng.

B- LỜI THƠ BÓNG-BẦY

Chữ dùng chuẩn-xác, lời thơ còn thêm bóng-bẩy nhờ tận-dụng các từ hoa như: đối-ngẫu, điệp-ngữ, liệt-cử, cật-vấn tán-thán, tỷ-lệ, ẩn-dụ, nhân-cách-hoá, thậm xưng, chơi chữ, điển-cổ, hoán-vị phối-hợp, hô-khởi, đảo-trang.

1- Đối-ngẫu

Phải nói ngay rằng, tác-giả rất ưa dùng cú-pháp song quan. Không phải chỉ có đối-xúng giữa câu trên với câu dưới trong mỗi liên lục bát, mà nhan-nhân những câu gồm hai vế đăng-đối nhau. Người viết cố-gắng liệt-kê tới-đa những câu này để thấy rằng cú-pháp này được tận-dụng hết mức, làm như hễ tác-giả đặt bút, xuất khẩu là y như câu thơ đã có ngay hai vế tiểu-đối rồi.

a) *đối câu hay bình đối*

- “*Người mà đến thế thì thôi,*

Đời phồn-hoa cũng là đời bỏ đi!

Người đâu gặp-gỡ làm chi?

Trăm năm biết có duyên gì hay không?”

- “Nàng thì vội trở buông thêu,
Sinh thì rào bước sân đào vội ra.”
- “Bên thì mấy ả may ngài,
Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.”
- “Kiếp xưa đã vụng đường tu,
Kiếp này chẳng kéo đèn bù mới xuôi.”
- “Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan-tác như hoa giữa đường
- “Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân!
- “Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng xin đợi ngày rày năm sau.”
- “Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa-xôi.”
- “Người vào chung gối loan-phòng,
Nàng ra tựa bóng đèn chong canh dài.”
- “Tha ra thì cũng may đời,

Làm ra thì cũng ra người nhỏ-nhen”

b) tiểu-đổi

- “Mai cốt cách, tuyết tinh-thần”

“Khuôn trăng đầy-đầy, nét ngài nở-nang”

- “Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”
- “Làn thu thủy, nét xuân sơn,
- “Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”
- “Sắc đành đòi một, tài đành họa hai”
- “Sầu tuôn đứt nối, châu sa vắn dài!”
- “Thác là thể-phách, còn là tinh anh”
- “Nền phú-hậu, bậc tài danh,”
- “Văn-chương nét đất, thông-minh tính trời.”
- “Vào trong phong-nhã, ra ngoài hào-hoa.”
- “Người quốc-sắc, kẻ thiên-tài.”
- “Tinh trong như đã, mặt ngoài còn e.”
- “Rón ngời chẳng tiện, dứt về chín khôn.”
- “Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.”
- “Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.”
- “Giọt sương trĩu nặng, cảnh xuân la đà.”
- “Sương in mặt, tuyết pha thân.”
- “Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao,
- “Mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao-ngán lòng.”
- “Trúc se ngọn cỏ, tơ chùng phím loan.”
- “Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình.”

- “Cạn dòng lá thắm, dứt đường chim xanh.”
- “Hương còn thơm nức, người đà vắng tanh”
- “Xuyến vàng đôi chiếc, khăn là một vuông.”
- “Kẻ nhìn tỏ (tận) mặt, người e cúi đầu.”
- “Chàng về viện sách, nàng dòi lầu trang.”
- “Tình càng thắm-thía, dạ càng ngẩn-ngơ.”
- “Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia.”
- “Chẳng sân ngọc-bội, cũng phường kim-môn.”
- “Đài sen nổi sập, song đào thêm hương.”
- “Nỗi nhà tang-tóc, nỗi mình xa-xôi.”
- “Chưa vui sum họp, đã sầu chia phôi”
- “Dầu thay mái tóc, dăm dòi lòng tơ”
- “Mối sầu sè nửa, bước đường chia hai.”
- “Đầu cảnh quyên nhật, cuối trời nhận thừa.”
- “Hoa trôi giạt thắm, liễu xơ-xác vàng.”
- “Người nách thước, kẻ tay đao.”
- “Rụng rơi khung cửi, tan tành gói may.”
- “Điếc tai lân-tuất, phũ tay tòi-tàn”
- “Duyên hội-ngộ, đức cù-lao”
- “Tiếng oan dậy đất, án ngờ loài mây.”
- “Lễ tâm đã đặt, tụng kỳ cũng xong.”
- “Mây râu nhẵn-nhụi, áo quần bảnh-bao.”
- “Thềm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng.”
- “Ngắt hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày.”
- “Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai.”
- “Ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ.”
- “Trao tơ phải lứa, gieo cầu đáng nơi.”
- “Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây.”

- “Tờ hoa đã ký, cân vàng đã trao.”
- “Áo đầm giọt lệ, tóc xe mối sầu.”
- “Dầu chong trắng đĩa, lệ tràn thấm khăn.”
- “Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.”
- “Nát thân bồ liễu, đền nghì trúc mai.”
- “Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm.”
- “Dầu dầu ngọn cỏ, đầm đầm cảnh sương.”
- “Thiệt lòng khi ở, đau lòng khi đi.”
- “Càng nhìn vẻ ngọc, càng say khúc vàng.
- “Vốn nhà cũng tiếc, của trời cũng tham.”
- “Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương!”
- “Phân cãm nổi khách, phần dơ nổi mình.”
- “Một mình thì chớ, hai tình thì sao?”
- “Vó câu khắp-khẽnh, bánh xe gập-ghenh.”
- “Khi vào dùng-dắng, khi ra vội-vàng.”
- “Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người.”
- “Kìa gương nhật nguyệt, nọ dao quý thần.”
- “Bạc phau cầu giá, đen dầm ngàn mây.”
- “Đêm đêm hàn-thực, ngày ngày nguyên-tiêu.”
- “Xôn-xao oanh yến, dập-diu trúc mai.”
- “Đưa người cửa trước, rước người cửa sau.”
- “Cát vàng còn nọ, bụi hồng dặm kia.”
- “Hình dung chải-chuốt, áo khăn dịu-dàng.”
- “Vuốt đầu xuống đất, cánh đầu lên trời?”
- “Uốn lưng thịt đỏ, giập đầu máu sa.
- “Kẻ chê bất nghĩa, người cười vô lương.”
- “Nổi đêm khép mở, nổi ngày riêng chung”
- “Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề.”

- “Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người.”
- “Sớm đưa Tống-Ngọc, tối tìm Tràng-Khanh.”
- “Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu.”
- “Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa.”
- “Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau.”
- “Vẽ nào chẳng mặn, nét nào chẳng ưa.”
- “Trước còn trăng gió, sau ra đá vàng.”
- “Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nổi thơ.”
- “Bàn vây điểm nước, đường tơ hoạ đàn.”
- “Càng quen thuộc nét, càng dan-dít tình.”
- “Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu.”
- “Đành thân phận thiếp, ngại danh-giá chàng.”
- “Đá vàng đã quyết, phong ba cũng liều.”
- “Càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông.”
- “Càng xuê vẻ ngọc, càng lồng màu sen.”
- “Đào hoen-quện má, liễu tan-tác mây.”
- “Gương lờ nước thủy, mai gầy vóc sương.”
- “Ngoài thì là lý, song trong là tình.”
- “Kiệu hoa cất gió, đuốc hồng ruổi sao.”
- “Thương vì hạnh, trọng vì tài.”
- “Đào đà phai thắm, sen đà nảy xanh.”
- “Mặn tình cát-luỹ, lạt tình tao-khang.”
- “Ở vào khuôn phép, nói ra môi giường.”
- “Trước người đẹp ý, sau ta biết tình.”
- “Chia phôi ngừng chén, hợp tan nghẹn lời.”
- “Lớn ra uy lớn, tôi đành phận tôi.”
- “Người lên ngựa, kẻ chia bào.”

- “Nửa in gói chiếc, nửa soi dặm trường.”
- “Miệng người đã lẩm, tin nhà thì không.”
- “Lời tan-hợp, nổi hàn-huyên,
- “Chữ tình càng mặn, chữ duyên càng nồng.”
- “Đã dơ bụng nghĩ, lại bìa miệng cười.”
- “Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.”
- “Nổi chàng ở bạc, nổi mình chịu đen.”
- “Tro than một đồng, nắng mưa bốn tường.”
- “Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan.”
- “Trên tam đảo, dưới cửu tuyền,”
- “Cửa nhà đâu mất? Lâu-đài nào đây?”
- “Sớm ngơ-ngẩn bóng, đêm năn-nỉ lòng.”
- “Giọt dài giọt ngắn, chén đầy chén vơi.”
- “Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm.”
- “Hết điều khinh trọng, hết lời thị phi!”
- “Nhẹ như bác, nặng như chì.”
- “Nói ra chẳng tiện, trông vào chẳng đang!”
- “Dường gần rừng tía, dường xa bụi hồng.”
- “Ngày pho thủ-tự đêm nổi tâm-hương.”
- “Nói lời trước mặt, rơi châu vắng người.”
- “Trông vào đau ruột, nói ra ngại lời.”
- “Nổi ông vật-vã, nổi nàng thở-than “
- “Chào mời vui-vẻ, nói-năng dịu-dàng.”
- “Tiếng gà điểm nguyệt, dấu giày cầu sương.”
- “Phần e đường-sá, phần thương dải-dầu.
- “Ngọn đèn kêu nguyệt, tiếng chày nện sương.”

- “Sư càng nề mặt, nàng càng vững chân.”
- “Bóng hoa rợp đất, vẻ ngân ngang trời.”
- “Trái lời nẻo trước, luy mình đến sau.”
- “Cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người.”
- “Cũng thân mày trắng, cũng phường lâu xanh.”
- “Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.”
- “Côn-quyền hơn sức, lược-thao gồm tài.”
- “Gươm giàng nửa gánh, non sông một chèo.”
- “Trai anh-hùng, gái thuyền-quyên”
- “Phi nguyên sánh phượng, đẹp duyên cười rỗng”
- “Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường”
- “Cỏ cao hơn thước, liễu gãy vài phân”
- “Dầu lìa ngó ý, còn vương tơ lòng”
- “Đầy sông kinh ngạc, chật đường giáp binh.”
- “Hoa quan giáp-giới, hà-y rõ-ràng”
- “Trúc tơ nổi trước, kiệu vàng kéo sau”
- “Kéo cò luỹ, phát súng thành.”
- “Om-thòm trống trận, rập-rình nhạc quân”
- “Đạo ra Vô-Tích, đạo vào Lâm-Truy”
- “Lòng lòng cùng giận, người người chấp uy.”
- “Vệ trong thị lập, cơ ngoài song phi.”
- “Vác đồng chặt đất, tinh-kỳ rợp sân.”
- “Mặt như chàm đỏ, mình dường dễ run.”
- “Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân.”
- “Nửa phần khiếp sợ, nửa phần mừng vui.”
- “Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan?”

- “Càng cay nghiệt lắm, càng oan trái nhiều.”
- “Khôn-ngoa đến mực, nói-năng phải lời.”
- “Nở-nang mày mặt, rõ-ràng mẹ cha.”
- “Một là đặc hiếu, hai là đặc trung,”
- “E-dè sóng gió, hãi-hùng cỏ hoa.”
- “Tưới ra đã khắp, thấm vào đã sâu.”
- “Ngọn cò ngo-ngác, trống canh trẽ-tràng.”
- “Ba bề phát súng, bốn bên kéo cò.”
- “Trơ như đá, vững như đồng.”
- “Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời.”
- “Dọc ngang trời rộng, vầy-vùng bể khơi.”
- “Nghe càng đắm, ngắm càng say.”
- “Quan trên ngó xuống, người ta trông vào.”
- “Lá màn rủ thấp, ngọn đèn khêu cao.”
- “Tu là côi phúc, tình là dây oan”
- “Ở không yên-ôn, ngồi không vững-vàng.”
- “Ma đưa lối, quỷ dẫn đường.”
- “Thanh-lâu hai lượt, thanh-y hai lần.”
- “Kê răng hùm sói, gửi thân tôi đòi.”
- “Mắc điều tình-ái, khỏi điều tà-dâm”
- “Hại một người, cứu muôn người,
- Biết đường khinh trọng, biết lời phải chẳng.”
- “Nhẹ-nhàng nợ trước, đền-bồi duyên sau.”
- “Tuy đầm hơi nước, chưa loà bóng gương”
- “Bán mình là hiếu, cứu người là nhân.”
- “Duyên xưa đầy-đặn, phúc sau đòi-dào.”
- “Gió trăng mát mặt, muối dưa chay lòng.”
- “Triều dâng hôm sớm, mây lồng trước sau.”
- “Song trắng quạnh-quẽ, vách mưa rã-rời.”

- “Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày.”
- “Lau treo rèm nát, trúc cài phen thưa.”
- “Càng ngao-ngán nổi, càng ngơ-ngẩn đường!”
- “Dầm-dề giọt ngọc, thần-thờ hồn mai!”
- “Gan càng tức-tối, ruột càng xót-xa.”
- “Như nung gan sắt, như bào lòng son”
- “Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm-bao.”
- “Càng âu duyên mới, càng dào tình xưa.”
- “Tuôn châu đòi trận, vò tơ trăm vòng.”
- “Hoa chào ngõ hạnh, hương bay dặm phần.”
- “Liều mình thế ấy, phải lừa thế kia”
- “Mảnh hương còn đó, phím đàn còn đây!”
- “Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng pha.”
- “Sóng êm Phúc-Kiến, lửa tàn Chiết-Giang”
- “Kiếp sau họa thấy, kiếp này hẩn thôi.”
- “Dưới dày có đất, trên cao có trời.”
- “Hoa thơm phong nhụy, trăng vòng tròn gương”
- “Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời.”
- “Hoa soi ngọn đuốc, hồng chen bức lả”
- “Âng-khuâng duyên mới, ngâm-ngùi tình xưa.”
- “Vót hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa.”
- “Càng yêu vì nét, càng say vì tình.
- “Chẳng trong chăn gối, cũng ngoài cầm thơ.”

Rõ ràng cú-pháp song quan đầy-dẫy trong tác-phẩm. Sự đả-đấu tương-phản của hai vế đã nhấn mạnh làm nổi bật và tăng thêm ý-nghĩa của câu thơ. Sự liên-tưởng từ vế trước bắt liền sang vế sau dẫn tâm hồn người đọc tới một

chân trời rộng mở. Sự đối-xúng song-hành giữa hai ý-tưởng như vẽ ra những đôi liễn đối sơn son thiếp vàng trang-trí cho vườn thơ thêm lộng-lẫy huy-hoàng.

2- điệp-ngữ

- “Thân còn chẳng *tiếc, tiếc* gì đến duyên”
- “Tắm *riêng, riêng* những nặng vì nước non
- “Nỗi *riêng, riêng* những bàng hoàng,

Dầu chong trắng đĩa, lệ tràn tâm khải.”

- “Nỗi *riêng, riêng* trạnh tác *riêng* một mình.”
- “Nỗi *riêng lóp lóp* sóng gòi.”
- “Thêm *người, người* cũng ra lòng *riêng* tây.”
- “Buồng *riêng, riêng* những sứt-sùi,
- Nghĩ *thân*, mà lại ngậm-ngùi cho *thân*:”
- Tiếc thay trong giá trắng ngần!

“Đến *phong-trần*, cũng *phong-trần* như ai.”

- “Nghĩ *lòng* lại xót-xa *lòng* đòi phen”
- “Phận sao đành vậy, cũng vậy,
- “Phận sao *dầu* vậy, cũng *dầu*,

Xót lòng đeo-đẳng bấy lâu một lời.”

- “*Phận* sao *phận* bạc như vôi”
- “*Thân* sao *thân* đến thế này?

Cầm như chẳng đổi những ngày còn xanh.”

- “Thương nhau xin nhớ lời nhau,
Năm *chầy* cũng chẳng đi đâu mà *chầy*,”
- “Bây giờ sống thác ở tay,
Thân *này* đã đến thế *này* thì thôi!
- Nhưng *tôi* có xá chi *tôi*,
Phận *tôi* đành vậy, vốn người để đâu?”
- “Nay *hoàng-hôn* đã lại mai *hôn-hoàng*.”
- “*Lại càng* mê-mẩn tâm-thần,
Lại càng lặng đứng tần-ngần chẳng ra.
Lại càng ủ dột nét hoa...”
- “*Thân* sao bướm chán ong chường
bấy *thân*?”
- “Còn non, còn nước, còn dài,
- Còn về, còn nhớ đến người hôm nay.”
- “Chơi *cho* liễu chán *hoa* chê,
Cho lẫn-lóc đá, *cho* mê-mẩn đời.
- “Giá đành trong nguyệt trên mây,
Hoa sao *hoa* khéo đoạ-đầy bấy *hoa*!”
- “Đã cho lấy chữ hồng-nhan,

“Làm *cho*: *cho* hại, *cho* tàn, *cho* cân.”

- “Ngày
xuân càng gió, càng mưa càng nồng.”
- “*Nguyệt* hoa hoa *nguyệt* nảo-nùng,

Đêm xuân ai dễ cảm lòng được chẳng!”

- “*Làm cho* nhìn chẳng được nhau,
Làm cho đầy-đọa cát đầu chẳng lên,
Làm cho trông thấy nhãn-tiền,
Cho người thăm ván bán thuyền biết tay.”

- “*Làm cho*: *cho* mệt, *cho* mê,
Làm cho đau-đớn ê-chề *cho* coi!
Trước cho bỏ ghét những người,
Sau cho để một trò cười về sau.”

- “*Bắt* khoan, *bắt* nhật đến lời,
Bắt quỳ tận mặt, *bắt* mời tận tay.”

- “Hỏi ông, ông mắc tụng-đỉnh,
- Hỏi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha,
- Hỏi nhà, nhà đã rời xa.”
- “Biết bao duyên nợ thề bồi,

Kiếp này *thôi* thế thì *thôi* còn gì!”

- “Còn duyên, may lại còn người”
- Còn vàng trắng bạc, còn lời nguyên xưa.”

3- *cật-vấn và tán than*

- “Nào người phượng chạ loan chung?
- Nào người tiếc lục, tham hồng là ai?”
- “Ví chẳng duyên nợ ba sinh,

Làm chi những thói khuynh thành trên
người?”

- “Trời làm chi cực bấy trời?

Này ai vu thác cho người hợp tan?”

- “Thân sao bướm chán ong chường bấy
thân!

“Đề ai trắng tuyết, hoa sầu vì ai?”

- “Vì ai rụng cái, rơi kim,

“Đề con bèo nổi, mây chìm vì ai?”

- “Đầu xanh đã tội tình gì?

“Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi!”

- “Nỗi gan riêng giận trời già,

Lòng này, ai tỏ cho ta, *hỡi lòng?*

4- *liệt-cử*

- “*Có cây trăm thức, có hoa bốn mùa,
Có cô-thụ, có sơn-hồ*”
- “*Khi tựa gối, khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày.*”
- “*Khi gió gác, khi trăng sân,
Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nói thơ.
Khi hương sớm, khi trà trưa,
Bàn vây điểm nước, đường tơ hoạ đàn.*”
- “*Khi về, bỏ vắng trong nhà,
Khi vào dùng-dắng, khi ra vội-vàng,
Khi ăn, khi nói lơ-làng,
Khi thấy, khi tỏ xem thường xem*

khinh.”

- “*Khi khoe hạnh, khi nét ngài
Khi ngâm ngợi nguyệt, khi cười-cợt hoa.*
- “*Khi tựa gối, khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày*”
- “*Này chồng, này mẹ, này cha.*

Này là em ruột, này là em dâu.

- “*Khi Vô-Tích, khi Lâm-Truy*

Nơi thì lừa đảo, nơi thì xót thương.”

- “*Khi chén rượu, khi cuộc cờ,*

Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.”

5- *tỉ-lệ và ẩn-dụ*

- “*Phận sao phận bạc như vôi*”
- “*Giọt riêng tâm-tả tuôn mưa*”
- “*Tiếc thay trong giá trắng ngần*

Đèn phong-trần, cũng phong-trần như ai!”

- “*Biết thân đến bước lạc loài,*

Nhị đào thà bẻ cho người tình chung!

Vì ai ngăn đón gió đông?

Thiệt lòng khiêu ở, đau lòng khi đi.”

- “*Nàng rằng: ‘Chiếc bách sóng đào,*

Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may”

- “*Tiếc thay một đóa trà mi,*

Con ong đã tỏ đường đi lối về,

Một cơn mưa gió nặng-nề,

Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương.”

- “*Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn*

Khuôn xanh biết có vuông tròn hay chẳng?”

6 - nhân-cách-hoá

- “*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*”
- “*Ngoài song thỏ-thẻ oanh vàng*

Nách tường bông liễu bay sang láng-giềng.”

- “*Lơ-thơ tơ liễu buông màn,*

Con oanh học nói trên cành mĩ-mai.”

7- hô khởi (apostrophe)

Thường để nhấn mạnh một ý-tưởng, ngoài cách dùng điệp-ngữ thông-thường, người ta cũng du-nhập vào văn-chương kiểu nói tuy cũng điệp-ngữ, nhưng điệp-ngữ này được đặt ở một vị-trí nhất-định, đem cái ý-tưởng muốn nhấn mạnh lên đầu câu mà nói trước, sau đó lập lại ý-tưởng này. Chẳng hạn, người ta nói: Học, lúc nào cũng thấy hẩn học, chẳng thấy có lúc nào hẩn ta nghỉ-ngơi. Tiền, thôi thì khỏi nói, hẩn ta coi đồng tiền là lẽ sống. Đây là phép hô-khởi cũng gặp thấy trong truyện Kiều.

Kim Trọng trở về thư-phòng sau buổi du xuân gặp Kiều, chàng bắt đầu tương-tư Thuý Kiều:

- “*Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao,*

Mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao-ngán lòng”

Trong phép hô-khởi ở đây, thừa hai chữ “mặt” và “lòng” đầu tiên, hơi thơ ngưng nghỉ, ngắt nhịp ở những chữ này, vì chỉ có tác-dụng như một điệp-ngữ nhắc đi nhắc lại để nhấn mạnh mà thôi. Đặt thêm chữ “*mặt*” ở đầu câu, như một nhõn-từ chủ ý nói lúc nào cũng thấy khuôn mặt Kiều hiện lên trong tâm trí càng làm cho chàng thêm “*mơ tưởng*” tới khuôn “*mặt*” khả-ái này. Cũng vậy, đặt thêm chữ lòng lên đầu câu là chủ ý muốn nói cỗi “*lòng*” này *khắc-khoải* làm sao! Càng mơ tưởng tới khuôn mặt kia, lại càng thêm “*ngao-ngán lòng*”!

Khi rơi vào tay Bạc-bà, Kiều bị mù hăm-doạ dụ dỗ để gả cho cháu là Bạc-Hạnh “cũng phường bán thịt cũng tay buôn người”. Vẫn diễn lại cái cảnh “xem người định giá” và khi “mỗi hàng một đã ra mười thì buồng”, bây giờ Bạc-sinh mới đem tiền bạc mà rước nàng về.

“Thuyền vừa đỗ bến thành-thời,

Bạc-sinh lên trước tìm nơi mọi ngày,

Cũng nhà hành-viện xưa nay,

Cũng phường bán thịt, cũng tay buôn
người.

Xem người định giá vừa rồi,

Mỗi hàng một đã ra mười thì buồng

Mướn người thuê kiệu rước nàng,

Bạc đem mặt **bạc**, kiếm đường cho ra.”

Thừa một chữ “bạc” đặt lên đầu câu trong phép hô-khởi, chủ ý *nhấn mạnh tới món tiền bạc* mà Bạc-Hạnh đem đến mua Kiều. Nay thì “**bạc**” đây, tiền đây! Nay y đã “**đem mặt bạc**” *đủ số* để mà **kiếm đường** cho nàng ra khỏi nhà Bạc-bà. Chúng tôi đồng ý với tác-giả Lê-văn-Hoè giảng rằng *mặt bạc là số bạc*, món tiền, như tục-ngữ vẫn nói: “*một mặt người, mười mặt của*”. Bạc-Hạnh *đem đến đủ số bạc* đã *ngã giá* mua Kiều, vì vốn *mới hàng* bỏ ra có *một* mà đã *lời ra* mười thấy ngay, thì hẹp gì mà không trao cho đủ số! Chữ “bạc” đầu câu không phải là Bạc-sinh, vì Bạc-sinh đã được nói ở đầu đoạn văn làm chủ-từ cho một loạt các động từ liên-tiếp: “*lên trước*”, “*tìm nơi*”, “*xem người*”, “*muốn người*”, “*đem mặt bạc*”. Tất cả đoạn văn này được diễn nghĩa như sau: thuyền vừa đỗ bến, *Bạc-sinh lên trước. Hắn tìm đến nơi* hắn vẫn tới lui giao-dịch mọi ngày, nơi này là hành-viện thanh-lâu, vì *hắn cũng là tên buôn người, hắn xem người định giá* xong xuôi, *hắn thấy một vốn lời* mười nên bèn *ngã giá*, thì “**bạc**” đây, tiền đây, *hắn “đem mặt bạc” đủ số* mà trao cho người bán. Thế là “*tiền giao cháo múc*”, *bạc vào thì người ra*!

Tất cả cái bi-ôi xấu-xa đê-tiện mua bán trên thân xác con người cần được phơi bày ra ở đây, cho nên chữ “bạc” tuy thừa nhưng đặt lên đầu câu là có dụng ý ấy. Chưa kể đây cũng là cách *chơi chữ*, khi đặt tên cho kẻ bán buôn thân xác là “Bạc” vì chúng *chỉ biết có bạc với tiền*, tiền với bạc mà thôi. Rõ đúng là *con người tẻ-bạc chỉ biết có bạc tiền*!

8- hoán-vị & phối-hợp

Khi có hai cặp “từ ghép”, đem tách từ trong mỗi cặp rồi hoán-vị từ cặp này sang cặp kia, phối hợp lại thành hai cặp “từ ghép” khác, lối này thường gặp trong tục-ngữ châm-ngôn. Chẳng hạn mưa nắng và dầu lửa, tách ra thành nắng lửa và mưa dầu, phối hợp lại thành cụm từ thành-ngữ

“*nắng lửa mưa dầu*” để chỉ những thử-thách gian-truân, những khó-khăn trở-ngại, những vất-vả truân-chuyên. Hoặc như trong câu thơ trích-dẫn dưới đây:

“*Gìn vàng giữ ngọc cho hay,*

Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời!”

“*Gìn vàng giữ ngọc*” là sự hoán-vị và phối-hợp bởi hai từ ghép “*giữ-gìn*” và “*vàng ngọc*”.

Trong Truyện Kiều, cách hoán-vị phối-hợp từ-ngữ không phải là hoạ-hiếm, khiến cho lời thơ trở nên như những tục-ngữ, thành-ngữ, vừa có tính đặng-đối vừa có tính ẩn-dụ. Xin đan-cử một ít ví-dụ:

- “*Đã không kẻ đoái, người hoài,*”
- “*Những là trộm dấu thăm yêu chóc mòng*”
- “*Thầm trông trộm nhớ bấy lâu đã chồn.*”
- “*Sinh rằng: Rày gió mai mưa*”
- “*Những là đắp nhớ đối sầu,*”
- “*Một tường tuyết trở sương che,*

Tin sương đâu dễ ai về cho năng!”

- “*Lần lần ngày gió đêm trăng,*

Thưa hồng rậm lục đã chừng xuân qua”

- Nghe ra *ngậm đắng nuốt cay* thế nào!”
- “*Vội chi liễu ép hoa nài!*”
- Để ai *trắng tui hoa sầu* vì ai?
- “*Quán bao tháng đợi năm chờ,*
- “*Nghĩ người ăn gió nằm mưa* xót thăm”
- “*Gặp cơn vạ gió tai bay* bất kỳ”

- “Đau lòng *tử biệt sinh ly*”
- “Vì ai *rụng cái, rơi kim,*”
- “Để con *bèo nổi, mây chìm* vì ai?”
- “Cầm tay *dài thở, ngắn than*”
- “Hai em *hỏi trước hạn sau*”
- “Ngập-ngừng *thẹn lục, e hồng.*”
- “Hoài công *nặng giữ mưa gìn* với ai!”
- “Quanh năm *buôn phần bán hương* đã lè”
- “Bấy chầy *dãi nguyệt dầu hoa.*”
- “Dù khi *gió kếp, mưa đơn,*

Có ta đây cũng chẳng con-có gì!”

- “Hoá-nhi thật có nỡ lòng,

Làm cho *giày tía vò hồng* lấm nau!”

- “Hung-hăng chẳng hỏi chẳng tra,

Đang tay *vùi liễu dập hoa* toi-bời.”

- “Thịt da ai cũng là người,

Lòng nào *hồng rụng, thắm rời* chẳng đau.”

- “Nàng rằng: Trời nhé có hay!

Quyến anh, rủ yến, sự này tại ai?”

- “Mụ càng *tô lục chuốt hồng.*”
- “Xá chi *liễu ngô, hoa tường!*”
- “Ni-non *đêm ngán tình dài*”
- “Sinh càng *nát ruột tan hồn*”
- “Sao bằng *lộc trọng quyền cao*”

- “Đánh thân cát dập sóng vùi”
- “Thì đà đắm ngọc chìm hương mất rồi.”
- “Những là đắp nhớ đôi sầu”
- “Bỗng không mua nã chuốc sầu nghĩ nao!”
- “Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà”
- “Mặt sao dày gió dạn sương”

Thân sao bướm chán ong chường bấy thân!

- “Đề ai trắng túi, hoa sầu vì ai?”
- “Thẹn mình đá nát vàng phai”.

9- chơi chữ

- “Hàn-gia ở mái tây hiên,

Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu”

Tự giới-thiệu nơi ở của mình, Đạm-Tiên nhã-nhận, nhún-nhường xưng mình là hàn-gia. Nhưng hàn-gia cũng là nhà lạnh, rét buốt, bởi vì nàng ở chỗ gần dòng nước, nơi đã chứng-kiến mấy chị em Kiều chia tay chàng Kim lúc ban chiều:

“Dưới cầu nước chảy trong veo,

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt-tha.”

Nói “hàn-gia” như vậy cũng là một cách chơi chữ, “hàn” ứng với “dòng nước”, ám-chỉ nhà mình ở dưới âm-phủ, “suối vàng”.

Phẩm tiên đã bén tay phàm,

Thì vin cành **quýt** cho **cam** sự đời.”

Thật là của quý trời cho, bỗng rụng rơi vào tay kẻ phạm-tục, thì tội chi mà không vin cành hái trái cho bồ, cho thỏa sự đời, mà phi tình toại chí! Tô Đông-Pha có câu: “*Lão-nhân du hí như đồng-tử, bất chiết mai chi, chiết quất chi*”, nghĩa là ông già chơi đùa như trẻ con không bẻ cành mai, bẻ cành quýt; ý nói người già mà không đứng-đắn, chẳng nên nét, vẫn còn thích chơi trông bời, ưa chuyện trăng hoa”. Chữ “cam” nghĩa ở đây là cho bồ, là thỏa thích, mà cũng là trái cây thuộc họ quýt, nhưng trái lớn hơn.

- “*Mùi thiền* đã bén *muối dưa*,

Màu thiền ăn mặc đã ưa *nâu sòng*”

Đã quen với cảnh sống nhà chùa. Tác-giả phân-biệt mùi vị với màu sắc, cho nên mùi đi với thức ăn dưa muối, màu đi với áo nâu sòng.

- “Kiều từ gieo xuống giòng *ngân*,

Nước xuôi bỗng thấy trời dần tận nơi.”

Câu thơ nói việc Thuý-Kiều gieo mình xuống sông Tiền-Đường. Giòng *ngân* là giòng sông *Tiền*-Đường. Mà *ngân* là *bạc* thì cũng chơi với *tiền* trong hai chữ Tiền-Đường.

- “Người đâu sâu sắc nước đời,

Mà chàng *Thúc* phải ra người *bó* tay!”

Thúc là tên Thúc-sinh, theo chữ Hán cũng có nghĩa là bó, như ta quen nói giò thúc là bó giò hay thúc thủ là bó tay, cho nên khi nói “bó tay” thì vừa tả đúng cái thế yếu của Thúc-sinh vừa ám-chỉ tên của chàng. Rõ là tên làm sao thì người làm vậy!

- “Đêm thu gió lọt song đào,

Câu dưới vẽ ra hình chữ Tâm 心 gọi ra tên Thúc Kỳ-Tâm. Đây là cách chơi chữ. Giả-thuyết này cũng có lý, vì đây là lúc Kiều xa cách Thúc-sinh, nhớ cha mẹ, và băn-khoăn lo-lắng về việc Thúc-sinh đang dần xếp với vợ chuyện lễ mọn của mình, cho nên qua câu kết-luận, hẳn rằng Kiều nhìn trời trăng sao mà nghĩ ngay tới Thúc-sinh:

“Nàng từ chiếc bóng song the,

Đường kia nổi nọ như chia mỗi sào.

‘Bóng dâu đã xế ngang đầu,

Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi?

Tóc thề đã chắm ngang vai,

Nào lời non nước, nào lời sắt son?

Sấn bím chút phận con con,

Khuôn duyên biết có vuông tròn hay chẳng?

Thân sao lấm nổi bất bằng?

Liều như cung Quảng ả Hằng nghĩ nao!’

Đêm thu gió lọt song đào,

Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời”

Giả-thuyết trên càng có lý nếu biết rằng Kiều cũng là tay hay chữ. Nội cái tài hoạ thơ của nàng cũng đủ chứng-minh. Không những với Đạm-Tiên mà sau này trước công-đường,

khi quan huyện ra đề bài thơ “Mộc-Già”, Kiều ứng đáp ngay được đến nỗi quan cũng phải hết lời “*khen rằng: giá lợp Thịnh Đường, tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân*”. Và ngay chính Hoạn-Thư cũng phải khâm-phục khen rằng “*ví chẳng có số giàu sang, giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên*”. Mà dù cho rằng Nguyễn Du không có ý ấy, nhưng như chúng tôi đã đề-cập khi vào tập, giá-trị văn-chương truyện Kiều chính là ở chỗ, hết như vẻ đẹp của viên kim cương long-lanh ngũ sắc, tuyệt-diệu đến nỗi mỗi người đều có thể nhìn dưới góc cạnh khác nhau mà cắt nghĩa cách nào cũng có lý.

Khi Kim-Trọng ngộ lời ý muốn kết-hôn, thì Kiều

“Lặng nghe lời nói như ru,

Chiều **xuân** dễ khiến nét **thu** ngại-ngùng.”

Trong lòng Kiều, *tình xuân có chiều* đang phơi-phới dâng lên, dễ khiến cho *ánh mắt e-thẹn* ngại-ngùng. Cũng hết như tâm-trạng vào một chiều xuân trước đây: “*tình trong nư đã, mắt ngoài còn e*”. Lần trước thì còn nói rõ, lần này thì lời thơ duyên-dáng dễ thương hơn. “*Nư đã*” và “*mắt ngoài*” vẫn kém óng-ả hơn “*chiều xuân*” với “*nét thu*”. Lòng vui mà ví như tình xuân thì tận ý, ánh mắt liếc nhìn mà ví như nét thu gọn sóng thì hết tình. “*Chiều xuân*” với “*nét thu*” không những đàng-đối mà còn tô- điểm cho lời thơ thêm điểm-lệ ở cách chơi chữ “*xuân, thu*”.

Câu sau đây áp-dụng vừa lối song quan vừa lối chơi chữ, vừa hoán vị phối hợp:

“Hương càng đượm, lửa càng nồng”

Duyên hương lửa là duyên vợ chồng, ví dụ nói về duyên vợ chồng đầm thắm của cặp Từ-Hải Thuý-Kiều:

“Nửa năm hương lửa đương nồng”

Lửa thì đượm, mà hương thì nồng. Hương lửa nồng đượm, đem tách riêng ra, ghép lại ấy là hoán-vị phối-hợp. Mà theo nghĩa đen, có lửa thì có hương có khói; có hương phải có lửa cháy đượm thì hương mới nồng, đấy là chơi chữ. Vế trên có hương, vế dưới có lửa, vế trên có đượm, vế dưới có nồng, thế là đăng đối song quan.

10- diễn-cổ.

Diễn-tích dùng ở đây có hai đặc-diểm:

** diễn tích Việt-hoá đọc lên ai cũng hiểu*

** để cho được thanh nhã, tránh sống sượng*

- “Đã cho vào *bạc bố kinh*

Đạo tông phu lấy chữ trình làm đầu”

- “Ra tuồng trên *Bộ trong dẫu*,

Thì con người ấy ai cầu làm chi?”

- “Ngẫm duyên kỳ-ngộ xưa nay:

Lửa đôi ai lại đẹp *tày Thôi, Trương?*”

- “Bâng khuâng *đỉnh Giáp non Thần*

Còn ngò giắc mộng đêm xuân mơ-màng.”

- “Sinh rằng: ‘Gió mát trăng trong,

Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam.

Chầy sương chưa nện cầu Lam,

Sợ lần-khân quá ra sàm-sỡ chẳng.”

Muốn mà giả bộ làm ra vẻ nghiêm-trang không dám hỏi thẳng, ấy là ướm hỏi. Cách hỏi ướm thì nói bóng-bẩy xa-xôi. Câu Lam tuy khó hiểu nhưng nhờ các từ *lần-khân* và *sàm-sỡ*, người đọc cũng suy ra được ý-nghĩa của điển-tích. Đây là một chuyện khó nói, nhất là họ mới gặp nhau, lại là những bậc văn-nhân trí-thức, nói làm sao cho thanh-nhã không sỗ-sượng, khỏi bị chê cười bề mặt.

Cho nên, Kim-Trọng cũng như Thuý-Kiều, cả hai phải mượn tích xưa điển cũ để mà ướm hỏi bóng bẩy và trả lời cho kín-đáo nhẹ-nhàng. “Một chút lòng” và hỏi khéo: “ra sàm-sỡ chẳng?”, lời bình-dị đã nghiêm-trang khiêm-tốn nói xa nói xôi, lại thêm điển-tích “chầy sương, cầu Lam” thì không còn xa-xôi nữa, mà nói thẳng vấn-đề chàng muốn nói chuyện cưới xin, nhưng ướm hỏi một chuyện có vẻ “ngượng-ngùng” như vậy thì phải nói bóng gió, cũng như viết điều gì thì ta không thẳng thừng nói trắng ra mà phải lượn-lách, thế nên mới gọi là viết lách.

Cả hai người đều ngầm hiểu với nhau. Nói ít mà hiểu nhiều, vì họ là người có học, lâu sử thông kinh. Bởi vậy khi phải trả lời, Kiêu cũng khéo nói:

“Ra tường trên Bộc, trong dâu,

Thì con người ấy ai cầu làm chi!

Phải điều ăn xối ở thì,

Tiết trăm năm nữ bỏ đi một ngày.

Ngẫm duyên kỳ-ngộ xưa nay,

Lừa đôi ai lại đẹp tày Thôi, Trương.”

Chả cần thông thuộc điển-tích trong hai câu đầu và cuối, những lời lẽ trong các câu giữa đoạn đủ cho người đọc hiểu ý Kiều muốn nói gì? Lời thoái-thác chối từ cũng nhẹ-nhàng. Chàng nói theo văn-chương sách vở, thiếp cũng nói theo chữ nghĩa sử kinh. Thế mới gọi là tri-âm tương-đắc, mới xứng sánh với Bá-Nha, Từ-Kỳ.

11- *thậm xưng*

- “Thần-thờ lúc tỉnh lúc mê,

Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm-bao.”

- “Xương mai tính đã gãy mòn”
- “Những là đắp nhớ đôi sầu,

Tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa râm”

- Ve ngâm vượn hót nào tày,

Bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay”

- “Sinh càng thăm-thiết khát-khao,

Như nung gan sắt, như bào lòng son,

Ruột tằm ngày một héo-hon,

Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve”

12- đảo-trang

- “Đào hoen-quện màu, liễu tan-tác mày”

Theo thuận-trang, phải nói: “Má đào bị hoen-ố, lông mày lá liễu phải tan-tác”. Nhưng ở đây cần làm nổi bật nỗi xót-xa thương-hại. Ta vẫn nói “thân gái liễu yếu đào tơ”. Thân gái yếu-ớt mỏng-mạnh thế ấy, nhan-sắc đẹp-đẽ mẫn-mà thế kia mà bị vùi dập thế này thì chịu sao thấu? Tàn-nhân quá! Đáng thương thay! Cho nên đảo ngược vị-trí của hai phẩm-định-từ ẩn-dụ “đào, liễu” đem lên đầu câu cho ý được nhấn mạnh. Đào, liễu đặt trước cho thấy càng đẹp-đẽ, yếu-ớt bao nhiêu thì càng xót-xa bấy nhiêu.

- “Lau treo rèm nát, trúc cài phen thưa.”

Đó cũng là cách đảo-trang thay vì nói: rèm lau, phen trúc.

- “Song hồ nửa khép cánh mây,

Tường đông ghé mắt ngày ngày hắt trông”.

Kim Trọng luôn luôn **để cửa sổ hé mở**, để ngày ngày hắt ghé mắt trông sang nhà Kiều ở bên kia **tường phía đông**, là nơi người con gái họ Vương vẫn “tường đông ong bướm đi về mặc ai”.

Trọng-điểm của câu thơ là Kim-Trọng ngóng trông Kiều, muốn vậy thì phải hé mở cửa sổ để tiện bề theo dõi, vậy cửa sổ “*song hồ*” và nhà Kiều ở phía “*tường đông*” là chủ-yếu

cần cho người đọc chú-ý, nên đảo ngược vị-trí đặt lên đầu câu là vậy.

C- LỜI THƠ DU-DƯƠNG

Không những nhờ các biểu-từ chuẩn-xác tượng thanh giúp cho câu thơ có nhạc, mà còn *nhờ cách phối-trí thanh âm, nhờ cách gieo vần ngắt nhịp*.

“Ào-ào đổ lộc rung cây,

Ở trong đường có hương bay ít nhiều.”

Tượng thanh như “ào ào”, tượng hình như “*đổ, rung*”, quả đã gọi ra cái cảm-giác rung mình sợ hãi lại thêm phảng-phất “*đường có ít nhiều*” hương bay, thì rõ-ràng đây là những hiện-tượng báo trước người chết sắp hiện về vì cảm thấu được lòng thành của người khăn vải, đúng như Kiều đã tiên-đoán:

“Dễ hay tình lại gặp tình,

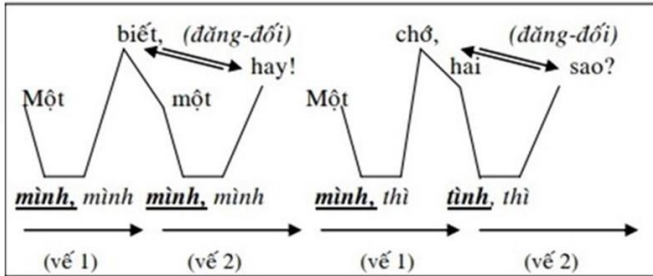
Chờ xem, ắt thấy hiển-linh bây giờ!”

Những biểu-từ trên đây với *giọng thật trầm* (ào ào, đổ lộc, đường, nhiều) xen kẽ *cung giọng chơi-vơi* (rung cây, trong, hương bay) *cùng với cách ngắt nhịp đôi*, tấu cho lời thơ thành nhạc-điệu du-dương làm tăng thêm không-khí u-trầm tịch-mịch nơi nghĩa-địa.

- Một mình mình biết, một mình mình hay.
- Một mình thì chớ, hai tình thì sao?”

Những từ hoa này với cùng một âm “**inh**” nặng-nề, cụt ngắn, ngắt nhịp đôi, hai vế đẳng-đối, gieo mạnh ở

trầm-bình-thanh (*mình, mình, mình, tình*), rồi cuối cùng nhẹ bổng lên ở thanh phù-bình lơ-lửng âm vang (*hay, sao*) cho thấy khuôn dáng nhất gờng của dòng nhạc, rõ ra cái giọng cất-vấn, tự-thán, nghe mà buồn thảm bi-ai!



Ta có thể ký-âm khuôn nhạc của hai câu thơ này như sau:

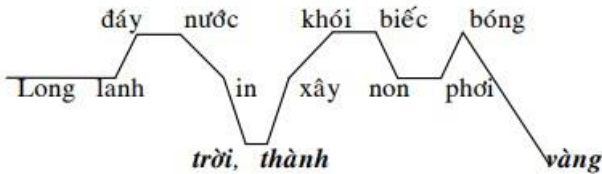


Một mình mình biết, một mình mình hay



Một mình thì chớ, hai tình thì sao?

• Long-lanh đầy nước in trời,
Thành xây khối biếc, non phơi bóng vàng

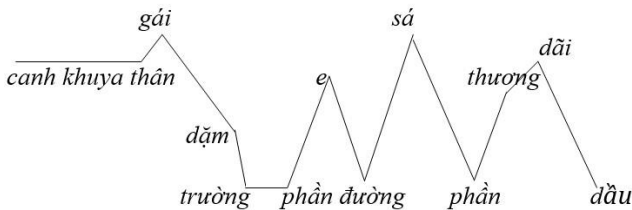


Khuôn dáng của dòng nhạc đã phụ-hoạ thêm cho lời thơ, lột hết vẻ đẹp của bức tranh sơn thủy hữu tình: nền trời chìm trong đầy nước, thành quách vươn cao trong khối biếc, núi-non phơi mình trong nắng. Mặt trời tươi ánh vàng tươi xuống khắp mặt đất, gieo xuống đầy nước cho nước long-lanh in cả bầu trời, đọng bóng núi đất vàng lộng-lẫy.

- “*Canh khuya thân gái dặm trường,*

Phân e đường sá, phân thương dài-dầu.”

Câu thơ không những thể-hiện được *tâm-tư* (câu bát) của một *kiếp người bé-bỏ* (thân gái) trước vùng thăm-thẳm bao la của *thời-gian* (canh khuya) và *không-gian*, mà còn có âm-nhạc tiết-tấu. Chính nhạc-điệu của lời thơ lại càng hấp-dẫn người đọc cảm thương cho thân phận người con gái bơ-vơ giữa chợ đời đen bạc, xót xa vì phải dài-dầu sương gió, lo sợ vì đường lưu-vong trắc-trở hiểm-nghèo.

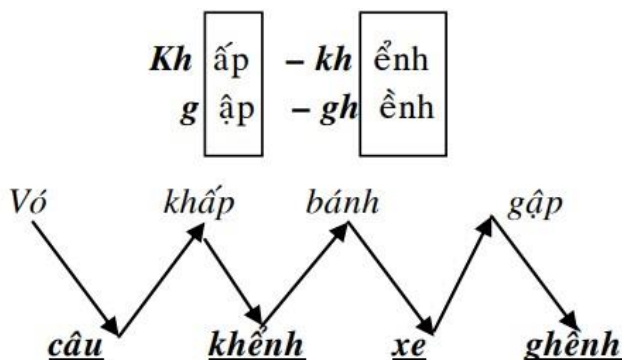


Biểu-đồ trên minh-hoạ cung nhạc trầm bổng gập-ghenh của điệu thơ tận-dụng bình-thanh, với thanh phù-bình lũng-lơ rồi đổ sâu xuống trầm-bình nghe thật bi-ai.

- “*Vó câu khắp-khểnh, bánh xe gập-ghenh*”

Khập-kểnh là không đều nhau, chỗ chìa ra chỗ thụt vào, như khi nói hàm răng khập-kểnh. Gập-ghenh thì không bằng phẳng, chỗ thấp chỗ cao, như nói mặt bàn gập-ghenh, đường đất gập-ghenh khó đi. Xe xóc, gập-ghenh vì phải lăn trên đường gồ-gề. Khập-kểnh, gập-ghenh! Thật khó đọc thay! Các phụ-âm đầu từ đều có điểm phát-âm gần cuối vòm miệng, đẩy hơi thật mạnh từ trong họng đẩy ra, phát âm khắc-khổ. Thêm vào nữa, cả hai từ đều có âm “khép” và lặp lại cùng một âm “ập” chuyển liền ngay sang âm “ênh”, xoang

miệng khép nhẹ từ chính giữa chuyển ngay sang hai bên mép khép chặt và mạnh. So với âm “ấp” đọc nhẹ, âm “ênh” phát ra nặng-nề, hợp với nhịp bước: chân trái cất nhẹ (ấp), chân phải dậm mạnh. Âm-điệu khắc-khổ nhịp-nhàng của những từ nghĩ-thanh này mô phỏng y hệt nhịp đi bước cao bước thấp của vó câu khua lọc-cọc trên đường nháp-nhò lờn chõm. Biểu-đồ sau đây minh-hoạ cung nhạc tiết-tấu của điệu thơ.



D- LỜI THƠ BÌNH-DỊ TRONG SÁNG

1- Văn-chương Truyện Kiều bình-dị vì lời thơ nhiều khi đọc lên nghe rất quen tai như những lời nói thông-thường ở đầu môi chót lưỡi của mọi người. Người ta không còn phân-biệt nó xuất từ tục-ngữ ca-dao hay đã biến thành ca dao tục-ngữ và thành-ngữ, châm-ngôn. Xin tạm lược kể ra đây một số những câu thơ có tính cách phổ-thông này

- “Nghề riêng **ăn đứt** hồ-cầm một trương.”
- “**Đầu mày cuối mắt** càng nồng tấm yêu.”
- “**Đầu trâu mặt ngựa** ào ào như sôi”
- “Đầy nhà **vang tiếng ruồi xanh**”
- “**Sạch sành sanh** vết cho đầy túi tham”

- “**Cò-kẻ** bớt một thêm hai
- Giờ lâu **ngã giá** vàng ngoài bốn trăm.”
- “Một lời **thuyền đã êm giầm**”
- “Dầu lòng **đổi trắng thay đen** khó gì!”
- “Dầu **mòn bia đá**, dám sai tác vàng!”
- “Đề con **bèo nổi mây chìm** vì ai?”
- “**Mặt cưa mướp đắng** đã quen một phường
- “Mừng thăm **cờ đã đến tay** “
- “Về đây **nước trước** bẻ hoa”
- “**Miếng ngon** kẻ đến tận nơi”
- “**Thôi, còn chi nữa** mà mong
- Đòi người **đến thể là xong** một đời!
- “Nhìn nhau **giọt vắn giọt dài** ngổn-ngang
- “**Mập-mờ đánh lộn** con đen”
- “Trông lên **mặt sắt đen sì**,”
- **Vào sinh ra tử** hoạ là thấy nhau”
- “Ồ đây **tai vách mạch dừng**,

“Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi!

- “Chén mời phải **ngậm bồ-hòn** ráo ngay.”
- “Quản chi **lên thác xuống ghềnh**”
- “**Cũng liều một hạt mưa rào**”
- “Lại mang lấy **tiếng dĩa lành gần xa**”
- “Bồ chi **cá chấu chìm lồng**”
- “Phen này **kẻ cắp bà già** gặp nhau!”
- “Sợ khi ong bướm **đãi-đăng**,

Đến điều **sống đục sao bằng thác trong!**”

- “Cho người **thăm ván bán thuyền** biết tay!”
- “**Rút dây sợ nữa động dưng**.”
- “**Nào ai có khảo mà mình lại xưng**”
- “Nghĩ rằng **ngựa ghe hờn ghen**”

- “Làm chi *lỡ nhịp cho đàn ngang cung!*”

Khi Giác-Duyên nhắ sang Bạc-bà “dọn nhà hãy tạm cho nàng trú chân”, Kiều tưởng “những mừng thầm được chốn yên thân” nào ngờ mụ ta “cũng tổ bọm già”, cũng bắt “đưa nàng vào lạy gia-đường, cũng thần mây trắng, cũng phùng lâu xanh”, Thuý-Kiều không còn là cô gái họ Vương thuở nào nữa, nhưng nay đã bị lẫn-lóc với đời, cũng nhiễm được cái giọng nói bất-đắc-chí của kẻ bị bắt-buộc phải bán thân cho khách qua đường:

“Chém cha cái số hoa đào!

Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!

Nghĩ đời mà ngán cho đời,

Tài tình chi lắm cho trời đất ghen!”

Rõ là lời nói uất ức, giọng nói căm hờn thiếu điều muốn văng tục chửi thề! Nghe lời nói này ai còn nhận ra được đó là người thiếu-nữ lịch-sự thanh-tú năm xưa?

Đọc đoạn thơ sau đây, ai bảo rằng đó là thơ hay là lời nói thường ngày tự-nhiên phát-biểu, vậy mà có vắn có điệu, rõ đúng là thơ. Những từ này buột mồm buột miệng mà nói ra. Những từ này rất phổ-thông ở đầu môi chót lưỡi, thật là thẳng thừng, thô-tục, sống-sượng khiến văn-pháp tả chân thêm phần sắc-sảo. Rõ là lời của kẻ hạ-cấp. Lời của mụ già chủ nhà chứa, thôi thì khỏi nói!

“Tuồng vô nghĩa ở bất-nhân,

Buồn mình, trước đã tàn-mãn thử chơi,

“**Mẫu hồ** đã mất đi rồi,

Thôi thôi **vốn liếng** đi đòi nhà ma!

Con kia đã bán cho **ta**,

Nhập gia thì phải cứ phép nhà **tao đây!**

Lão kia có giờ bài bầy,

Chẳng vắng vào mặt mà **mày lại** nghe!

Cớ sao chịu tốt một bề?

Gái tơ mà **đã** **ngứa** **nghe** lắm sao?

Phải làm **cho** **biết** **phép** **tao!**”

Sau đây là lời quát mắng của Hoạn-bà, phu-nhân của viên quan lại-bộ. Rõ là giọng hách-dịch của kẻ có thế-lực. Lời thơ rất bình-dị tự-nhiên. Dem tục-ngữ phong-dao vào câu chuyện thường ngày, người Việt-Nam xuất khẩu thành tục-ngữ ca-dao, vì tục-ngữ đã thấm sâu vào đời sống bình-dị, khiến cho văn-chương bình-dân mang vẻ đẹp trong sáng hồn-nhiên, nó đã thành thói quen cố-hữu như mắm muối không thể thiếu trong bữa ăn hằng ngày:

“Con này chẳng phải thiện-nhân,

Chẳng **phường trốn chúa** thì **quân lộn chồng!**

Ra tuồng **mèo mả gà đồng**,

Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào!”

2) Xin mở đầu ngoặc ở đây để nói thêm về tính bình-dị của văn chương truyện Kiều.

Truyện được phổ-cập đến mức người bình-dân dùng Truyện Kiều để bói đoán vận-mạng, quen gọi là “bói Kiều”, vì chữ nghĩa một lời hai ý mà có những chuyện khôi-hài đã biến thành câu đố, chẳng hạn lấy từ câu thơ sau đây trong đoạn gia-nhân của họ Hoạn đến Lâm-Truy phóng hỏa nhà Kiều, để bắt cóc nàng đem về nạp cho mẹ con Hoạn-Thư:

“Thất kinh, / nàng chữa / biết là làm sao?”

Câu thơ đã bị người ta biến thành câu đố hiểu theo nghĩa tâm-bậy, ngắt thành ba nhịp ở những chữ “kinh”, “chữa” và “sao”, do cắt nghĩa chữ “thất” đúng là mất, nhưng lại cắt-nghĩa chữ “kinh” không phải là sợ-hãi mà là tình-trạng xáo trộn sinh-lý định-kỳ của người phụ-nữ và cắt nghĩa chữ “chữa” là ám chỉ người đàn bà có mang, có bầu.

Dĩ-nhiên không phải đó là chủ-ý của tác-giả, nhưng chữ nghĩa tiếng Việt phong-phú tế-nhị khiến người ta hiểu ra khác nghĩa. Lời thơ bình dị đến như thế là cùng!

Dĩ-nhiên không phải đó là chủ-ý của tác-giả, nhưng chữ nghĩa tiếng Việt phong-phú tế-nhị khiến người ta hiểu ra khác nghĩa. Lời thơ bình dị đến như thế là cùng!

§2- Nghệ-thuật điều-luyện

A- Nghệ-thuật miêu-tả

Cũng như nhà hoạ-sĩ biết chọn lựa hình sắc, dùng cây cọ mềm-mại của mình mà diễn-đạt tâm-tư qua bức tranh, thì thi-nhân cũng phải lựa tìm những hình-ảnh, âm- thanh, cảm-quan làm chất-liệu cho tứ thơ phong-phú, và đem văn-từ óng-chuốt mà dệt nên bài thơ sao cho cuốn hút, có hồn. Vì vậy, bài thơ ấy có giá-trị nghệ-thuật hay không là ở chất-

liệu và lời thơ có súc-tích, khêu tình, gợi cảm hay không. Ở Truyện Kiều, như đã thấy rải-rác trong các trích-đoạn trên đây, nghệ-thuật của Tố-Như tiên-sinh quả thật điêu-luyện tài tình.

I- TẢ CẢNH & TẢ TÌNH

1- Bằng những nhận-xét tinh-tế, Nguyễn Du lựa chọn hình-ảnh, màu sắc, âm-thanh thích-hợp. Tinh-tế vì không ôm-đồm, nhưng lựa lọc những chi-tiết chính-xác, đặc-thù. Cảnh của Nguyễn-Du *vừa nổi bật sắc-thái, vừa phù-hợp với tình-cảm và tâm-lý của nhân-vật. Chính mối tương-quan mật thiết giữa cảnh và tình đã làm nên bức tranh sống động, có hồn.* Hãy đan cử một vài ví-dụ.

1.1- Ngày lễ Thanh-Minh, thiên-hạ rủ nhau đi tảo mộ, cảnh-tượng dưới nét vẽ của Nguyễn-Du hiện ra thật rõ-ràng linh-hoạt: chỗ *gần*, nơi *xa*, từng đoàn người *lũ-lượ* như bầy chim én, chim oanh hàng đàn bay rợp trời xuân, *trai thanh gái lịch tới lui qua lại dập-dù*, họ *nô-nức hớn-hở* kéo nhau đi như *trẩy hội*, nào *ngựa xe lớp lớp* cuộn-cuộn như nước chảy, nào *trang-y rực-rỡ khoe màu*; đoàn người đi trên bãi tha-ma *ngổn-ngang gò mả thấp cao*, *xa trông như rần rờng uốn lượn*; người ta *khán vãi niệm cầu* vong-linh người quá-cổ, người ta *đốt vàng mã tiền giấy*, *tro bay tán-loạn*, *khói bốc mịt-mù*. Đây, biết bao nhiêu là chi-tiết, hình-ảnh màu sắc, cảm-xúc và chuyển-động, tất cả được gói-ghé trong sáu câu thơ vẽ ra một bức tranh *đầy-đủ*, đủ hình, đủ màu, đủ vẽ, *linh-hoạt* với những chuyển-động nhịp-nhàng, *gợi cảm* với những cảm-tình rạo-rực háo-hức, những tiếng lòng thổn-thức qua lời niệm-khẩn lâm-râm:

“Gần xa nô-nức yến oanh,

Chị em sắm-sửa bộ hành chơi xuân.

Dập-dù tài-tử giai-nhân,
Ngựa xe như nước, áo quần như nen,
Ngôn-ngàng gò đồng kéo lên,
Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay.”

1.2- Kim trọng lân-la tìm đến trọ học gần nhà Kiều.
Nhờ việc Kiều đi kiếm chiếc thoa chàng bắt được hôm trước
mà hai bên có dịp chuyện-trò, trao nhau kỷ-vật đính-ước.
Đang khi

“Một lời gấn bó tất giao,
Mái sau dường có *xôn-xao* tiếng người.

Vội-vàng lá rụng hoa rơi,
Chàng về viện sách, nàng rời lầu trang.”

Đang nói lời gấn bó keo sơn, chợt thấy có tiếng người *xôn-xao*, thì *vội-vàng* hốt-hải bỏ về. Đã *vội-vã* tất phải đụng cây chạm lá, cho nên lá rụng hoa rơi là lẽ tất-nhiên, nhất là chàng đang đứng trên bậc thang bắc lên tường mà nói chuyện với Kiều ở vườn bên kia. Một bức tranh thật linh-động. Tiếng léo-xéo của người nói, tiếng sột-soạt của lá hoa rơi, tất cả về ra được cái dáng hấp-tấp, bộ mặt thất sắc của người mang mặc-cảm phạm tội, và cái thể phải như thế, vì đây là cuộc dan-dú đầu tiên và tình-cờ không hẹn mà nên. Những chi-tiết quan-sát rất chọn lọc và thật chính-xác, chỉ ngần ấy đủ để diễn lại cảnh-tượng và con người. Nhận xét như vậy quả là tinh-tế!

1.3- Cũng vẫn một vầng trăng, nhưng tùy nơi, tùy lúc, tùy cảnh, tùy tình mà mỗi lần thấy mỗi khác, mỗi vẻ.

- Khi màn đêm vừa buông xuống, trong khuê-phòng vắng lặng, ngồi trầm-tư suy vẩn nghĩ vợ về những người mới gặp-gỡ ban chiều, này hồn ma Đạm-Tiên, này chàng thư-sinh áo xanh ngựa trắng, Kiều nhìn thấy bên ngoài song cửa

“Gương Nga chênh-chéch dòm song,

Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân”

Ánh trăng lênh-láng trên mặt nước long-lanh gợn sóng. Ánh trăng tràn lan trên mặt sân in bóng cây đổ xô nghiêng-ngả. Rõ là con trăng lưỡi liềm đầu tháng ba đang tò-mò ghé mắt dòm qua khe cửa sổ.

- Lúc đêm đã về khuya, thì trăng lên cao chiếu bóng xé xuống màn treo trước cửa:

“*Chênh chênh* bóng nguyệt xé màn,

Tựa ngòai bên triện, một mình thiu-thiu”

- Khi đêm về sáng, bóng trăng nhạt dần, lúc ấy trăng tà gác bóng nghiêng nghiêng trên mái hiên:

“Hiên tà *bóng gác nghiêng nghiêng*,

Nổi riêng, riêng trạnh tác riêng một mình.”

- Khi Kiều sang nhà Kim Trọng lần nữa thì trăng đã lên cao.

“*Nhật thừa gương rọi đầu cành,*

...*Bóng trắng đã xé hoa lê lại gân.*”

Ánh trắng sáng như gương chiếu rọi vào ngọn cây xuyên qua kẽ lá chỗ mau chỗ thưa, đổ bóng từng mảng lớn nhỏ xuống mặt đất. Rồi bóng trắng *di-động* theo bước chân người đẹp đang tiến lại gần.

- Lúc hai người làm lễ thề bồi, thì khi ấy

“*Vàng trắng vàng-vặc giữa trời,*

Đinh-ninh hai miệng, một lời sắt son”

Rõ là vàng trắng trong vắt, treo lủng-lơ trên đỉnh đầu đêm khuya, đang chứng-giám cho lời thề “tóc tơ căn vặn tác lòng, trăm năm tạc một chữ đồng đến xương”.

- Họ mãi-mê chuyện trò thâu đêm, mãi đến khi có tiếng người gọi ngoài cửa ngõ, nàng mới “vội trở về buồng thêu”, chàng “thì rảo bước sân đào vội ra”, lúc ấy trời đã rạng sáng, cho nên qua bóng mái nhà in xuống mặt sân, thấy vẻ sáng như bạc, trắng đã nhạt màu.

“*Bóng tàu vừa lạt vẻ ngán,*

Tin đâu đã thấy cửa ngăn gọi vào”

- Giã nhà biệt-ly, cất bước lên đường, dẫn thân lưu-lạc, trong đêm thu gió lạnh, giữa chốn rừng núi xa xôi, người con gái phụ ước lời thề, mang theo nỗi hận tủi, hổ-thẹn với lòng mình:

“*Dặm khuya ngất tạnh mù khơi,*

Thấy trăng mà thẹn những lời non sông.”

Đêm **khuya**, thân gái **dặm** trường, không-gian bao-la, tầng trời cao **ngất**, trời quang mây **tạnh**, sương phủ mịt-mù, đường dài xa **khơi** thăm-thẳm, bằng ấy hình ảnh bao trùm cả thời-gian và không-gian, *chẳng nói trăng mà vẫn thấy trăng*. Hư-tả mà súc-tích. Đến khi nhìn lên trời cao, thấy trăng không phải để ngấm trăng như trước kia khi còn ở nhà trong cảnh mộng mơ, nhưng là thẹn lòng tủi phận vì con trăng tinh-quái kia cứ theo chân nàng, soi-múi tâm-tư, khơi kều chuyện cũ, nhắc lại lời nguyên chưa ráo mà nay đã bội thề:

“Đã nguyên hai chữ đồng tâm,

Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.”

- Trên lầu Ngưng-Bích, cảnh chiều hôm ngòi bãi biển càng khơi thêm đau nỗi ly-hương, ngâm mấy vần thơ hồi-cảm, vừa buông rèm toan quay vào phòng, Kiều chợt nghe cách tường bên kia có tiếng người mau-mắn hoạ vắn, trông ra thì đã thấy Sở-Khanh đang đứng nhìn mình, khi ấy:

“Bóng nga *thấp-thoảng* dưới màn,

Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo-đai.”

Trời chập-choạng tối, trăng mới vừa lên, *bóng trăng chiếu chéo lên chân màn trên lầu cao*, dưới màn ánh sáng lọt vào phòng hắt lên in rõ mặt Kiều. Nàng thấy chàng cũng ra bộ quỵên-luyến. Chính cái thời-điểm thuận-lợi này mới là then chốt giúp cho hai bên nhận ra nhau mà người lảng-giềng thì lên tiếng làm quen rằng “thuyền-quyên ví biết anh-hùng, ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi”, còn kẻ “chim lồng cá chậu” thì suy xét về “mấy lời sắt đĩnh, tai còn đồng-vọng” để rồi xiêu lòng “đánh liều nhả một hai lời, nhờ tay tề-độ vớt

người trầm-luân”. “Bóng nga thấp-thống dưới mảnh”, vồn-
vẹn bằng ấy chữ, chỉ có thể thôi! Thiếu chữ “dưới mảnh” thì
không thể xác-định được đó là trời xẩm tối, trăng mới vừa
lên. Nhận xét tinh-tế đến thế là cùng!

- Thế rồi đến cuối tháng, vào một đêm kia, khi:

“Chim hôm thoi-thóp về rừng,

Đoá trà-mi đã *ngậm trăng nửa vành*.

Tường đông lay động bóng cành,

Đầy song đã thấy Sở-Khanh lén vào.”

Trăng nửa vành là trăng hạ huyền. Vành trăng rọi chiếu trên
đoá trà-mi, đổ bóng cây xuống mặt đường, khi ấy, nghe tiếng
cành cây xào-xạc, thấy bóng cây lay động bên tường phía
đông, trông ra đã thấy Sở-Khanh đẩy cửa sổ lén vào. Không
những đoán biết được thời-gian vào cuối tháng, lại còn qua
bóng cây lay động, người ta biết thêm được anh chàng họ Sở
này đã chuyền cành cây, trèo tường mà leo lên lầu để đẩy
cửa sổ lén vào phòng Kiều. Anh chàng dê-tiên hành-động
vụng trộm như vậy, ý hẩn muốn tỏ là tay can-đảm mưu lược,
sẵn-sàng “tháo củi sổ lồng” như đã đoan hứa trước
đây. “*Trăng nửa vành*” và “*lay động bóng cành*”, tất cả chỉ
ngắn ấy nhận xét thôi đã nói hết được cảnh sắc và con người.

- Theo Sở Khanh đi trốn, khi sắp bị mắc lừa thì:

“Đêm thu khắc lậu *canh tàn*,

Gió cây trút lá *trắng ngàn ngậm gương*,

Lối mòn *cỏ nhạt màu sương*,

Lòng quê đi một bước đường một đau.”

Bảy giờ đêm đã về sáng vì đã hết canh năm, trăng đang lặn xuống sau rừng vì núi rừng đã ngậm trăng già. Trên đường tắt, trăng còn sáng rõ lối mịn cho thấy cỏ xanh nhạt màu vì sương đêm trắng phủ. Ánh trăng ở đây không những xác-định được thời-gian, lại còn miêu-tả lối mịn màu sương.

- Trăng xuân mơ-màng. Trăng thu hiu-hắt. Trăng hè rạo-rực:

“Dưới trăng quyên đã gọi hè,

Đầu tường lửa lựu lập-loè đâm bông.”

Tiếng quốc kêu ròng-rã đêm trăng. Đã bắt đầu vào mùa hạ. Gió đêm lay động ánh trăng, ngoài đầu tường, cây lựu nở hoa rực đỏ như những đốm lửa lập-loè. Nền sáng ánh trăng phản-chiếu sắc hoa đỏ chói. Màu sắc vừa dịu-dàng trong sáng vừa hừng-hực nóng bỏng, một vẻ đẹp vừa thơ mộng vừa rạo-rực. Lại thêm tiếng chim quyên đều đều như gióng-giã càng giục-giã niềm xao-xuyến rộn-rã trong lòng người. Lấy đêm trăng hè này làm bối-cảnh mà tả Kiều tắm đê lọt vào mắt Thúc-sinh si tình thì hợp cảnh hợp tình biết bao! Quả vậy! Trong cảnh đêm trăng hè ấy,

“Buồng the phải buổi thong-dong,

Thang lan rủ bức trướng hồng tắm hoa.

Rõ-ràng trong ngọc trắng ngà,

Dày dày sẵn đúc một toà thiên-nhiên.”

- Quyết-định thoát thân khỏi “miệng hùm nọc rắn”, Kiều đợi đến “một phần trống ba”, chờ tới gần nửa đêm lúc mới bước vào canh ba, mọi người đều ngủ say, nàng mới trốn khỏi nhà Hoạn-Thư:

“Cất mình qua ngọn tường hoa,

Lần đường theo *bóng trắng tà về tây*

Mịt-mù dậm cát đồi cây,

Tiếng gà điểm nguyệt dấu giày cầu sương.”

Thân gái bơ-vơ, đất khách quê người, đường đi mù tịt, biết đến nơi đâu? Đâu là phương hướng? Thôi thì cứ dỗi theo “*bóng trắng tà*” lần đường mà đi! Đi suốt đêm chỉ thấy trước mặt là đồi cây âm-u hiểm-trở, đường đất ngàn dặm xa-xôi. Đi suốt đêm thì trời gần sáng đã nghe tiếng gà eo-óc gáy nơi điểm tranh dưới trăng, đã thấy in dấu giày trên mặt cầu ướt sương. Chính cái “*bình trắng tà*” này đã dẫn dắt kẻ lữ-hành. Bóng trắng ấy không phải chỉ xác-định phương hướng, thời-gian, mà còn soi tỏ thêm những cảnh-tượng của vùng không-gian xung quanh trước mặt, do đó mở ra cho ta thấy tâm-trạng của người lữ-khách độc-hành đang hoang-mang lo-lắng trước tương-lai mịt-mờ.

- Khi bị Hồ Tôn-Hiến ép gả cho tên thổ-quan, Kiều chán đời muốn quyên sinh. Nàng thao-thức dẫn-đo, hết đứng lại ngồi, suy nghĩ mãi chưa xong. Khi ấy, trông ra ngoài thuyền:

“*Mảnh trăng* đã gác non đồi,

Một mình luống những đứng ngồi chưa xong.”

Trăng đã gác núi phía tây. Đêm sắp tàn, trời sắp sáng. Tại sao lại “*mảnh trăng*” mà không vàng trắng, con trăng, tấm trăng?

Thứ nhất là trăng đã lặn, trăng đang khuất dần sau rặng núi, trăng không còn trọn vẹn. Núi rừng đã ngậm vành trăng, nay chỉ còn lộ ra một mảnh.

Thứ hai là vì mảnh trăng gợi lên cái ý-tưởng mong-manh giòn mỏng, mong-manh như đời nàng “chân trời mặt bể lênh-đênh”, “đành thân cát dập sóng vùi”; giòn mỏng vì “Duyên đâu ai dứt tơ đào? Nợ đâu ai nở dặt vào tận tay?” Đời nàng còn gì trọn vẹn nữa đâu, cho nên:

“Một mình cay đắng trăm đường,

Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi.”

Thứ ba, mảnh trăng kia càng lẹm dần sau rặng núi, thì càng bòn-chòn sót ruột vì trời gần sáng, càng thúc giục phải sớm quyết-định, không thể trù-trù. Thời-gian đã cấp-bách. Chính vì đó, nàng phải lập tức vào ngòi viết thư tuyệt-mệnh:

“Thôi thì một thác cho rồi,

Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông”

Chính cái “mảnh trăng” kia cho biết cần phải dứt điểm thời-gian, nên sau khi để lại bức thư tuyệt-mệnh, Kiều không cịn do-dự nữa, mà đã

“Trông vời con nước mênh-mang,

Đem mình gieo xuống giữa giòng tràng-giang.”

1.4- Vẫn là tả cảnh thu, song cũng tùy nơi, tùy lúc, tùy cảnh, tùy người, mà mỗi trời thu mỗi khác nhau.

a) Kiều theo Mã giám-sinh về trú-phường. Buổi rước dâu đầy nước mắt, “người đi, lệ rơi thấm đá”, chiều lên dần dần, bóng tối dần buông:

“Trời hôm mây kéo rằm-rằm,

Dầu-dầu ngọn cỏ, đầm-đầm cảnh sương.”

Mây khắp nẻo kéo về giăng đen bầu trời. Cỏ mọc bên đường rầu rầu úa héo. Sương thu nhỏ giọt trĩu nặng cảnh cây. Cảnh tượng sao thê-lương, như cùng chia sẻ nỗi buồn của người ly-biệt! Một sự cảm-thông hài-hoà giữa người và cảnh. Cảnh tình mật-thiết tương-quan. Lòng buồn-bã, cảnh tiêu-điều càng tăng thêm nỗi thảm trong lòng người.

b) Theo Mã giám-sinh về Lâm-Truy, Kiều ra đi giữa một trời thu u-ám:

“Nàng thì đất khách xa-xăm,

Bạc phau cầu giá, đen dầm ngàn mây,

Vi-lô san-sát hơi may,

Một trời thu để riêng ai một người,

Dặm khuya ngát tạnh mù khơi,

Thấy trăng mà thẹn những lời non sông,

Rừng thu từng biếc xen hồng,

Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn”

Dọc đường là rừng cây âm-u, trước mặt là đường dài xa thăm, tuyết giá trắng phau trên con cầu bắc ngang qua lộ, bầu trời mây đen giăng phủ, lau sậy xào-xạc trong gió heo may lạnh buốt. Đi ngày, đi đêm. Có những đêm trời quang mây tạnh, bầu trời cao ngất, sương khuya mờ-mịt, lại càng thấy đường đi xa tít mù khơi. “Cả một trời thu chung cho khắp thế-gian này nhưng sao ta thấy âm-đạm?” Kể đồng-hành vui mừng hí-hửng, riêng một mình nàng khắc-khoải xót-xa. Xót-xa vì càng nhìn con trăng kia lại càng nhớ đến lời thề-thốt đêm xưa mà thêm thẹn lòng tủi phận. Khắc-khoải vì kia, rừng xanh đã ngả màu vàng đỏ, tiếng chim líu-lo như nhắc tới mẹ cha thui-thui sớm hôm nơi quê nhà. Bằng ấy nét đơn-sơ đã chấm phá nên bức tranh thu, lột hết được tâm-trạng của người con gái tha-hương. Màu tuyết trắng phau làm nổi bật màu mây đen dầm, dưới ánh trăng khuya sự tương-phản càng thêm rõ nét. Có tiếng lau sậy xào-xạc trong gió heo may. Cái giá buốt đã len lỏi vào da thịt thấm tận cõi lòng thương đau cho thêm tê-tái. Không-khí âm-u. Nỗi buồn man-mác. *Hình-ảnh, màu sắc, âm-thanh và cảm-giác* càng tăng thêm nỗi sầu thảm. Lòng người đang ủ-ê mà nhìn cảnh này sao không tê-tái? Cảnh đã nhập vào hồn người, hay hồn đã hoà nhập trong cảnh? Bức tranh với nét vẽ thật linh-diệu lột hết được tâm-trạng của nàng Kiều thâm-thẳm không phải chỉ vì lần đầu tiên xa quê hương mà vì ra đi với nỗi tuyệt-vọng nhìn thấy tương lai vô định, với lòng tủi-hận vì đứt đoạn đường tơ, với niềm thương cha, nhớ mẹ, nhớ người thân yêu, với nỗi chua xót đắng cay vì đánh mất tất cả, mất hết cuộc đời, mất cả tâm-hồn trong trắng trinh-nguyên. Bức tranh tuy giản-dị mà súc-tích, đơn sơ mà sống động có hồn. Tưởng không thể nào khéo hơn!

c) Tiễn Thúc-sinh về nhà để chàng nói với vợ rằng mình đã có vợ lẽ, cảnh chia-ly đượm màu quan-tái, mệnh-mang nhưng-nhớ ưu-tư:

“Người lên ngựa, kẻ chia bào,
Rừng phong, thu đã nhuốm màu quan-san.
Dặm hồng bụi cuốn chinh-an,
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa-xôi,
“Vàng trắng ai sẽ làm đôi,
Nửa in gôi chiếc, nửa soi dặm trường?”

Kẻ ra đi, người ở lại bịn-rịn. Kia, rừng phong! Lá đã ngả màu, sắc vàng, sắc đỏ. Cảnh đẹp sao thấy thê-lương! Núi rừng xa-xôi nhuốm đậm màu xa cách. Kẻ ra đi mất hút trong bụi mờ cuốn theo vó ngựa. Người ở lại còn ngóng mắt dõi theo cho đến khi lớp bụi mờ kia tan biến sau rừng cây bát-ngát. Lại vẫn con trăng này chứng-kiến chia-ly giã biệt! Con trăng dẫn lối người đi, con trăng soi gôi kẻ trở về thao-thức thân đêm nơi cô-phòng tịch-mịch. Cảnh thu này không ảm-đảm như cảnh thu trước “ngàn mây đen dầm, bạc phau câu giá”. Cảnh thu này chỉ thấy rừng cây bát-ngát ngoài xa, chỉ thấy rừng phong sắc màu rực-rỡ nhuốm màu xa cách. Cảnh thu này chỉ có vó ngựa cuốn bụi tung bay mịt-mù. Cảnh thu này cũng vẫn có trăng, nhưng là cả một “vàng trắng” soi sáng đôi nhìn. Tâm-tình của người trong cuộc vừa *buồn nhớ* vừa *băn-khoăn* với những *lo-âu* và *mong ước*, buồn nhớ người đi, lo-âu và ước mong cho sứ-mạng kia được chu-toàn thắng-lợi. Bức tranh này mặc dầu chấm phá đơn-sơ giản-dị hơn, nhưng đã nói hết được tâm-tư ấy. Vàng trắng này không còn nhắc lại dĩ-vãng để day-dứt dằn-vật. Vàng trắng này không

còn đay-nghiến, giận hờn, trách móc. Vàng trắng này hài-hoà, thông-cảm với nhân-vật, và tích-cực hơn, đang chia sẻ với nỗi lòng của người đi kẻ ở. Vàng trắng này đã tận-tình hiến-dâng tất cả cho những người mình yêu thương, “nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường”.

“Vàng trắng ai sẽ làm đôi?”

Lời oán-trách định-mệnh kia lại chính là lời nói lên hết được cái tâm-tình hiến dâng của vàng trắng đáng yêu, dễ mến. Định-mệnh dầu khát-khe, nhưng ngoại-cảnh vẫn cảm-thông hiệp-nhất với người trong cuộc. Đây là cái tài tình của Nguyễn Du đã đem nguyên-lý “tình cảnh tương-quan” để miêu-tả cảnh vật mà vẽ nên bức tranh tuyết-diệu là thế!

d) Đây là cảnh thu ly-biệt dưới mắt nàng Kiều trong hai thời-điểm khác nhau. Thế nhưng đối với Thúc-sinh sau những ngày xa cách, nay trở lại Lâm-Truy để gặp tình-nhân, thì cảnh thu dưới mắt chàng lại khác:

“Long-lanh đầy nước in trời ‘

Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.”

Một bức tranh sơn thủy xinh đẹp! Một mùa thu tươi sáng nên thơ! Nền trời xanh lơ in xuống đầy nước long-lanh trong vắt. Khói biếc quanh thành bốc lên cao ngất. Núi đứng phơi mình trong ánh mặt trời ỏi vàng. Chỉ có thế, nhưng cảnh sơn thủy thật hữu tình! Cảnh ở đây lâng-lâng niềm vui khoan-khoái. Cũng dễ hiểu thôi! Chàng về nhà là cốt để nói với vợ chuyện mình đeo-bông đa mang. Nhưng chàng đâu dám to gan hé môi mở miệng thú thật chuyện mình trăng gió, chàng còn “xem ý tứ nhà” ra sao mới “rấp lân-la giải bày”. Oái-oăm thay! Vợ chàng lại cứ “mấy phen cười nói tỉnh say, tóc tơ bất động mây may sự tình”, cho nên con người nhút-nhát kia “nghĩ đà bung kín miệng bình, nào ai đã khảo mà mình lại

xung” lại thấy vợ “có khi vui chuyện mua cười”, “rằng: trong ngọc đá vàng thau, mười phần ta đã tin nhau cả mười, khen cho những miệng đông-dài, bướm ong lại đặt những lời nọ kia”, nhất là lại được nàng thúc-giục mau mau trở về Lâm-Truy thăm nom cha già, vì :

“Cách năm mây bạc xa xa,

Lâm-Truy cũng phải tính mà thân-hơn!”

thì như bắt được cơ may vàng ngọc, nay

“Được lời như cỏi tằm son

Vĩ câu *thăng* ruỗi nước non quê người.”

Đây, phải hiểu được *cái bản-tính và tâm-trạng* của Thúc-sinh mới thấy tại sao cảnh thu dưới mắt chàng hôm nay sao thơ mộng kỳ-thú đến thế. *Bản-tính nhút-nhát khiếp nhược*, như ta sẽ thấy sau này khi quan toà Thuý Kiều “cho grooms mời đến Thúc-lang” thì chàng đã “mặt như chàm đỏ, mình dường dễ run”. *Tâm-trạng hí-hửng* của kẻ mà năm trước, khi phải chia tay người tình, thì như ta đã biết, chàng hết “ni-non đêm ngắn tình dài”, “chỉ non thề bể, nặng gieo đến lời” lại “cầm tay dài ngắn thở-than, chia-phôi ngừng chén, hợp tan ghen lời”, nay được trở về gặp lại người thương thì làm sao không khỏi mừng rỡ reo vui? Lời Kiều khi già biệt vẫn còn văng-vẳng bên tai:

“Chén đưa nhớ bữa hôm nay,

Chén mừng xin đợi ngày rày năm sau.”

Với bản-tính và tâm-lý ấy, Thúc-sinh hẳn phải *háo-hức* biết bao! Quan sát kỹ làm chi phong cảnh dọc đường! Chi biết

mong sao “*thăng*” chóng đến nhà cho thoả lòng mong nhớ sau một năm trời đằng-đẵng cách xa. Chỉ thấy trước mắt cảnh sắc sáng tươi, huy-hoàng, trắng-lệ, đất trời sơn thủy reo vui. Một bức tranh thủy mặc, cũng chỉ vài nét chấm phá *giản-dị nhất*, đơn-sơ hơn hết, nhưng *vẫn đầy-đủ tam tài*: thiên, địa, nhân, vẫn trọn vẹn *đủ mọi chiều kích, chiều kích của không gian* dọc ngang, *chiều kích của thời-gian* đang triển nở, *chiều kích của cả tâm-hồn* xôn-xao hoan-lạc. Lại vẫn ngón nghệ-thuật điêu-luyện của nhà hoạ-sĩ dụng công phối-hợp cảnh tình mật-thiết để phác-hoạ nên bức tranh chất đầy sinh-khí.

1.6- Thay đổi nét vẽ, bước sang cảnh phóng hỏa bắt người cô-thế:

“Dưới hoa dật lữ ác-nhân,

Àm-ành khóc-quỷ kinh thần mọc ra,

Đầy sân guơm tuốt sáng loà,

Thất kinh, nàng chưa biết là làm sao!

Thuốc mê đâu đã tưới vào,

Mơ-màng như giấc chiêm bao biết gì.

Vực ngay lên ngựa tức thì,

Buồng đào viện sách bốn bề lửa giông,

Sẵn thầy vô chủ bên sông,

Dem vào để đó lộn sông ai hay?

Tôi-đòi phách lạc hồn bay,

Pha càn bụi cỏ gốc cây ần mình.”

Trong khi Thúc-sinh còn đang rong-ruổi hí-hửng trở về, thì gia-nhân của vợ chàng đã được lệnh theo thủy-lộ đường tắt ập vào bắt cóc tình-địch cho chủ-nhân. Từ các lùm cây bụi hoa, lũ ác-nhân ào ào trỗi dậy, mọc lên như nấm, hò hét vang trời, tưởng quỷ ma cũng phải khóc lóc rên la, thần linh cũng phải kinh-hồn sợ hãi. Thúy Kiều hoảng-hốt khiếp-đảm, chưa biết phải đối-phó ra sao, thì đã bị tưới thuốc mê bất tỉnh, bị vục lên ngựa lập tức biến nhanh. Khuê-phòng, viện sách bị đốt phá. Bốn bề ngùn-ngụt lửa cháy. Một xác người vô chủ bên sông được quăng vào thay thế gia-chủ. Tôi đòi cũng rụng-rời hồn vía, hoảng sợ tán-loạn, xông đại vào các gốc cây bụi rậm lẫn trốn. Đó! Cảnh-tượng hỗn-loạn là như thế!

Cái khéo thứ nhất là biến-cổ đột-ngột như xuất quỷ nhập thần với quân gian đông-đảo, với tiếng la hét rầm trời, với gươm giáo, vũ-khí sáng loà. Sự-kiện mở đầu này xảy ra trong chớp nhoáng đủ thời-gian để bắt cóc người mà đem đi.

Việc làm này ám-muội, tất phải dàn dựng sao cho hợp lý, phải có phóng hoả, phải thả vào đồng lửa xác chết bên sông để đánh tráo lộn sông mà phi tang. *Đây là cái khéo thứ hai.*

Ba câu đầu với những từ “dưới hoa dây” lên, và “mọc ra đầy sân”, với tiếng thét “âm-âm” cùng với cảnh “gươm tuốt sáng loà” đã đủ để cho người đọc cảm trước được nổi xúc-động “thất kinh” của nàng Kiều trong câu kế tiếp. Không một từ nào thừa-thãi. Mỗi từ đều đặc-vị, hết ý.

Không phải là một bức tranh, nhưng là một hoạt-cảnh, một đoạn phim “trình thám” với tất cả *nổi hồi-*

hộp nghệt thở đứng tim, với tất cả *nỗi xót-xa căm-phẫn*, xót-xa cho người đàn bà cơ-thể, căm-phẫn về hành-động âm-thâm lén-lút, tàn bạo bất nhân.

Trên đây chỉ là một vài ví-dụ điển-hình. Những nhận-xét tinh-tế như vậy còn thấy rải-rác trong khắp Truyện Kiều.

2- Ngoài môi trường-quan giữa tình và cảnh, khi tả tình, Nguyễn Du đã tuân theo những định-luật tâm-lý:

a) định-luật về hồi-tưởng: Những gì xảy ra trong quá-khứ đều được ghi chép ngay vào ký-ức, và khắc sâu trong tiềm-thức. Khi hồi tưởng, các sự-khiện này sẽ tuần-tự hiện về trong trí nhớ, thường những gì đặc-biệt đã được tô đậm sẽ xuất-hiện ngay; đợi khi trí nhớ không còn minh-mẫn, ta phải ngược dòng thời-gian, lần mò trong ký-ức để nhớ lại mà tìm kiếm sự-khiện.

• Thuý Kiều trở về nhà sau buổi du xuân lòng “rộn đường gần với nẻo xa bời bời”. Nàng nhớ lại những việc gì đã lần-lượt xảy ra lúc ban chiều:

* Trước hết, nghĩ đến việc Đạm-Tiên hiển-linh và cuộc đời của người xấu số qua lời kể của em trai, việc nàng đề thơ trên thân cây tổ lòng thương cảm với người đã khuất:

“Người mà đến thế thì thôi,

Đời phồn-hoa cũng là đời bỏ đi!”

* Tiếp đến, hình-ảnh chàng Kim với nỗi bồi-hồi xúc-động “tình trong như đã, mặt ngồi còn e”, cho đến bây giờ vẫn còn làm con tim nàng xao-xuyến:

“Người đâu gặp gỡ làm chi?

Trăm năm biết có duyên gì hay không?”

* Nàng rất quan tâm những việc xảy ra vừa rồi. Nhất là sự-kiện Đạm-Tiên hiển-linh càng dễ khắc ghi vào ký-ức. Hình bóng Đạm-Tiên đã làm nàng *tự-kỷ ám-thị*. Tất cả những việc này bắt đầu lắng sâu trong tiềm-thức, cho nên trong giấc chiêm-bao, nàng đã mơ thấy Đạm-Tiên hiện về báo mộng:

“Vâng trình hội-chủ xem tường

Mà xem trong sổ đoạn-trường có tên.”

Nàng đã “lĩnh ý đề bài” “đủ mười khúc ngâm” và được Đạm-Tiên “nức-nở khen thắm”:

“Vị đem vào tập đoạn-trường

Thì treo giải nhất chi nhường cho ai”

Cho nên nỗi thắc-mắc ban chiều về “người đâu gặp-gỡ làm chi, trăm năm biết có duyên gì hay không?” lại đẩy lên với niềm bi-quan:

“Hoa trôi bèo giạt đã đành,

Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi”

“*Quá-khứ đi vào ký-ức, trở nên tự-kỷ ám-thị, lắng sâu trong tiềm thức, dấy lên trong chiêm bao*”, rồi tái-tục chu-trình tâm-lý ấy. Cho nên cũng chẳng lạ gì càng về sau Kiều càng đem so-sánh thân-phận mình với Đạm Tiên, Cái “sự-kiện

Đạm-Tiên” đã bắt buộc nàng hồi tưởng về quá-khứ xa-xôi
nữa, cái thuở nàng còn ấu thơ:

“Nhớ từ năm hãy thơ ngây,

Có người tướng-sĩ đoán ngay một lời:

Anh-hoa phát tiết ra ngoài,

Nghìn thu bạc-mệnh một đời tài hoa.

Trông người lại ngẫm đến ta,

Một dày một mỏng, biết là có nên”

Sự lợi ngược dòng thời-gian để hồi tưởng này đã làm cho
Kiều ngày càng bi-quan cho số phận, đến nỗi chàng Kim đã
phải khuyên “rằng: giải-cấu là duyên, xưa nay nhân-định
thắng thiên cũng nhiều”. Nếu không có lời khuyên-giải trấn-
an ấy, có lẽ Kiều không thể tiếp-tục dần bước đường tình,
“xăm xăm băng lối vườn khuya một mình”, lại lên trời sang
nhà Kim Trọng mà tự tình, mà thề thốt chuyện trăm năm.

• Cũng vậy, Kim-Trọng trở về thư-phòng thì
tương-tư Thuý Kiều. Những việc xảy ra ban chiều cũng đã
được ký-ức ghi chép. Chàng hồi-tưởng, và nhớ đến giai-
nhân:

“Mây Tần khoá kín song the,

Bụi hồng lẻo-đẻo đi về chiêm-bao.”

Rồi cứ thế, suốt một tháng trời rông-rã, chàng hằng đêm
thao-thức, ngủ không an giấc, lúc nào cũng tơ-tưởng tới
dung-nhan người đẹp:

“Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao,

Mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao-ngán lòng.”

Chàng cũng tự-kỷ ám-thị nhưng với niềm lạc quan rằng:

“Ví chẳng duyên nợ ba sinh

Làm chi đem thói khuynh thành trêu ngươi?”

Đến khi đã gặp được người trong mộng, đã “tóc tơ căn-vận tấc lòng, trăm năm tạc một chữ đồng đến xương”, thì sau tuần rượu cùng nhau “chén hà sánh giọng quỳnh tương”, chàng đã khéo léo ướm ý xa-xôi:

“Sinh rằng: gió mát trăng trong,

Bấy lâu nay, một chút lòng chưa cam.

Chày sương chưa nện cầu Lam,

Sợ lân-khân quá ra sàm-sỡ chẳng?”

Sự ước-ao này, hẳn khi tương-tư Kiều, *chàng đã nhiều lần nghĩ tới*, cho nên trước đó, trong giấc chiêm bao nó đã đẩy lên nơi tiềm-thức của chàng. Thật vậy, khi chàng đang “tựa án thiu-thiu”, mơ chuyện ái-ân, chợt nghe tiếng Kiều trở sang, chàng tỉnh dậy mà vẫn tưởng như còn nằm mơ thấy Kiều trước mặt:

“Tiếng sen khẽ động giấc vàng

Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần,

Bâng-khuâng đỉnh Giáp non Thần

Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ-màng”

b) Định-luật về tiến trình suy tư

Định-luật khác về tâm-lý là khi suy-tư phát-triển tăng dần tới cực-độ thì tức nước vỡ bờ, ắt phải thể-hiện ra hành-động.

• Trao kỹ-vật và dẫn-dò Thuý-Vân thay mình chấp nối nhân-duyên với Kim-trọng, Thuý-Kiều đau-đớn khóc than kêu gào thảm-thiết:

“Ôi Kim-lang, hỡi Kim-lang!

Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!”

Rồi “cạn lời hồn ngắt, máu say, một hơi lạnh ngắt, hai tay giá đông”. Không phải bỗng dưng mà nên nông-nổi. Đây là kết-quả của một diễn-trình suy tư.

Suốt thời-gian giải-quyết việc gia-biến, Kiều đâu còn tâm-trí nghĩ đến người yêu. “Việc nhà đã tạm thông-dong”, nàng mới “một mình, chong ngọn đèn khuya, áo đầm giọt lệ, tóc xe mồi sầu”. Nàng kể-lê:

“Công trình kẻ biết mấy mươi,

Vì ta khăng-khít cho người dở-dang

Thê hoa chưa ráo chén vàng,

Lỗi thê thôi đã phũ-phàng với hoa

Trời Liêu non nước bao xa,

Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tư tôi.

Biết bao duyên nợ thế bồi

Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì!

Tái-sinh chưa dứt hương thề,

Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.

Nợ tình chưa trả cho ai,

Khối tình mang xuống tuyền-đài chưa tan.”

Đó là nấc thang thứ nhất. Ở nấc thang này, Kiều đã tự quy-trách tất cả phần lỗi về mình:

- * vì ta mà người dở-dang,
- * chính ta đã phũ-phàng làm lời lời thề,
- * chính ta rẽ cửa chia nhà cắt đứt tơ duyên.
- * dẫu chết đi, tình này cũng không tan biến.

Cái mặc-cảm mang tội này đã đè nặng trĩu tâm-tư, Thuý-Kiều khó lòng nhấc nổi. Cho nên tiếp đến khi trao duyên cho em, trong lời kể-lẽ, mức sầu hận lại càng leo cao hơn nữa. Càng kể càng thấy đốn-đau, mỗi lần trao kỷ-vật là mỗi lần thêm cay đắng, mỗi lời dặn-dò là thêm mỗi xót-xa:

“Mất người còn chút của tin,

Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa,

*Mai sau dù có bao giờ,
Đốt lò hương ấy, so tơ phím này,
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu-hiu gió thì hay chị về.
Hồn còn mang nặng lời thề,
Nát thân bồ-liễu đèn nghi trúc mai.
Dạ-đài cách mặt khuất lời,
Rảy xin chén nước cho người thác oan!”*

Kiều nói gở mắt rồi! Người nghe đã thấy da thịt nổi gai. Thì ra trong tâm-tưởng nàng, đã manh-nha cái ý-định quyền sinh hay ít ra nàng cũng đã tuyệt-vọng không trông có ngày trở về, nàng sẽ gửi nắm xương tàn nơi đất khách. Nấc thang suy tư này đã lên tới đỉnh chót. Trên đỉnh cao này, nàng lạy sống người vắng mặt:

“Trăm nghìn gửi lạy tình-quân,
Tơ duyên ngắn-ngủi có ngần ấy thôi!”

Gọi là lạy sống vì nàng tưởng mình đã chết và phải chết, thế cho nên sau tiếng hét gào gọi Kim-lang, nàng mới “hồn ngắt máu say” là vậy. Đây là cực-điểm của diễn-trình suy tư, kết-quả của sự tăng-triển triền-miên liên-tục khi suy tư đã thành một ám-ảnh không thể nào xoá tan.

• Kim-Trọng cũng thế, tương-tư sâu nhớ, càng sâu nhớ thì cái dây leo “mơ tưởng” càng xanh ròn quấn

chặt lấy trí tưởng-tượng, dây leo ấy phải đơm hoa kết trái.
Cho nên khi mà chàng đã có định-kiến:

“Ví chẳng duyên nợ ba sinh,

Làm chi những thói khuynh thành trêu người!”

thì chàng, phải cho bằng được, tìm gặp người trong mộng,
và chàng đã hành-động:

“Bâng-khuâng nhớ cảnh, nhớ người,

Nhớ nơi kỳ-ngộ vội dời chân đi.”

Ai đòi lại đi tìm đến chỗ kỳ-ngộ trong chiều xuân hôm nao?
Thật chẳng khác nào “đánh dấu thuyền tìm gươm”, mò kim
đáy bể! Cho nên khi đến nơi, chỉ thấy:

“Một vùng cỏ mọc xanh rì,

Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu!

Gió chiều như gọi con sầu,

Vi-lô hiu-hắt như mâu khơi trêu.!”

Rõ là si tình đến mức mê-mẩn. Lúc này chàng mới tỉnh mộng
mà “xăm xăm đề nẻo Lam-kiều lần sang”. Chàng tới đứng
nhà Kiều, nhưng lại chỉ thấy:

“Thâm-nghiêm kín cổng cao tường,

Cạn dòng lá thắm, dứt đường chim xanh,

Lơ-thơ tơ liễu buông mảnh,

Con oanh học nói trên cành mĩ-mai”

Lại lần thứ hai bị bẽ-bàng, hết lau sậy “như mầu khơi trêu”, thì nay lại đến “con oanh mai-mĩ”. Bây giờ thì mới thực sự tỉnh-táo, chàng tìm trọ học ngay gần nhà Kiều để có cơ-hội gặp gỡ. Diễn-trình suy tư của Kim Trọng là thế!

Cái sự mơ-màng mê-mẩn quá mức đã dẫn đưa đến những hành-động thật là ngớ-ngẩn. Và vì nặng mối tình si, với quyết-tâm thực-hiện, thực-tế phũ-phàng này mới dẫn dắt chàng có những hành-động thiết-thực sáng-suốt hơn, cả những lúc sau này đối-diện người yêu “xem trong âu-yếm có chiều lả-lơi”, lời Kiều cảnh-giác “đoan-chính dễ nghe” đã lôi kéo chàng tỉnh mộng mà trở về với thực-tại khiến “chàng thêm nể thêm vì mười phân”.

II- TẢ NGƯỜI

Người ta thường nói: tướng mạo như tướng tâm. Trong phim kịch, vai nào thì tướng ấy. Những nhân-vật của Nguyễn Du khó mà trộn lẫn. Con người, tâm tính làm sao thì chân-dung, cử-chỉ, thái-độ làm vậy. Thế mà không cần phải tả dài dòng chi-tiết, chỉ cần vài nét phác-hoạ, hoặc có khi tả chân nói rõ thẳng thừng, lại có khi hư-tả, nói gián-tiếp xa-xôi không tả mà như đã tả. Các lối miêu-tả này đã được phân-tích trong các trích-đoạn giới-thiệu những vai chính là Kim Trọng, Thuý Kiều, Từ-Hải bên cạnh vai phụ là Thuý Vân. Dưới đây, xin tóm lược bổ-túc vài nét miêu-tả mấy nhân-vật phụ qua bút-thuật của Nguyễn Du.

1- Lối hoạt-hoạ

a) “Sương in mặt, tuyết pha thân,

Sen vàng lũng-thững như gần như xa.”

Ta chỉ thấy dáng-dấp, không thấy rõ mặt người, khuôn mặt ướt-át như sương khuya, thân hình trắng tốt như pha tuyết. Dáng đi chậm-chậm mơ-màng, bước đi thông-thả nhẹ-nhàng lâng-lâng. Bóng hình thoang-thoảng chập-chờn, mờ mờ tỏ tỏ lúc gần, lúc xa. Bóng hình ấy ẩn ẩn hiện hiện, thực thực hư hư, khi thấy gần lúc lại thấy xa, thướt-tha mềm-mại. Rõ đúng là vẻ đẹp huyền-ảo của người trong mộng, người từ âm-phủ hiện về. Đây là bóng hình Đạm-Tiên. Đơn-sơ chỉ vài nét phóng bút vẽ ra thân hình dáng bước, thế thôi cũng đủ cho người đọc tưởng-tượng hình-dung thấy bóng ma lạnh-lẽo mà rùng mình sởn ốc. Sương tuyết quả có lạnh-lẽo thật, màu sắc nhợt-nhạt này đúng là thích-hợp với người có gốc-gác cư-ngụ tại chốn:

“Hàn-gia ở mái tây hiên,

Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.”

Nhà ở dưới dòng nước, đó là hàn-gia, thảo nào mà chả lạnh, y-phục như tuyết như sương là thế!

b) Cũng vậy chỉ vài nét đơn-sơ để tả cái xác người trôi sông được cứu vớt:

“Trên mũi lướt-mướt áo là,

Tuy dầm hơi nước, chưa loà bóng gương.”

Cái gì đập vào mắt người coi khi nạn-nhân được vớt lên đặt nằm trên mũi thuyền? Áo còn sũng nước. Nhưng người chết đuối này được phép màu cứu-độ nên chưa tắt thở. Bởi vậy “chưa loà bóng gương”, sắc mặt còn tươi không nhợt-nhạt tái ngắt như xác chết trôi. Chỉ tả cái áo ướt dầm, cái sắc mặt sáng tươi, không vẽ mọi chi-tiết thậm chí cả cái thân hình và khuôn mặt, có thể thôi, đủ để người coi biết đó là xác người

trầm mình vẫn còn thoi-thóp, đủ để người coi nhìn-nhận đó là một phép lạ nhiệm-mầu.

2- Lối tả chân

Có làm sao thì nói làm vậy, nói cụ-thể, nói trực-tiếp, nói thẳng ra, nói không sợ lời nói sống sượng, nói không cần phải màu-mè, bóng-bẩy.

a) Vói Mã giám-sinh, một “tay chơi” đã đứng tuổi, mà còn kiêu-cách, đỏng dắn trai lơ:

“Quá niên trạc ngoại tứ tuần

Mày râu nhẵn-nhụi, áo quần bảnh-bao.”

Nhìn cái mẽ bề ngoài này, cũng đủ biết hắn là người không đứng-đắn bị thiên-hạ khinh chê coi thường, bị mĩa-mai riếu cợt xuống hàng con trẻ bởi cách ăn mặc trông ra cũng “*bảnh-bao*” lắm! Bởi vậy, hắn đã khiếm-nhã nếu không nói là vô phép, khi vào nhà người ta mà đã “*ghế trên ngòai tốt sỗ-sàng*”. Nhảy “tót” lên ngòai ghé trên không phân-biệt chủ khách, không cần biết chủ có mời hay không, cái thái-độ trịch thượng này đúng là sỗ-sàng lỗ-măng, không những què-kệch mà còn thô-lỗ cục-cằn. Chú rể tương-lai này đi coi mắt vợ mà đã như vậy thì quả là xác-xược. Nội cử-chỉ này cũng đủ vạch ra cái tư-cách của hắn rồi. Bởi vậy hèn chi hắn chẳng cấm mắt làm tay sai cho mục chủ lầu xanh. Hèn chi hắn không hèn-hạ chịu nép một bề vâng phục Tú-bà tuy hắn vẫn mang danh là chồng:

“Mụ già hoặc có điều gì,

Liều công mắt một buổi quỳ mà thôi.”

Hèn chi trước nhan-sắc nàng Kiều, hẳn chẳng coi đó là “*miếng ngon kẻ đến tận nơi*” tuy trong bụng vẫn tự biết đây là “*phẩm tiên đã bén tay phàm*”. Rõ đúng là kẻ phàm-phu tục-tử chỉ biết xác thịt làm lẽ sống, nhìn bộ diện hẳn mà bảo rằng hẳn *bánh-bao* thì thật là chí-lý.

b) Còn Sở-Khanh thì rõ là tên học-thức lưu-manh. Anh chàng này không đứng tuổi, nhưng “vừa trạc thanh-xuân”, không quê kệch, thô-lỗ, nhưng

“*Hình-dong chải-chuốt, áo khăn dịu-dàng*”

Anh chàng này tỏ ra “có chữ” nhiều hơn, nên đứng bên này vừa nghe Kiều ở bên kia tường ngâm thơ vịnh cảnh mà đã “hoạ vắn” ngay tức thì. Anh chàng này giỏi chữ thông-minh, “cũng mạch thư-hương”, nên khi Kiều nhắn gửi “nhờ tay tể-độ vớt người trầm-luân”, phúc-thư chỉ vắn-vện có hai chữ “Tích Việt”. Kiều đem chiết tự hai chữ Hán này thì biết ngay đây là lời hẹn “tráp nhất nhật tuất tẩu” nghĩa là ngày hai mươi một, giờ tuất, thì chạy trốn. Nếu chỉ có thế, thì với cái bộ dạng “*hình-dong chải-chuốt, áo khăn dịu-dàng*” kia kẻ cũng tạm coi là một thư-sinh đẹp trai thanh-nhã giỏi-giang; nhưng phải chờ đến cảnh-tượng sau đây mới nhãn-tiền mà thực sự nhận ra chân-tướng của tên Sở-Khanh này:

“Còn đang suy trước nghĩ sau,

Mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào,

Sở-Khanh lên tiếng *rêu-rao*:

Nghe đồn *rằng có con nào ở đây,*

Phao cho quuyến gió rù mây,

Hãy xem có biết mặt này là ai?

Nàng rằng: ‘Thôi thế thì thôi,

Rằng không, thì cũng vâng lời rằng không’,

Sở-Khanh *quát mắng ùng ùng*

Bước vào, vừa rắp *thị hùng ra tay*.

Nàng rằng: ‘Trời nhé có hay,

Quyên anh rủ yền, sự này tại ai?

Đem người đẩy xuống giếng khơi,

Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay,

Còn tiên “Tích Việt” ở tay,

Rõ-ràng mặt ấy mặt này chứ ai!”

Những ngữ như: “*rêu-rao*”, “*rằng có con nào ở đây?*”, “*quát mắng ùng ùng*”, “*thị hùng ra tay*”, đã tóm gọn trong từ-ngữ “*mặt mo*”, đủ để cho ta nhận-diện đích thực con người lừa-lạc tráo-trở, “bất nghĩa, vô lương”, một tên hèn-hạ “dơ tuồng” mà mới trước đó, Mã-Kiều vừa cho nàng hay:

“Đi đâu chẳng biết con người Sở-Khanh,

Bạc-tình nổi tiếng lâu xanh,

Một tay chôn biết mấy cảnh phù-dung”

Ở đây, qua nhân-vật Sở-Khanh này, Nguyễn-Du đã *lột mặt nạ* của những tên *trí-thức đê-tiên*, có học mà vô hạnh, và đến bây giờ, có lẽ Kiều mới ngấm-ngẫm ra rằng cái bộ dạng “*chải-chuốt dịu-dàng*” kia thực sự không phải là của người trí-thức đứng-đắn *đàng-hoàng*, *đẹp trai một cách lẳng-lơ*, mà tuy *trước kia, bản-năng tự-vệ đã có lần cảnh-giác* nàng về sự khoe-khoang khoác-lác của hắn:

“Nghe lời nàng đã sinh nghi,

Song đà quá đổi quẩn gì được thân”

Nên Kiều mới

“Cũng liều nhắm mắt đưa chân

Mà xem con Tào xoay vắn đến đâu?”

c) Tú-bà cũng chỉ được vẽ bằng đôi nét đơn-sơ nhưng đặc-biệt rất thật và rất sống động:

“*Thoắt trông lờn-lợt* màu da,

Ấn gì cao lớn đầy-dà làm sao!”

Thoạt gặp mặt này, người ta đâu có để ý gì đến khuôn mặt, mái tóc, hay mắt, miệng của mặt. Nhưng cái đập ngay vào mắt họ là màu da “*lờn-lợt*” và thân hình “*cao lớn đầy-dà*”, vì đó là những đặc-điểm. *Lờn-lợt* khác với *nhợt-nhạt*. Mặt *nhợt-nhạt* thì tái xanh (pâle), cắt không giọt máu, là màu của hoa héo tàn phai (fâné). Nhưng *lờn-lợt* thì tuy cũng trắng bệch mất sắc, không hồng-hào nhưng trông có vẻ bóng nhẫy, vì “*lờn*” hay “*nhờn*” thì hàm ý có chất dầu, chất mỡ (graisseux). Đây là màu da đã trát lên nhiều lớp phấn sáp

điểm-trang, màu da của kẻ thiếu ngủ lấy đêm làm ngày cho những cuộc truy hoan trác-táng. Đúng là:

“Lầu xanh có mụ Tú bà.

Làng chơi đã trở về già hết duyên.”

Bao nhiêu năm tháng thanh-xuân dạn-dày nơi thanh-lâu, nay đã về già, cũng vẫn chôn này kiếm ăn, bấy nhiêu lớp phấn sáp, cho nên màu da lòn-lọt là vậy. Nhất là không cần phải nhìn kỹ, nhìn lâu, chỉ mới “*thoắt trông*” là đã nhận ra liền, thì phải biết rằng màu da phấn sáp ấy nó “*lòn-lọt*” đến thế nào! Còn cái thân hình thì khỏi nói. Cao lớn đã đành, nhưng trong *thật* *đầy-đà*. *Đầy-đà* vì to béo, mập-mạp, phốp-pháp, thấy người là thấy cả một cây thịt nặng chịch. Lại *đầy-đà* “*làm sao!*”. Đó là *thật* *đầy-đà*! *Đầy-đà* quá sức, *đầy-đà* ai cũng phải ngạc-nhiên. Nhưng cái đặc-biệt của mụ khác người là ở chỗ “*ăn gì*” mà cao lớn *đầy-đà* đến thế? Tại sao những “*ả mây ngài*” của mụ cũng ăn mà không *đầy-đà* được như mụ? Thì ra mụ có chế-độ ăn uống bồi-dưỡng đặc-biệt khác người, bởi vì mụ là mụ chủ nhà chứa, mụ ăn trên sức lao-động, trên xương máu của chị em. Thiếu điều nói theo kiểu nói bình-dân: “*ăn cái giống gì*” mà như vậy? Đây là nói nhẹ-nhàng cho kém thô-tục, chứ thay cụm từ “*cái giống*” gì bằng một từ khác sỗ-sàng, nặng-nề hơn thì quá tục, quá hơn chửi xéo. Tác-giả đã tỉnh-lược, chỉ nói trống không “*ăn gì*” mà phốp-pháp *đầy-đà* đến thế? Thế cũng là mĩa-mai châm-biếm rồi. Châm-biếm thanh-nhã như vậy cũng là đã tả chân hết mức, đủ để cho ta nhận biết ngay đó là Tú-bà, là mụ chủ lầu nay vẫn cùng tên chồng họ Mã “*chung lưng mở một ngôi hàng, quanh năm buôn phấn bán hương đã lè*”. Đây là bút-thuật tài-tình của Nguyễn-Du.

3- Lối hư-tả

Bằng cách nói xa xôi gián-tiếp, không tả mà như đã tả. Thay vì nói thẳng vào chính-điểm, lại dẫn từ ý phụ để đi vào, mượn “khách” mà giới-thiệu “chủ”. Thay vì nói rõ ra thì lại bỏ lửng để người nghe tự suy đoán. Cũng như khi vạch mặt chỉ tên mà trách-cứ lại không đau-đón bằng chữ xéo, nói cạnh băng-quơ. Trục-ngon nhiều khi không gây xúc-động bằng ám-chỉ. Lối tả gián-tiếp ấy là hư-tả.

3.1- Theo Mã giám-sinh về đến nhà trọ rồi:

“Đêm thu một khắc, một chày,

Bâng-khuâng như tỉnh như say một mình”

Tả Kiều đang mơ-màng vào giấc ngủ, tác-giả dừng lại kể về lai-lịch và con người chàng rề Mã giám-sinh. Đây là lời của tác-giả kể chuyện chứ không phải ý Kiều đang suy nghĩ như thế. Tác-giả muốn giới-thiệu cho người đọc biết trước tư-cách của họ Mã để lát nữa đây khi thấy rõ hành-động cụ-thể của hắn mà không ngỡ-ngàng, hoặc sẽ càng nhận rõ hơn chân-tướng của hắn. Cái hành-động của hắn sau này chỉ là chứng-minh cho tiền-đề mà tác-giả bắt đầu rào trước ở đây. Thật vậy:

“Chẳng ngờ gã Mã giám-sinh,

Vẫn là một đứa phong-tinh đã quen.

Quá chơi lại gặp hồi đen,

Quen mùi lại kiếm ăn miền nguyệt hoa.

Lầu xanh có mụ Tú bà,

Làng chơi đã trở về già hết duyên.

Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
Mặt cửa mướp đáng, đôi bên một phường.

Chung lưng mở một ngôi hàng,
Quanh năm buôn phần bán hương đã lè.

Rảo tìm khắp chợ thì quê,
Giả danh hầu-hạ, dạy nghề ăn chơi.”

Chỉ cần biết đó là một “đứa”, lại là “*một đứa phong tình*”, hơn nữa là “*một đứa phong tình đã quen*”, thế cũng đủ đánh giá tư-cách. Và cái tư-cách này đã gián-tiếp tả được nỗi căm-phẫn xót-xa của Kiều khi nàng bị thất thân với hắn. Biết thêm được những việc như “quen mùi lại kiếm ăn miền nguyệt hoa”, như “mở một ngôi hàng, quanh năm buôn phần bán hương đã lè”, như “dạy nghề ăn chơi” và như những suy tính trong bụng về “miếng ngon kè đến tận nơi”, cùng bao nhiêu những lý-luận khác hắn thầm nghĩ để đi đến hành-động thoả-mãn dục-tính. Càng biết thêm được bao nhiêu, người ta mới càng thấm-thía nỗi đau khổ nhục-nhã ê-chề của nàng Kiều khi phải hiến thân cho tên bợm giả này:

“Tiếc thay một đoá trà-mi,
Con ong đã tỏ đường đi lối về.
Một cơn mưa gió nặng-nề,
Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương”

Tả việc nàng thất thân quả không phải dễ. Khó-khăn vì tả sao cho được thanh-nhã. Tả chân thì sống sượng. Chỉ có cách

nói bóng-bẩy như thế, nhưng lại không gây được ấn-tượng, không lột hết được sự bi-ôi xấu-xa đê-tiện của kẻ phàm-phụ, không khóc hộ được cho thân gái đào tơ phải nhục-nhã nuốt hận nổi căm-phẫn xót-xa đường nào. Thế nhưng qua lời giới-thiệu dài dòng chi-tiết về họ Mã thì người nghe đã quá rõ, cho nên đến lúc kết cuộc, cho dù có nói xa xôi bóng bẩy đến đâu, người nghe cũng thấu hiểu được cảnh-tượng và nông-nổi rồi.

3.2- Cũng như khi giới-thiệu Sở-Khanh, thay vì cho người đọc biết trước cái bản “mặt mo” của hắn, tác-giả đã rà-ò trước bằng những cử-chỉ lén-lút vụng trộm: chuyển cảnh, trèo tường, leo lầu, đẩy song cửa sổ, không đi vào cửa chính. Chính Kiều cũng chưa nhận ra tư-cách của hắn. Chỉ mới “sinh nghi” sau khi nghe hắn khoe:

“Rằng: ta có ngựa truy phong,

Có tên dưới trướng vốn dòng kiện-nhi.

Thừa cơ lén bước ra đi,

Ba mươi sáu chước, chước gì là hơn?

Dầu khi gió kếp mưa đơn,

Có ta đây cũng chẳng con-có gì”

Tất cả những cử-chỉ của Sở-Khanh từ khi đánh tiếng đến khi dẫn Kiều đi trốn đều chuẩn-bị cho thái-độ phũ-phàng của tên “mặt mo” tráo-trở và vũ-phu. Tới lúc này người đọc sẽ cùng với Thuý-Kiều thốt lên: “À, ra thế! Thì ra hắn đều-giả, tiểu-nhân như thế mà bây giờ mới hay!” Hắn từ hành-động này, Kiều hồi-tưởng lại những cử-chỉ đã qua của hắn mới thấy mình lầm, mới hay mình đã nhẹ dạ cả tin. Lén-lút,

huênh-hoang khoác-lác như vậy mà không nhận ra. Lối hư-tả này càng làm cho người đọc sửng-sốt bao nhiêu thì càng lộ hết được chân-tướng của tên Sở-Khanh bấy nhiêu, cái tên đã biến thành một phẩm-định-từ nơi cửa miệng dân-gian để ám-chỉ những kẻ tiểu-nhân với tất cả mọi xấu-xa đê-hèn nói ra không hết, nhưng cứ hình dung ra Sở-Khanh tất sẽ rõ.

3.3- Khi Hồ Tôn-Hiến ép gả nàng cho viên quan địa-phương, không hề thấy Nguyễn-Du đã động đến người này, chỉ biết rằng:

“Lệnh quan ai dám, cãi lời, (câu 2597)

Ép tình mới gán cho người thổ-quan.”

Suốt bốn chục câu thơ, kể từ đó mãi đến câu 2637, mới thấy Nguyễn Du nhắc đến thổ-quan lần thứ hai và là lần cuối cùng:

“Thổ-quan theo vớt vôi-vàng, (câu 2637)

Thì đã đắm ngọc chìm hương mất rồi!”

Từ lúc bị “kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền, lá màn rủ thấp, ngọn đèn khêu cao”, Kiều hết nghĩ buồn cho thân phận, toan dứt cuộc đời, rồi thức suốt đêm, cho tới gần sáng, khi “mảnh trăng đã gác non đồi, một mình luống những đứng ngòai chưa xong”, nàng lại ra ngòai mui thuyền, nghe “triều đầu nổi tiếng ùng ùng, hỏi ra mới biết rằng sông Tiền-Đường”, vậy mà thổ-quan không biết hay không thắc-mắc để ý xem chừng. Cả khi Kiều chong đèn viết thư tuyệt-mệnh, y cũng không hay hoặc không cần biết đến. Mãi tới khi nàng “đem mình gieo xuống giữa dòng trường-giang”, bấy giờ mới thấy “thổ-quan theo vớt vôi-vàng”.

Rõ đúng là viên quan thuộc dân-tộc ít người. Một người chồng được gán ép cho làm chồng, một con người dửng-dưng không biết quan-tâm thắc-mắc về những hành-động khác lạ và tâm-lý của người mình mới cưới. Nguyễn Du không tả gì về đêm động phòng, không nói gì về người chồng mới này như đã tả đêm tân-hôn với Mã giám-sinh, bởi lẽ đối với mối nhân-duyên cưỡng-buộc này, Kiều đã than rằng:

“Duyên đâu chưa dứt tơ đào?

Nor đâu ai nỡ dặt vào tận tay?”

Không tả mà như đã tả, vì với sự xuất-hiện hiếm-hoi lạ-lùng của y trên sân khấu cũng như việc Kiều tự-do hành-động như không biết có người xung quanh, thì ai cũng thừa biết thỏ-quan này tầm thường, què mùa, đần-độn, ngu-si, dốt nát, bất thức, vô tâm, vô tính đến thế nào rồi!

B- Nghệ-thuật kể-chuyện

Nói về nghệ-thuật kể chuyện, ta sẽ lần-lượt xét các thể tự-thuật, tự sự và đối-thoại.

I- TỰ-THUẬT

Kiều giải bày tâm-sự với Thuý-Vân. Dĩ-nhiên mục-đích của Kiều khi thuật lại chuyện mình là muốn Thuý-Vân chấp duyên với Kim Trọng. Một vấn-đề khó giải-quyết. Khó vì đây là chuyện riêng, chuyện mà tự-do luyến-ái vốn là điều cấm-ky trong lễ-giao xưa. Khó là vì việc lấy Kim-Trọng, đối với Vân, không những là chuyện bất ngờ mà còn là điều khó nghĩ, vì thói thường có thể bắt người ta phải bắn-khoãn nghĩ xa xôi: “Ai lại đi cướp chồng của chị bao giờ?” Để đạt mục-đích ấy, Kiều đã tiến từng bước:

1- Trước hết, nàng rào trước bằng:

- xác-nhận mình đang vướng chuyện tình duyên.
- nói ra thì xấu-hổ, thẹn với em, mà không nói cứ để âm-ỷ trong bụng, thì phụ lòng người yêu:

“Rằng: Lòng đương thôn-thức đây,

Tơ duyên còn vướng mối này chưa xong.

Hở môi ra cũng thẹn-thùng,

Để lòng thì phụ tấm lòng với ai!”

2- Cho nên nàng ra điều-kiện tiên-quyết:

“Cậy em, em có chịu lời,

Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.”

Với điều thứ nhất, Vân phải thông-cảm. Với điều thứ hai, dù không muốn Vân cũng phải chịu, vì chị tha-thiết chân-thành. Phải chí tình tha-thiết mới bắt em ngồi cho chị lạy, một việc khá ư ngược đời. Lại lạy sống như vậy thì đây không phải là chuyện tầm thường bỏ qua, nhưng rất hệ-trọng. Một thái-độ rất nghiêm-chỉnh đàng-hoàng, đáng phải chú-ý quan-tâm.

Chắc hẳn Thuý-Vân rất sùng-sốt, rất hồi-hộp để lắng nghe, và nóng lòng muốn mau chóng được nghe. Hiểu được tâm-lý ấy, ý-định của Kiều đã thành-công. Vân chấp-nhận ngồi cho chị lạy, lúc này chưa hẳn là Vân đã ưng chịu điều chị sẽ nhờ cậy, nhưng vì bản-tính tò-mò muốn biết sự việc, lại vì thông-cảm nỗi lòng của chị: chị có người yêu, chị sợ xấu-hổ, và chị sợ người yêu buồn lòng.

Thực vậy, Vân đầu đã biết ý-định trao duyên của Kiều. Có thể Vân chỉ nghĩ rằng chị sẽ nhờ mình kể lại nỗi bất hạnh ngoài ý muốn, để giải bày lòng thành của chị cho người yêu, cùng lắm có thể gửi lại bức thư tạ lỗi hay trao lại những kỷ-vật cho người yêu. *Nếu Kiều nói ngay ra cái mục-đích của mình, chưa dễ đã bắt được Thúy-Vân ưng nhận cái lạy sống của mình.* Cho nên Kiều phải ra điều-kiện tiên-quyết là vậy.

3- Khi Vân đã ưng nhận cho mình lạy, Kiều mới vào đề, kể-lẽ cuộc tình.

Phải nói rằng kể-lẽ, vì *kể làm sao để thuyết-phục*, mà *sự gọi cảm chắc-chắn phải là điểm chủ-yếu*. Thông-thường, thì đề đến sau cùng mới nói mục-đích. Nhưng đặc-biệt khác thường, Kiều nói thẳng ngay:

“Giữa đường đứt gánh tương-tư,

Keo loan chấp mối tơ thừa, mặc em.”

Nói thẳng vì nàng đã rào trước rồi, đã ra điều-kiện rồi. Cho biết ngay như thế, có thể Vân sẽ sùng-sốt, sẽ chung hững, nhưng không để cho em kịp có phản-ứng, Kiều tới-tấp nêu lên sự tình và những lý-lẽ thuyết-phục

a) sự tình là:

“Kể từ khi gặp chàng Kim,

Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.

Sự đâu sóng gió bất kỳ,

Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai.”

• *Sự tình thứ nhất là chuyện gặp người yêu.* Người này không ai xa lạ, vì chính em cũng đã biết, đã gặp và đã quan-sát người ấy khá lâu, gặp trong buổi du xuân mà cả hai chị em đều “e-lệ nép vào dưới hoa” khi em trai Vương Quan “quen mặt ra chào”. Rồi tiếp đến những cuộc hẹn-hò trao đổi đi đến gần bó thề nguyện, cuộc tình lãng-mạn cực kỳ sôi nổi của tuổi thanh-xuân, nằng kể hết và phải kể hết, có như thế mới gây được sự cảm-thông. Có thể nói, đến đây, không những cảm-thông mà còn thương hại tội nghiệp cho mối tình đầu của chị phải tan vỡ thật là éo-le.

• *Sự tình thứ hai thì em cũng đã biết rồi,* nhưng nhắc lại cho em biết lòng hy-sinh của mình, lẽ nào chị coi tình nặng hơn hiếu. *Nhấn mạnh tới sự hy-sinh không những có tác-dụng làm cho Thuý Vân xót thương, kính nể mà còn gián-tiếp cho em thấy rằng, hy-sinh là việc quan trọng hàng đầu,* Vân phải suy nghĩ thâm nhủ: “Chị mình đã hy-sinh, một việc quá to-tát đến như vậy, thì xá chi việc nhỏ này mà mình lại từ chối chẳng dám hy-sinh? Đó chẳng qua là sự công-bằng mà thôi.”

b) Lý-lẽ thuyết phục

• Chắc hẳn Vân phải mũi lòng xót thương. Và quả đoán như thế, cho nên trong lý-lẽ thuyết-phục, Kiều đề-cập ngay đến nhược-diễm tâm-lý này. Không những *trông cậy ở tình máu mủ mà van xin lòng thương xót* của em, Kiều còn *khích-dộng thúc-giục xót thương khi nàng cho hay nàng sẽ chết và sẽ chết tức-tưởi nếu không được giải-oan bằng sự trả nghĩa người yêu:*

“Ngày xuân em hãy còn dài,

Xót tình máu mủ, thay lời nước non.

Chị dù thịt nát xương mòn,

Ngậm cười chín tuổi hãy còn thơm lây.”

“Hãy còn thơm lây!” Sự hy-sinh này cao-cả quá! Chị chết vì người yêu, chết cho người yêu được hạnh-phúc, chị vui mừng thơm lây hạnh-phúc của em và của người yêu. Lời chị sao tha-thiết! Bảo sao Thuý-Vân không cảm-động? *Hy-sinh tình yêu và để cho tình yêu.* Hết hy-sinh cho gia-đình được an vui, nay lại vui mừng hy-sinh để người yêu và em gái được hạnh-phúc, lòng chị rộng lượng hải hà, làm sao em dám chống cưỡng lời chị?

• Tiếp sau đó, luôn luôn mỗi lần dặn-dò thêm điều gì, Kiều cũng vẫn không quên xoáy mạnh vào nhược-điểm tâm-lý ấy.

* Trao cho em chiếc thoa và tờ mây ghi chép lời thề nguyên, thì dặn rằng:

“Chiếc thoa với bức tờ mây,

Duyên này thì giữ, vật này của chung.

Dù em nên vợ nên chồng,

Xót người mệnh bạc, ắt lòng chẳng quên.”

Ý-định sẽ chết lại càng thêm rõ-ràng.

* Trao cho em cây đàn và mảnh hương trầm còn cháy dở đã đốt trong buổi thề-nguyên mà nàng vẫn trân quý giữ-gìn, thì cũng vẫn dặn-dò:

“Mất người, còn chút của tin,

Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa.

Mai sau dù có bao gi

Đốt lò hương ấy, so tơ phím này.

Trông ra ngọn cỏ lá cây,

Thấy hiu-hiu gió thì hay chị về.”

Thế ra lần này Kiều lại đi xa hơn, Kiều nói Kiều sẽ chết thật. Hai câu cuối này đủ để làm cho người nghe phải nổi gai sorn ốc. Hồn chị linh-thiên sẽ trở về. Từ nơi âm-phủ chị vẫn theo dõi, chị sẽ trở về để cảm-thông. Tiếng tơ, hương trầm sẽ gọi chị về với chàng, với em. Vân hẵn cảm thấy điều này, vì trước mộ Đạm-Tiên một chiều xưa, Vân cũng đã từng chứng-kiến cảnh hiển-linh tương-tự:

“Ào ào đổ lộc rung cây,

Ở trong đường có hương bay ít nhiều,

Đề chừng ngọn gió lần theo,

Dấu giấy từng bước in rêu rành rành”

* Và còn đi xa hơn nữa, Kiều bồi thêm:

“Hồn còn mang nặng lời thề,

Nát thân bồ-liễu đèn nghì trúc mai.

Dạ-đài cách mặt khuất lời,

Rảy xin chén nước cho người thác oan.”

Có lẽ không phải chị hăm dọa, mà chị nói thật, vì như lời chị đã kể, chị sẽ chết, chị chết oan-khiên vì: “nợ tình chưa trả cho ai, khối tình mang xuống tuyền-đài chưa tan”. Vân phải tin chị, vì chính Vân cũng đã đoán biết nỗi lòng oan trái của chị khi mà, trước đó, Vân đã “ân-cần hỏi-han”:

“CƠ trời dẫu bề đa đoan.

Một nhà để chị riêng oan một mình,

Có chi ngồi nhẩn tàn canh?

Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây?”

Một mình chị chịu oan thay cho cả nhà. Lòng chị còn âm-ỷ mối hận tình chi đây? Chị chết đi như vậy đúng là chị chết oan rồi! “Rẫy xin chén nước cho người thác oan!” Nghe mà rùng mình sợ hãi! Thế ra bao lâu chị chưa trả xong nợ tình thì bấy lâu chị vẫn còn thác oan! Như vậy thì từ-chối lòng tín-nhiệm phó-thác của chị sao cho đành?

* Lại càng ghê sợ hơn nữa, vì liền sau đó, nàng bèn lạy sóng người vắng mặt, và hét lên tiếng kêu ai-oán nào-nùng vọng gọi người yêu.

“Bây giờ trâm gãy gương tan,

Kẻ làm sao xiết muôn vàn ái-ân!

Trăm nghìn gửi lạy tình-quân,

Tơ duyên ngắn-ngủi có ngần ấy thôi!

Phận sao phận bạc như vôi!

Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ-làng.

Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang!

Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!’

Đến đây thì khỏi cần thấy chị mình ngất xỉu hôn mê, Vân mới chấp-nhận lời dặn của chị, hay đúng hơn, lời chị trấn-trối, bởi bất-tình nguy cấp đến như thế này thì ai chả nghĩ rằng chị khó lòng mà qua khỏi:

“Cạn lời hồn ngất máu say,

Một hơi lạnh ngất, hai tay giá đồng.”

Đã gọi là gọi sự cảm-động, thì sự cảm-động thực sự phải bắt đầu tự mình trước đã. *Chính Kiều đã xúc-động tột cùng nên Kiều đã ngất đi. Như vậy làm sao người nghe không xúc-động cho được?*

Tự-thuật có lớp-lang, đánh mạnh vào tâm-lý và tình-cảm của người nghe như thế, làm sao người nghe không khỏi bị thuyết-phục?

II- TỰ SỰ

Về tự sự, ngoài cách kể chuyện của Vương Quan đã gặp trong trích-đoạn nói về đời Đạm-Tiên, có thể kể thêm lời thuật tiêu-biểu của những người được Kim trọng điều-tra dò hỏi tin-tức về Kiều. Có hai cái khéo trong nghệ-thuật kể chuyện dưới ngòi bút của Nguyễn Du:

1- Cái khéo thứ nhất là Nguyễn-Du không để cho một nhân-vật duy-nhất thông tin.

Bởi mười lăm năm đoạn-trường, lại lưu-lạc hết chỗ này đến chỗ kia, một người tại một địa-phương không thể nào biết hết, cho nên mỗi vùng có mỗi người nắm được tình-hình. Hơn nữa, tác-giả có ý chọn ba dấu mốc thật quan-trọng làm nên những khúc rẽ trong đời Kiều: trước nhất là thoát cảnh “thanh-lâu hai lượt, thanh-y hai lần”, sau nữa là thời oanh-liệt của Kiều bên cạnh Từ-Hải, cuối cùng là chấm dứt đời bạc-mệnh khi Kiều gieo mình xuống sông Tiền-Đường. Ở ba mốc này, có ba người vanh-vách kể lại:

Người thứ nhất là viên lại già họ Đô. Nguyễn-Du thì giới-thiệu theo tuần-tự đời sống của Kiều, từ thời niên-thiếu trở đi: tài sắc ai bì, gặp hồn ma báo mộng, cuộc tình sôi nổi, gia-biến dẫn đến kiếp đoạn-trường. Đó là hợp-lý dĩ-nhiên. Còn họ Đô kia, chỉ biết những gì ông biết theo ông đã chứng-kiến, như ông nói:

“Sự này đã ngoại mười niên,

Tôi đà biết mặt, biết tên rành rành.”

Đó là:

Tú-bà cùng Mã giám-sinh,

Đi mua người ở Bắc-kinh đưa về.

“Thúy-Kiều tài sắc ai bì,

Có nghề đàn, lại đủ nghề văn thơ.

Kiên-trinh chẳng phải gan vừa,

Liều mình thế ấy, phải lừa thế kia.

Phong-trần chịu đã ê-chề,
Dây duyên sau lại xe về Thúc lang.
Phải tay vợ cả phũ-phàng
Bắt về Vô-tích toan đường bẻ hoa,
Bực mình nàng phải trốn ra,
Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia,
Thoắt buôn về, thoắt bán đi,
Mây trôi, bèo nổi, thiếu gì là nơi!
Bỗng đâu lại gặp một người,
Hơn đời trí dũng, nghiêng trời uy-linh.
Trong tay muôn vạn tinh-binh,
Kéo về đóng chặt một thành Lâm-Truy,
Tóc tơ các tích mọi khi,
Oán thì trả oán, ân thì trả ân.
Đã nên có nghĩa, có nhân,
Trước sau trọn vẹn, xa gần ngợi khen.
Chưa tường được họ được tên,
Sự này hỏi Thúc sinh-viên mới tường.”

Người thứ hai là Thúc-sinh được Kim Trọng cho mời đến:

Thúc rằng: “Gặp lúc loạn-ly,

Trong quân, tôi hỏi thiếu gì tóc tơ.

Đại-vương tên Hải, họ Từ

Đánh quen trăm trận, sức dư muôn người.

Gặp nàng khi ở Châu-Thai,

Lạ gì quốc-sắc thiên-tài phải duyên.

Vấy-vùng trong bấy nhiều niên,

Làm nên **động địa kinh thiên** ùng ùng.

Đại-quân **đồn đóng cõi đông,**

Về sau chẳng biết vân-mòng ra sao.”

Người thứ ba tại Hàng Châu kể lại “tóc tơ rành rành”. Nhân khi Kim Trọng được bổ-nhiệm cai-quản châu Nam-Bình, chàng rủ Vương Quan đang trị-nhậm thành Châu Dương, cùng nhau đến Hàng-Châu thăm dò tin-tức:

Rằng: “Ngày hôm nọ giao binh,

Thất cơ, Từ đã thu linh trận tiền,

Nàng Kiều công cả chẳng đền,

Lệnh-quan lại bắt **ép duyên thổ-tù.**

Nàng đà gieo ngọc chìm châu,

Sông Tiên-Đường đó, đẩy mỗ hồng-nhan!”

2- Cái khéo thứ hai là những người này không kể hết mọi chi-tiết, như vậy thi nhằm chán, vì ai cũng đã biết hết rồi, đây chỉ là **tóm lược** đời Kiều, cho nên,

• *không những cắt bỏ những chi-tiết phụ, chỉ nêu những cái gì nổi bật nhất*, những sự việc cụ-thể nhất, những biến cố quan trọng nhất, mà còn hơn nữa,

• *dùng từ làm sao cho ngắn gọn, đơn-giản nhưng vẫn tóm-tắt được mọi sự kiện*, như là một sự gợi nhớ chỉ nhắc tới là người nghe nhớ ra hết mọi việc đã diễn-tiến ra sao. Những chữ in đậm trong trích-dẫn trên đây đã làm tròn chức-năng này. Chẳng hạn, xét sơ qua lời ông già họ Đô.

* Trước hết ông cho biết việc bọn Tú bà và Mã giám-sinh mua người ở Bắc-kinh đem về. Đây là nguyên-cớ làm sao biết được cô Kiều sau này.

* Người ấy là cô Kiều, có tài có sắc, tài đàn tuyệt-kỹ, văn thơ tuyệt-vời. Đúng rồi! Ông già này chỉ kể hai tài nghệ, mà không đề-cập những tài khác, bởi đó là hai biệt-tài nổi bật. Cái chuyện theo Sở-Khanh đi trốn do thiên “Tích Việt”, chuyện bị ra toà, được quan huyện không những tha bổng lại còn đích thân đứng ra tác-hợp nhân-duyên với Thúc-Sinh, chuyện khoác áo thanh-y ở nhà Hoạn-Thư bị hành-hạ, hẳn nhiên là việc thạo đàn, giỏi văn nhờ đó mà được ra Quan-Âm các, dẫn đến việc đi trốn, dĩ-nhiên đã được gia-nhân tiết-lộ ra ngoài. Qua những chuyện này, hai biệt-tài ấy ai mà không biết!

* Chỉ cần nhắc tới chuyện “liều mình thế ấy” và “phải lừa thế kia” cũng đã gợi ra việc Kiều tự-tử ở nhà Tú bà

với tất cả nguyên-nhân và hậu-quả. Chuyện này, thiên-hạ đồn thổi, ai mà chả hay, bởi vì:

“Nỗi oan vỡ lở xa gần,

Trong nhà người chạt một lần như nen.

Nàng thì bần-bật giấc tiên,

Mụ thì cầm-cập, mắt nhìn hồn bay.”

* Chỉ cần nhắc rằng “*dây duyên sau lại xe về Thúc-Lang*”, cũng như “*phải tay vợ cả phũ-phàng*” cũng đủ gợi lại việc Thúc sinh chuộc Kiều ra khỏi thanh-lâu của mụ Tú, việc Kiều bị cáo quan, việc quan xe duyên cho Kiều Thúc, việc Hoạn-Thư hành hạ Thuý Kiều.

* Những câu như “*một nhà Bạc kia*”, “*thoắt buôn về, thoắt bán đi*” đã tóm-tắt cho biết Bạc Hạnh là cháu Bạc bà. Bạc bà đem bán Kiều cho Bạc Hạnh, Bạc Hạnh buôn Kiều đem bán lại cho hành-viện Châu Thai. Những điều kể lại sau đó về Từ-Hải cũng như về chuyện “*ép duyên thổ-tù*” thật tài tình, tóm gọn được sự-nghiệp tung-hoành của người anh-hùng “*cõi Đông*”, cũng như cái chết oan khiên của họ Từ do bàn tay mưu hại lừa lọc của quan tổng-đốc họ Hồ.

III- ĐỐI-THOẠI

Ta đã biết rõ nghệ-thuật đối-thoại qua cuộc đấu lý sôi nổi giữa quan toà Thuý Kiều và bị can Hoạn-Thư tiến lên tự bào-chữa, khiến quan toà phải tha bổng. Một cuộc tranh-luận khác cũng hùng-biện không kém giữa Kim-Trọng và Thuý Kiều về quan-niệm trinh tiết và hôn-nhân khi hai người tái-hợp.

1- Cuộc tranh-biện này gồm hai giai-đoạn. Giai-đoạn đầu, Thuý Kiều chịu thua. Giai-đoạn sau, phần thắng lại thuộc về Kiều.

a) Giai-đoạn đầu

Tiệc đoàn-viên đã thấy “tàng tàng chén cúc dở say, đứng lên, Vân mới giải bày một hai”. Cuộc tranh-luận Kim Kiều bắt đầu.

*** Vân đề-xương việc “đào non sớm liệu xe tơ kịp thì”**, khuyên chị nên xe lại mối nhân duyên với Kim Trọng, Vân vừa **“dứt lời, nàng vội gạt đi”**, viện lẽ *tám thân giang-hồ nhơ-nhớp bấy nhiêu năm, nay thật xấu hổ, còn chi xứng đáng nữa*, thà cứ để trôi sông, vậy mà hơn!

“Một lời tuy có ước xưa,

Xét mình dải gió dầu mưa đã nhiều!

Nói càng hổ thẹn trăm chiều,

Thà cho ngọn nước thủy-triều chảy xuôi!”

*** Chàng Kim phản bác**, viện lẽ đã thề sông thề chết với nhau, lời thề nguyên có đất trời chứng giám, mà nay bội thề thì *sẽ mang tội với trời đất. Duyên trời xe định xui nên cuộc tái-ngộ này*, vậy Trời đâu có phụ mối tình chung, sao lại nỡ chia đôi mà không tái-hợp nhân duyên?

“Một lời đã trót thâm-giao,

Dưới dày có đất, trên cao có trời,

Dẫu rằng vật đổi sao dời,

Tử-sinh phải giữ lấy lời tử sinh!

Duyên kia có phụ chi tình,

Mà toan chia gánh chung tình làm hai?”

*** Kiêu cãi lý:**

Hôn-nhân quý trọng ở sự trinh tiết khác nào hoa thơm vẫn còn phong nhụy, trăng còn trong sáng như gương, vẫn tròn vành-vạnh chưa hề lẹm khuyết. Mà thiếp tự xét thấy mình quá ư xấu-xa đã để tấm thân này “đãi-đăng ong bướm”. Chữ trinh quý giá như thế, mà bày trò chần gối ái ân, há chẳng hổ thẹn với người tình năm xưa? Bao năm qua, trước những cơn dông tố phũ-phàng, hoa này tươi mấy cũng đã tàn, trăng này tròn mấy cũng đã khuyết, tấm thân cái ghét (trần cấu) này đã thành nhơ-nhớp chẳng còn trinh, làm sao xứng đáng trở nên vợ hiền (bố-kính). Thôi thì ở vậy, lấy chồng làm chi nữa! Còn nếu như chàng đặt nặng chữ tình, thì tại sao ta không thể đổi tình vợ chồng ra tình bạn bè tri-kỷ?

“Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,

Hoa thơm phong nhụy, trăng vòng tròn gương

Chữ trinh đáng giá ngàn vàng,

Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.

Thiếp từ ngô biến đến giờ,

Ong qua bướm lại đã thừa xót-xa.

Bấy chầy, gió táp mưa sa,

Mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn.

Còn chi là cái hồng-nhan!

Đã xong thân-thế còn toan nổi nào?

Nghĩ mình chẳng hổ mình sao?

Dám đem trần-cầu dự vào bổ-kinh!

Đã hay chàng nặng vì tình,

Trông hoa đèn, chẳng thẹn mình lấm ru!

Từ rày khép cửa phòng thu,

Chẳng tu thì cũng như tu mới là!

Chàng dù nghĩ đến tình xa,

Dem tình cảm sắt đổi ra cảm cờ,

Nói chi kết tóc xe tơ,

Đã buồn cả ruột, lại dơ cả đời!”

*** Kim Trọng cũng không vừa, chàng biện-lý:** “Nàng bảo rằng khi lấy chồng, *người vợ đáng quý ở chữ trinh. Đồng ý! Nhưng chấp kinh mà cũng phải tòng quyền.* Tuỳ theo cảnh-ngộ mà quan-niệm “trinh” hay không? Như *trường-hợp* nàng đây, *báo hiếu như vậy ấy cũng là trinh.* Trinh như thế thì hoa dầu tàn mà vẫn đẹp tươi hơn, trăng dầu khuyết nhưng vẫn sáng như trăng rằm, còn sáng gấp mười lần năm xưa. *Trùng-phùng như thế này, ấy là duyên trời số mệnh đưa đến, chẳng bụi nào làm hoen ố vẩn*

đục, nàng vẫn còn trinh hơn ai hết và hơn bao giờ hết, sương cũng phải tan cho hoa khoe tươi thắm, mây cũng phải vén lên cho trăng vàng-vặc sáng ngời. Chẳng lẽ nàng bắt Kim Trọng này cứ phải giả vờ hò-hững với nàng, như xưa kia Tiêu-lang phải giả vờ lãnh-đạm với vợ là Lục-Châu khi nàng bị bắt làm vợ quan lớn Quách Tử Nghi hay sao?

“Xưa nay trong đạo đàn bà,

Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường.

Có khi biến, có khi thường,

Có quyền, nào phải một đường chấp kinh?

Như nàng lấy hiếu làm trinh,

Bụi nào cho đục được mình ấy vay?

Trời còn để có hôm nay,

Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời.

Hoa tàn mà lại thêm tươi,

Trăng tàn mà lại hơn mười năm xưa.

Có điều chi nữa mà ngờ,

Khách qua đường để hững-hò chàng Tiêu?”

Kim Trọng biện-bác “hết lời” khiến Kiều “khôn lẽ chối lời”, đành phải chấp-nhận “cúi đầu, nàng những vẫn dài thờ-than”. Và lễ cưới cử-hành. Nhưng trong đêm động phòng, nàng trở lại cuộc tranh-biện ban sáng, vẫn lập lại chủ-trương

không chấp-nhận chuyện vợ chồng ăn nằm ái-ân, vẫn nghĩ rằng: “riêng lòng đã thẹn lắm thay, cũng là mặt dạn mày dày, khó coi!”

b) Giai-đoạn cuối

*** Kiêu biện-luận:**

Chỉ vì tình xưa nghĩa cũ, chiều lòng chàng, thiếp đành ung làm lễ cưới, dầu ít ra cũng chỉ là trên danh nghĩa hình-thức bề ngoài mà thôi, cho nên *chuyện âu-yếm vảnh ngoài thì còn tạm được, chứ chuyện ăn nằm chăn gối thì không thể*, vì hương dưới đất ai mà vớt lên, hoa cuối mùa đã héo tàn ai mà bẻ ngắt, làm sao ưa được? Mà một khi đã không ưa sẽ thành ai-oán, yêu thành thù hận; khi ấy thì yêu nhau một lại thành phụ nhau mười. Hơn nữa việc cửa nhà sau này, chuyện cần thêm con cái, thì đã có em Vân nó là đủ rồi. Bây giờ chỉ còn một chút lòng tự-trọng này, sao chẳng giữ-gìn bảo-tồn cho thêm bền vững, lại bày trò ái-ân cho tan mất đi?

“Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,

Chiều lòng gọi có xướng tuý mây may.

Riêng lòng đã thẹn lắm thay,

Cũng là mặt dạn mày dày khó coi!

Những như âu-yếm vảnh ngoài,

Còn toan mở mặt với người cho qua.

Lại như những thói người ta,

Vớt hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa.

Khéo là giờ nhuộm bày trò,
Còn tình đâu nữa là thù đẩy thôi!
Người yêu, ta xấu với người,
Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau.
Cửa nhà dù tính về sau,
Thì còn em đó, lọ là chi đây!
Chữ trinh còn một chút này,
Chẳng cầm cho vững, lại giày cho tan!
Còn nhiều ân ái chan chan,
Hay gì vầy cái hoa tàn mà chơi?"

*** Kim Trọng thua cuộc, bèn nói đưa đẩy:**

- Vì nghĩ rằng đã nặng lời thề nguyên với nhau, đã liều sống chết mà tìm nhau, lại nghĩ rằng nàng còn trẻ-trung như tơ liễu còn xanh thì chưa thể thoát vòng ái-ân, cho nên mới ngỏ lời như thế để bày tỏ lòng vẫn còn tha-thiết yêu thương.

- Tìm nàng khó-khăn như mò kim dưới đáy bể, công-trình tìm kiếm bấy lâu cũng chỉ là vì lời thề vàng đá, nào đâu có phải vì chuyện trăng hoa!

- Nay nàng đã nói thế, thì cũng phải công-nhận rằng tình vợ chồng không cứ phải chuyện chung chạ gói chẵn, bây giờ đã hợp lại một nhà, thì thuận theo ý nàng, cũng sẵn lòng đổi tình vợ chồng ra tình bạn-bè tri kỷ:

“Xót người lưu-lạc bấy lâu,
Tưởng thê-thốt nặng, cũng đau-đớn nhiều.
Thương nhau sinh tử đã liều,
Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình.
Chùng xuân tơ liễu còn xanh,
Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vành ái ân.
Gương trong chẳng chút bụi trần.
Một lời quyết hãn muôn phần kính thêm.
Bấy lâu đây bể mò kim,
Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng hoa?
Ai ngờ lại hợp một nhà,
Lọ là chần gối mới ra sắt cầm!”

2- Phân-tích cuộc tranh cãi này, chúng ta nhận-định:

a) Kiểu biện hộ dựa trên sự tự phản-tỉnh.

Ở nàng ta thấy hai tiếng nói, một của lý-trí và một của con tim. Con người lý-trí bắt nàng phải tự (mình) xét mình: đem con người lý-trí ra để phán xét con người thực-tại mà con tim và hoàn cảnh đã đẩy đưa. Xét như vậy thì cảm thấy hổ-thẹn cho lương-tâm, cho tâm-hồn, cho con người duy-lý của mình. Mặt khác, trong giai-đoạn cuối của cuộc tranh-luận, con người tình-cảm của xác thịt chùn bước, tạm

đành *chấp nhận* chuyện “âu-yếm vảnh ngoài”; “tạm và chùn bước” *chứ không lùi bước*, vì Kiều vẫn một mực tiến lên, khẳng-khăng giữ vững lập-trường, phủ-nhận chuyện chần gỏi ái-ân.

b) Sự biện hộ ấy dựa trên quan-điểm duy-vật, nhìn sự việc dưới khía cạnh vật-chất, sinh-lý hay xác thịt. Xét như vậy thì Kiều bảo rằng Kiều không xứng đáng vì tấm thân “trần cầu” dơ- dăng nhóp-nhơ.

c) Kiều tôn thờ mối tình đầu thiêng liêng cao quý. Nàng trân trọng cất giữ mối tình này trong điện-đài tâm tư của mình, nên muốn cứ tiếp-tục gìn-giữ như buổi ban đầu cho vẫn đẹp tươi, nguy-nga, lộng-lẫy. Ở điểm này, Kiều ngã sang có phần duy tâm, coi tình thần làm trọng.

d) Và vì vậy, không hoàn-toàn đoạn-tuyệt, Kiều theo quan niệm trung-dung, vừa duy-vật, vừa duy-tâm, điều-hoà lý-trí và tình-cảm, *vẫn vợ chồng trên danh nghĩa, nhưng không thực sự vợ chồng theo cái nhìn duy-vật sinh-lý, thoả mãn xác thịt, mà vẫn “ân ái chan chan” theo nghĩa bầu bạn tương-trí*. Nghĩa là vẫn yêu tha-thiết nhưng yêu bằng tình yêu cao cả, hy-sinh những đòi hỏi xác thịt, hy sinh cái bản ngã, cái “ta” của mình, hy-sinh dục-vọng, ham muốn nhục-dục.

Như vậy sự dung-hoà giữa duy-vật và duy-tâm ở đây cho thấy Kiều đã phân-biệt tình ái với tình dục, trình nguyên với trinh-tiết. Với cái nhìn trình nguyên, khi thất thân coi là mất trinh. Với quan-niệm trinh-tiết, thì tuy mất trinh nhưng vẫn còn tiết, vẫn giữ được lòng ngay thẳng, vẫn giữ được cái TÂM cao thượng và cao đẹp, cao thượng ở chỗ quên mình vì người, không ích-kỷ nhưng vị tha, không chấp ngã nhưng xả kỷ vì quyền lợi hạnh phúc của tha-nhân hơn là vì thỏa-mãn ước-vọng riêng của mình.

Bàn thêm về trinh tiết, vợ chồng ăn ở với nhau mà ngoại-tình là không giữ tiết thủy-chung. Đôi bạn trẻ bảo rằng yêu nhau, tuy vẫn giữ trinh nguyên thân xác, nhưng lòng lại rẽ lối muôn phương mà ngoại-tình trong tâm-tưởng, như vậy sao bảo là trinh? Tuy còn trinh về thể-chất nhưng không còn trinh trong tâm hồn, như vậy là thất tiết. Nguyễn-Khuyên đã nói về cái tiết ấy như thế này:

“Ngoại mao bất cầu như mã-ngọc,

Tâm trung thường thủ tự kiên kim”

Trong tuồng Kim Thạch Kỳ Duyên, Giải-thị, vợ của Thiết Đình Quý, đang có mang mà buộc phải lấy tướng giặc Hoá-Long để bảo toàn dòng-dõi nhà chồng, đến khi con đã khôn lớn, Giải-Thị lấy đầu tướng giặc để tề chồng, rồi gieo mình xuống sông tự-vẫn, hầu vẹn tiết thủy-chung với chồng. Đây là trinh tiết. Thất trinh vì cảnh-ngộ mà tòng quyền, buộc phải thất thân nhưng vẫn còn “tình ái”, lòng vẫn còn tràn đầy yêu thương, lòng vẫn còn trinh vì vẫn giữ tiết, vẫn không “tà-dâm”, vẫn còn giữ được cái “Tâm” trong sạch cao quý, tâm vẫn còn hướng về người tình của mình, vì chính “chữ Tâm kia mới bằng ba chữ tài” theo lời tác-giả, và đúng như đạo-cô Tam-Hợp đã nói về Kiều:

“Xét trong tội-nghiệp Thuý-Kiều,

Mắc điều tình-ái khỏi điều tà-dâm”

e) Còn chàng Kim, cái gọi là “sự hùng biện” của chàng có phần nguy biện, đó là theo thiên-nghĩ.

** Chàng cũng đứng trên duy-tâm mà phi-bác.* Chàng nói: trinh có ba bảy đường, không cứ phải thất thân mới là không còn trinh. Giữ trinh ấy là chấp kinh. Nhưng như nàng đây, cho dù đã sa vào cảnh đoạ-đầy, thân xác

không còn trinh nguyên, nhưng chỉ là vì hoàn cảnh đẩy xô, buộc phải tòng quyền, chỉ vì chữ hiếu mà nên nông-nỗ, như vậy là đã *lấy hiếu làm trinh*. Thế nghĩa là chàng cũng phân-biệt trinh nguyên với trinh-tiết, công-nhận Kiều không còn trinh nguyên thân-thể, nhưng tâm hồn vẫn còn giữ được tiết trinh.

Thế thì chàng cũng đồng quan-điểm với Kiều, *nhưng chàng nguy-biến kết-luận rằng: vì Kiều vẫn còn trinh như thế, cho nên không việc gì mà phải lấy làm hổ thẹn khi xe duyên lại với nhau*. Sự nguy-biến này, nói theo nô-m-na của ngôn-ngữ bình-dân tức là “cãi chày, cãi cối”, chắc hẳn không làm Kiều vừa ý, nhưng vì liền sau đó, *Kim Trọng dùng sớ-đoản, hạ-sách, đánh mạnh vào mặt tình-cảm*, bởi chàng biết rõ hơn ai hết, Kiều là con người đa tình đa cảm, nhu-nhược, nhẹ dạ, cả nể, cả tin, nên chàng đem chuyện vợ chồng Tiêu- lang, Châu-Lục ra để làm lung-lạc ý-định của Kiều. Khi nghĩ đến nỗi đau khổ suốt đời Tiêu-lang phải cắn răng giả vờ hờ-hững với vợ mình, mà chàng Kim cũng như Tiêu-lang kia, hẳn phải cay đắng xót-xa thì thật đáng thương biết chừng nào!

Chúng tôi nghĩ, đột giai-đoạn đầu tiên này, thấy Kim nói thế thì *Kiều mừng lòng hơn là đã chịu khuất-phục về những luận-bác của chàng*. Ta biết rằng bản-tính của nàng vốn dễ mừng lòng thương như đã thấy khi nàng viếng mộ Đạm-Tiên, khi khuyên Từ-Hải ra hàng.

Thật vậy, *Kiều còn ám-ức chưa thoả-mãn lý-lẽ của chàng* nên chỉ “*cúi đầu, nàng những vấn dài thở-than*”. Kiều chưa chấp-nhận chàng Kim như một vài học-giả đã nhận-định đó là do “tài hùng biện của Kim trọng” (xem “Truyện Kiều Và Tuổi Trẻ” của Lê Hữu-Mục, Phạm thị-Nhung, Đặng Quốc-Cơ, sách đã dẫn, trang 509). Vì còn ám ức, cho nên đêm tân-hôn, nàng trở lại tranh-cãi nữa, và vẫn một quan-

điểm như đã phân-tích bên trên, cuối cùng Kim Trọng đành
“đánh trống lảng chữa thẹn” mà thanh-minh rằng:

“Bấy lâu đây bề mò kim,

Là nhiều vàng đá, phải tìm trắng hoa?

Chàng không có ý muốn “trắng hoa” mà chỉ vì nặng tình
trọng nghĩa, không quên lời thề. Kim-Trọng thua
cuộc, *không những chịu khuất-phục mà còn khâm phục kính-*
nể Kiều. Như thế sao bảo được rằng Kim-Trọng hùng-biến?
Lời khen này thiết-tưởng nên dành cho Kiều, có lẽ công-
bằng hơn. Chính sự khâm-phục kính-nể này đã làm vui lòng
Kiều khiến, liền ngay sau đó, nàng trịnh-trọng đứng lên cảm
tạ Đất Trời, cảm ơn người tình năm cũ:

“Nghe lời sửa áo, cài trâm,

Khấu đầu, lạy tạ cao thâm nghìn trùng.

Thân tàn gạn đục, khơi trong,

Là nhờ quân-tử khác lòng người ta.

Mấy lời tâm-phúc ruột-rà,

Tương-tri dường ấy, mới là tương-tri!

Chở-che đùm bọc thiếu chi,

Trăm năm danh-tiết cũng vì đêm nay!”

Và đến đây thì ta thấy rõ thêm một điều, *Nguyễn-Du muốn*
truyền-đạt sứ-diệp qua tiếng nói Thuý-Kiều, một sứ-diệp
mang tính hiện-đại: tình yêu trong hôn nhân không hẳn

chỉ là tình yêu của xác thịt, của dục-tình. Khác với ái tình, tình dục chỉ là phương-tiện củng-cố cho tình yêu hôn-nhân, không thể là căn-nguyên và bản-chất làm nên tình yêu hôn-nhân. Tình yêu đích thực và cao cả, *trên hết phải là tình yêu đặt trên sự tương-kính, cảm-thông, hoà-hợp và hy-sinh cho nhau, trên hết phải bắt đầu bằng tình bạn tương-giao tri-kỷ*. Vì có tương-tri mới có sự hài-hoà, nhường nhịn, quên mình mà mưu cầu hạnh-phúc cho nhau, không trông đánh xuôi kèn thổi ngược, đúng như tổ-tiên vẫn nói: “Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn”. Có tương-kính thì mới biết lắng nghe người yêu mà không tự-ái, kiêu-căng, không độc-đoán, chống đối hoặc vũ-phu.

Với Mã giám-sinh, *ái-tình là tình dục cưỡng ép*, với Thúc sinh là *tình yêu của nhân-tình nhân-ngãi có tính toán lợi-dụng, nặng tính xác thịt đam mê vị kỷ hơn là can-đảm nhận lấy trách-nhiệm và hy-sinh chia sẻ theo đúng nghĩa vợ chồng*.

Với Từ-Hải thì thực sự là *tình nghĩa vợ chồng trong thực-tại, có yêu thương, có hy-sinh, có tương-kính*.

Nhưng với Kim-Trọng thì cao quý hơn, *vừa lãng-mạn sôi nổi, vừa nghiêm-trang đoan-chính, vừa có cái nồng-nhiệt của con tim, vừa có cái duy lý của tình yêu cao-siêu vị tha hoàn-toàn, hy-sinh tất cả cho những người mình đã yêu thương, yêu gia-đình, yêu tình-quân, yêu hết mọi người, không muốn làm hạnh-phúc của người, nhất là của người mình yêu thương, phải bị vắn đục sứt mẻ, phải canh cánh bức dọc, yêu trong mưu cầu an-bình, bởi không có bình-an thì không có hạnh-phúc, không có hài-hoà vị tha thì không có hoà-bình*.

Hơn ai hết Kiều đã nếm giám đắng của cảnh chồng chung, đã kinh-nghiem sự xâm lấn ái-ân vào hạnh-phúc của người, gây nên biết bao đau-khổ, không phải cho riêng mình, mà cả cho mọi người. ***Đây là một tình yêu thăng hoa***

Tất một lời, có thể nói Kiều đắc-thắng. *Chính Kiều hùng-biện, chứ không phải chàng Kim.*

Chàng Kim đuối lý, nguy-biện, cho nên cuối cùng đã thất-bại. Kiều lập-luận có cơ-sở, lập-trường nhất-quán. Kim biện-luận quanh-co xoay chiều đổi hướng.

Với lập-luận vững-vàng, ***Kiều đã đề-xuất quan-niệm thật hiện-đại về “tình yêu và hôn-nhân”***. Kiều, hơn bao giờ hết, đến phút chót, vẫn còn *lập lại quan-niệm về trinh-nguyên và trinh-tiết, lấy cái tiết-tháo, danh dư, tự-trọng làm cơ-sở cho tình yêu và hôn- nhân.*

§3- Kỹ-thuật công-phu

Trên sân khấu, diễn-viên là những nghệ-sĩ đem hết tài-năng và tâm-hồn của mình để “nhập vai”, vui, buồn, khóc, cười như nhân-vật có thực trong đời sống. Tài-năng ấy chính là *nghệ-thuật diễn-xuất*, diễn-xuất làm sao để khán-giả cũng buồn, vui, khóc, cười theo mình. Nhưng cho dù diễn-xuất hay mấy đi chăng, nếu tình-tiết truyện kịch nhạt tẻ mà sự sắp xếp các tình-tiết lại không có lớp-lang thuận lý hợp tình, thì vở kịch không tài nào hấp-dẫn được khán-giả. Đây là *kỹ-thuật kết-cấu công-phu* của nhà đạo-diễn khi lựa chọn vở tuồng và *kiến-trúc các tình tiết sao cho ăn khớp mạch lạc, cắt xén phối-hợp các màn cảnh sao cho nổi bật được nghệ-thuật diễn-xuất của diễn-viên.*

Trên sân khấu Đoàn-Trường Tân-Thanh, Nguyễn-Du không những là *một nhà nghệ-sĩ* nhào nặn nên các nhân-vật có thực trong xã-hội, mà còn là *một nhà đạo-diễn* đem kỹ-thuật khéo-léo, kết-cấu nên vở kịch lôi cuốn được sự chú-ý của người thưởng-thức, ***cất lên được tiếng kêu mới của kiếp đoạn trường*** (Đoàn-Trường Tân-Thanh), *khóc thương và cảm-thông cho nỗi niềm u-ẩn cùng khát vọng* của kiếp người trong một xã-hội bi-thảm đầy-dẫy những bất bình, những tệ-trạng cay đắng xót-xa.

I- KẾT-CÁU TÌNH-TIẾT

1- Việc Kim Kiều trang-trọng làm lễ thờ-nguyên, câu chuyện đã diễn-tiến rất tự-nhiên. Chuyện khởi đi từ sự *tình-cờ hạnh-ngộ*, rồi *quen biết đính-ước*, sau là *tương-tư* dẫn đến việc *tìm nhau gặp-gỡ* để tỏ tình giải-bày tâm-sự, kết-quả cuối cùng đi đến *trình-trọng thờ-thốt* nặng lời. Lửa tình *châm mồi*, *nhen-nhúm*, *âm-ý*, rồi *bốc cháy*.

a) *Tình-cờ gặp nhau vào một chiều xuân hôm nào*. Cuộc sơ-ngộ trở thành hạnh-ngộ. Không một lời trao đổi. Chàng trò chuyện với em trai. Kiều nép dưới bụi hoa quan-sát, lắng nghe. *Lửa tình đã châm mồi*. Con tim đã thấy xao-xuyến:

“Người quốc-sắc, kẻ thiên-tài,

Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.”

Cho nên khi “bóng tà như giục cơn buồn”, ‘khách đà lên ngựa, người còn ghé theo”.

b) *Tình yêu bắt đầu nhen-nhúm*. Nàng trở về, ngán-ngơ suy nghĩ:

“Người đầu gặp-gỡ làm chi?

Trăm năm biết có duyên gì hay không?”

Chàng thì “nỗi nằng canh-cánh bên lòng biếng khuây”, và:

“Sầu đông càng lắt càng đầy,

Ba thu dọn lại một ngày dài ghê.

Mây Tần khóa kín song the,

Bụi hồng lẻo-đẻo đi về chiêm-bao.

Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao,

Mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao-ngán lòng.”

c) *Tình yêu âm-y* sau buổi tìm thấy chiếc
thoa.

* Chiếc thoa này chính là đầu mối cho cuộc tình này-nở. Người đánh mất, đi tìm. Kẻ bắt được, vọng hỏi. Thế rồi lời qua lại, tình gắn bó, kỷ-vật trao đi, giữ làm tin cho lời đính-ước:

“Đã lòng quân-tử đa mang,

Một lời vâng tạc đá vàng thủy chung.”

Lúc này, hai người chỉ mới trò chuyện với nhau qua bức tường ngăn cách, người đứng bên này, kẻ trèo thang đứng bên kia, nói vọng sang. Cho đến khi chợt “mái sau đường có xô-xao tiếng người, thì “vội-vàng”, “chàng về viện sách, nàng rời lầu-trang”

* Bởi vậy, trở về nhà, tình yêu ngày càng âm-
ỷ, họ tương-tư:

“Từ phen đã biết tuổi vàng,

Tình càng thâm-thía, dạ càng ngán-ngor.

Sông Tương một dải nông sờ,

Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia.

Một tường tuyết trở sương che,

Tin xuân đâu dễ ai về cho năng!”

Chỉ cách nhau một bức tường mà sao ngăn cách thế!
Tin xuân trao đổi sao khó lắm thay! Dĩ-nhiên họ mong ước
sớm có cơ-hội để gặp lại cho thoả lòng mong nhớ, và mau đi
đến việc giao-ước kết duyên. Thì cơ may đã đến, khi cả nhà
Kiều đi dự tiệc mừng sinh-nhật bên ngoại.

* Kiều vội-vã lên ngay sang nhà Kim, “gót sen
thoăn-thoắt dạo ngay mái tường”:

“Cách hoa khê dặng tiếng vàng,

Dưới hoa, đã thấy có chàng đứng trông.”

Thì ra không phải chỉ có mình Kiều sốt ruột mà cả
chàng Kim cũng nóng lòng. Phải chăng là thần-giao cách-
cảm mà chàng đã đứng sẵn đợi trông? Phải là tình yêu *âm-ỷ*
muốn bùng lửa, cho nên chẳng còn giữ-gìn ý-tứ, người con
gái này mới “thoăn-thoắt”, nhanh-nhẹn và hăm-hở, táo-bạo,
rõ ràng sang nhà con trai?

“Xấn tay mở khóa động-đào,

Rề mây trông tỏ lối vào thiên-thai”

Tình yêu đã thực sự triển-nở bộc-phát. Hai bên đã “góp lời phong nguyệt, nặng nguyên non sông”. Nàng đề thơ vịnh tranh. Chàng khuyên giải trần an chẳng nên bi-quan tin lời thầy tướng, để nhân đó mà thề sống thề chết với người yêu:

“Ví dù giải-kết đến điều,

Thì đem vàng đá mà liều đến thân.”

Tình yêu phơi-phới dâng lên trong hơi cay men nồng. “Không lấy được nhau thì sẽ liều mạng”, lời chàng vẫn còn văng-vẳng bên tai, làm sao quên được! Nói thế thì làm sao nàng chẳng xúc-động? Chính lời sắt đá này đã thổi mạnh cho ngọn lửa hồng thêm. Đúng thế,

d) Lửa tình đã ngùn-ngụt bốc cháy.

“Đến nhà vừa thấy tin nhà, hai thân còn giở tiệc hoa chưa về”, Kiều lại một lần nữa, “xăm xăm băng lối vườn khuya một mình”. Câu chuyện đến đây sắp đặt thật khéo-léo thuận lý hợp tình:

“Tiếng sen khê động giấc vàng,

Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần,

Bâng-khuâng đỉnh Giáp non Thần,

Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ-màng”

Bởi vì mới vừa đây trước khi chia tay, hai người “lòng xuân phơi-phới, chén xuân tàng tàng” và thời-gian thì khi ấy “trông ra ác đã ngậm gương non đoài”, bóng đêm dần buông, cho nên hơi men đã dìu chàng đi vào giấc ngủ, chàng cũng chẳng ngờ Kiều trở sang nhà lần nữa. Lại khi mới bắt đầu thiêm-thiếp “dờ chiều như tỉnh như mê”, mà chợt nghe có tiếng bước chân người, thì chàng thức giấc, đã thấy bóng Kiều lại gần. *Đó là điều thuận lý*. Trong giấc chiêm bao, quá-khứ hiện về trong tiềm-thức, chàng đang mơ chuyện ái-ân của Thần-Nữ Vu-Sơn thì liền tỉnh mộng, lại thấy ngay Kiều đã đứng bên, ắt thật ngạc-nhiên sùng-sốt vô cùng: “Mộng hay là thực đây? Phải chăng đây là điềm lành? Phải chăng đây là duyên số?” Chưa kể là những chi-tiết này rào trước đón sau cho những tình-tiết sắp tới, như đã phân-tích về định-luật hồi-tưởng và tiến-trình suy tư trong phần bàn về nghệ-thuật tả cảnh và tả tình. *Đó là lẽ hợp tình*.

e) Lễ thề-nguyên đã có vàng trắng chứng-giám.

Mạch thơ đi liền một hơi, mãi tới lúc này mới tới kết cuộc. Dĩ-nhiên, phần vì tình yêu phải có thời-gian để triển nở, kết-quả chỉ bộc-phát khi đã chín muồi, phần vì sự sắp xếp phải sao cho nói lên được hết nghĩa mà còn sao cho được nhất-trí quán-thông. Chính thời-điểm này chọn rất đúng lúc. Thứ nhất là vàng trắng khuya vàng-vặc này sẽ là chứng-nhân muôn thuở. Hai nữa là cũng con trăng này trước đây đã ghé mắt “dòm” vào tâm-tư Thuý Kiều khi trăng “chênh-chéch dòm song”, và sau này trong suốt quãng đời lưu-lạc, không lúc nào là không có tấm trăng này dõi theo, khi thì khơi kều dĩ-vãng, nhắc lại lời thề đêm nay, để mà day-nghiên, hờn trách:

“Dặm khuya ngát tạnh mù khơi,

Thấy trăng mà thẹn những lời non sông”

khi thì cảm-thông, chia sẻ nỗi-niềm ưu-tư khắc-khoải:

“Vàng trắng ai sẽ làm đôi,

Nửa in gôi chiếc, nửa soi dặm trường?”

Không phải là vô tình mà Nguyễn Du chọn thời-điểm này để cho hai người thề-nguyên giao-ước.

“Vàng trắng vàng-vặc giữa trời,

Đinh-ninh hai miệng một lời sắt son”

Càng thấy trang-trọng, càng khắc sâu dấu ấn trong tâm-khảm, và sẽ càng day-dứt mãi không thôi. Vàng trắng trong truyện Kiều không phải là khách bàng-quan đã đến với nàng trong sự tình cờ, nhưng do chủ-ý của nhà đạo-diễn đã dụng công dàn dựng vậy.

2- Việc Thuý Kiều gặp lại được gia-đình cũng là một sự dàn dựng khéo-léo. Phải có một biến-cổ đẩy đưa xui khiến nên cuộc đoàn-viên. Sông Tiền-Đường là đầu móc cho khúc rẽ quan-trọng này. Cho nên, dẫn đến khúc quanh này là những sự-kiện:

a) Về phía Thuý Kiều:

Gián-tiếp gây nên cái chết oan-khiên cho chồng, nàng lại trở thành nạn nhân của sắc-dục, áp-bức, bị quan tổng-đốc họ Hồ phủ tội mà ép duyên cho tên tù-trưởng, nên uất-hận về nỗi “giết chồng mà lại lấy chồng”, nàng trầm mình quyên sinh.

b) Về phía Giác-Duyên:

Nghe đạo-cô Tam-Hợp tiên-tri, vãi Giác-Duyên vội thuê người đánh bè tìm kiếm vớt nàng, đem về thảo-am.

c) Về phía Kim Trọng:

Thừa dịp trị-nhậm hết hạt Lâm-Truy lại đến Nam-Bình, chàng dò hỏi được tin-tức, tới sông Tiền-Đường, nghe dân địa-phương thuật lại, nên lập đàn tràng giải-oan cho người xấu số. Và cũng vì vậy mà khi Giác-Duyên tỉnh cờ đi ngang qua,

“Trông lên linh-vị chữ bài,

Thất kinh, mới hỏi: Những người đâu ta,

Với nàng thân-thích gần xa?

Người còn, sao bỗng làm ma khóc người?”

bấy giờ mới biết được “thân-thích xa gần” là ai:

“Này chồng, này mẹ, này, cha,

Này là em ruột, này là em dâu”

Phải có sự-kiện “Tiền-Đường” này thì việc chuyển sang khúc quanh của đời Kiều mới tự-nhiên hợp-tình. Nó vừa kết-liễu kiếp đoạn-trường, vừa mở ra một trời mới cho tiếng “đoạn-trường tân-thanh” được cất lên vang vọng sứ-diệp của Nguyễn-Du qua cuộc tranh cãi giữa cặp tình-nhân Kim, Kiều. Phải có sự-kiện “Tiền-Đường” này thì, qua sự tái-xuất của hồn Đạm-Tiên, qua lời đạo-cô Tam-Hợp, mới thấy được triết-thuyết của Nguyễn Du với đáp-số cho luận-đề “tài mệnh tương-đố”, với cách giải-quyết thỏa-đáng mọi vắn-nạn cho con người trong mối tương-quan tam tài “Thiên,

Địa, Nhân”, giữa vũ-trụ bao trùm không-gian bao-la và thời-gian vô tận này, tức là “*trong cõi người ta*” như tác-giả đã khai-đề ngay từ đầu rằng:

“**Trăm năm** trong *cõi người ta*,

Chữ **Tài**, chữ **Mệnh** khéo là **ghét nhau!**”

và dẫu cho “khéo là ghét nhau!” đi nữa, thì tác-giả cũng nghiệm ra cái chân-lý là:

“Đã mang lấy nghiệp vào thân,

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa,

Thiện-căn ở tại lòng ta,

Chữ **tâm** kia mới bằng ba chữ **tài**.”

3- Về giấc chiêm bao, có thể nói sự dàn dựng chẳng khác chi kỹ-thuật đạo-diễn trong phim hiện-đại.

a) Tả một thôi, một đổi, cuối cùng mới nói cho biết những việc vừa xảy đến là trong chiêm-bao. Rồi mộ Đạm-Tiên trở về, Kiều ngồi ngắm trăng xuân, nhớ lại việc ban chiều, hết nghĩ đến bóng ma vô hình hiển-linh lại mơ tưởng bấn-khoăn đến mối nhân-duyên với chàng thư-sinh mới gặp, mà “ngổn-ngang trăm mối bên lòng, nên câu tuyệt-diệu ngu trong tính tình”. Thế rồi “chênh chênh bóng nguyệt xế màn, tựa ngòi bên triện một mình thiu-thiu”,

“Thoắt đâu thấy một tiểu-kiều

Có chiều phong-vận, có chiều thanh-tân,

Sương in mặt, tuyết pha thân,
Sen vàng lũng-thững như gần như xa,
Rước mừng, đôn hỏi dò la:
Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến đây?
Thưa rằng: ‘Thanh-khí xưa nay,
Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên?
Hàn-gia ở mái tây-thiên,
Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.
Mấy lòng hạ-cổ đến nhau,
Mấy lời hạ tứ ném châu gieo vắn.
Vâng trình hội-chủ xem tường,
Mà sao trong sổ đoạn-trường có tên?
Âu đành quả kiếp nhân-duyên,
Cũng người một hội, một thuyền đâu xa!
Này mười bài mới, mới ra,
Câu thần lại mượn bút hoa vẽ-vời’
Kiều vâng lĩnh ý đề bài,
Tay tiên một vẩy, đủ mười khúc ngâm.

Xem thơ nức-nở khen thăm:

‘Giá đành tú-khẩu, cảm-tâm khác thường!

Ví đem vào tập đoạn-trường,

Thì treo giải nhất chi nhường cho ai!’

Thèm hoa khách đã trở hài,

Nàng còn cảm lại một hai tự tình.

Gió đâu sịch bức màn mãnh mãnh,

Tỉnh ra mới biết là mình chiêm-bao.”

b) Nếu không có gió thổi cho bức màn mãnh mãnh kia gây tiếng động mạnh, thì vẫn không biết rằng Kiều đang nằm mơ. Đồng ý rằng trước đó Kiều có thiu-thiu. Nhưng thiu-thiu thì còn chưa mê hẳn, mới đang chập-chờn đi vào giấc ngủ. Mà liền sau đó nói ngay “thoắt đâu thấy một tiểu-kiều” thì không thể quyết-đoán khẳng định ngay rằng Kiều thấy người này trong giấc mơ, nhất là suốt hai mươi tám câu thơ, cuộc đối-thoại giữa Đạm-Tiên và Thuý Kiều, việc Kiều hoạ thơ của Đạm-Tiên đưa ra, cũng như lời dẫn chuyện của tác-giả, thì hết như những chuyện đang xảy ra trong thực-tại.

Phải đến khi tác-giả nói: “*tỉnh ra mới biết là mình chiêm-bao*”, bấy giờ mới ngã ngửa ra rằng đoạn phim ban nãy là hình mờ trắng đen diễn lại giấc mơ không có thực, y như trong kỹ-thuật của phim truyện ngày nay. Đây là cái khéo của nhà đạo-diễn phim kịch hiện-đại, nhà đạo-diễn này lại đã sống trước đây hai thế-kỷ. Thế mới lại càng thấy cái tài tình công phu của tác-giả.

4- Quả thực cũng có chỗ dựng chuyện cường ép, vô lý.

Chẳng hạn, Kiều lao mình xuống sông đã lâu rồi. Đạo-cô Tam-Hợp nói chuyện với vãi Giác-Duyên kể về Kiều và khuyên “Giác-Duyên dù nhớ nghĩa nhau, Tiên-Đường thả một bè lau rước người”, khoảng thời-gian này cũng đã đủ để cho Kiều chết chìm, nhất là khi ấy sóng triều dâng lên cuộn-cuộn, thét gầm như sấm nổ: “triều đầu nổi tiếng ùng ùng”, Thuý Kiều “trông vời con nước mênh-mông, đem mình gieo xuống giữa dòng trường-giang”. Hơn nữa già từ Tam-Hợp, Giác-Duyên còn mãi

“Lân-la tìm thú bên sông Tiên-Đường,

Đánh tranh giùm nóc thảo-đường,”

rồi còn:

“Thuê năm, ngư-phủ hai người,

Đóng thuyền chực bến, kết chài giăng sông”

Thời-gian kéo dài như vậy, mà khi ngư-ông kéo lưới vớt lên, vẫn thấy nàng còn thoi-thóp:

“Trên mui lướt-mướt áo là,

Tuy dầm hơi nước, chưa loà bóng gương”

Thật là vô lý!

Tuy nhiên, theo thiên-ý, nếu không thế thì sao gọi là mầu-nhiệm? Tác-giả hẳn muốn cho thấy có bàn tay của Trời, của định-mệnh. Tình-tiết câu chuyện vẫn nhất-trí với chủ-đề của tác-phẩm.

a) Có một điều xin được mở thêm dấu ngoặc ở đây là chúng tôi không đồng-ý với tác-giả Lê-văn-Hoè khi ông chi-trích về việc tả nhà Vương viên-ngoại, như gia-tư bậc trung mà nay sao lại sa-sút đến thế? “Vốn là nhà giàu có tường cao, cổng kín, sao lúc này nhà lại có vách đất?” vì “vách mưa rã-rời tức là vách đất”.

Thiên-nghĩ, chuyện khánh-kiệt chẳng gì phải là bậc trung, mà ngay người giàu có nứt đổ đổ vách vẫn có thể tay trắng một sớm một chiều. Có thể là sau đó vì còn nhiều tai-ương khác mà tác-giả không đề-cập; vì buồn rầu chẳng thiết làm ăn; vì hoàn-cảnh xã-hội; vì cô-thể trước bọn sai nha cường-quyền “quen môi thấm mùi ăn mồi” nên nhà Vương phải bán dần bán mòn, hoặc téch đi chỗ khác cho yên thân. v.v. Xã-hội Việt-Nam của thế-kỷ hai mươi một này mà còn hơn thế nữa huống chi xã-hội thối nát cách đây mấy thế-kỷ. Chi-tiết nhỏ này để cho người đọc tự suy ra, đây là hư-tả. Cứ gì phải nhà “kín cổng cao tường” mới không được có vách đất? Ngày xưa ngoài vách phen tre trát bùn để trần hoặc quét vôi, cũng còn vách trát rơm trộn vữa, nhà bỏ hoang gặp mưa nắng, vách rã-rời là lẽ đương-nhiên. Có lẽ vì ông bị cái định-kiến họ Vương có “nhà lầu” trong câu “xập-xè ền liệng lầu không” rồi nghĩ rằng nhà có lầu cao, lầu bằng gạch chẳng? Các tác-giả của “Truyện Kiều và Tuổi Trẻ” có lẽ hữu-lý khi viết là “xập-xè ền liệng rường không” thay vì “lầu không”.

Còn về điểm “song trắng quạnh-quẽ vách mưa rã-rời”, tác-giả Lê Văn-Hoè thì bảo: lúc này là ban ngày sao lại có ánh trăng chiếu vào? Như thế là văn-lý bất thông. Các tác-giả của “Truyện Kiều và Tuổi Trẻ” lại giải-thích là “cửa sổ để mặc trăng lạnh-lẽo và vắng-vẽ chiếu vào”. Như vậy thì ông Lê Văn Hoè cũng vẫn có thể giữ lập-trường mà bảo rằng đây là ban ngày sao lại có trăng chiếu vào?

Theo thiên-nghĩ “song trắng” là cửa sổ tròn như hình mặt trăng. Ngày xưa có nhiều nhà làm cửa sổ tròn, nhất là

nhà có vách trát vữa. Giảng như vậy thì vẫn diễn đúng ý văn, là chuyện xảy ra vào lúc ban ngày.

b) Tuy nhiên so với một số các truyện cổ khác, Truyện Kiều có cách kết-cấu đặc-biệt:

* Trong tuồng Kim Thạch Kỳ Duyên, vợ của Thiết Đình-Quý là Giải-thị bị tướng giặc Hoá-Long bắt làm vợ, khi ấy nàng đang có mang, nhưng vẫn nuôi chí diệt thù, nàng chờ đến khi con đã khôn lớn, lấy đầu tướng giặc tể chồng, hầu vện tiết thuỷ chung, nàng gieo mình xuống sông tự-vẫn. “Giải-thị viết:

“Tiên-phu ôi!

Bất nhị canh, hồ phận má đào!

Vô tư chiếu, in vàng trắng bạc.

Như thiếp chừ chừ:

Nhờ nhuốc khôn che đây mặt

Hồ han dễ lấp ngơ lòng?

Nguyện tận tiết vu ba trung,

Thứ từng phu ư tuyền hạ!”

Và câu chuyện kết-thúc ở đây. Trái lại, Kiều cũng gieo mình xuống sông tự-vẫn, là vì nỗi uất-hận chán-chường, xót-xa tủi nhục cho đời bạc-mệnh. Nguyễn Du cho nhân-vật của ông được cứu sống và được trùng-phùng với người xưa.

* Trong Lục-Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga chỉ vì nhớ ơn Lục Vân Tiên đã cứu mình khỏi tay bọn cướp đường mà về nhà tương tư, khư khư ôm bức tượng Vân Tiên rồi cũng tự-trầm khi nghe tin Vân Tiên mất. Sóng đánh trôi dạt vào bờ, được cứu vớt. Câu chuyện cũng cho nàng được cứu sống nhưng sau này được kết-duyên “thực sự” với Vân Tiên, mặc dầu khi ấy Vân Tiên đã có vợ do nhà vua tác-thành để tưởng-thưởng công lao bình-định của chàng. Câu chuyện kết-thúc với cảnh đa thê đề-huê.

* Các truyện cổ như Phan Trần, Hoa Tiên, cũng có lối kết-cục tương-tự. Nguyễn Du thì trái lại, cho Kim Kiều trùng-phùng, nhưng để cho hai người tranh-biến, và kết cuộc cùng chấp-nhận tiếng nói của Kiều: *không đa thê theo nghĩa thông thường, mà bên cạnh Thuý Vân là vợ chính-thức, Kiều vẫn làm vợ Kim Trọng nhưng chỉ là vợ chồng trên danh-nghĩa* cho đẹp lòng mọi người, thực ra họ đối xử với nhau bằng tình yêu cao thượng, tình yêu thương tri kỷ, bằng sự tâm-giao bầu bạn tương-tri. Ngày nay tại các nước Âu-Mĩ, chuyện vợ chồng ly-thân vẫn ở chung một nhà coi nhau như bạn không phải là việc lạ-lùng. Trách chi ở thế-kỷ của Nguyễn-Du, tư-tưởng mang tính hiện-đại này bị chỉ-trích là thể!

* Nếu như ở các truyện cổ khác, thì chắc- chắn câu chuyện sẽ chấm dứt sau tiếng đàn Kiều. Ở đây Nguyễn Du chấm dứt Truyện Kiều bằng một chiêm-nghiệm của chính ông xuyên qua những diễn-biến của đời Kiều và trong xã-hội Kiều, đó là *giải-đáp cho luận-đề đã nêu lên ở đầu* mà cả câu chuyện là một chứng minh. Trong mối tương-quan Thiên, Địa, Nhân, *con người bị chi-phối bởi thiên-mệnh*. Mà thiên-mệnh hay định-mệnh thì vốn khát-khe:

“Ngẫm hay muôn sự tại Trời,

Trời kia đã bắt làm người có thân,

Bất phong-trần, phải phong-trần,

Cho thanh-cao mới được phần thanh-cao.”

Nhưng dầu có khát-khe, con người vẫn có quyền tự-do đối-phó, vì phải tin rằng “xưa nay nhân-định thắng thiên cũng nhiều”. Cho nên Kiều đã tranh-đấu vật lộn với định-mệnh, đã cố-gắng bằng mọi giá để lướt thắng định-mệnh khát-khe: bằng tài-lực vật-chất dùng tiền bán mình để chuộc cha, bằng sự quyền sinh ở nhà mẹ Tú, bằng sức lực con người mà trốn khỏi lầu Ngưng-Bích, bằng ngay cả tình yêu hiến thân để theo Thúc sinh ra khỏi thanh-lâu, bằng sự chịu đựng cực-hình nơi cửa quan, nơi nhà họ Hoạn mong khỏi nhìn thấy cảnh ô-trọc bẩn-thỉu của chốn lầu xanh, bằng ngay cả sự gian-trá lấy trộm chuông vàng khánh bạc trên bàn thờ Phật mà trốn khỏi am Chiêu-Ấn, bằng uy-quyền danh-vị của Từ-Hải mà ra khỏi Hành-Viện Châu-Thai, bằng mộng “phu quý phụ vinh” để xui chồng về với triều-đình, bằng chính mạng sống của mình là tự huỷ-hoại xác thân nơi sông Tiền-Đường để mong thoát khỏi định-mệnh. Nhưng Kiều vẫn bất-lực, hoàn-toàn bất-lực với những phương-tiện chấp ngã. Kiều phải mua mười lăm năm giá đất để nhận chân giá-trị của thiện-căn, và chính vì thiện-căn tích-lũy, vì đã gìn-giữ và tô đậm chữ Tâm nên Kiều mới được cứu vớt. *Không còn chấp ngã, nhưng đã xả chấp để có được Thiện-Tâm. **Thiện-Tâm chính là giải-đáp tối-hậu*** cho mọi vắn-nạn của cuộc đời, của con người trong kiếp sống tang thương nơi trần-thế:

“Thiện-căn ở tại lòng ta,

Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ tài.”

Một quan-niệm cực-kỳ mới lạ vào thời đó và cũng rất hiện-đại trong thế-kỷ ngày nay: ***Quan niệm về tình yêu và hôn-nhân, về tự-do và định mệnh.*** Trong bối-cảnh xã-hội đương-thời, Nguyễn Du đúng là ***một nhà cách-mạng tư-***

tuởng. Tư-tuởng cấp-tiến của ông cho đến ngày nay vẫn còn đang được tranh cãi, điều mà ông đã tiên-đoán rằng:

“Bất tri tam bách dư niên-hậu,

Thiên hạ hà nhân khấp Tô-Như?”

5- Xét chung toàn-bộ tác-phẩm

a) Các tình-tiết liên-kết với nhau trong mối tương-quan nhân-quả, các sự-khiến móc nối ăn khớp với nhau như một xâu chuỗi. Vì thấy hội Đạp-Thanh mới có chuyện gặp hồn ma Đạm-Tiên, gặp người tình lý-tuởng mà người thì nửa lo nửa mừng, kẻ thì khắc-khoải tương-tư, từ đó mới có chuyện tìm nhau hạnh-ngộ, giao-ước thề nguyên, để khi không, con tim hần sâu dấu ẩn, gây nên khổ-lụy khi gặp gia-biến đứt đoạn đường tơ. Vì cái tai-ương gia-biến ấy mà mười lăm năm trời khổ-ải, nhục-nhã ê-chê. Tuởng vừa thoát khỏi, nào ngờ lại vẫn đốn-đau, trốn ra không thoát lại phải sa vào, hết thanh-lâu lại khoác áo thanh-y. Đổi áo thanh-y khoác áo nâu sòng cũng không xong, lại vào thanh-lâu khác. Vừa mở mắt nở mày lại mang tội giết chồng, đem thân cho “thiên-hạ mua cười”, đành phó thác cho triều sóng Tiên-Đường cuốn trôi. Nơi đây, thiện-tâm thấu đến lòng Trời, thiên-mệnh xui khiến dun-dùi cho người người tái-ngộ đoàn-viên.

b) Ngay cách bố-cục cũng mang tính khoa-học.

Cả Truyện Kiều là một bài toán đố. Tại sao gọi là “*Tiếng Kêu Mới Của Kiếp Đoạin-Trường*”? Một tiếng kêu thất thanh! Bài toán cho biết muốn thấu hiểu tiếng gào thét này thất thanh đến thế nào thì phải chứng minh định-lý và hệ-luận sau đây:

Đó là định-đề “*Tài Mệnh Tương-Đố*” đã nêu lên trong hai câu khai đề:

“Trăm năm trong cõi người ta,

Chữ Tài chữ Mệnh khéo là ghét nhau!”

Đó là hệ-luận “thừa trừ” trong bốn câu kế-tiếp:

“Trải qua một cuộc bể dâu,

Những điều trông thấy mà đau-đớn lòng,

Lạ gì bi sắc tư phong,

Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen!”

Bài toán được chứng-minh bằng đời Kiều trong bối-cảnh xã-hội của cô, với những dẫn-chứng cụ-thể “nói có sách mách có chứng”, được rút ra từ cuốn “*Phong Tình Cổ-Lục*” nay vẫn còn lưu-truyền trong sử sách:

“Cảo-thơm lần giở trước đèn,

Phong-Tình Cổ-Lục còn truyền sử xanh.

Bài toán cho giải-đáp trong đoạn kết-kuận ở mười bốn câu cuối truyện:

“*Ngẫm hay* muôn sự tại Trời,

Trời kia đã bắt làm người có thân,

Bắt phong trần, phải phong-trần,

Cho thanh cao mới được phần thanh cao,

Có đâu thiên-vị người nào,

Chữ tài, chữ mệnh dôi-dào cả hai.

Có tài mà cậy chi tài,

Chữ tài liền với chữ tai một vần.

Đã mang lấy nghiệp vào thân,

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa,

Thiện-căn ở tại lòng ta,

Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Lời quê chép nhật đông-dài,

Mua vui cũng được một vài trống canh.”

“Ngẫm hay!”, hai tiếng này dùng thật đắc-vị và đắc-ý. Nó gói trọn tất cả thiên tình-sử và thâm-kịch vừa diễn-xuất. Xem xong vở kịch này mà suy ngẫm cho kỹ mới thấy rằng..., thấy cái giải-đáp tối-hậu này là ...

“Mua vui”, hai tiếng này không phải là không có tác-dụng:

* Thứ nhất là khép lại nỗi bi-thương vừa qua, sau những xúc-động ứa lệ cũng cần có chút thư-giải tinh-thần, nhất là để che giấu bớt cái dụng-tâm sau đây của người đạo-diễn. Đó là tác-dụng thứ hai:

* Chuyện bi-thảm như thế mà gọi là mua vui sao được? Nếu phải cười để mua vui thì đây là cái cười mếu, cười ra nước mắt. Giọng văn quả là châm-biếm mỉa-mai! Tại sao? Bởi vì nói như thế khác nào tát vào mặt chế-độ đương-thời phải có trách-nhiệm làm đẹp cho xã-hội này.

* Cho nên “mua vui” cũng còn có tác-dụng thứ ba, hiểu theo nghĩa đen để thanh-minh rằng: Truyện này kể ra, thực không có ẩn-ý. Truyện này là truyện giải buồn, cũng không phải truyện sáng-tác, truyện chỉ chép nhặt luộm-lặt trong sách sử, đọc cho giết thì-giờ qua được một vài trống canh *trần-trọc thao-thức*, truyện để *vỗ giấc ngủ khó-khăn vì mãi suy nghĩ vẩn-vơ*, vì *đầu óc nặng trĩu ưu-tư*, có thể là *nỗi ưu-thời mẫn-thế*, tùy ai muốn hiểu thế nào cũng được. Với tác-dụng này, truyện kể khách-quan vô tư không có hậu-ý, xin các ngài “nhà nước” đừng quan-tâm bắt bẻ! Mà người ta có quyền bắt bẻ thật, bởi lẽ “ông nhà nước” sẽ nói với Nguyễn Du rằng: Ngay vào đầu truyện, ông có kể:

“Rằng năm Gia-Tĩnh triều Minh,

Bốn phương phăng-lặng hai kinh vững-vàng.”

Xã-hội thanh-bình, chế-độ kiên-cố đến như thế, mà sao lại có chuyện anh chàng Từ-Hải kia chiêu binh, lập chiến-khu chống lại triều-đình? Sao lại có cảnh người bóc lột người bắt công đến như vậy? Sao lại có những dung-túng để cho mạnh được yếu thua đến thế? Vân vân và vân vân! *Sao lại quá ư mâu-thuẫn đến thế này?* Bậy! Nguyễn-Du bậy quá! Nguyễn-Du bôi-bác nhà nước mất rồi! Nguyễn-Du sẽ trả lời “Xin thưa: mua vui cũng được một vài trống canh. Thưa! Đây chỉ là truyện giải buồn sao đi chép lại mà thôi!” Vận-dụng những từ-ngữ chuẩn-xác cho kỹ-thuật dàn dựng của mình, đây là cái tài tình khéo-léo của Nguyễn-Du vậy!

Tóm lại, bỏ qua tiểu-tiết mà phóng nhìn bao-quát, khó mà phủ-nhận được tính nhất-trí quán-thông của tác-phẩm, nhập kết thượng hạ tương-thừa, diễn-tiến trình-tự chặt-chẽ phân minh. Kỹ-thuật kết-cấu của Nguyễn Du trong tác-phẩm thực quả là công phu vững-vàng!

II- CẤU-TRÚC NHÂN-VẬT

1- Nguyễn-Du cấu-trúc các nhân-vật để dựng lại một sân khấu với toàn-thể bức tranh xã-hội có đủ mọi giai-tầng với đủ mọi hạng người đặc-trung.

Đại-diện cho giới cầm quyền cai-trị thì trên có quan tổng-đốc đại-thần Hồ Tôn-Hiến, dưới có quan huyện Lâm-Truy “mặt sắt đen sì”, hạ-tầng thì có những sai nha “đầy nhà vang tiếng ruồi xanh” trong vụ tai-biến Vương-gia, những viên thư-lại ở chốn công-đường như viên lại già họ Đô bên cạnh một tên “thỏ-quan” trông coi sắc dân thiếu-số.

* Giới thượng-lưu quý-tộc thì có mẹ con nhà quan Lại-bộ họ Hoạn.

* Xã-hội đen thì có những lâu xanh của hai mục chủ chứa họ Tú, họ Bạc, với những tay sai: vô học cũng có như Bạc Hạnh, mà trí thức cũng có như Mã giám-sinh và Sờ-Khanh. Trong đám dân cùng nô-lệ, kẻ nhẫn-tâm cũng có như bọn Khuyển, Ứng gia-nhân nhà họ Hoạn; người có lòng cũng có: như ả Mã-kiều đồng cảnh-ngộ đã vì cảm-thông mà bảo-lãnh Kiều khỏi bị đánh đòn tiếp-tục và thổ-lộ cho nàng biết hết những quỷ-thuật của mục Tú; và như Mục quản-gia nhà Hoạn-bà đã thương tình dặn nàng biết trước phải đề-phòng chuyện sẽ gặp Thúc-sinh cùng với Hoạn-Thư; sau cùng như lũ hoa-nô nhà Hoạn-Thư được sai đến hầu-hạ mà canh chừng Kiều nơi am Chiêu-Ấn.

* Tôn-giáo thì có bà vãi Giác-Duyên, sư Tam-Hợp, có Đạm-Tiên thuộc thế-giới vô hình nói thay cho Nguyễn Du về tư-tưởng Tự-Do và Định-Mệnh.

* Và cuối cùng là giới trung-lưu thấp cổ bé miệng sống trong cảnh trên đe dưới búa, quan trên trông xuống thì nhòm ngó tài-sản, xã-hội đen nhìn vào thì tự-do bắt nạt hiếp-đáp.

* Thàng-hoặc thầy có bóng người dân lành thì đó là những kẻ vô danh bàng-quan đến nhà Tú-bà coi Kiều tự-sát cho thoả lòng hiếu-kỳ, hoặc chỉ biết chép miệng ngấm-nguýt chê tên Sở-Khanh là “bất nghĩa vô lương”, hoặc là người dân vô danh ở Hàng-Châu kể cho Kim trọng biết tin-tức về Kiều.

Đủ mọi hạng người, nhân-vật nào rõ ra nhân-vật ấy.

2- Các vai quan-trọng như Kim, Kiều, Từ Hải, Hoạn-Thư đã được đề-cập qua các trích-đoạn tiêu-biểu. ***Dưới đây, thêm vài nét bổ-túc cho các vai này và các nhân-vật phụ khác.***

a) Bàn về Kiều, không thiếu gì lời chê-bai, nào chê là mất nét hư thân, nào chê là giả dối, mâu-thuẫn.

● ***Về điểm thứ nhất.*** Kiều mất nét hư thân, hay nói cho đúng, đó là bản-chất của con người mềm lòng, con người lãng-mạn, nhẹ dạ, nông-nổi, nhu-nhược, cả nể, cả tin. Điều bị chê bai này đã làm tốn bao bút mực.

* ***Quả thực Kiều có lãng-mạn***, Với hành-động “thoăn-thoắt gót sen, xăm xăm băng lối vườn khuya, xắn tay mở khóa động đào, rẽ mây” rẽ rào sang nhà Kim Trọng mà tự tình, ngâm thơ uống rượu, cắt tóc thề bồi, quả

là một tình yêu sôi nổi đam-mê. Kiêu đúng là hành-động theo tiếng gọi tự-nhiên của con tim.

** Nhưng không phải là nàng đã đánh mất lý-trí. Nàng vẫn còn tỉnh-táo để biết rằng:*

“Thói nhà băng tuyết chất hằng phi phong,

Dù cho lá thắm chỉ hồng,

Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha”

Nàng cũng còn đủ sáng-suốt để đem lời “đoan-chính” mà cảnh giác người yêu, khi thấy chàng “xem trong âu-yếm có chiều lả-lơi”:

“Đã cho vào bậc bố-kinh,

Đạo tông phu, lấy chữ trinh làm đầu.

Ra tuồng trên Bộc, trong dâu,

Thì con người ấy, ai cầu làm chi!

Phải điều ăn xối ở thì,

Tiết trăm năm, nở bỏ đi một ngày!

.....Gieo thoi, trước chẳng giữ-giàng,

Để sau nên thẹn cùng chàng, bởi ai?

Vội chi liễu ép hoa nài,

Còn thân ắt cũng đền bồi có khi”

Lễ-giáo nhìn nàng một cách khắc-nghiệt không cần biết đó là những rung cảm thực sự của con người, nhưng con người ấy chưa dám giờ chân đạp tung khuôn vàng thước ngọc cổ-kính. Người ta tự hỏi thế Kiều Nguyệt-Nga kia ôm tượng Vân-Tiên trầm mình vì yêu thì sao không bị lên án? Cũng quá ư lãng-mạn chứ! Hay tại vì nàng là con quan đại-thần, con của giới nho-sĩ thượng-tầng cổ bám lấy cái huyền-thoại Nho-giáo làm nền-tảng cho chế-độ cai-trị?

Thế những người thôn-dân tỏ tình còn phóng túng táo-bạo biết bao nhiêu thì chẳng thấy các cụ nhà nho tố cáo cho:

“Thương nhau cởi áo cho nhau,
Về nhà mẹ hỏi, qua cầu gió bay,
Tại mẹ may áo rộng tay,
Con quen gió mát gió bay mất rồi “

Hoặc:

“Ước gì sông hẹp một gang,
May cầu dải yếm cho chàng sang chơi!”

Đây những đôi trai gái khao-khát tự-do, muốn vượt khỏi khuôn thước “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”:

“Dầu mà cha mẹ không thương,
Hai đứa mình trái chiếu ngoài đường lạy vô”

Hãy nghe những thôn-nữ sau đây tỏ tình với trai làng:

“Trầu này trầu túi, trầu khăn,
Trầu này dải yếm, anh ăn trầu nào?
Trầu này trầu tính, trầu tình,
Trầu nhân, trầu nghĩa, trầu mình với ta,
Trầu này tằm tôi hôm qua,
Giấu cha giấu mẹ đem ra cho chàng.”

Hoặc chỉ vì âm-ức bất-mãn, mà chông-đối cả lễ-nghi:

“Không chông mà chữa mới ngoan,
Có chông mà chữa thế-gian sự thường.”

Kìa những “cụ già đầu bạc răng long, cưới cô con gái còn măng tuổi đào!”, những “bà già đã tám mươi tư, ngồi trong cửa sổ gửi thư lấy chồng!” Đó có phải là lãng-mạn hay không? Có coi thường lễ-giáo hay không? Những tiếng nói ấy là những tiếng kêu khát vọng của tự-do, những rung cảm thực sự của con tim nhân-loại. Những tiếng nói ấy rất “người”, rất gần gũi với đời sống thực-tại, trung-thực không giả-dối, giả hình, không miễn-cưỡng gò-bó, tưởng chừng muốn phá tung hàng rào lễ-nghi của nho-giáo vốn được du-nhập làm một thứ khí-cụ chính-trị cho những thế-lực cầm quyền.

Tại sao những truyện cổ khác khuyến-khích cổ-vô đa thê mà lại lên án truyện Kiều có chủ-trương trái ngược? Thế cái việc nhà vua tác-thành nhân-duyên cho Kiều Nguyệt-Nga với Vân-Tiên mặc dầu chàng đã có vợ rồi, việc làm ấy là tôn trọng hay không tôn trọng nhân-vị của người

phụ-nữ? Nhưng chính nàng Kiều đã không chấp-nhận cách này vì lòng hy-sinh cao cả, không muốn phá vỡ hạnh-phúc của tha-nhân, vì biết tự-trọng và giữ liêm-sĩ. Có lẽ tiếng kêu “tân thanh” của Kiều sẽ phát-động tiếng nói khát vọng sẵn có của người dân bùng lên làm nhức-nhối chế độ, một chế độ hằng bao thế-kỷ chôn sâu mọc rễ, người ta sợ cái cây cổ-thụ Nho-giáo này vẫn từng nuôi sống và củng-cố chế-độ sẽ bị bứng đi chẳng?

* Quả thực Kiều có nhu-nhuộc, nhẹ dạ, cả nể, cả tin. Kiều yếu đuối, luôn luôn bị ám-ảnh bởi hồn ma Đạm-Tiên. Nhưng Kiều cũng như Đạm Tiên và đạo cô Tam-Hợp là những ngôn-sứ của Nguyễn-Du muốn rao truyền triết-thuyết Thiên-Mệnh, đề xướng quan-niệm tự-do và định-mệnh, xác-định vị-trí của con người trong “cõi người ta”, nói lên mối tương-quan Trời, Đất, Người. Nàng cũng là người với tất cả những yếu-đuối và khổ đau của kiếp “làm người có thân”, của người phụ-nữ thông-thường cũng có những hận-thù, tham-vọng, những cái nhìn thiển-cận “nghĩ rằng phu quý phụ vinh”. Chính những chỗ yếu này làm nên nhân-vật có thực trong đời sống.

• *Về điểm thứ hai,*

* Ông Lê Văn-Hoè, tác-giả Truyện Kiều Chú-Giải, chê rằng “Kiều chỉ là một cô gái khéo mồm mép và hết sức nhu-nhuộc”.

Khi Kiều về đến trú-phường của Mã giám-sinh, Kiều “xót-xa lòng” mà than-thở:

“Phẩm tiên rơi đến tay hèn,

Hoài công nặng giữ mưa gìn với ai.

Biết thân đến bước lạc loài,

Nhị đào thà bẻ cho người tình chung”.

Ông bảo:

“Kiều đã nói đi nói lại với Thuý-Vân rằng nàng sẽ “nát thân bồ-liễu đèn nghì trúc mai” và “khởi tình mang xuống tuyền-đài chưa tan”, tức là nàng định chết đi để giữ lời thề với Kim-Trọng. Thế mà đến đây, nàng chuẩn-bị tinh-thần và thể-chất để mà thất tiết rồi. Người ta thấy Kiều chỉ là một cô gái khéo mồm và hết sức nhu-nhuộc (trang 138).

Khi Kiều thấy “trên yên sẵn có con dao, giấu cầm, nàng đã gói vào chéo khăn” là vì Kiều nghĩ “phòng khi nước đã đến chân, dao này thì liệu với thân sau này”, Cũng một ý ấy, ông Lê Văn-Hoè bảo: “*Nước đến chân tức là mối nguy-hiểm đe-doạ Kiều, tất-nhiên là việc nàng bị bắt buộc phải thất-tiết*. Ta hãy ghi quyết-định ghê-gớm và táo-bạo của nàng, để xem sau này có thực-hiện được không?” (trang140)

Cho nên sau “con mưa gió nặng-nề, thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương”, Kiều “giận duyên tử phận bời-bời, cầm dao nàng đã toan bài quyền sinh”. Ông Hoè mỉa-mai chất-vấn Kiều: “Định quyền sinh, sao không quyền sinh ngay từ lúc Mã giám-sinh chưa làm ô-danh? Có thể mới giữ được tron sự trong sạch.” (trang156).

Tóm lại, ông Lê Văn-Hoè chê Kiều hai điểm: Điểm thứ nhất là giả-dối vì sẵn-sàng thất-tiết, mà còn khéo mồm nói sẽ quyền sinh để giữ lời thề ra cái điều mình vẫn giữ tiết-trình. Điểm thứ hai: nghe nói thì ghê-gớm lắm, sẽ quyền sinh mà đâu có dám quyền sinh.

* Chúng tôi trộm nghĩ:

Bảo rằng nàng “chuẩn-bị tinh-thần và thể-chất để thất-tiết” diễn ý như vậy e có phần võ-đoán vì đã lẫn-lộn thất tiết với thất trinh. Bởi lẽ:

Kiều lấy Mã giám-sinh với *tư-cách là làm vợ*, chứ không phải làm gái lầu xanh tuy rằng có sự trao đổi mua bán đánh đổi hôn-nhân lấy bạc tiền. *Đã chấp-nhận làm vợ lẽ, thì thất thân là lẽ đương-nhiên*, Kiều đã biết việc phải đến nó sẽ đến có gì mà chuẩn-bị để thất tiết!

Vả trong cuộc tranh-biến với Kim-Trọng khi tái-hợp, Kiều đã phân-biệt thất trinh với thất tiết. Kiều thất thân là thất trinh chứ không phải thất tiết. Theo cái nhìn duy-vật thì Trinh đáng quý nhưng nhìn theo khía cạnh duy tâm thì Tiết còn quý hơn trinh. “Chữ Trinh đáng giá ngàn vàng”, đúng vậy, cho nên đến nước này, so sánh tên Mã giám-sinh phạm-hèn thô-tục với Kim-Trọng, người tinh lý-tưởng cao-thượng, một đẳng đáng khinh-bị coi thường và một đẳng vốn kính yêu quý trọng, thì dĩ-nhiên Kiều phải tiếc đã không chiều lòng người mình từng kính yêu trước đây, là người xứng đáng để được hiến tặng hơn là kẻ tục-tử phạm phu. *Đó là bản-năng, khi mà con người đã thấy mình là đồ phế bỏ*. Chứ khi chưa xảy ra nông-nỗi này, Kiều vẫn giữ-gìn đoan-chính cho dù Kiều có lãng-mạn sôi nổi theo cái nhìn của lễ-giáo khuôn thước ràng buộc. Vì phân-biệt như vậy, cho nên giữ trinh là chấp kính, nhưng khi sa cơ chẳng may thất trinh vì phải tòng quyền, thì nghĩ rằng *không phải vì thất trinh mà đã coi mình như thất tiết*.

Cũng như bảo rằng nàng nhu-nhược vì toan-tính mà chẳng dám quyền sinh là do ông Lê Văn-Hoè đã hiểu sai “nước đến chân là khi nàng sẽ bị thất thân”. Thật vậy, như đã nói, thất thân là việc đương-nhiên đối với Kiều, vì Kiều đã chấp-nhận điều này khi bán mình làm lẽ rồi. Đó

không phải là việc bắt trắc, là việc “nước đến chân”. Kiều giắt dao phòng thân là phòng những chuyện bắt trắc khác, như bị mắc lừa chẳng hạn. Đây là sự nhìn xa trông rộng do bản-năng tự-vệ thúc đẩy, do sự tinh khôn nhận-xét đánh giá con người khi tên này đến mua Kiều mà “ghế trên ngòi tốt sỗ-sàng” và “cò-kẻ bớt một thêm hai” cũng như do trực-giác nhạy cảm của người con gái vốn cao tường kín cổng, nay lần đầu tiên bị quăng ra cuộc đời muôn phương, bơ-vơ, vô-định thì phải biết phòng xa là lẽ đương-nhiên. Chính về điểm này, có lẽ lại phải nhận rằng Kiều nhạy cảm, thông-minh là đáng khác.

Vả trong lúc này, ngay cả khi đã thất thân, Kiều chưa thấy bị mắc lừa, chưa thấy có gì bắt trắc. *Nàng cầm dao toan bài quyền sinh là vì “giận duyên tui phận”*. Chính chỉ vì giận duyên tui phận” nên nàng đã “đắn-đo ngược xuôi” rằng:

“Một mình thì chớ, hai tình thì sao?

Sau dù sinh sự thế nào,

Truy nguyên chẳng kéo luy vào song thân”

cho nên mới nghĩ lại mà đành chịu vậy:

“Nỗi mình âu cũng giãn dần,

Kíp chầy thôi cũng một lần mà thôi”.

Đây là Kiều khôn ngoan có suy xét sao lại bảo rằng khéo mồm giả dối?

Ngay cả khi vào nhà Tú-bà, thấy bàn thờ thần “Mây Trắng”, với cảnh “một bên mây ả mây ngài, bên thì

ngồi bốn năm người làng chơi”, Kiều mới chỉ sinh nghi cũng vẫn chưa biết gì, thấy mục bắt quỳ làm lễ “hương-hoả gia-đường” vái xin “cửa hàng buôn bán cho may”, cho “xôn-xao oanh yến, dập-dìu trúc mai” mà “đưa người cửa trước, rước người cửa sau”, thì mới “thấy lạ tai”, đến khi bị bắt “rằng: con lạy mẹ đây, lạy rồi sang lạy cậu mày bên kia”, Kiều mới vỡ lẽ ra mình đã bị lừa thật rồi. Lúc này thì Kiều rút dao tự-tử thật, khiến Tú bà phải lo sợ, chiều-đãi dỗ-dành. Kiều đã hành-động đúng lúc, có suy tính thiệt hơn. Kiều đâu có sợ chết, nhu-nhược. Kiều quả có nhu-nhược ở những chuyện khác, chứ không phải vì không dám quỳen sinh, vì khéo mồm giả dối. Ví-dụ như nhu-nhược, cả nể, dễ tin khi nghe Hồ Tôn-Hiến mà xúi chồng ra hàng, hoặc bất nhất vị tình hơn là vì lý trong vụ trả ân báo oán thiếu vô tư và kém phân minh.

Thật vậy, bảo rằng Kiều khôn ngoan có suy xét, thiển nghĩ không quá đáng. Cứ xem việc khi bị Sở Khanh lừa, bị Tú bà “uốn lưng thịt đồ dập đầu máu sa” mà Kiều không tự-tử như lần trước mới vào, khi bị Tú bà chửi mắng rồi “Giật bì tiên, rắp sấn vào ra tay” thì đủ biết Kiều khôn lắm. Lần trước không phải lỗi của nàng, trái lại lần này do chính nàng mang tội, tội đang được chiều-đãi thì trốn bỏ đi.

Kiều khôn lắm, nàng còn nêu cái mối lợi làm cho Tú-bà phải ngưng tay không đánh đòn nữa, nàng nói: đánh tôi thì thân này tôi chịu đã đành, dẫu chết nào có xá chi, nhưng nếu tôi chết, thì vốn bà đã bỏ ra mua tôi về đây sẽ tiêu tan còn gì đâu nữa:

“Nhưng tôi có xá chi tôi,

Phận tôi đành vậy, vốn người để đâu?”

Ngay khi còn ở trú-phường, Kiều cũng đã sinh nghi khi nhận xét thái-độ khác lạ kỳ-cục của Mã giám-sinh, nên trước khi từ-giã cha mẹ về Lâm Truy, nàng đã rỉ tai với mẹ về tư-cách tên chồng này:

“Xem gương trong bấy nhiêu ngày,

Thân con chẳng kéo mắc tay bọm già.”

Như vậy thì Kiều cũng tinh khôn biết xét người lắm chứ!

Việc Kiều khuyên Thúc-sinh về thú thật với vợ là Hoạn-Thư, dần xếp “sao cho trong ấm thì ngoài mới êm”, sao cho khỏi cái cảnh “giảm chua lại tội bằng ba lửa nòng”, thì đủ biết Kiều tinh-táo khôn ngoan đến thế nào!

Lại ngay cái việc quan huyện Lâm-Truy phán xét cho nàng:

“Một là cứ pháp gia-hình,

Hai là lại cứ lâu xanh phó về.”

Nàng đã thà chịu gia-hình hơn là lại “cứ lâu xanh phó về”, mà thưa rằng:

“Đục trong thân cũng là thân,

Yếu thơ vâng chịu trước sân lôi-đình.”

để rồi can rằng nhẫn-nhục chịu bản án:

“Dạy rằng: Cứ phép gia-hình,

Ba cây chụm lại một cảnh mẫu-đơn,

Phận đành chi dám kêu oan,

Đào hoen-quen má, liễu tan-tác mây.

Một sân lằm cát đã đầy,

Gương lờ nước thủy, mai gầy vóc sương.”

Xem thế thì đủ biết *Kiều can-đảm chịu đựng* là bao! Xem thế thì đủ thấy *Kiều không phải lúc nào cũng hành-động theo tiếng gọi của con tim, nhưng cũng là con người biết sáng suốt theo lý-trí dẫn dắt.*

b) Bàn về Kim Trọng, chàng thư-sinh này quả là quá si tình. Chàng có cái lãng-mạn mà văn-chương xã-hội chủ-nghĩa quen gọi là “lãng-mạn tiêu-tư-sản”. Lãng-mạn đến mức ngớ-ngẩn, cái ngớ-ngẩn tự-nhiên của kẻ mê-muội vì tình, quên hết mọi sự ngoài việc mơ-tưởng nhớ-nhung. Trở về thư-phòng thì:

“Song hồ nửa khép cánh mây,

Tường đông ghé mắt ngày ngày hằng trông”,

Bắt được kim-thoa thì mãi nâng-niu:

“Liền tay ngắm-nghía biếng nằm,

Hãy còn thoang-thoảng hương trầm chưa phai”.

Cái lãng-mạn của Kim đúng với hình-ảnh của người văn-nhân khô-ngo tuấn-tú, yêu thì yêu thật tình say đắm, tình tứ mà trang-trọng, lời tán-tình cũng khéo lượn-lách vẽ-vời, khéo trách móc thậm xưng:

“Trách lòng hờ-hững với lòng,

Lửa hương chốc để lạnh-lùng bấy lâu!

Những là đẩu nhớ đôi sầu,

Tuyệt sương *nhuộm nửa mái đầu hoa râm.*”

Hoặc cường-điệu gọi mối thương-tâm, mà than-thở:

“Rằng: Từ ngẫu-nhĩ gặp nhau,

Thăm trông trộm nhớ bấy lâu đã chôn.

Xương mai tính đã gãy mòn,

Lần-lừa ai biết hã còn hôm nay!

Tháng tròn nhờ gửi cung mây,

Trần trần một phận ập cây đã liều!”

Đây là lần đầu mới gặp mà đã thấy nói chuyện muốn quên sinh nếu mộng không thành. Trách chi lần sau gặp lại chàng cũng vẫn một giọng cảm-động thảm-thương:

“Sinh rằng: ‘Giải cầu là duyên,

Xưa nay nhân-định thắng thiên cũng nhiều.

Ví dù giải kết đến điều,

Thì đem vàng đá mà liều với thân.”

Không như chàng Thúc kia lãng-mạn trong cách cư-xử của người nhân ngãi “quen thói bốc rời”, khởi sự từ kẻ ong qua bướm lượn, “trăng gió vật-vờ”:

“Sớm đào tối mặn lân-la,

Trước còn trăng gió, sau ra đá vàng”,

con người này chỉ biết hiện-tại, không đủ năng-lực và can-đảm, trung-thực đề tiến tới tương-lai, không thực tình xây dựng, con người vô trách-nhiệm, đánh trống bỏ dùi:

“Liệu mà cao chạy xa bay,

Ái ân ta có ngần này mà thôi!”

Kim-Trọng trái lại có cái lãng mạn của tình yêu xây-dựng hôn-nhân, bất chấp mọi trở-ngại để tận-tình và tận-lực mà sẵn-sàng chu-toàn trách-nhiệm của người chồng chung-thủy:

“Cùng nhau vàng đá đã nhiều,

Những điều vàng đá phải điều nói không?

Chưa chẵn gôi cũng vợ chồng,

Lòng nào mà nữ dứt lòng cho đang!

Bao nhiêu cửa, mấy ngày đàng,

Còn tôi, tôi gặp mặt nàng mới thôi!”,

Kim-Trọng cũng yêu say mê đắm-đuối, cũng đau xót khi mất người yêu, gần như tuyệt-vọng vì đã

“Biết bao công mướn, của thuê,
Lâm-Thanh mấy độ, đi về dặm khơi.
Người một nơi, hỏi một nơi,
Mệnh-mông nào biết bể trời nơi nao?”

Đến nỗi:

“Ruột tằm ngày một héo-hon,
Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve.
Thần-thờ lúc tỉnh lúc mê,
Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao.”

Rõ-ràng khác hẳn với cái say đắm của Thúc-sinh, kẻ thoát đến với Kiều chỉ như một khách yêu hoa. Tình của Kim Trọng là những rung cảm thật sự và tự-nhiên của con tim trung-thực và trân-quý, của tâm-hồn trong sạch cao thượng.

Nhưng cũng không bệnh-hoạn bạc-nhược như chàng Tú-Uyên trong Bích-Câu Kỳ-Ngộ, ngày đêm mơ tưởng người đẹp trong tranh, tương-tư sầu ốm, trò chuyện với người trong tranh, một thứ lãng mạn yếu-đuối không tưởng, siêu-thực. Kim Trọng cũng rất “người” như những con người thực đang sống xung quanh ta. Cái khéo của Nguyễn Du khi cấu-trúc các nhân-vật, dựng nên vai kịch sống động là vậy.

c) *Bàn về Từ-Hải*, từ nguyên-tác, Từ-Hải được Nguyễn-Du biến cải nhân-vật này thành “*đường đường một đấng anh-hào*”. Ông đã tôn chàng làm anh-hùng, vì:

* Chẳng như Sở-Khanh và Thúc-sinh; dĩ-nhiên tên lưu-manh họ Sở ba hoa, khoác-lác tự khoe mình là “anh-hùng” này, làm sao dám xứng đáng mà so-sánh:

“Thuyền-quyên ví biết anh-hùng,

Ra tay tháo cũi xổ lồng như chơi!”

Thúc-sinh thì “muời voi không được bát nước xáo”, rằng:

“Đường xa chó ngại Ngô, Lào,

Trăm điều hãy cứ trông vào một ta!”

người anh-hùng họ Từ này thì trái lại, đến với Kiều bằng một tình yêu xây-dựng, trang-trọng, nghiêm-chỉnh đứng-đắn, lời nói như dao chém đá, lời nói của người cao ngạo tự-đắc, coi khinh những kẻ trắng gió tầm-thường:

“Từ rằng: ‘Tâm phúc tương cờ,

Phải người trắng gió vật-vờ hay sao?

Bấy lâu nghe tiếng má đào,

Mắt xanh chẳng để ai vào, có không?

Một đời được mấy anh-hùng,

Bõ chi cá chậu chim lồng mà chơi!”

* Người anh-hùng này có chí-khí hiên-ngang “đội trời đạp đất”, “chọc trời khuấy nước mặc dầu, dọc ngang nào biết trên đầu có ai!” quyết sẽ “làm cho rõ mặt phi-thường”.

Người anh-hùng này có tài-năng lỗi-lạc, có sự-nghịệp hiển-hách:

“Triều đình riêng một góc trời,

Gồm hai văn vũ rạch đôi sơn hà,

Đòi cơn gió táp mưa sa,

Huyện thành đạp đổ năm toà cõi Nam.”

* Người anh-hùng này có trách-nhiệm làm chồng, lo xây-dựng hạnh-phúc gia-đình và vì hạnh-phúc của vợ mình mà lúc nào cũng muốn cho vợ được đoàn-viên xum họp thì mới đành tâm yên dạ:

“Xót nàng còn chút song thân,

Bấy lâu kẻ Tấn, người Tần cách xa.

Sao cho muôn dặm một nhà,

Cho người thấy mặt thì ta cam lòng.”

* Người anh-hùng này có lòng tự-trọng, có đức liêm-sĩ, có tâm-hồn cao-thượng, không muốn làm kẻ ươn hèn quy lụy chịu khuất-phục:

“Phong trần mài một lưỡi gươm,

Những loài giá áo túi cơm xá gì!

Nghênh-ngang một cõi biên-thuỳ,

Hóm gì cô quả, hóm gì bá vương?”

* Người anh-hùng này có tâm-hồn phóng-khoáng, yêu chuộng tự-do, “giang hồ quen thú vẫy-vùng, gươm giàng nửa gánh non sông một chèo”:

“Áo xiêm buộc trói lấy nhau,

Vào luồn ra cúi công-hầu mà chi!”

Sao bằng riêng một biên-thuỳ,

Sức này đã dễ làm gì được nhau?”

* Người anh-hùng này không phải là anh-hùng cá-nhân vị-kỷ ham danh vụ lợi, nhưng có lòng vị-tha muốn xây-dựng một xã-hội công-bằng tươi đẹp hơn:

“Anh hùng tiếng đã gọi rằng,

Giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha!”

Cho Kiều trả ân báo oán vì nể Kiều đã đành, nhưng động-cơ chính vẫn là bất-bình cái xã-hội này thối nát:

“Từ công nghe nói *thuy chung*,

Bất-bình nổi trận đùng đùng sấm vang!”

* Người anh-hùng này không phải mẫu người giả-tạo, nhưng có khối óc và trái tim nhân-loại, tuy anh-hùng khí-phách là thế, song lại mềm lòng cho nên mới “qua chơi nghe tiếng nàng Kiều” mà “tắm lòng nhi-nữ cũng xiêu anh-hùng”.

Và cũng vì nặng tình cho nên dầu vừa trước đó mới cứng rắn bất-khuất không chịu ra hợp-tác với triều-đình,

thế mà liền sau tức thì chỉ vì lời ngon ngọt “mặn-mà” của vợ mà chàng mắc lừa bị chết đứng oan-khiên:

“Nghe lời nàng nói mặn-mà,

Thế công, Từ mới đòi ra thế hàng.”

** Có điều bị chê là mâu-thuẫn ở chỗ Nguyễn-Du đã dựng nên nhân-vật họ Từ như “một đảng anh-hào”, tại sao Kiều lại ví chồng như tướng giặc Hoàng-Sào?*

“Rằng: Trong thánh-trạch đòi-dào,

Tuổi ra đã khắp, thấm vào đã sâu.

Bình-thành công-đức bấy lâu,

Ai ai cũng đội trên đầu xiết bao.

Ngấm từ đây việc binh đao,

Đổng xương vô-định đã cao bằng đầu.

Làm chi để tiếng về sau?

Nghìn năm ai có khen đầu Hoàng-Sào?

Sao bằng lộc trọng quyền cao?

Công-danh ai dặt lỏi nào cho qua?”

Xin thưa, đây là lời của Kiều, của người đàn bà vốn tính nhẹ dạ, tuy có thể ít nhiều biết việc chàng đánh đông dẹp bắc, nhưng không hẳn là một vị tham-mur, và người đàn bà này chỉ lập lại tiếng nói của viên sứ-giả triều-đình mà

thôi. Đây cũng chính là cái yếu của Kiều. Nói khác, lời nói của Kiều chẳng qua *đó là tiếng nói của phe cầm quyền đối-lập*, dĩ-nhiên là ca-tụng mình và kết tội Từ-Hải để đem phần thắng-lợi về mình.

Cho nên khách-quan mà nhận-định:

Cuộc chiến nào là chả có đổ máu xương. Đổng xương vô-định này có phải là do Từ-Hải đi cướp bóc hà-hiếp dân chúng hay không? Vì sao có cuộc chiến này? Phải chăng như đã nói, vì

“Giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha!”

Cái sự bất bằng ấy ở đâu mà ra? Có phải do triều-đình gây ra hay không? Thì cứ nhìn vào bộ mặt của chính-quyền, ắt sẽ thấy rõ.

Bộ mặt ấy là một xã-hội kim tiền, mà sức vạm-năng của nó còn trải dài mãi đến về sau, khiến cho, chẳng những cụ tam-nguyên Yên-Đỗ phải thốt lên rằng:

“Có tiền việc ấy mà xong nhỉ?

Đời trước làm quan cũng thế a?”

mà ngay đến bây giờ, ở thế-kỷ hai mươi mốt này, người dân cũng vẫn hễ còn mai-mĩa: đồng tiền nó “là cái lọng che thân, là cán cân công-lý” (*xem Tiếng Việt Tuyệt-Vời, Đỗ Quang-Vinh, tr. 117, Toronto, 2000*). Sức mạnh vĩ-đại của nó đã làm băng-hoại cả cái xã-hội Kiều mà thượng-tầng thì quan lại thối nát tham-những hối-lộ công-khai, sai-nha như lũ “ruồi xanh”, mè-nheo hối-lộ, bắt người kháo của:

“Một ngày lạ thói sai-nha,

Làm cho khóc-hại chẳng qua vì tiền.

Tính bài lót đó luôn đây,

Có ba trăm lạng việc này mới xuôi.”

hạ-tầng thì cũng vẫn, không tiền, đầu không xuôi đuôi chẳng lọt:

“Tiền lưng đã sẵn việc gì chẳng xong.”

Trái lại có tiền, thì “nén bạc đâm toạc tờ giấy”:

“Trong tay đã sẵn đồng tiền,

Dầu lòng đổi trắng, thay đen khó gì.”

Thúc-sinh muốn vớt Kiều ra khỏi lầu xanh, cũng phải nhờ tay thầy thợ chạy chọt điều-đinh:

“Chiến hoà sắp sẵn hai bên,

Cậy tay thầy thợ, mượn người dò-la.”,

cũng phải có tờ “thiếp hoàn-lương” như một thứ văn-tự đem trình cửa quan làm bằng để cho “công tư đôi lẽ đều xong”:

“Rõ-ràng của dân tay trao,

Hoàn-lương một thiếp thân vào cửa công.”

Bộ mặt ấy đại-diện bởi những Hồ-tôn-Hiến đại-thần hèn mọn, tiểu-nhân bỉ-ôỉ, gian-trá, lọc-lừa, tráo-trở, thủ-đoạn, đê-tiện.

Bộ mặt ấy là những tên Hồ Tôn-Hiến đại-thần, đã cướp vợ kẻ thù, ức-hiếp kẻ cô-thế, ham mê sắc dục, quá chén say-sưa trước nhan-sắc của vợ địch-thù:

“Bắt nàng thị yến dưới màn,

Giờ say lại ép cung đàn nhật tâu...

...Nghe càng đắm, ngắm càng say,

Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình!”

Bộ mặt ấy “nghĩ mình phương-diện quốc-gia, quan trên ngó xuống người ta trông vào”, cho nên tỉnh giấc, nhớ tới “tuồng trăng gió” tối qua khi “chén đã quá say”, nên tính bài ăn ốc rồi bắt người đồ vỏ, ăn vụng rồi chùi mép phải tay, đem gán ép ngay cho tên thổ-quan, coi dân như tên nô-lệ buộc phải cúi đầu tuân lệnh:

“Công-nha vừa buổi rạng ngày,

Quyết tình, Hồ mới đoán ngay một bài.

Lệnh quan ai dám cãi lời,

Ép tình mới gán cho người thổ-quan.”

Bộ mặt ấy là những ông huyện Lâm truy “mặt sắt đen sì”, xử người theo ý riêng, theo luật rừng bất nhất, hết sức khô-hài; lại chiếm công vi tư, lấy công-quỹ ra mà làm hôn-lễ long-trọng cho bị-cáo vừa mới bị ông ra án gia-hình, chỉ vì ông đặc-ý về thi-tài tuyệt-diệu của bị-cáo này:

“Kíp truyền sắm-sửa lễ công,

Kiếp hoa cát gió đuốc hồng điểm sao.”

Bộ mặt ấy là cái thói “công-thần chủ-nghĩa” (!), “một người làm quan, cả họ được nhờ”, như vợ con viên quan lại-bộ Hoạn-gia kia đã ỷ quyền cậy thế sinh-sát lê-dân, có bà lớn oai-vệ sống trong “lâu-đài” vương-giả, mà dân nô-lệ bước vào phải “bàng-hoàng”:

“Ngước trông toà rộng dãy dài,

‘Thiên quan trùng tể có bài treo trên.

Ban ngày sáp thấp hai bên,

Giữa giường thất bảo, ngồi trên một bà.”

Bộ mặt ấy là những dung-túg cho xã-hội đen tự-do hoành-hành, gây nên biết bao thảm-trạng đau thương triền-miên cho người dân cô-thế, một xã-hội bản-thù đến nỗi người con gái phải xót-xa căm-hờn, cất lên tiếng thét náo-nùng ai-oán:

“Thân lươn bao quản vũng lầy,

Tấm lòng trinh bạch từ sau cũng chừa!”

Bộ mặt ấy là một địa-ngục cho bọn ác-quỷ lộng-hành từ trên xuống dưới, không lời nào lột cho hết được cái trắng-trợn tàn-nhẫn độc-ác của xã-hội, đành chỉ còn biết ngậm-ngùi nói lên nỗi uất-ức than rằng:

“Nước trôi hoa rụng đã yên,

Hay đâu địa-ngục ở miền nhân-gian!”

Bộ mặt ấy là nền giáo-dục từ-chương cổ-hủ đào-tạo nên những tên trí-thức vô lương bất nghĩa, cam tâm hèn-hạ đi làm ma-cô tay sai cho bọn vô học.

Bộ mặt ấy, tóm lại là một xã-hội vô kỷ-cương, vô luật-pháp, mạnh được yếu thua, đẩy-đầy những thói nát bất công, làm người anh hùng thấy chướng mắt “bất bình” chẳng tha.

Đây chính là nét tương-phản, gián-tiếp làm tôn giá-trị, tư-cách của Từ-Hải. Cái bộ mặt của triều-đình là như thế đấy! Bảo sao Từ-Hải không đứng lên đạp đổ? Người ta chống lại mình, thì mình bảo là giặc. Có lạ chi!

Thiết-nghĩ nếu vô tư mà nhận xét thì không có gì mâu-thuẫn, chẳng qua Nguyễn-Du dựng nên phản-diện để chứng-minh Từ-Hải là “đáng anh-hào” như ông đã giới-thiệu ngay từ đầu, vì *phải chăng nhân-vật này nói lên cái hoài-bão, chí hướng và tâm-hồn ông*. Và để che mắt nhà đương-cuộc, *phản-diện này là lá chắn cho ông được yên thân giữa cái xã-hội tràn ngập tang-thương như thế với “những điều trông thấy mà đau-đớn lòng”*. Nguyễn Du tác-giả của “Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh”, *lòng đầy tình người, chan-chứa tình yêu rộng khắp*, đồng thời cũng là người đạo-diễn tấn bi-kịch “Đoạn-Trường Tân-Thanh”, *lòng ô-m-ấp niềm khao-khát tự-do*, mang bản-chất của tâm hồn cao-thượng như Kim, Kiều, Từ-Hải, *cổ võ cho Tự-Do: tự-do luyện-ái-quan, tự-do và định-mệnh, tự-do thoát vòng lợi-danh, danh-vị, tự-do tư-tưởng, tự-do trong tâm-hồn*. Ta có thể nói: một phần nào Nguyễn-Du đã sống đời Kiều và mơ đời Từ-Hải.

c) **Vương Ông Vương Bà** quá vô-tình thụ-động, ươn hèn kiêu trung-lưu, gần như vô trách-nhiệm:

* Làm cha mẹ mà không tự đảm-trách, tìm cách lo giải-quyết việc nhà, lại để mặc tình và ưng thuận cho con

gái quyết-định bán thân làm lẽ. Bạc cha mẹ này có phần nào ích-kỷ và vô trách-nhiệm.

* Vương bà nghe con than-thở về tư-cách của tên “bọm già”, chỉ biết “Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên”, cũng không rĩ tai cho Vương ông biết, để ông vẫn cứ hạ mình xuống nước mà “nằn-nì thấp cao”, kéo-nhèo với tên chàng rể đi mua người hầy rủ lòng thương mà đùm bọc con gái:

“Nghìn tầm nhờ bóng tùng-quân,

Tuyết sương che-chở cho thân cát-đăng”

Ông chỉ biết vui mừng “mở tiệc tiền-hành” cho “chủ khách dập-diu” để gọi là làm “lễ vu-quy” cho con gái ra đi trong nước mắt.

d) Bà vãi Giác Duyên sợ trách-nhiệm không dám chu-toàn đúng chức-năng của người tể-độ. Bà dễ tin người, có lẽ vì bà *phù-thịnh*, thấy Bạc-bà “am mây quen lối đi về dầu hương” nên không biết được tung-tích mặt trái của mụ bất lương núp bóng cửa chùa. Còn cái đồng kim ngân trên bàn thờ Phật nàng Kiều lấy trộm của nhà Hoan-Thư, không thấy bà nói-nặng gì đến khi bà bán Kiều cho mụ “bọm già” này. Bà có kể hết cho mụ, nên mụ mới “choang-choác” cái miêng liên-hồi mà đe dọa đuổi xua:

Rằng: Nàng muôn dặm một thân,

Lại mang lấy tiếng dữ gần lành xa.

Khéo oan gia, của phá gia,

Còn ai dám chứa vào nhà nữa đây!”

Một là vãi lấy của này, hai là vãi trao cho Bạc-bà tùy nghi, ba là Bạc-bà lại dùng cái thói “quen lối đi về dầu hương” mà tặng lại cho vãi để mua lấy uy-tín cảm-tình hầu làm cái mặt nạ che giấu vết nhơ. Thật là khó hiểu! Mà sao vãi lại đi nói thật hết cho mụ? Gửi Kiều đi thì cứ gửi sao lại kẻ xấu năng ra, đâu còn là nhân-nghĩa!

Đúng là cái sơ-hở của Nguyễn-Du, nhưng chính chỗ sơ-hở này làm ta thắc-mắc, tác-giả để cho người đọc suy-đoán, đây là hư-tả. Người đọc sẽ có cảm-tưởng xã-hội này nó như thế đấy! Xã-hội ngày nay cũng không thiếu gì những trạng-huống như vậy, huống chi là ngày xưa cách đây mấy thế-kỷ!

Cấu-trúc các nhân-vật rất thiết-thực như thế để lột hết bộ mặt thật của xã-hội đương-thời, phải chăng tác-giả muốn gào lên tiếng “tân-thanh” để mong chỉnh-đốn hay ít ra cũng nói lên mối quan-tâm đau lòng của mình?

Như vậy nói rằng *Nguyễn-Du là một nhà cải-cách xã-hội*, thiết-tưởng chẳng phải là quá đáng.



*Bấy lâu đây bể mò kim,
Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng hoa?*

KẾT LUẬN

Vấn Đề Thẩm Định Giá Trị Truyện Kiều

Vấn-đề thẩm-định giá-trị của một tác-phẩm tùy thuộc vào nhân-quan của người phê-bình đối với tác-phẩm đó. Nếu được nhìn dưới góc độ của một nhà đạo-đức, và nhất là nhà đạo-đức này lại đóng khung trong khuôn-khổ của Nho-Giáo và coi thường những độc-giả chưa đủ trưởng-thành, Truyện Kiều dĩ-nhiên bị họ coi là một dâm-thư. Nếu ta nhìn Truyện Kiều trên bình-diện văn-chương, nghệ-thuật, và kỹ-thuật xây-dựng, Truyện Kiều là siêu-phẩm đã đưa Nguyễn-Du lên ngôi chiếu trên trong văn-học-sử, vinh-tôn ông là ngôi sao sáng trên nền trời văn-học Việt-Nam.

a) Về phương-diện đạo-đức, giá-trị của một tác-phẩm phải được thẩm-định về cả hai phương-diện tích-cực và tiêu-cực. Chỉ khuyên dạy những điều hay lẽ phải là cách giáo-dục phiến-diện một chiều. Nêu cả những điều hay lẽ phải cho người ta theo cùng những thói hư tật xấu cho người ta biết đề xa lánh mới là cách giáo-dục toàn-bích. Nếu xét về cả hai chiều như thế, ta không thể độc-đoán cho là Truyện Kiều không có tác-dụng luân-lý.

b) Về phương-diện tư-tưởng, Truyện Kiều rao truyền sứ-diệp của Nguyễn-Du, một nhà cách-mạng tư-tưởng, một nhà cải-cách xã-hội. Ông đề-xuất triết-thuyết Thiên-Mệnh, giải-đáp luận-đề tài mệnh-tương-đố, xác-định vị-trí con người trong mối tương-quan tam tài Trời, Đất, Người, nói lên quan-niệm tự-do và định-mệnh mà bằng thiện-tâm con người vẫn có thể tự mình tận-lực không-chê, lấy nhân-định mà thắng thiên, và từ đó cổ-võ cho sự tôn-

trọng nhân-vị, nhân-quyền, cho những khát-vọng tự-nhiên của con người: tự-do luyến-ái trong chiều hướng cao thượng của thiện-căn dẫn đến cần phải có một quan-niệm vững-vàng về tình yêu và hôn-nhân; tự-do đòi hỏi công-lý, và công-bằng xã-hội.

Đoạn Trường Tân Thanh gióng lên một tiếng chuông mới, tiếng nắc nhen-ngào của người con gái bất hạnh, tiếng kêu khát vọng giành lại nhân-phẩm nhân-quyền nói chung và nữ-quyền nói riêng, khát vọng nói lên nét đặc-thù của văn-hoá Việt.

Ở đây xin mở dấu ngoặc, đặc-thù vì nó vượt xa văn-hoá Tây phương và Trung-Quốc. Ở Tây-phương, sự tranh-đấu cho nữ-quyền kéo dài hằng bao thế-kỷ, như tại Canada chẳng hạn, mãi tới năm 1982 nữ-quyền mới thực sự được bảo-vệ bởi Hiến-Chương Dân-Quyền và Tự-Do (*The Canadian Charter of Rights and Freedoms*; xem thêm *Social Change and Education in Canada second edition* by Ratna Ghosh / Douglas Ray, ISBN 0-7747-3149-4). Ở Trung-Quốc quan-niệm chồng chúa vợ tôi, địa-vị của phụ-nữ bị hạ thấp thể-hiện ngay trong thành-ngữ “phu thê” tức “chồng vợ”, trong khi Việt-tộc từ ngàn xưa đã quan-niệm ngược lại là “vợ chồng” và người phụ-nữ đi lấy chồng vẫn giữ tên họ của mình trong khi ở Tây-Phương, người phụ-nữ xóa hẳn tên họ của mình trên giấy tờ pháp-lý để mang tên họ của chồng mình (xin xem thêm chương 8: *Tiếng Việt với triết-lý Âm Dương và Đạo Sống Thái-Hoà trong Tiếng Việt Tuyệt-Vời ấn-bản II cùng tác-giả, Toronto 2000*)

c) Về phương diện văn-chương, nghệ-thuật cũng như kỹ-thuật xây-dựng, như đã phân-tích trên đây, bút-thuật của Nguyễn-Du tài tình sắc-sảo, điều này không thể phủ-nhận. Viên kim-cương kia, tuy phôi bày ở góc độ này song ánh sáng chiếu vào chỉ cần khê dao-dộng, mắt ngắm-nghĩa chỉ cần nhìn hơi nhích đi, là đã thấy mâu khác long-

lạnh. Đọc Truyện Kiều, cũng lời thơ ấy vừa thấy hay ở điểm này, lại chợt thấy hay ở những điểm khác. Tham-luận như đã phân-tích trong sách này là để có cái nhìn rõ-rệt theo từng khía cạnh, thực ra thơ Kiều, cũng như viên kim cương kia, có vẻ đẹp tổng-hợp long-lạnh kỳ-ảo, lời tuy ẩn-dụ bóng-bẩy đầy, mà vẫn có đăng đôi nhịp-nhàng, lại vẫn chơi chữ một cách kỳ-thú, tỉ như “*chiều xuân* dễ khiến *nét thu* ngại-ngùng”, hoặc vừa có ẩn-dụ, vừa có cả điệp-ngữ lẫn cật-vấn tán-thán như trong câu: “*Hoa sao hoa khéo đoạ-đầy bấy hoa!*”. Trong khi hoạt-hoạ vẫn vừa có tả chân vừa có hư-tả; trong lời thơ chải-chuốt, vừa chuẩn-xác, vừa bóng-bẩy mà cũng vừa giản dị, trong sáng, du-dương; trong kỹ-thuật xây dựng, các tình-tiết đoạn mạch cũng như dàn dựng câu chuyện, cấu-trúc các nhân-vật đều được kết-cấu chặt-chẽ, vững-vàng. Đó chính là điểm son làm nên giá-trị bất diệt của Truyện Kiều.

* *Về văn-từ*, có lời than phiền cho rằng một số câu thơ trong *Truyện Kiều* dễ khiến cho người đọc tán nhảm và diễn ra ý bậy-bạ cần phải được bỏ đi để khỏi làm mất giá-trị của tác-phẩm, thiển-ngĩ nói như vậy thì e rằng hơi vội-vã. Trong tác-phẩm *Tiếng Việt Tuyệt-Vời*, chúng tôi đã có dịp phân-giải rằng một trong những vẻ đẹp làm cho tiếng Việt tuyệt-vời là kiểu nói một lời hai ý. Lời thanh mà hiểu ra ý tục là do có kẻ nghe người đọc hiểu ra như thế, chứ bản-thân ngôn-ngữ không có ý đó. Vả chẳng, bằng các từ hoa, ẩn-dụ, tác-giả, khi cần, đã nói bóng-bẩy để cố tránh điều này. Vì thế, chính những câu thơ này càng cần phải được duy-trì vì tính cách tuyệt-vời của ngôn-ngữ Việt-Nam.

* *Về tình-tiết*, chúng tôi cũng đã đồng ý rằng, nếu nhìn dưới một nhãn-quan nào đó, *Truyện Kiều* quả có những chỗ sơ-hở, như thái-độ đáng trách của một số nhân-vật, mà chúng tôi cho đó là cách dùng hư-tả để nêu những phản-diện đối-lập với chính-diện là những thái-độ mẫu-mực đáng ca

ngôi, thiên-nghĩ đó là tình-trạng của một xã hội thực sự mà Nguyễn Du đã đưa vào *Đoạn-Trường Tân-Thanh*.

Mỗi nhân vật trong *Truyện Kiều* đều là nhân vật sống động trong xã-hội: Sở Khanh tượng-trưng cho hạng trí-thức đề-tiện bất nghĩa, vô lương; Thúc-sinh biểu-tượng của những công-tử nhà giàu, có học, phóng-đăng lại hèn nhát vô trách-nhiệm; Mã giám-sinh đại-biểu cho phường vô lại, có chữ mà không có nghĩa; Tú-bà, Bạc-bà là hiện-thân của căn bã xã-hội, là những mục chủ “lầu xanh” trơ-trẽn, độc-ác; và Giác-Duyên tiêu-biểu cho những nhà tu-hành vẫn còn phần nào ích-kỷ, phù thịnh, và chưa đủ từ-bi tế-độ. Có những kẻ được làm “phụ mẫu chi dân” mà hách-dịch “ba phải” như nhân-vật quan huyện Lâm-Truy xét-xử theo tư-tình chẳng cần luật-pháp, và xảo-trá bê-tha như tổng-đốc đại-thần Hồ Tôn-Hiến. Ngoài ra, còn có hạng người dựa vào quyền-thế để tự ý cho mình cái quyền bắt-bớ và xét-xử người khác chỉ vì tư-thù như Hoạn-Thư và ngay cả Thuý Kiều. Nàng Kiều này cũng nhỏ-nhen tư-thù, bất công. Nàng cũng như nhà họ Hoạn ý quyền cậy thế mà xử người không phân-minh, theo lý của kẻ mạnh. Nàng cũng nhu-nhược yếu-đuối, cũng vì lợi-ích riêng tư mà vô tình giết chồng. Nhưng đó là những nét rất “người”, bởi đã “làm người có thân” thì còn chấp ngã, còn nhiều hệ-lụy, khó mà tránh khỏi, do đó mới phải trau-giồi và tích-luỹ thiện-tâm.

Tất cả những điều trên đã tạo nên xã hội thời Nguyễn Du, một xã-hội bất công, vô kỷ-cương, vô luật-pháp, mạnh được yếu thua, và đầy-dẫy những căn bã thối nát. Nói chung, xã hội thời Nguyễn Du là một xã-hội mà nhân-vị và nhân-quyền của người dân bị chà đạp và bị tước đoạt đến tận cùng.

Chính vì thế mà Nguyễn Du, với ngòi bút “Tả Thanh-Thiên” (viết lên trời xanh) của kẻ sĩ, đã lên tiếng đòi canh-tân xã-hội để đem lại công-lý, nhân-vị, và nhân-quyền cho người dân nói chung và cho phụ-nữ nói riêng. *Truyện Kiều* của

Nguyễn Du là một bức tranh xã-hội có thực mà trong đó gồm đủ mọi hạng người với những tình-cảm, tâm-lý và thái độ rất “người” và rất thực, tức là với khối óc và con tim nhân-loại. *Truyện Kiều* là tiếng kêu não lòng đứt ruột nay mới được gióng lên, mà Nguyễn Du đem đặt tên mới cho phóng tác này của ông là *Đoạn-Trường Tân-Thanh*. Phải sống trong cái xã-hội thối nát ấy và phải thấy cái hệ-quả của chế độ Hán-Nho ấy áp-đặt trường-kỳ trên đất nước, Nguyễn-Du mới có thể tiên-tri rằng:

“Bất tri tam bách dư niên hậu,

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?”

Trước Nguyễn-Du, Nguyễn-Trãi nhìn xã-hội xung quanh mình đã từng tự-thán:

“Chiếc thuyền lơ-lửng bên sông,

Biết đem tâm-sự ngỏ cùng ai hay?

Chắc chi thiên-hạ đời nay,

Mà đem non-nước làm rầy chiêm-bao,

Đã buồn về trận mưa rào,

Lại đau về nổi ào-ào gió đông.

Mây trôi nước chảy xuôi dòng,

Chiếc thuyền hờ-hững bên sông một mình.”

Ba thế-kỷ sau Tiểu-Thanh, Nguyễn-Du khóc nàng, khóc cho cái xã-hội của nàng. Bây giờ ông lại khóc cho Kiều,

cho cái “*địa-ngục ở miền nhân-gian*” là xã-hội Kiều hay chính cái xã-hội của ông. Có hiểu được nỗi lòng của ông như vậy, mới nhìn-nhận rằng Nguyễn-Du là một nhà cải-cách xã-hội. Xã-hội Việt-Nam ngày càng băng-hoại thê-thảm, ít ra cũng phải chờ đến thế-hệ cháu chắt chúng ta, nếu bắt đầu được thanh-tẩy ngay từ bây giờ, thì họa may mới lột xác được! Như vậy, hỏi sao Nguyễn Du đã không khóc thầm mà hoài-nghi phỏng-đoán rằng ba trăm năm sau không biết có ai là người cảm-thông tâm-trạng của mình? Sợ rằng với hơn một ngàn năm Bắc-thuộc, lại thêm sự du-nhập những chủ-nghĩa ngoại-lai không-tương, phá vỡ tan hoang nền móng của văn-hoá cội-nguồn, lời phỏng-đoán ba thế-kỷ của Nguyễn-Du vẫn còn là một hy-vọng quá lạc-quan chăng?

Như đã đề-cập khi vào sách này (cước-chú tr. 10), *Đoạn Trường Tân Thanh* từng được dịch ra 31 thứ tiếng trên hoàn-cầu, trở thành một di-sản văn-hoá quốc-tế. Năm 1965 Hội-Đồng Hoà-Bình Thế-Giới kỷ-niệm 200 năm năm sinh nhà đại thi-hào Nguyễn-Du cùng với tám danh-nhân văn-hoá khác trên thế-giới. Nguyễn-Du và Truyện Kiều vốn được thế-giới ngưỡng mộ. Người nước ngoài say mê truyện Kiều.

Mới đây qua liên-hệ với Tiên-sĩ Bae Yang Soo ở Nam Hàn chúng tôi được biết ông là một chuyên-gia nghiên-cứu về Truyện Kiều. Luận-án tiên-sĩ của ông ***So-Sánh Truyện Kiều Và Truyện Xuân Hương***, một tác-phẩm văn-học khuyết danh của Đại Hàn có từ thế-kỷ thứ 18. Theo ông, ***Đoạn Trường Tân Thanh được Nguyễn Du thể-hiện bằng ngôn-ngữ thi ca hết sức nghệ-thuật, trong khi đó Truyện Xuân Hương thì bằng văn xuôi, tuy cả hai đều có chung một đề-tài nói về thân-phận của một người con gái tài sắc vẹn toàn nhưng bất hạnh***. Tiên-sĩ Bae Yang Soo, người Nam Hàn, có tên Việt là Bùi Lương-Tú, khoa-trưởng khoa Việt-Ngữ trường đại-học ngoại-ngữ Pusan và là tiên-sĩ Ngôn-Ngữ Việt-Nam duy-nhất ở xứ này. Ông tốt-nghiệp khoa tiếng Việt trường Đại Học Ngoại-Ngữ Hankuk ở Seoul năm 1988,

sang học tiếp Việt-ngữ tại trường Đại-Học Sư-Phạm Hà-nội để hoàn tất luận-án Tiến-Sĩ Văn-Học Việt-Nam vào tháng 2 năm 2001. Sau gần mười năm chuyên học Việt-ngữ ở Việt-Nam, ông bắt đầu say mê Truyện Kiều của Nguyễn Du. Ông là một tên tuổi trong giới văn-học Việt tại quê nhà hiện nay. Trong thư gửi người viết, ông cho biết đã dịch truyện Xuân Hương sang tiếng Việt và sắp ấn-hành bản dịch sang tiếng Đại Hàn tác-phẩm Chinh-Phụ Ngâm và Truyện Kiều của Nguyễn Du, tác-phẩm ông vốn yêu chuộng đặc-biệt, sau khi đã công-bố những nghiên-cứu văn-học Việt khác như nhiều bài khảo-luận về Truyện Kiều, về “Khảo-sát Thơ Nôm Đường-Luật Của Việt-Nam”, về “Sự Biến-Chuyển Quan-Niệm Trong Tiểu-Thuyết Việt-Nam Sau Đổi Mới”, về “Xuân Diệu, Hoàng-Tử Thơ Trữ-Tình Việt-Nam”, về “Phan Bội Châu Và Ý-Nghĩa Lịch-Sử Phong Trào Đông Du” cũng như đã dịch một số tác-phẩm của các nhà văn hiện nay ở quê nhà.

Ngoài ra mới đây, giáo-sư *Pompen Hăntracum* của Đại-Học Singapore đã giới thiệu tại giảng-đường khoa Ngữ-Văn Đại-Học Chulalongkorn một nghiên-cứu ***so-sánh cuộc đời và sự-nghiệp hai đại thi-hào dân-tộc NGUYỄN-DU và SUN-THON-PHU (thái-Lan) nhìn dưới khía cạnh sử-học, ngôn-ngữ và văn-chương***. SUN-THON-PHU (1786-1855) là nhà thơ vĩ-đại của dân-tộc Thái-Lan, cho đến nay vẫn có ảnh-hưởng trong đời sống văn-hoá Thái-Lan hiện-đại. *Cả Truyện Kiều của Nguyễn-Du và tác-phẩm Phara Aphai Mani đều có ảnh-hưởng lớn trong lòng mỗi dân tộc Việt-Nam và Thái-Lan, không chỉ từ sự hoàn-mĩ nghệ-thuật mà còn bởi tính giản-dị, gần-gũi, dễ đi vào lòng người.* (VNEXPRESS 31/1/2002 theo TTXVN). Xem thế thì đủ biết Đoạn Trường Tân Thanh có sức hấp-dẫn thuyết-phục như thế nào, không hẳn chỉ trong văn-học Việt-Nam mà còn cả trên văn-đàn thế-giới, và do đó chúng ta không thể phủ-nhận được giá-trị tuyệt-vời và bất hủ của Đoạn Trường Tân Thanh.

PHỤ-TRƯỞNG

THƠ VIỆT ĐỌC XUÔI ĐỌC NGƯỢC

Nơi bài “Hồn Nước Trong Thơ Việt” (1), chúng tôi xác-định rằng: khác với thơ lời Việt, thơ Việt là thơ mang Hồn Việt, hay Hồn Nước, thể-hiện trong cấu-trúc và trong tư-tưởng mang theo Việt-triết. Riêng về cấu-trúc, thơ lục bát và thơ song thất lục bát là đặc-thù sở-hữu của Việt-tộc, không có trong thơ Tàu và thơ Tây. Ngoài ra do đặc-tính của ngữ Việt, chúng tôi cũng khám phá hai lối thơ này có thể đọc xuôi đọc ngược và liên-hoàn. Thơ lục bát liên hoàn thuận-nghịch-đọc, chúng tôi đã có đề-xuất trong thi-tập Về Nguồn. Sau khi ấn-hành thi-tập này, nhân thuyết-trình về Hồn Nước Trong Thơ Việt, chúng tôi phát-kiến thêm lối thơ song thất lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-đọc và những sáng-tác sau đó được in trên các thiệp xuân gửi văn-hữu. Để khỏi thất-lạc, chúng tôi gom lại trong phụ-trương này.

lục bát gián thất, chúng tôi cũng khám phá lối đọc xuôi đọc ngược này, xin đan-cử mấy bài trích trong các thiệp xuân mỗi năm của chúng tôi gửi đến các thân-hữu:

Bài 1- Chở Nhạc Quê Hương

(lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-đọc)

Trường-miên tấu nhạc quê-hương,
Tình xuân vương-vấn, nhớ thương sao lường!

*Hương quê nhạc tấu miên-trường,
Lường sao thương nhớ, vấn-vương xuân-tình!*

* * *

Bình-an hát khúc tang tình,
Làng thôn xinh đẹp, thị-thành quang-vinh.

*Tình tang khúc hát an-bình,
Vinh-quang thành-thị, đẹp xinh thôn làng.*

* * *

Màng chi chôn lạ giàu sang!
Thương yêu làng nước, thấy càng yêu thương,

*Sang giàu lạ chôn chi màng!
Thương yêu càng thấy nước làng yêu thương.*

* * *

Trường-miên tấu nhạc quê-hương,
Tình Xuân vương-vấn, nhớ thương sao lường!

*Hương quê nhạc tấu miên-trường,
Lường sao thương nhớ, vấn-vương xuân-tình!*

V...V.....

(Trích thiệp Xuân Đình Sứ 1997, in lại trong thi-
phẩm Về Nguồn)

Bài 2- Xuân Vọng Cổ-Hương

(lục bát liên hoàn thuận-ngịch-độc)

(đọc xuôi, đọc ngược)

Sang Xuân, Tết hội buôn, làng,
Khang an mừng chúc thóc vàng đầy nông.

*Làng, buôn hội Tết Xuân sang,
Nông đầy vàng chúc mừng an khang.*

(đọc xuôi, đọc ngược)

Lâng lâng nếp rượu tàng tàng,

Tàng tàng nhung-nhớ, nặng lòng chờ trông.
Tàng tàng rượu nếp lằng lằng,
Trông chờ, lòng nặng nhớ-nhung tàng tàng.

(liên-hoàn)

Sang Xuân, Tết hội buôn làng,
Khang an mừng chúc thóc vàng đầy nong.
Làng buôn hội Tết Xuân sang,
Nong đầy vàng thóc chúc mừng an khang.
(Trích thiệp Xuân Mậu Dân 1998)

Bài 3- Vọng Cố-Hương

(lục bát liên hoàn thuận-ngịch-độc)

(đọc xuôi, đọc ngược)

Chang chang nắng nhuộm nương đồng,
Mông-mênh vàng thắm núi sông, buôn, làng.
Đồng nương nhuộm nắng chang chang,
Làng, buôn, sông núi thắm vàng mênh-mông.

(đọc xuôi, đọc ngược)

Trông vời quốc tổ Tiên Rồng,
Bồng-bềnh mong nhớ nặng lòng sao đong?
Rồng Tiên tổ-quốc vời trông,
Đong sao lòng nặng nhớ mong bênh-bồng.

(liên-hoàn)

Chang chang nắng nhuộm nương đồng,
Mông-mênh vàng....
(Trích thiệp xuân Kỷ Mão 1999)

Bài 4: Mừng Xuân Mới

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-ngịch-độc)

(đọc xuôi)

Vang hát rộn, reo mừng chôn chôn,
Nạn khổ xong, dẹp dọn tuyết băng.
Làng, buôn nhuộm nắng, xuân sang,
Mông-mênh vàng thắm núi, sông, nương, đồng.

(đọc ngược)

Băng tuyết dọn, dẹp xong khổ nạn,
Chôn chôn mừng, reo rộn hát vang.
Sang xuân, nắng nhuộm buôn, làng,
Đồng, nương, sông, núi thắm vàng mênh-mông.

(liên-hoàn)

Vang hát rộn reo mừng chôn chôn
Nạn khổ xong, dẹp dọn tuyết, băng
Làng, buôn...v.v...
(Trích thiệp xuân Kỷ Mão 1999)

Bài 5: Tình Xuân

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-ngịch-độc)

(đọc xuôi)

Trắng gió quyến hoa cười loi-lả,
Luyến vương lòng nghe gió gọi trăng.
Dâng trào ước mộng láng láng,
Tươi xinh, hồng thắm, sáng, trong, duyên nồng.

(đọc ngược)

Trắng gọi gió, nghe lòng vương luyến,
Lả-loi cười, hoa quyến gió trắng.
Lâng-lâng ước mộng trào dâng,
Nồng duyên trong sáng, thắm hồng xinh tươi.

(liên-hoàn)

Trắng gió quyến hoa cười loi-lả,
Luyến vương lòng nghe gió gọi trắng...
Dâng trào ước.....

(Trích thiệp xuân Canh Thìn 2000)

Bài 6- Hịch Xuân Quốc-Hận

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc)

(đọc xuôi)

Đâu già trẻ? Đâu rồi? Nước mất!
Bể mất rồi! Thôi, đất còn đâu!
Sầu tuôn, đứt nối, tuôn sâu,
Ngồi chung! Mau gọi bí bầu, ai ôi!

(đọc ngược)

Đâu còn đất! Thôi rồi, mất bể!
Mất nước rồi! Đâu, trẻ già đâu?
Sầu tuôn, nối đứt, tuôn sâu,
Ôi! Ai bầu bí? Gọi mau chung ngồi!

(liên-hoàn)

Đâu già trẻ? Đâu rồi? Nước mất!
Bể mất rồi! Thôi, đất còn đâu!

V.V.....
(Trích thiệp xuân Tân Tị 2001)

Bài 7- Quốc-Hận

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc)
(đọc xuôi)

Không thấy đó? Cõi làng nước mất!
Đổ máu hồng, ngập lấp núi sông
Thông ngàn hận-uất rền vang:
Quang-xuân mừng đón khắp cùng chờ mong.

(đọc ngược)
Sông núi lấp, ngập hồng máu đổ,
Mất nước làng! Cõi đó, thấy không?
Vang rền uất hận ngàn thông:
Mong chờ cùng khắp đón mừng xuân-quang.

(liên-hoàn)
Không thấy đó? Cõi làng nước mất!
Đổ máu hồng, ngập lấp...v.v....

.....
(Trích thiệp xuân Nhâm Ngọ 2002)

(1) bài đăng trong *Định Hướng*, Trung Tâm Nguyễn Trường-Tộ, Paris, số 29 và 30 & xin xem thêm chương 8 “Tiếng Việt Với Triết-Lý Âm Dương và Đạo Sống Thái-Hoà” trong “*Tiếng Việt Tuyệt-Vời*”, ấn-bản lần II, cùng tác-giả, Toronto, 1999.



Tác-giả Đỗ Quang Vinh

- * sinh năm 1933 tại Phú Lương, Thanh Liêm, Hà Nam
- * cựu giáo sư trung-học
- * cựu chuyên viên ngân hàng

1- Trình Độ Văn Hoá

- * Tú Tài toàn phần (Hà Nội, 1954)
- * Cử Nhân Luật Khoa (Saigon, 1968)
- * Cao Học Kinh Tế (Đại Học Luật Khoa Sài Gòn (1971)
- * Cử Nhân Giáo Dục Đại Học Toronto, Canada, xuất thân giáo sư trung học tại trường này (B.Ed & Ontario Teacher's Certificate, 1992)

2- Hoạt Động Văn Hoá

- * Từ 1953, trợ bút các tạp chí Công Giáo tại VN và hải ngoại: Trái Tim Đức Mẹ, Đạo Binh Đức Mẹ, Người Mới (VN), Tông Đồ Fatima (Bỉ), Chân lý (Canada)
- * Từ 1990, trợ bút các tạp chí văn hoá và tôn giáo hải ngoại: Định Hướng, Liên Lạc Nhân Văn (Paris), Vietnamologica (Canada), Dòng Việt (California).

- * Trợ bút trang mạng Công Giáo VN

<http://www.conggiaovietnam.net/index.php?m=module2&id=117>

- * Từ 1954, dạy học tại các trường Trung Học công lập và tư thực: Nguyễn Trung Trực, Sông Kiên (Rạch Giá), Petrus Ký, Hưng Đạo, Nguyễn Khuyến, Lasan Đức Minh, Đợt Đức (Saigon)
- * Từ 1990-98, dạy Việt Ngữ tại Language International Toronro, tu thư và dạy Việt Ngữ tại Toronto Board of Education, MSSB, Canda.
- * Phụ trách lớp Taichi ngoại khóa tại trường trung học École Étienne Brûlé (Toronto, Canada)

3- Tác Phẩm Văn Học:

- * Tài Liệu Giảng Dạy Tiếng Việt (cuốn I, 1992 & cuốn II, 1993, Toronto Board of Education
- * Văn Tuyển Vườn Hồng (cuốn I, II, III, IV, Toronto, 1994, 95, 96, 97)
- * Tiếng Việt Tuyệt Vời (Toronto, 1994 & 2000)
- * Ca Dao Đồ Vui Học Tiếng Việt ((Toronto, 1996)
- * Học Đọc Tiếng Việt (Toronto, 1999) * Về Nguồn , Toronto, 2005)
- * Bút Thuật Của Nguyễn Du Trong Đoạn Trường Tân Thanh (Toronto, 2003) * Lục Bát Đồ Vui Học Tiếng Việt (Toronto, 2005)

4- Tác Phẩm Tôn Giáo:

- * Tin Yêu [thơ kinh] (Toronto, 1995)
- * Hành Trang Lên Đường (Toronto, 2004)
- Con Xin Làm Kiếp Phù Sa (thơ kinh toàn tập, nxb Tôn Giáo, 2011)
- * Diễm Ca Kinh Thánh Cựu Ước (các sách: Thánh Vịnh, Châm Ngôn, Khôn Ngoan, Diễm Ca, Huấn Ca, Sách Gióp, Giảng Viên, Sáng Thế,